BỘ TƯ PHÁP

DỰ THẢO BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)

MỤC LỤC

MỤC LỤC HÌNH **5**
MỤC LỤC BẢNG **6**
I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN **7**
1. Bối cảnh xây dựng chính sách **7**
2. Mục tiêu xây dựng chính sách **10**
II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH **11**
1. CHÍNH SÁCH 1: TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TINH GỌN, HỢP LÝ, HIỆN ĐẠI, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ **12**
1.1. Xác định vấn đề bất cập 12
1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề 15
1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề 16
1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 16
1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề) 37
2. CHÍNH SÁCH 2: THU HÚT, SỬ DỤNG NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ **37**
2.1. Xác định vấn đề bất cập 37
2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề 38
2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề 39
2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 39
2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề) 49
3. CHÍNH SÁCH 3: NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ **49**
3.1. Xác định vấn đề bất cập 49
3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề 51
3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề 52
3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 55
4. CHÍNH SÁCH 4: PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA THỦ ĐÔ **72**
4.1. Xác định vấn đề bất cập 72
4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề 84
4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề 85

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 87
4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).....124
5. CHÍNH SÁCH 5: XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI, NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI, NÔNG DÂN VĂN MINH.....124
5.1. Xác định vấn đề bất cập 124
5.2. Mục tiêu chính sách 125
5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề.....126
5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp.....127
5.5. Kiến nghị Giải pháp được lựa chọn: 141
6. CHÍNH SÁCH 6: PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ 141
6.1. Xác định vấn đề bất cập.....141
6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề.....143
6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề 143
6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 146
6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).....161
7. CHÍNH SÁCH 7: HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KH&CN, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO.....162
7.1. Xác định vấn đề bất cập.....162
7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề.....163
7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề 164
7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 165
7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: qua phân tích tác động tích cực, tiêu cực của các giải pháp, Giải pháp 3 là giải pháp được ưu tiên đề xuất lựa chọn để thực hiện được mục tiêu chính sách đặt ra. 186
Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội. 186
8. CHÍNH SÁCH 8: PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI THỦ ĐÔ TOÀN DIỆN, BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG.....186
8.1. Xác định vấn đề bất cập.....186
8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề.....190
8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề bất cập.....190
8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan 192

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).....205
9. CHÍNH SÁCH 9: LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ TRỞ THÀNH KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, XANH, VĂN MINH, NĂNG ĐỘNG, TRỞ THÀNH KHU VỰC KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA ĐẤT NƯỚC 205
9.1. Xác định vấn đề bất cập.....205
9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề.....213
9.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề.....214
9.4. Đánh giá tác động chính sách.....215
9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề) 244
III. Ý KIẾN THAM VẤN.....244
IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ 244
V. PHỤ LỤC 245

PHỤ LỤC I - MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ.....246
PHỤ LỤC II - BẢNG SO SÁNH ÁP DỤNG CÔNG CỤ THU LẠI GIÁ TRỊ GIA TĂNG TỪ ĐẤT (LANDVALUE CAPTURE - LVC) TRONG PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ TẠI MỘT SỐ THÀNH PHỐ TRÊN THẾ GIỚI.....248
PHỤ LỤC III - KIỂM KÊ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....249
PHỤ LỤC V - TỔNG HỢP CÁC KỊCH BẢN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH THEO TỪNG LĨNH VỰC 281
PHỤ LỤC VI - TỔNG HỢP TỶ LỆ GIẢM PHÁT THẢI SO VỚI PHÁT THẢI THÔNG THƯỜNG.....283
PHỤ LỤC VII - CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2013-2020.....284
PHỤ LỤC VIII - SO SÁNH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ THÀNH PHỐ 285
PHỤ LỤC IX - DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH VỀ KHCN Ở THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2013-2022.....287
PHỤ LỤC X - KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 07-CTR/TU ĐẾN CUỐI NĂM 2021 294

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1: Dự báo nhu cầu chi NSNN tăng thêm hàng năm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức 44

Hình 2: Dự báo nhu cầu chi NSNN tăng thêm hàng năm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức giai đoạn 2021-2030 45

Hình 3: Thu chi NSNN, chênh lệch thu chi NSNN của Thủ đô và Dự toán 2021-2025 56

Hình 4: Mức thiếu hụt nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2025 56

Hình 5: Dự báo về NSNN có thể tăng thêm hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2030.....60

Hình 6: Dự báo về năng lực NSNN cho mục đích đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 theo Giải pháp 2 61

Hình 7: Khả năng đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2030 bằng nguồn vốn NSNN của Thủ đô 62

Hình 8: Dự báo đầu tư tư nhân tăng thêm nhờ hiệu ứng lan tỏa trực tiếp từ chi đầu tư phát triển của Thủ đô theo Giải pháp 2 64

Hình 9: Chi phí thời gian tuân thủ TTHC để chuyển hộ kinh doanh cá thể sang UBND cấp huyện quản lý (ngày công).....72

Hình 10: Mức độ cải thiện về chi phí tuân thủ TTHC của các tỉnh/thành phố thuộc Vùng Thủ đô.....230

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do Ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động.....43

Bảng 2: Tỷ trọng của phần tăng chi cho mục đích chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức trong tổng chi thường xuyên hàng năm của NSNN Thủ đô 45

Bảng 3: Dự báo về NSNN có thể tăng thêm hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô 60

Bảng 4: Khả năng đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển hàng năm bằng nguồn vốn NSNN của Thủ đô với các biện pháp của hai giải pháp.....61

Bảng 5: Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô 2021-2030 63

Bảng 6: Dự báo gia tăng về nguồn vốn tư nhân nhờ tác động lan tỏa từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo giải pháp 2 64

Bảng 7: Tổng hợp dự báo dân số đến năm 2030 và những năm tiếp theo 79

Bảng 8: Hiệu quả sử dụng đất Thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2020 96

Bảng 9: Dự báo vốn đầu tư và giá trị tăng trưởng giai đoạn 2021-2045.....114

Bảng 10: Cơ cấu và tăng trưởng GRDP của lĩnh vực Nông nghiệp (nông, lâm, thuỷ sản) Thủ đô giai đoạn 2016-2020.....127

Bảng 11: Tổng nhu cầu chi ngân sách cho các biện pháp hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn cao hơn quy định chung 132

Bảng 12: Thông tin liên quan ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa giai đoạn 2016-2021 150

Bảng 13: Thông tin liên quan ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2021.....151

Bảng 14: Chỉ tiêu đến 2020 166

Bảng 15: Doanh nghiệp tham gia đầu tư, thực hiện nhiệm vụ KHCN.....169

Bảng 16: Số lượng đơn đăng ký và số bằng chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2022.....170

Bảng 17: Dự kiến chỉ tiêu cần đạt được đến 2030 175

Bảng 18: Dự kiến chi NSNN cho KHCN trong giai đoạn 2021-2030.....176

Bảng 19: Tỷ lệ hộ nghèo thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.....189

Bảng 20: Mức chuẩn trợ giúp xã hội của Trung ương và Hà Nội.....194

Bảng 21: Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ khi tăng mức chuẩn 196

Bảng 22: Một số chỉ tiêu cơ bản của các địa phương trong vùng Thủ đô.....206

Bảng 23: Khối lượng CTRSH phát sinh, thu gom trong địa bàn vùng Thủ đô 2019..209

Bảng 24: Số lượng và phân bố điểm xử lý CTRSH trên địa bàn vùng Thủ đô.....218

Bảng 25: Tổng hợp chi phí cho quản lý CTRSH (USD/tấn).....222

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-BTP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Thủ đô được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 21/11/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định vị trí, vai trò, trách nhiệm và chính sách xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô. Sau 09 năm thi hành, Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và Thành phố được ban hành đã góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của chính quyền và Nhân dân Thành phố về vị trí, vai trò và định hướng xây dựng, phát triển Thủ đô. Các cơ chế, chính sách được ban hành đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô.

Trong những năm qua, đặc biệt là giai đoạn 2016-2020, kinh tế Thủ đô tăng trưởng khá, đóng góp tích cực trong tăng trưởng của cả nước. Giai đoạn 2011-2020 tăng 6,83%/năm, bằng 1,15 lần cả nước. GRDP/người đạt 5.325 USD, gấp 2,3 lần năm 2010. Thu ngân sách hằng năm đều tăng và vượt dự toán: Năm 2010 đạt 108,301 nghìn tỷ đồng; năm 2021 đạt 265,77 nghìn tỷ đồng; lũy kế giai đoạn 2011-2020 đạt gần 2 triệu tỷ đồng. Quy mô, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Nhóm ngành phi nông nghiệp tăng từ 82,69% năm 2010 tăng lên 86,73% năm 2021; trong đó dịch vụ chiếm 62,74%; công nghiệp - xây dựng 23,99%; nông nghiệp 2,27%; thuế sản phẩm chiếm 11,0%. Mô hình tăng trưởng chuyển dần sang chiều sâu: Đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011-2015 là 36,3%, giai đoạn 2016-2020 là 46,0%. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI tăng 27 bậc, từ vị trí 36/63 năm 2011 lên vị trí 9/63 tỉnh, thành phố năm 2020. Huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư xã hội cho phát triển được đẩy mạnh: Giai đoạn 2011-2020, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 2,77 triệu tỷ đồng, chiếm 38,34% GRDP. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh: Giai đoạn 2011-2020 có 206,29 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 64,8% tổng số doanh nghiệp được thành lập lũy kế kể từ năm 1992; đóng góp trên 50% GRDP, giải quyết khoảng 83% lao động xã hội. Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật: 100% (382/382) số xã đạt chuẩn nông thôn mới, sớm vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra và dẫn đầu cả nước về số xã đạt nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô

và các văn bản quy định chi tiết thi hành còn chưa đạt kết quả như mong muốn. Các cơ chế chính sách quy định trong Luật Thủ đô chưa phát huy được hiệu quả do thiếu các quy định cụ thể về cơ chế đặc thù, phân cấp cho Thành phố nhằm thực sự tháo gỡ những tồn tại, hạn chế trong phát triển, đời sống kinh tế - xã hội Thủ đô, thể hiện ở các mặt như sau:

Về phát triển kinh tế: Mặc dù có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước với sức chống chịu khá tốt trước những tác động từ bên ngoài và đại dịch COVID-19, nhưng nhìn chung kinh tế thủ đô phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thành phố. Tăng trưởng kinh tế chưa hoàn thành mục tiêu đề ra, tốc độ dần chậm lại; GRDP/người còn thấp: Thấp hơn so với một số tỉnh, thành phố lớn trong nước (bằng khoảng 90% Thành phố Hồ Chí Minh, 73% Quảng Ninh, 84% Hải Phòng, 82% Bắc Ninh) và thấp hơn nhiều so với một số thủ đô trong khu vực Đông Nam Á (Bằng 8% Singapore; 17% Kuala Lumpur; 26% Bangkok; 27% Jakarta; 57% vùng đô thị Manila; 86% Viêngchăn. Hạ tầng kinh tế phát triển chưa đáp ứng yêu cầu như: Các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, trung tâm thương mại, chợ, khu du lịch, trung tâm logistics... Việc khai thác các nguồn lực, đặc biệt là đất đai và các nguồn lực như: nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ và các tập đoàn kinh tế lớn chưa hiệu quả; nhiều dự án lớn có từ trước thời điểm mở rộng địa giới hành chính Thủ đô chậm được triển khai, vướng mắc, khó giải quyết. Môi trường đầu tư chưa vượt trội, một số chỉ số còn ở vị trí thấp so với nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước: Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng 33/63 tỉnh, thành và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đứng 48/63 tỉnh, thành phố. Các thị trường nguồn lực đầu vào cho phát triển Thủ đô chưa đồng bộ, Thành phố chưa đáp ứng yêu cầu tiên phong, đi đầu trong đổi mới kinh tế.

Về quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị, đất đai, bảo vệ môi trường: Một số mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ trong công tác quy hoạch của Thành phố còn chưa đạt yêu cầu về tiến độ đề ra, chất lượng của một số đề án quy hoạch, quản lý quy hoạch còn hạn chế. Tỷ lệ đô thị hóa thấp, phát triển chưa đồng đều; tỷ lệ đất dành cho giao thông, tỷ lệ vận tải hành khách bằng phương tiện công cộng, xử lý ô nhiễm môi trường không khí kiểm soát và xử lý nước thải sinh hoạt còn thấp, chậm cải thiện[1]. Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và nâng thôn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng ven đô, hạ tầng giao thông công cộng và kết nối liên vùng. Tiến độ triển khai một số dự án hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (công trình giao thông, nhà máy xử lý rác thải, nước thải, công viên,…) còn chậm. Công tác quy hoạch và phát triển các đô thị vệ tinh, phát triển nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ chưa đạt tiến độ.

Về phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ: Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị thế

[1] Đến năm 2020: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2%; đất dành cho giao thông đạt 10,05%; tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 14,85%; xử lý nước thải sinh hoạt đạt 28,8%. Thấp hơn so với Nghị quyết và các Kế hoạch đề ra.

của Thủ đô. Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ, hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hóa còn bất cập. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực quan trọng, đột phá để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc kết nối giữa hoạt động nghiên cứu với thị trường, doanh nghiệp nhìn chung còn yếu. Thị trường khoa học - công nghệ ở Thủ đô còn manh mún. Kết quả triển khai Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố còn hạn chế. Tiến độ triển khai các dự án khoa học và công nghệ còn chậm. Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo ở những khu vực mật độ dân số cao, đô thị hóa nhanh còn chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đào tạo nghề, nhất là lao động nông thôn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động. Việc chuyển đổi các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập có khả năng xã hội hóa sang mô hình tự chủ còn thấp.

Đối với những mục tiêu, giải pháp, quy định được đề ra trong Luật Thủ đô, việc thực hiện còn có những tồn tại, hạn chế về: biện pháp thực hiện quy hoạch và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, quản lý biệt thự, công trình kiến trúc cổ, bảo tồn và phát triển văn hóa; phát triển giáo dục, phát triển khoa học, công nghệ; quản lý, bảo vệ môi trường và đất đai; phát triển và quản lý nhà ở, chính sách ưu tiên đầu tư và huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải; quản lý dân cư, bảo vệ Thủ đô và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô; chính sách, cơ chế về tài chính; và thực hiện cơ chế phối hợp, liên kết vùng.

Một trong những nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ bất cập trong quy định của Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết thi hành. Một số quy định của Luật Thủ đô chủ yếu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, thiếu những cơ chế đặc thù, cụ thể để thực hiện. Bên cạnh đó, sau khi Luật Thủ đô được ban hành và có hiệu lực, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 như: Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014 và năm 2020), Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp, Luật Quy hoạch (năm 2017), Luật Xây dựng (năm 2014, sửa đổi năm 2020), Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Cư trú năm 2020, Luật Giáo dục năm 2019… các Luật ban hành sau đã cập nhật, quy định giống như Luật Thủ đô, có trường hợp quy định khác với Luật Thủ đô về cùng một vấn đề. Có những Luật ban hành quy định đã vượt, hạn chế hoặc bãi bỏ quy định của Luật Thủ đô (như Luật Cư trú đã bãi bỏ quy định tại khoản 3, 4 điều 19, Luật Thủ đô). Chính vì vậy, đã làm cho Luật Thủ đô có những điều khoản không còn là giá trị riêng của Thủ đô hoặc không thể áp dụng; vì nguyên tắc áp dụng pháp luật là: đối với trường hợp 2 văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý ngang nhau (do cùng một cơ quan ban hành) cùng quy định về một vấn đề thì phải áp dụng văn bản ban hành sau.Đồng thời, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố (Nghị quyết, Quyết định), theo thứ bậc pháp lý thấp hơn các quy định của Trung

ương, nên khi các Luật, Nghị định, Thông tư của Bộ trưởng ban hành có quy định khác, nhiều nội dung đặc thù được giao cho Thủ đô Hà Nội quy định cụ thể đã bị vô hiệu hóa.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- *Mục tiêu tổng thể:*

Việc xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh, vị trí, vai trò quan trọng của Thủ đô, đáp ứng yêu cầu và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với Thủ đô; khắc phục những hạn chế, bất cập trong quy định của Luật Thủ đô hiện hành nhằm củng cố cơ sở pháp lý thúc đẩy Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan toả để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

- *Mục tiêu cụ thể:*

+ Thể chế hóa những chủ trương, đường lối mới của Đảng về vị trí, vai trò, định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 15-NQ/TW) và Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ chính trị về quản lý về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 06-NQ/TW), bao gồm các mục tiêu, định hướng:

* Phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước"; là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị; là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội.

* Xây dựng những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội phù hợp với vị trí, vai trò của Thủ đô, xác lập rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và quyền hạn, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô Hà Nội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính (TTHC), tạo chuyển biến rõ nét về môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi và tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

* Tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô Hà Nội toàn diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế; kết hợp hài hoà phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn giữa giữ gìn bản sắc văn hoá với phát triển kinh tế và giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, trong đó văn hoá, con người vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, nguồn lực, động lực để phát triển Thủ đô.

* Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học và công nghệ cao làm trục xuyên suốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,

ưu tiên sử dụng hiệu quả các nguồn lực trí tuệ - sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và các mô hình kinh tế mới (kinh tế đô thị, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đêm…); nâng cao mức đóng góp của chỉ tiêu năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP.

* Tạo cơ chế để hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường phân quyền, phân cấp cho Thủ đô nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Thủ đô gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực; các chương trình, dự án kết nối liên vùng, liên tỉnh, phục vụ đa mục tiêu, kết nối hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực của vùng…

* Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, nhất là tại các đô thị đặc biệt. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại các đô thị lớn, nhất là khu vực trung tâm. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.

+ Kế thừa các quy định còn phù hợp và khắc phục những hạn chế, bất cập trong quy định của luật nhằm củng cố cơ sở pháp lý thúc đẩy Thủ đô phát triển nhanh và bền vững; tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt trong mối quan hệ giữa Luật Thủ đô và các luật chuyên ngành. Khẳng định giá trị của Luật Thủ đô, nguyên tắc áp dụng pháp luật: *"Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Luật Thủ đô với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Luật Thủ đô. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Luật Thủ đô thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định."*

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

09 chính sách tại Luật Thủ đô (sửa đổi) bao gồm:

Chính sách 1: Tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Chính sách 2: Thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô.

Chính sách 3: Nâng cao năng lực tài chính - ngân sách và huy động nguồn lực cho phát triển của Thủ đô.

Chính sách 4: Phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô.

Chính sách 5: Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Chính sách 6: Phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô.

Chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực KH&CN, đổi mới sáng tạo.

Chính sách 8: Phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững.

Chính sách 9: Liên kết, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực trọng điểm.

1. CHÍNH SÁCH 1:TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TINH GỌN, HỢP LÝ, HIỆN ĐẠI, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội

- Thủ đô Hà Nội hiện có 30 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 12 quận nội thành, 17 huyện và 01 thị xã; 579 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 383 xã, 175 phường (trong đó 166 phường thuộc 12 quận, 09 phường thuộc thị xã Sơn Tây) và 21 thị trấn. Như vậy, Hà Nội bao gồm cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn. Khu vực đô thị khác với khu vực nông thôn ở một số điểm cơ bản như: (i) Hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội là một chỉnh thể liên hoàn, có sự liên thông, liên kết với nhau thành một một mạng lưới, một chỉnh thể đồng bộ trong một đô thị thống nhất, không thể chia cắt theo địa bàn. Các khu vực đô thị (quận, phường) đã được quy hoạch chi tiết; hạ tầng kỹthuật và hạ tầng xã hội phát triển đồng bộ, tiến tới hoàn chỉnh; (ii) Dân cư đô thị là tổ chức toàn diện, không phân thành các khối riêng rẽ, các nhu cầu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội... được đáp ứng trên quy mô toàn đô thị, không phụ thuộc vào địa bàn cư trú. Người dân có thể sống ở địa bàn này, nhưng đi làm ở địa bàn khác; việc phân chia địa giới hành chính trong các đô thị không có ý nghĩa lớn đối với người dân cũng như đối với công tác quản lý.

- Mô hình chính quyền đô thị của Thủ đô Hà Nội mặc dù đã được đổi mới theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 về thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại Thủ đô Hà Nội (không tổ chức HĐND phường) nhưng vẫn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nặng về thủ tục qua các cấp chính quyền quận, huyện, thị xã, trong khi Hà Nội là đô thị đặc biệt, có tốc độ đô thị hóa yêu cầu cần có sự quản lý thống nhất, sự điều hành một cách nhanh chóng, xuyên suốt trên toàn địa bàn Thủ đô.

- Xuất hiện mâu thuẫn giữa yêu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ, liên thông với việc xác định trách nhiệm theo cấp quản lý. Tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra ngày càng cao

đối với công tác quản lý đô thị đặc biệt, chưa có sự linh hoạt, chưa có cơ chế để tự quyết định, tự chịu trách nhiệm để giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra đối với đô thị.

+ Ở khu vực đô thị, quận, thị xã, phường là một bộ phận bên trong của một đơn vị hành chính đô thị hoàn chỉnh (thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương). Do đặc điểm của đô thị cần sự quản lý tập trung, thống nhất không thể cắt khúc, nên chính quyền quận, phường chỉ nên xem là cánh tay nối dài của chính quyền thành phố để bảo đảm các mệnh lệnh hành chính được xuyên suốt và nhanh chóng thực hiện.

+ Ở khu vực nông thôn, huyện là cấp hành chính trung gian giữa chính quyền cấp tỉnh với cơ sở. Những vấn đề quan trọng chi phối sự phát triển cả tỉnh do chính quyền tỉnh quyết định, những vấn đề cụ thể ở cơ sở, gắn liền với đời sống của người dân và cộng đồng dân cư được xem xét, giải quyết thông qua chính quyền cơ sở. Chính quyền huyện chủ yếu tổ chức thực hiện các quyết định của cấp trên và chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động chính quyền xã. Trên thực tế, việc thực hiện chức năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân trên địa bàn huyện có thể được bảo đảm tốt thông qua hoạt động của HĐND tỉnh và HĐND xã. Vì vậy, huyện cũng chỉ nên được xem là cánh tay nối dài của chính quyền Thành phố.

Việc duy trì mô hình tổ chức cấp chính quyền đầy đủ (có cả HĐND và UBND) tại một số đơn vị hành chính như hiện nay đã làm giảm sự năng động, nhạy bén trong chỉ đạo, điều hành của chính quyền thành phố, làm giảm hiệu quả của việc triển khai, vận hành, quản lý các kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị; giảm hiệu quả của việc liên kết các chuỗi sản xuất, kinh doanh; giảm hiệu quả công tác giữ gìn an ninh trật tự tại đô thị do sự phân chia lãnh thổ hành chính, sự phân tầng trong quản lý hành chính nhà nước.

- Về cơ bản HĐND quận, huyện, thị xã, phường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, là một thiết chế đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện các chức năng quyết định các vấn đề về kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng tại quận, tại phường, thực hiện việc giám sát hoạt động của cơ quan hành chính theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể thì hiệu quả hoạt động của HĐND quận, huyện, phường còn mang tính hình thức; chưa quyết định được những vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội trên địa bàn mà chủ yếu phải do HĐND, UBND Thành phố quyết định. HĐND ở quận,huyện, phường cơ bản không ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền mà chủ yếu thực hiện chính sách, pháp luật do Trung ương và Thành phố ban hành. HĐND quận, huyện, phường chỉ quyết định các nội dung, các chỉ tiêu đã được xác định tại Nghị quyết của HĐND Thành phố, Quyết định của UBND Thành phố. Nhiều chính sách, pháp luật của Trung ương và Thành phố triển khai xuống cơ sở hoặc đề xuất từ cơ sở lên Thành phố và Trung ương có độ trễ thời gian vì chờ tổ chức kỳ họp HĐND quận, huyện, phường thông qua *(1 năm 2 kỳ họp thường kỳ, thường quyết lại, chi tiết hóa những nội dung cấp trên đã quyết hoặc là chỉ đề nghị Thành phố và trung ương xem xét quyết định).* Bên cạnh đó, chất lượng hoạt động giám sát so với yêu cầu, đòi hỏi từ các cử tri còn nhiều hạn chế.

- Hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đã được Quốc hội cho đổi mới mô hình chính quyền đô thị *(không tổ chức HĐND quận, phường), trên thực tiễn đã có nhiều kết quả tích cực.* Đây cũng là kinh nghiệm tốt cần được nghiên cứu để tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tiễn của Thủ đô.

- Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định xây dựng mô hình Thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc và phía Tây, xây dựng đô thị vệ tinh, đô thị thông minh. Nghị quyết số 06-NQ/TW cũng đã đặt ra các yêu cầu về tổng kết thí điểm mô hình chính quyền đô thị, thực hiện phân cấp và trao quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong quản lý đô thị phù hợp vớiyêu cầu phân cấp, trao quyền tự chủ mạnh mẽ cho chính quyền các đô thị. Điều này càng đặt ra yêu cầu cấp thiết cho việc hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu phát triển, quản lý Thủ đô trong giai đoạn phát triển mới.

b) Về vấn đề phân cấp, phân quyền

- Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW khóa XII, Thủ đô Hà Nội là đơn vị đi đầu trong việc kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng thu gọn đầu mối, cơ chế quản lý tổ chức, tăng cường nâng cao hiệu quả quản lý công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, quá trình kiện toàn tinh gọn tổ chức, bộ máy vẫn còn gặp một số khó khăn như: vẫn còn tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của một số Sở, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; sự phối hợp trong thực hiện có liên quan của một số Sở ngành, đơn vị có liên quan chưa chặt chẽ; một số nhiệm vụ còn bỏ sót, chưa rõ cấp nào thực hiện hoặc chưa có quy định; tổ chức bộ máy của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố chưa phù hợp với điều kiện thực tế, chưa đảm bảo việc quản lý ngành, lĩnh vực cũng như đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ liên quan của chính quyền địa phương địa phương... Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy và trong một số lĩnh vực chuyên ngành còn chưa thống nhất, chưa phù hợp, làm hạn chế đáng kể hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, trong khi yêu cầu công tác quản lý tại Thủ đô cần có đặc thù và cầnđược xử lý nhanh nhạy, kịp thời, đòi hỏi cần phải nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Kể từ khi ban hành Luật Thủ đô 2012, việc xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt cao hơn đối với một số hành vi trong một số lĩnh vực tại khu vực nội thành, có tác dụng tích cực, hiệu quả răn đe, phòng ngừa vi phạm, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực. (Ví dụ: Trong lĩnh vực xây dựng, tỉ lệ số công trình có VPHC đã giảm từ 8,97% năm 2014 xuống còn 2,13% năm 2020…).

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội phù hợp với đặc thù của Thủ đô vẫn còn nhiều bất cập như: Một số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực như phòng cháy

chữa cháy, quảng cáo... xảy ra khá nghiêm trọng nhưng mức xử phạt, biện pháp ngăn chặn, biện pháp bảo đảm thi hành theo quy định của Chính phủ hiện nay áp dụng trên địa bàn Thành phố chưa đảm bảo mức răn đe, chưa bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong xã hội. Bên cạnh đó, cùng với quá trình đô thị hoá nhanh chóng, quy định của Luật Thủ đô hiện hành về việc chỉ áp dụng mức xử phạt vi phạm hành chính cao hơn trong một số lĩnh vực tại khu vực nội thành không còn phù hợp, chưa bảo đảm tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật khi áp dụng "hai chế độ" xử phạt khác nhau giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn.

c) Về chế độ công vụ, công chức

- Về cơ bản, việc tuyển dụng, sử dụng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thuộc Thủ đô đã ngày càng được hoàn chỉnh và đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định…Việc thực hiện chế độ chính sách tiền lương cơ bản như cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên. Thực hiện chủ trương luân chuyển, điều động, đào tạo, bồi dưỡng, Thủ đô đã tăng cường cử cán bộ, công chức cấp huyện đi cơ sở; đồng thời cử cán bộ, công chức cơ sở bổ sung cho công chức cấp huyện. Tuy nhiên, do pháp luật về cán bộ công chức vẫn còn có sự phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên dẫn đến việc quy định điều động, luân chuyển giữa hai đối tượng cán bộ, công chức này còn nặng về thủ tục rườm rà (khi xuống cơ sở thì cấp huyện có thể thực hiện, khi từ cấp cơ sở về cấp huyện phải qua cấp Thành phố tiếp nhận, điều động, sát hạch..), từ đó ảnh hưởng đến tính kịp thời khi phát sinh nhu cầu điều động, tiếp nhận luân chuyển các đối tượng công chức, tạo tâm lý băn khoăn, e ngại.

Bên cạnh đó, dù đã có văn bản quy định công chức phường ở những nơi thí điểm không tổ chức HĐND ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh…sẽ được liên thông và áp dụng cơ chế quản lý thống nhất như công chức quận nhưng lại chưa có quy định hướng dẫn cụ thể, chưa đơn giản hóa thủ tục chuyển đổi liên thông giữa cán bộ phường với công chức phường, trong khi thực tiễn vẫn có nhiều trường hợp cán bộ phường trước đó là công chức phường hoặc là cán bộ, công chức quận luân chuyển xuống.

- Hiện nay, cơ chế tuyển dụng và bổ nhiệm công chức, viên chức tuy cũng có một số mặt tích cực thì vẫn còn một số bất cập liên quan đến quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm phức tạp, sự hạn chế về chỉ tiêu biên chế,chưa đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả theo yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm trong từng giai đoạn cụ thể… Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của người đứng đầu, chưa tương xứng với cơ chế đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tạo ra sự chủ động cần thiết cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Thủ đô.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với vị trí, vai trò, đặc điểm của Thủ đô; xây dựng hệ thống hành chính và chế độ công vụ thống nhất, chuyên nghiệp, năng động, minh bạch, hiện đại; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền

thành phố Hà Nội; phát huy dân chủ và đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm các tầng nấc trung gian, đảm bảo sự linh hoạt, thông suốt trong quá trình vận hành theo hướng năng động, sáng tạo.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp và chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ công trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với đặc điểm, tính chất của đô thị và khu vực nông thôn đang đô thị hóa; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

- Nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội; phát huy dân chủ và đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Để giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, dự kiến đề xuất 3 giải pháp. Nội dung cụ thể được phân tích ở phần 1.4.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14

a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

- Theo Nghị quyết số 97/2019/QH14, Thành phố đang triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND cấp phường. Nếu tiếp tục không tổ chức HĐND phường, UBND phường chỉ chịu sự điều hành, chỉ đạo trực tiếp từ HĐND và UBND cấp quận, sẽ giúp cho bộ máy của Thành phố nói chung và của chính quyền địa phương ở phường nói riêng vẫn duy trì được tinh gọn nhưng về cơ bản vẫn đảm bảo được tính kế thừa; giữ được sự ổn định nhất định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền đô thị.

- Nếu thực hiện theo Giải pháp này, tổ chức bộ máy của Chính quyền phường sẽ được quy định chính thức, không phải là thí điểm có giới hạn thời gian.

- Thành phố sẽ tiếp tục không phải tổ chức bầu cử và tiết kiệm được phầnchi ngân sách cho hoạt động HĐND phường (nếu không tổ chức HĐND phường thì sẽ giảm số đại biểu HĐND phường là khoảng 5.250 đại biểu, ngân sách Thủ đô sẽ tiết kiệm khoảng 862 tỷ đồng/nhiệm kỳ; số biên chế đại biểu chuyên trách giảm được khoảng 350 đại biểu).

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

- Khi không tổ chức HĐND phường, thẩm quyền quyết định các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, thu - chi ngân sách nhà nước

(NSNN) sẽ thuộc về HĐND, UBND quận. Bộ máy chính quyền hoạt động gọn nhẹ thông suốt hơn, giảm tầng nấc, giảm thủ tục. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động. Tuy nhiên, mức độ tác động về thủ tục đầu tư của doanh nghiệp là không nhiều.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Việc tổ chức mô hình chính quyền thành phố Hà Nội theo Giải pháp này vẫn chưa triệt để yêu cầu tinh gọn bộ máy gắn với chủ trương cải cách hành chính; mô hình chính quyền đô thị vẫn cồng kềnh, tầng nấc, bị cắt khúc, giảm hiệu lực hiệu quả quản lý.

- Nếu giữ nguyên như hiện hành, chính quyền thành phố Hà Nội không được giao thêm một số thẩm quyền tăng tính chủ động, linh hoạt và tính chịu trách nhiệm của người đứng đầu. Điều này sẽ không cải thiện được một số vấn đề bất cập đang đặt ra cho chính quyền thành phố Hà Nội trong việc phân quyền, phân cấp; làm hạn chế đáng kể hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội trong khi yêu cầu công tác quản lý tại Thủ đô có đặc thù và cần được xử lý nhanh nhạy, kịp thời, đòi hỏi cần phải nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội.

b) Tác động về xã hội:

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

- Thực hiện Giải pháp này đã tương đối phù hợp với đặc điểm, tính chất tập trung thống nhất cao của đô thị về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, về không gian, kiến trúc đô thị cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống dân cư đô thị trong các quận, đòi hỏi mỗi phường được quản lý thống nhất theo quy hoạch phát triển chung của toàn đô thị, không bị giới hạn bởi ranh giới địa lý mà sự tồn tại của HĐND ở nhiều phường trong một địa bàn lãnh thổ đô thị thống nhất sẽ làm gián đoạn tính thống nhất, xuyên suốt của quản lý đô thị theo địa bàn quận. Từ đó mà mối quan hệ giữa chính quyền với người dân sẽ ngày càng được cải thiện theo hướng vừa đảm bảo tốt hoạt động quản lý nhà nước vừa phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội.

- Khi thực hiện Giải pháp này sẽ tạo ra cơ chế mà Chủ tịch UBND quận trực tiếp bổ nhiệm Chủ tịch và Phó chủ tịch UBND phường, tăng cường tính thứ bậc hành chính, tạo thuận lợi cho UBND phường được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ theo hướng tăng cường thẩm quyền và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu UBND phường. Việc dự kiến tăng một số thẩm quyền cho chính quyền quận đòi hỏi Thành phố và quận phải rà soát sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, từ đó giảm sự chồng chéo, tăng cường hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực phục vụ người dântheo tinh thần cải cách hành chính.

- Việc không tổ chức HĐND phường một mặt có tác động tích cực đến việc tinh gọn, kiện toàn bộ máy chính quyền từ quận đến phường trở nên thông suốt, linh hoạt, năng động và chuyên nghiệp hơn. Việc thống nhất một loại chức danh công chức, không phân biệt công chức quận, công chức phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa công chức ở quận và phường đảm bảo sự linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn, chế độ chính sách về lương, ngạch được đồng bộ, nâng cao.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

- Việc tổ chức mô hình chính quyền giảm tầng nấc, liên thông, tinh gọn hơn sẽ giúp cho tổ chức và hoạt động của chính quyền thành phố hiệu lực, hiệu quả hơn; Các hoạt động cung ứng dịch vụ công sẽ nhanh nhạy, kịp thời và giảm quy trình thủ tục hơn, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Từ đó mà mối quan hệ giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp sẽ ngày càng được cải thiện theo hướng vừa đảm bảo tốt hoạt động quản lý nhà nước vừa phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Hoạt động của HĐND và UBND quận vẫn còn nhiều hạn chế: Việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý đô thị vẫn còn yếu kém, lúng túng…Quy trình thủ tục vẫn còn rườm rà, gây khó khăn phiền toái cho người dân.

+ Cơ cấu, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị chuyên môn của thành phố, cấp quận, huyện vẫn còn bộc lộ nhiều bất hợp lý, chồng chéo;Việc phân cấp quản lý chưa rõ ràng, thiếu triệt để, thiếu các điều kiện, nguồn lực để đảm bảo thực hiện.

+ Công tác điều động, luân chuyển cán bộ, công chức giữa các cấp gặp những trở ngại, khó khăn nhất định do chưa có sự liên thông triệt để, thống nhất, có thể gây nhiều tâm tư cho một bộ phận cán bộ cấp xã.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Trình độ dân trí và nhu cầu dân chủ của người dân đô thị ngày càng được nâng cao, đòi hỏi cần có nhiều thiết chế đảm bảo bảo quyền dân chủ của người dân, giám sát các hoạt động của chính quyền. Việc không tổ chức HĐND phường đồng nghĩa với việc giảm cơ quan đại diện của người dân, có thể có ý kiến băn khoăn về việc đảm bảo quyền đại diện, thực hiện ý chí, quyền làm chủ của người dân.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Không tổ chức HĐND phường không trái với quy định của Hiến pháp (Điều 111); phù hợp với quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Điều 4, 58).

- Việc thay đổi thẩm quyền cho HĐND, UBND quận khi không tổ chức HĐND phường, phù hợp với Điều 11, Điều 12 về phân định thẩm quyền, phân quyền cho chính quyền địa phương, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND quận, UBND phường tại Điều 19, 21, 47, 49, 63; nhưng sẽ không có điều kiện thực hiện tiếp các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND phường quy định tại Điều 61 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019.

- Quy định thống nhất, không phân biệt công chức quận và phường: Không phù hợp với Điều 4 Luật cán bộ, công chức.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Có tương thích.

1.4.2. Giải pháp 2: Tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng không tổ chức HĐND phường (như Giải pháp 1) và bổ sung một số nội dung sau:

(1) Quy định tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Thành phố thuộc Thủ đô.

(2) Chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định:

- Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc Thủ đô; thành lập một số cơ quan chuyên môn đặc thù cấp Thành phố và cấp huyện; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt và đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: Quảng cáo, Phòng cháy chữa cháy; An toàn thực phẩm. Phạm vi áp dụng trên địa bàn toàn Thành phố.

(3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm khi có nhu cầu; được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống và chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

(4) Thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thủ đô (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên).

a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực:

Việc giữ nguyên mô hình theo hướng không tổ chức HĐND cấp phường như số 97/2019/QH14 sẽ có những tác động tích cực và những bất cập nhất định như đã được phân tích ở giải pháp 1. Tuy nhiên, nếu có thể thực hiện thêm một số nội dung về tăng thẩm quyền cho Thủ đô cũng sẽ đem lại một số tác động tích cực nhất định cho Chính quyền cũng như cho cán bộ, công chức, người dân trên địa bàn Thủ đô.

- Đối với việc quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền thành phố thuộc Thủ đô: Thực trạng phát triển của Thủ đô đã đặt ra bài toán đô thị hóa khá phức tạp vừa phải bảo đảm tạo được các động lực mới để phát triển, phù hợp với năng lực quản trị của bộ máy chính quyền được tổ chức gọn nhẹ, vừa tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ môi trường trong lành cho cuộc sống đô thị. Với yêu cầu ấy, định hướng quy hoạch đô thị tại thành phố Hà Nội cần được đổi mới để vừa tạo được không gian thích hợp cho sự phát triển của đô thị hiện tại, vừa tạo hành lang cho sự xây dựng và phát triển các đô thị vệ tinh trên cơ sở đó hình thành đại đô thị với phần chủ đạo là đô thị trung tâm bao gồm các quận hiện tại. Các thành phố thuộc Thủ đô phải là các cấu trúc đô thị hoàn chỉnh với đầy đủ tính chất, quy mô, đặc điểm của một đô thị hiện đại, có tính tự chủ cao, chứ không thể chỉ là các cấu trúc đô thị phụ thuộc.

Tất nhiên với các thành phố khác nhau thì tính chất tiềm năng, lợi thế của vị trí địa lý có thể đa dạng và không giống nhau. Đây sẽ là cơ sở để định hướng phát triển thành phố theo các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau. Do vậy, việc phát hiện chính xác tiềm năng, lợi thế để phát triển thành phố, để định hướng ưu tiên phát triển là yêu cầu quan trọng khi tiến hành quy hoạch đô thị trong quá trình đô thị hóa, vừa tạo sự đồng bộ liên thông giữa các đô thị vệ tinh, vừa giảm tải cho đô thị trung tâm, bảo đảm cho Thủ đô phát triển một cách toàn diện, cân đối, có sức mạnh tổng hợp,từ đó tạo động lực phát triển cho cả toàn vùng Thủ đô.

Về tổ chức chính quyền, nếu theo quy định hiện hành, thành phố thuộc Thủ đô là cấp đơn vị hành chính tương đương với huyện, quận. Tuy nhiên với đặc điểm là một đơn vị hành chính đô thị hoàn chỉnh, chính quyền thành phố phải được quyết định những vấn đề quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng của cả khu vực đô thị, thậm chí, phải được trao cho cơ chế có tính đặc thù, vượt trội, trao thẩm quyền lớn hơn so với thẩm quyền của một đơn vị hành chính cấp huyện. Và để bảo đảm những quyết định này thể hiện được ý chí, nguyện vọng của người dân, mô hình chính quyền Thành phố trong Thủ đô cần thiết vẫn phải được tổ chức là cấp chính quyền bao gồm HĐND Thành phố và UBND Thành phố. Có như vậy, mới tạo ra được sự chủ động, sáng tạo trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư, phù hợp với định hướng xây dựng các đô thị chức năng của thành phố về khoa học công nghệ, tài chính, văn hóa …

- Nếu thực hiện giải pháp tăng thẩm quyền cho Thủ đô trong việc *được quyết định điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ*

*quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc Thủ đô; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội*sẽ giúp bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội đượcđiều chỉnh một cách nhanh chóng, kịp thời, khắc phục được sự chồng chéo, tinh gọn, bảo đảm cho việc quản lý nhà nước phát huy được hiệu quả, rõ một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm mà không đứt khúc, chồng chéo[2]. Việc tăng thẩm quyền cho Thủ đô trong bối cảnh chính quyền thành phố Hà Nội đang thực hiện việc kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, cải cách hành chính cũng chính là cơ sở để Thủ đô thực hiện một cách linh hoạt hiệu quả hơn việc tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, giảm số lượng cấp trưởng, cấp phó, giảm chi phí hoạt động từ đó mà cũng tiết kiệm được nguồn chi cho ngân sách thành phố. Các tổ chức, đơn vị nếu được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất hoặc thực hiện chuyển chức năng, nhiệm vụ cũng đồng thời với chuyển nguyên trạng biên chế để có người làm việc, đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo cân đối trong tổng số biên chế được giao trong năm và không làm phát sinh tăng biên chế.[3] Ví dụ:

+ Về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội: Nhiệm vụ quản lý nước sạch có thể được điều chuyển từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) sang Sở Xây dựng quản lý cả nước sạch đô thị và nước sạch nông thôn; nhiệm vụ quản lý làng nghề và ngành nghề nông thôn, thương mại, nông sản có thể chuyển từ Sở NNPTNT sang Sở Công Thương để quản lý hiệu quả hơn.

+ Về quyết định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện: điều chuyển một số cơ quan, đơn vị từ thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội phân cấp quản lý cho UBND cấp quận, huyện như Trung tâm y tế quận, huyện; Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị; Trạm Thú y, trạm bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông…

+ Về thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội: dự kiến có thể sáp nhập một số các trường Trung cấp, Cao đẳng trên địa bàn Thủ đô, tổ chức lại một số Viện, Trung tâm…

- *Về biên chế, nếu giao cho chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt và đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ* được giao sẽ giúp cho việc chủ động bố trí nguồn lực đầy đủ, kịp thời; việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp lý hơn, biên chế được cân đối phù hợp với danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chứcđồng thời vẫn đảm bảo được các yêu cầu về

---

[2] Hiện nay, các nội dung này đang được thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành. Trong trường hợp cần thay đổi, điều chỉnh các vấn đề trên thì phải thực hiện quy trình, thủ tục khá phức tạp và trình cơ quan có thẩm quyền (Chính phủ, Bộ chuyên ngành…) cho ý kiến chấp thuận. Việc lấy ý kiến sẽ phải mất rất nhiều thời gian, có thể phát sinh nhiều quan điểm khác nhau, và sẽ làm giảm đi tính kịp thời trong hoạt động chỉ đạo điều hành).

[3] Xem Tờ trình về việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

tinh giản biên chế. Việc quyết định biên chế sẽ phải căn cứ vào khả năng ngân sách Thủ đô. Việc bố trí đủ nguồn lực và phát huy được nguồn lực sẽ nâng cao được hiệu quả quản lý nhà nước, từ đó mà tác động tích cực đến hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Theo quy định hiện nay, việc quản lý biên chế hành chính do Chính phủ quyết định; biên chế sự nghiệp do chính quyền địa phương quyết định sau khi trình xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền. Việc xác định số lượng biên chế căn cứ trên cơ sở Đề án vị trí, việc làm đã được phê duyệt. Tuy nhiên, việc giao biên chế chưa thực sự hợp lý vì chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết về biên chế của Thủ đô. Ví dụ: Tổng số biên chế hành chính được giao năm 2021 là 9.014 người (7.935 công chức và 1.079 lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP), giảm so với biên chế được giao năm 2015 là 1.673 biên chế (giảm 1.473 công chức và 200 chỉ tiêu hợp đồng), (chiếm tỷ lệ giảm 15,65%). Biên chế viên chức (hưởng lương NSNN) được giao năm 2021 là: 116.007 biên chế, giảm so với năm 2015 là 12.890 biên chế (tương đương tỷ lệ giảm 10%)[4]. Trong khi đó, giai đoạn từ 2015-2021, số công chức nghỉ hưu là 1.291 người, số viên chức nghỉ hưu là 12.590 người; Đến tháng 6/2021, số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 1.441 trường hợp (1.194 trường hợp từ cấp huyện trở lên). Biên chế giảm nhưng số lượng công việc không giảm mà còn có xu hướng gia tăng dẫn đếnáp lực thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức của Thủ đô rất lớn, đặc biệt đối với công chức. Tính theo số dân/biên chế công chức trung bình tại 63 tỉnh, thành phố hiện nay (tính đến T6/2021) là: 96.460.000 dân/140.508 bằng 686 dân/công chức. Trong khi, Hà Nội là: 8.053.663/7.927 bằng 1.016 dân/công chức,. Hiện nay, mục tiêu tinh giản biên chế chỉ đơn giản là giảm cơ học để giảm gánh nặng cho NSNN mà chưa gắn với thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đối với một số lĩnh vực như giáo dục và y tế, việc bố trí nguồn lực gặp nhiều khó khăn do tốc độ đô thị hóa và tăng dân số cơ học tại địa phương. Từ năm 2015 đến nay, Hà Nội không được tăng biên chế viên chức, dẫn đến khó khăn trong việc bố trí giáo viên, cán bộ y tế theo tốc độ tăng dân số ngày một cao.

- *Việc nâng mức xử phạt vi phạm hành chính cao hơn nhưng không quá hai lần và mở rộng phạm vi áp dụng mức xử phạt trên địa bàn toàn Thủ đô đối với các hành vi VPHC trong một số lĩnh vực như Quảng cáo, an toàn thực phẩm, PCCC* sẽ bảo đảm tốt hơn việc ngăn chặn và xử lý dứt điểm, kịp thời các vi phạm hành chính; các VPHC sẽ giảm; đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, từ đó mà bảo đảm tốt hơn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô; giảm chi phí trong việc bố trí nguồn lực thời gian, kinh phí, con người cho việc phát hiện và xử lý vi phạm đồng thời tăng thêm một phần nguồn thu cho Thành phố để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về trật tự hành chính, trật tự an toàn xã hội[5]. An ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo sẽ tác động tích cực đến việc cải thiện môi trường và thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Việc tăng mức xử phạt không chỉ áp dụng trong phạm vi khu vực nội thành Hà Nội mà cần mở rộng trên toàn bộ địa bàn Thủ đô còn nhằm đảm bảo tính hiệu

[4] Theo chỉ tiêu tinh giản Nghị quyết số 39-NQ/TW.

[5] Xem Phụ lục 4 - Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô (đã dẫn): tại các quận nội thành, trong 03 lĩnh vực văn hoá, xây dựng và đất đai, số lượng vụ vi phạm được phát hiện là 3.660 vụ, tổng số tiền phạt là 28.575.850.500 đồng.

quả, hợp lý, đồng bộ, thống nhất và công bằng trong việc xử lý vi phạm trên cùng một địa bàn, không phân biệt khu vực đô thị hay nông thôn.

Nếu tăng mức phạt gấp 02 lần ở cả khu vực nội thành và ngoại thành thì bình quân một năm ngân sách thành phố tăng thu khoảng:

+ *Trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy*: từ 10,86 tỷ đến 16,02 tỷ (trường hợp số vụ vi phạm mới trong năm bằng 2/3 hoặc bằng số vi phạm bình quân trong 1 năm trước, theo đó, số thu ngân sách sẽ là 81.469.341.000 đồng/5 năm*(2/3) đến 81.469.341.000 đồng/5 năm;

+ *Trong lĩnh vực an toàn thực phẩm*: từ 16,23 tỷ đến 24,45 tỷ (trường hợp số vụ vi phạm mới trong năm bằng 2/3 hoặc bằng số vi phạm bình quân trong 1 năm trước, theo đó, số thu ngân sách sẽ là 122.247.236.000 đồng/5 năm*(2/3) đến 122.247.236.000 đồng/5 năm);

+ *Trong lĩnh vực quảng cáo*: từ 809 triệu đến 1,21 tỷ (trường hợp số vụ vi phạm mới trong năm bằng 2/3 hoặc bằng số vi phạm bình quân trong 1 năm trước, theo đó, số thu ngân sách sẽ là 6.072.500.000 đồng/5 năm*(2/3) đến 6.072.500.000 đồng/5 năm.

- Các hành vi VPHC về Quảng cáo, Phòng cháy, chữa cháy và An toàn thực phẩm đang diễn ra khá phức tạp và có xu hướng gia tăng tại Thủ đô . *Ví dụ:Theo thống kê từ 2016 đến hết 2020* [6] *trên địa bàn Hà Nội đã xảy ra 3.483 vụ cháy, 08 vụ nổ và trên 6.000 vụ sự cố nhỏ khác. So với cùng kỳ giai đoạn trước (từ 2011 đến hết 2015), số vụ cháy, nổ tăng 2.526 vụ, tăng 29 người chết, tăng 15 người bị thương, thiệt hại về tài sản 576 tỷ đồng.*

Đặc biệt, hiện nay các vùng ven ngoại thành đang có xu hướng phát triển với tốc độ nhanh, các vi phạm hành chính ở khu vực ngoại thành diễn ra khá phổ biến, nhiều vi phạm rất phức tạp và khó khăn trong việc xử lý. Số lượng vi phạm và số lượng quyết định xử phạt được ban hành cũng gần như tương đương với khu vực nội thành. *Ví dụ như:Trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy:Từ 2016 đến hết 2020, số quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành: 20.213 quyết định (Trong đó: 12 quận nội thành:10.472 quyết định; 18 huyện ngoại thành: 9.741 quyết định). Số tiền phạt thu nộp NSNN: 81.469.341.000 đồng (12 quận nội thành: 45.998.501.000 đồng; 18 huyện ngoại thành: 35.470.840.000 đồng.*

- Nếu thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện nhằm đảm bảo sự linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn; chế độ chính sách về lương, ngạch được đồng bộ, nâng cao. Dự kiến sẽ giảm được kinh phí ngân sách trong một số hoạt động như: giảm kinh phí tổ chức tuyển dung, in ấn tài liệu và một số các chi phí hoạt động khác về xây dựng và thực hiện nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng… Trước đây khi có nhu cầu, để tuyển dụng công chức cấp xã, mỗi một quận, huyện, thị xã sẽ phải tổ chức một Hội đồng tuyển dụng riêng; việc điều động, luân chuyển công chức từ cấp huyện về cấp xã và ngược lại cũng gặp nhiều khó khăn do phải qua nhiều quy trình kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận không qua thi…

[6] Dự thảo xây dựng đề án PCCC từ 2021 đến 1025 tầm nhìn đến 2030.

- Hiện nay chưa có cơ chế cho phép sử dụng lao động hợp đồng làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo quy định về tự chủ về tài chính, trừ trường hợp là đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục, y tế (Theo Nghị quyết 102 của Chính phủ). Điều này đã tạo nên những khó khăn, nhất định trong việc huy động bố trí sử dung nguồn lực, nhất là trong bối cảnh Thủ đô phải thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, số lượng biên chế hiện có chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị. (Như đã phân tích ở trên). *Vì vậy, nếu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đon vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm* sẽ giúp cho cơ quan, đơn vị bổ sung kịp thời số lượng nhân lực còn thiếu ở các vị trí việc làm. Việc ký hợp đồng lao động phải đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn điều kiện theo yêu cầu vị trí, việc làm. Đương nhiên việc bố trí kinh phí để bổ sung nguồn lực cũng phải trong khả năng cân đối của ngân sách Thủ đô. Có đủ nguồn nhân lực, các công việc sẽ được triển khai đầy đủ, kịp thời, hiểu qua; cán bộ, công chức giảm áp lực công việc, tạo môi trường cạnh tranh năng động, giảm tâm lý và sức ỳ của công chức, viên chức; từ đó mà tăng cường tính hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước.

- *Việc cho phép người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được lựa chọn, thực hiện việc bổ nhiệmcấp phótrở xuốngvà phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình* nếu được thực hiện một cách bài bản, khoa học sẽ là bước đột phá trong công tác cán bộ, giúp cho người đứng đầu đủ thẩm quyền và điều kiện để chủ động tìm kiếm, lựa chọn và quyết định nhân sự cấp phó trở xuống phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ được đặt ra; đồng thời xây dựng được một ê kíp làm việc đoàn kết, thống nhất, hiệu quả, cùng hướng tới mục tiêu chung. Người đứng đầu được bổ nhiệm cấp phó nhưng phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình sẽ là cơ sở để thực hiện yêu cầu về đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến cùng của người đứng đầu trong công tác cán bộ, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, công tâm, khách quan là điều kiện thuận lợi để cán bộ phát huy hết năng lực, góp phần kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức chạy quyền; phát huy tốt tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác cán bộ đồng thời cũng sẽ đẩy lùi được chủ nghĩa cá nhân, can thiệp "không trong sáng" trong bổ nhiệm cán bộ.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

(i) Nhà nước:

- Việc điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên môn, tổ chức lại một số cơ quan, tổ chức, đon vị có thể sẽ làm tăng chi ngân sách do sự thay đổi, điều chỉnh về thủ tục, giấy tờ; Việcthành lập thêm một số cơ quan chuyên môn đặc thù cấp Thành phố, cấp huyện có thể sẽ làm phát sinh bộ máy, việc bố trí nguồn lực cơ sở vật chất trong bối cảnh đang phải thực hiện việc tinh giản bộ máy, tinh giản biên chế.

- Việc mở rộng thêm cáclĩnh vực được tăng mức xử phạt đòi hỏi Nhà nước phải tăng chi phí cho việc tập huấn cho các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính với mức cao hơn trong các lĩnh vực sẽ được quy định tại

Luật Thủ đô; Tăng nguồn lực cho việc phổ biến giáo dục pháp luật về các quy định mới về nâng cao mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi trong các lĩnh vực liên quan để người dân biết, chủ động phòng ngừa, không vi phạm; đồng thời tăng cường nguồn lực cho công tác kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đó, đảm bảo việc áp dụng đúng đắn pháp luật, giảm thiểu các khiếu kiện liên quan xử phạt vi phạm hành chính.

- Nếu thực hiện một chế độ công vụ, công chức thống nhất thì đòi hỏi số lượng cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ điều kiện về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ , phải thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa trình độ. Kinh phí chi trả cho hoạt động này sẽ phải lấy từ nguồn ngân sách.

- Việc giao cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân được ký hợp động lao động và tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống cũng có thể dẫn đến lãng phí ngân sách, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vịnếu việc ký hợp đồng và lựa chọn người không phù hợp, hợp lý. Vì vậy, trong trường hợp giao quyền cho người đứng đầu thì cũng cần phải có quy định rõ về trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt trong việc giới thiệu, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, tránh dẫn đến việc quyết định một cách tùy tiện và chủ quan.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Việc điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên môn, tổ chức lại một số cơ quan, tổ chức, đon vị có thể sẽ làm phát sinh những thay đổi trong việc điều chỉnh lại giấy tờ khi làm TTHC, gây tốn kém cho người dân, doanh nghiệp.

- Hiện nay, mức thu nhập của người dân sống ở ngoại thành thường thấp hơn mức thu nhập của người dân sống ở nội thành. Việc tăng gấp 02 lần mức phạt hành vi vi phạm của người dân ngoại thành như người dân nội thành sẽ tăng áp lực cho cuộc sống của người dân ở ngoại thành. Người dân và Doanh nghiệp vi phạm cũng có thểcho rằng chính sách này không đảm bảo việc đượcđối xử công bằng việc xử phạt trong các lĩnh vực khác nhau, vi phạm quyền và lợi ích của công dân.

b) Tác động về xã hội:

<u>Tác động tích cực:</u>

(i) Nhà nước:

Nếu chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định: Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc Thủ đô; thành lập một số cơ quan chuyên môn đặc thù cấp Thành phố và cấp huyện; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội, sẽ giúp cho bộ máy chính quyền được tinh gọn, hợp lý, không chồng chéo, hoạt động thông suốt, kết quả, thực thi pháp luật được đồng bộ, thuận lợi, xác định trách nhiệm rõ theo hướng một việc một đầu mối xuyên suốt, từ đó mà nâng cao hiệu

lực hiệu quả hoạt động, tăng cường tính chuyên nghiệp cho bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức.

- Thống nhất một chế độ công vụ sẽ tạo cơ sở để chuẩn hóa lại đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô, tăng tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ công chức, từ đó mà nâng cao chất lượng thực thi công vụ, tăng tính hiệu quả trong hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp. Mặt khác, việc thống nhất chế độ công vụ, công chức cũng sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã không bị "phân biệt đối xử" như hiện nay[7] bảo đảm tính công bằng về quyền và trách nhiệm như đối với cán bộ, công chức cấp huyện;tạo ra tâm lý phấn khởi trong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Hiện nay, tại địa bàn Thủ đô, số lượng cán bộ cấp xã là 5.332 người, công chức cấp xã là 3.883 người; trong đó số lượng cán bộ cấp xã chưa có trình độ đại học là 542 người (chiếm tỉ lệ gần 10,2%), số lượng công chức cấp xã chưa có trình độ đại học là 535 người (chiếm tỉ lệ gần 14%). Tuy nhiên, sau khi có thông tư 13/2019/TT-BNV ban hành ngày 06/11/2019 Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì số lượng này sẽ phảiđược chuẩn hóađể đáp ứng yêu cầu (tính đến năm 2024).Bên cạnh đó, nếu xét về phạm vi, mức độ hoạt động, cán bộ, công chức cấp xã cũng đang gánh vác một áp lực công việc không thua kém công chức cấp huyện. Một lĩnh vực chuyên môn, trong khi ở tỉnh có bộ máy giúp việc là cấp sở với biên chế đến vài chục người, cấp huyện là các phòng cũng khoảng từ 07 cho đến trên 10 biên chế, còn cấp xã, chức danh công chức phụ trách lĩnh vực này chỉ có 1 người.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm khi có nhu cầu; được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống và chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc quyền quản lý sẽ tạo môi trường cạnh tranh, năng động trong hoạt động công vụ, huy động nguồn lực giải quyết sớm được bất cập, tồn tại; giải quyết vấn đề việc làm nhanh hơn quy trình tuyển dụng (thời gian tuyển dụng từ 06 tháng trở lên). Khi hoạt động quản lý, điều hành trong nội bộ cơ quan đơn vị được thông suốt, tập trung hiệu quả sẽ tạo ra động lựccho cán bộ, công chức; phát huy sự cống hiến và sáng tạo, từ đó mà nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tiết kiệm được nhiều thời gian, nguồn lực trong việc thực hiện công tác cán bộ nói riêng và quản lý điều hành nói chung.

- Việc nâng mức xử phạt và mở rộng phạm vi áp dụng mức xử phạt trên địa bàn toàn Thủ đô đối với một số lĩnh vực như PCCC, quảng cáo, an toàn thực phẩm sẽ bảo đảm tốt hơn việc ngăn chặn và xử lý dứt điểm, kịp thời các vi phạm hành chính; các VPHC sẽ giảm; đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, từ đó mà bảo đảm tốt hơn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

- Việc tăng thẩm quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội sẽ giúp người dân và doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giao dịch hành chính, thực hiện một số

[7]Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

TTHC.

- Người dân, doanh nghiệp sẽ được tiếp cận, cung ứng dịch vụ công có chất lượng ngày càng cao với một bộ máy, đội ngũ người thực thi công vụ ngày càng năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

- Việc được chủ động quyết định biên chế và ký kết hợp đồng lao động giúp cho người lao đông có thêm các cơ hội về thu nhập, việc làm và vị trí tuyển dụng; các dịch vụ công được đảm bảo về mặt chất lượng, quy trình, thời gian, từ đó mà đảm bảo được quyền và lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

- Việc tăng thẩm quyền cho Chính quyền thành phố Hà Nội trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính sẽ giúp giảm số vụ vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực, từ đó góp phần nâng cao các chỉ số về an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Hà Nội, góp phần bảo đảm sự an toàn về tính mạng, tài sản, sức khỏe và sự an toàn của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn; bảo đảm bình đẳng về trách nhiệm pháp lý giữa cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trên toàn địa bàn Thành phố (cả nội thành và ngoại thành) khi có các hành vi vi phạm hành chính tương đồng.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Việc giao thẩm quyền cho Chính quyền Thành phố được quyết định biên chế trên cơ sở khung danh mục vị trí việc làm được phê duyệt cũng có thể dẫn đến một số rủi ro nhất định. Trong trường hợp Thành phố không quy định rõ được các tiêu chí cụ thể đểlàm cơ sở xác định được số lượng biên chế cần để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụmột cách phù hợp, vàthẩm quyền quyết định này sẽ không phải thực hiện theo quy trình xin ý kiến Chính phủ thì cũngcó thể xảy ra trường hợp việc quyết định số lượng biên chế một cách chủ quan vàcó thể chưa sát với nhu cầu thực tế, chưa có sự nhìn nhận và đánh giá có tính chất cân đối, tổng thể trên bình diện chung của cả nước.

- Việc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân ký hợp động lao động và tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống không phù hợp, hợp lý cũng có thể gây ra sự lãng phí nhân lực, ảnh hưởng đếntâm lý của cán bộ, công chức trong cơ quan, đon vị nếu công việc vẫn không đạt được hiệu quả mong muốn.

- Có thể một bộ phận cán bộ có tâm lý ngại phấn đấu hoàn thiện các tiêu chuẩn như cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên.

(ii) Người dân, doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệtvề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

- Giải pháp điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thủ đô; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc Thủ đô sẽ làm thay đổi thẩm quyền giải quyết một số TTHC. Ví dụ: chuyển nhiệm vụ quản lý làng nghề và ngành nghề nông thôn, thương mại, nông sản từ Sở NNPTNT sang Sở Công Thương quản lý sẽ dẫn đến thay đổi thẩm quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực này như thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống, công nhận nghề truyền thống, Công nhận làng nghề…Tuy nhiên, việc thay đổi thẩm quyền giải quyết cụ thể của một số TTHC không được quy định tại dự án Luật này mà sẽ được sửa đổi trong các văn bản QPPL về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị hoặc các văn bản phân cấp thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Giải pháp thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thủ đô (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên) sẽ làm sửa đổi quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã, trong đó có quy định về TTHC liên quan đến việc tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã) bởi vì quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã và tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (từ cấp huyện trở lên) được quy định ở các văn bản QPPL khác nhau, cụ thể là tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (từ cấp huyện trở lên) được quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành; tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã được quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành. Để thực hiện giải pháp thống nhất một chế độ công vụ, công chức thì cần quy định rõ việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã được thực hiện theo quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (từ cấp huyện trở lên) hoặc ban hành quy định riêng để phù hợp với đặc thù của Thủ đô, giải quyết số lượng cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ điều kiện về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và các vấn đề khác liên quan đến việc thống nhất một chế đội công vụ, công chức này.

(*Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách*).

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Không tổ chức HĐND phường không trái với quy định của Hiến pháp (Điều 111); phù hợp với quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Điều 4, 58).

- Việc thay đổi thẩm quyền cho HĐND, UBND quận khi không tổ chức HĐND phường, phù hợp với Điều 11, Điều 12 về phân định thẩm quyền, phân quyền cho chính quyền địa phương, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND quận, UBND phường tại Điều 19, 21, 47, 49, 63; nhưng sẽ không có điều kiện thực hiện tiếp các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND phường quy định tại Điều 61 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019.

- Việc phân quyền, tăng thẩm quyền cho chính quyền Thành phố về quản lý bộ máy sẽ phù hợp với Điều 11, 12, 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nhưng không phù hợp với Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Điều 23, 28).

- Việc trao thẩm quyền cho Chính quyền thành phố Hà Nội quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt không phù hợp với quy định tại Khoản 3, 4 Điều 23 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Khoản 4 Điều 10 Nghị định 62/2020/NĐ-CP quy định vị trí việc làm và biên chế công chức và Khoản 4 Điều 66 Luật cán bộ công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

-Việc trao thẩm quyền cho Chính quyền thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định định đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: Quảng cáo, Phòng cháy chữa cháy; An toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố không phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Việc áp dụng trên phạm vi toàn thành phố cũng không phù hợp với khoản 1 và khoản 3 Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Về thẩm quyền được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm: Việc ký hợp đồng lao động trong các cơ quan nhà nước mới chỉ được thực hiện trong việc quản lý viên chức (Điều 48 Luật Viên chức năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) nhưng chưa được quy định đối với việc quản lý công chức trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

-Về thẩm quyền được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống: Pháp luật chưa quy định nội dung này.

- Quy định thống nhất một loại công chức: Không phù hợp với Điều 4 Luật cán bộ, công chức.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Có tương thích.

1.4.3. Giải pháp 3:Tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng không tổ chức HĐND ở quận, huyện, thị xã, phường; Các nội dung của Giải pháp 2 và bổ sung một số nội dung sau:

(1) Tăng tỉ lệ đại biểu chuyên trách HĐND Thành phố, đảm bảo mỗi thành phố, quận, huyện, thị xã sẽ có ít nhất một đại biểu chuyên trách; đảm bảo HĐND thành phố Hà Nội có 03 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; mỗi Ban của HĐND thành phố Hà Nội có 03 Phó Trưởng ban;

(2) Ban hành các biện pháp hành chính (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi vi phạm hành chính, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép…) hoặc biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính như (yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký

kinh doanh, giấy phép hoạt động…) đối với 3 lĩnh vực: Đất Đai, Xây dựng, Phòng cháy, chữa cháy;

(3) Thường trực HĐND được quyết định một số vấn đề (phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đầu tư công, những vấn đề cấp bách khác…) giữa hai kỳ họp.

a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

- *Việc tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng không tổ chức cấp chính quyền (không tổ chức HĐND) tại quận, huyện, thị xã, phường sẽ tạo ra nhiều thay đổi tích cực trong tổ chức bộ máy chính quyền và nhân lực hoạt động.* Thành phố được chia làm 30 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm 12 quận, 17 huyện, 01 thị xã và 579 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 383 xã, 175 phường và 21 thị trấn.Nếu không tổ chức cấp chính quyền ở quận, huyện, thị xã, phường (Không tổ chức HĐND) thì UBND quận, huyện, thị xã, phường sẽ là cánh tay nối dài của UBND thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ UBND và HĐND thành phố Hà Nội; HĐND và UBND thành phố Hà Nội sẽ được tăng thêm một số thẩm quyền trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức… nhằm phát huy hơn nữa tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sự năng động của cấp chính quyền thành phố Hà Nội. Bộ máy chính quyền sẽ gọn nhẹ, hoạt động nhanh nhạy, thông suốt hơn; cơ quan hành chính tích cực chủ động, điều hành, giải quyết kịp thời và hiệu quả những vấn đề cấp bách của Thu đô, góp phần tích cực vào cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư… tạo đòn bẩy tích cực để phát triển kinh tế Thủ đô.

Cũng cần lưu ý trong tương lai, Thủ đô sẽ thành lập mô hình thành phố thuộc Thủ đô. Nếu theo quy định hiện hành, thành phố thuộc Thủ đô là cấp đơn vị hành chính tương đương với huyện, quận.Tuy nhiên với đặc điểm là một đơn vị hành chính đô thị hoàn chỉnh, chính quyền thành phố phải được quyết định những vấn đề quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng của cả khu vực đô thị, thậm chí, phải được trao cho cơ chế có tính đặc thù, vượt trội, trao thẩm quyền lớn hơn so với thẩm quyền của một đơn vị hành chính cấp huyện.Và để bảo đảm những quyết định này thể hiện được ý chí, nguyện vọng của người dân, mô hình chính quyền Thành phố trong Thủ đô cần thiết vẫn phải được tổ chức bao gồm cơ quan đại diện (HĐND) và cơ quan hành chính (UBND).

- Không tổ chức cấp chính quyền ở quận, huyện, thị xã, phường, trước hết sẽ tạo ra một số thay đổi liên quan tổ chức và hoạt động của HĐND Thủ đô. Hiện nay, số lượng đại biểu HĐND tại 30 quận, huyện, thị xã là 1054 đại biểu, trong đó số đại biểu HĐND chuyên trách cấp huyện được bố trí tối đa là 180 đại biểu (01 Chủ tịch HĐND, 01 Phó Chủ tịch HĐND, 02 Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban); số đại biểu HĐND phường của 175 phường hiện không có, do nhiệm kỳ 2021-2026 đã thực hiện theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 thí điểm không tổ chức HĐND phường.

Số lượng đại biểu HĐND Thành phố hiện đang là 95 đại biểu, trong đó có 19 đại biểu chuyên trách, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố, 04 Trưởng Ban, 08 Phó Trưởng Ban và 04 Ủy viên chuyên trách của cả 04 Ban HĐND Thành phố. Nếu thực hiện Giải pháp này, sẽ giảm tổng số 1054 đại biểu HĐND cấp quận, huyện, thị xã, ngân sách Thủ đô dự kiến tiết kiệm khoảng 230 tỷ đồng/nhiệm kỳ (từ ngân sách hoạt động và phụ cấp hoạt động của đại biểu HĐND) và dự kiến sắp xếp, tinh giản 180 biên chế đại biểu HĐND chuyên trách cấp huyện, nhưng vẫn cần tăng tối thiểu khoảng 19 đại biểu HĐND Thành phố chuyên trách để có tổng số 38 đại biểu chuyên trách (trong đó có 01 Chủ tịch; 03 Phó Chủ tịch; 04 Trưởng ban; 12 Phó Trưởng ban và các Ủy viên chuyên trách); đảm bảo mỗi Tổ đại biểu HĐND Thành phố ở từng địa bàn quận, huyện, thị xã có ít nhất 01 đại biểu chuyên trách (bao gồm cả Phó Trưởng ban HĐND thành phố Hà Nội).

- Việc quy định Thường trực HĐND được quyết định một số vấn đề cấp bách giữa hai kỳ họpnhằm giải quyết một số vấn đề cụ thể, cần thiết phát sinh giữa hai kỳ họp, để tạo sự linh hoạt, chủ động trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương; giúp cho các quyết định được ban hành kịp thời. Nếu phải đợi đến kỳ họp của HĐNDmới xem xét, quyết định, sẽảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, điều hành của UBND, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương như: việc phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung cho địa phương, quyết định chủ trương đầu tư các dự án; các vấn đề liên quan đến tình trạng khẩn cấp liên quan trong phòng chống thiên tai, dịch bệnh…

- Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn kịp thời đối với các hành vi vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy sẽ bảo đảm tốt hơn việc ngăn chặn và xử lý dứt điểm, kịp thời các vi phạm hành chính; các VPHC có thể giảm; từ đó mà bảo đảm tốt hơn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Khi không tổ chức HĐND cấp quận, huyện, thị xã, phường thì thẩm quyền quyết định các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, thu - chi NSNN sẽ thuộc về HĐND, UBND thành phố Hà Nội và UBND cấp huyện. Bộ máy chính quyền hoạt động gọn nhẹ, thông suốt, giảm tầng nấc, giảm thủ tục; dịch vụ công trực tuyến sẽ được triển khai mạnh mẽ gắn với xây dựng chính quyền điện tử, phù hợp với tính chất đô thị đặc biệt. Từ đó mà góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động, giảm quy trình, thủ tục, thời gian, chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, giảm thủ tục giải ngân dự án sử dụng vốn đầu tư công; tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư hỗ trợ, tạo đòn bẩy tích cực để phát triển kinh tế.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

(i)Nhà nước:

- Không tổ chức cấp chính quyền ở quận, huyện, phường dẫn đến việc có thể

phải sử dụng NSNN chi trả cho việc sắp xếp lại bộ máygiải quyết chế độ, tinh giản biên chế đối với một số cán bộ chuyên trách của HĐNDquận, huyện trong trường hợp không bố trí được công tác phù hợp (Số lượng phải sắp xếp, tinh giản ước tính khoảng 180 người).

- Hiện nay, Thường trực HĐND chỉ thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Về nguyên tắc, mọi vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND phải được giải quyết tại kỳ họp HĐND (hoặc kỳ họp bất thường) mà không có bất cứ hình thức ủy quyền, giao quyền, phân công của HĐND đối với một chủ thể khác để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được luật định là của HĐND. Thường trực HĐND không phải là một cấp để có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND. Nếu giao cho thường trực HĐND (chỉ bao gồm một số đại biểu đại diện)quyết định mộtvấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND (phải được các đại biểu HĐND thảo luận tập thể và quyết định theo đa số) thì có thể dẫn đến việc ra quyết định một cách chủ quan. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến chủ trương đầu tư công… không nên được xem là vấn đề cấp bách cần được thường trực HĐND xem xét và quyết định.

- Việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân (Ví dụ như áp dụng biện pháp tạm ngừng sử dụng dịch vụ điện, nước tại nhà chung cư trong khi chủ thể vi phạm là chủ đầu tư nhưng người dân tại tòa nhà đó lại có quyền và lợi ích có liên quan…) hoặc lợi ích của doanh nghiệp (như thu hồi giấy phép kinh doanh). Nếu bị thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể bị đình trệ, lợi nhuận sụt giảm,người lao động mất thu nhập, việc làm.

b) Tác động về xã hội:

<u>Tác động tích cực:</u>

(i) Nhà nước:

- Quận, huyện, phường là các đơn vị lãnh thổ- hành chính nhân tạo được Nhà nước chia thành thành các đơn vị hành chính trực thuộc theo nhu cầu quản lý. Việc tổ chức ra các cơ quan nhà nước ở đơn vị hành chính này chủ yếu để thực hiện chức năng quản lý hành chính. Vì vậy, khác với các lãnh thổ được hình thành một cách tự nhiên, ở những đơn vị lãnh thổ- hành chính nhân tạo, tổ chức chính quyền ở đây không hoàn chỉnh, do đó *không nhất thiết phải thành lập hay tổ chức ra các cơ quan đại diện dân cử, mà chỉ cần tổ chức các cơ quan hành chính để đảm nhiệm chức năng hành chính, bảo đảm các mệnh lệnh hành chính được thực hiện thống nhất.*

- *Thực hiện Giải pháp không tổ chức cấp chính quyền ở quận, huyện, thị xã, phườngphù hợp* với tính chất, đặc điểm của Thủ đô Hà Nội là đô thị loại đặc biệt với vai trò là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia; trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, kinh tế - xã hội phát triển sôi động, nhiều địa bàn nông thôn có tốc độ đô thị hóa cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở đô thị, nông thôn được xây dựng đồng bộ,

liên thông trên toàn địa bàn. Khu vực nông thôn đang có nhiều chuyển biến, mang nhiều đặc trưng của đô thị hơn nông thôn như:mật độ dân số cao, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp và chuyển hướng sang sản xuất hiện đại, lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ phát triển cao với nhiều khu cụm công nghiệp tập trung, cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng theo quy hoạch kết nối. Nhiều huyện đã đáp ứng cơ bản, gần đủ các tiêu chuẩn đô thị. Vì vậy, không gian, kiến trúc, quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn ở từng địa bàn quận, huyện, phường phải được quản lý thống nhất, đồng bộ trong quy hoạch chung về xây dựng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô, không bị giới hạn bởi ranh giới địa lý mà sự tồn tại của HĐND nhiều cấp (quận, huyện, phường) trong một địa bàn đô thị thống nhất sẽ làm giảm tính thống nhất, xuyên suốt của công tác quản lý đô thị đặc biệt. Việc đề xuất một mô hình tổ chức mới sẽ giúp thành phố đạt được mục tiêu chung là phát triển Hà nội thành một đô thị hiện đại, thành phố thông minh trong tương lai.

-Khi thực hiện giải pháp này sẽ tạo ra cơ chế mà Chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp bổ nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp, góp phần đảm bảo sự thống nhất giữa các cơ quan hành chính, tạo thuận lợi cho UBND quận, huyện,phường, được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ theo hướng tăng cường thẩm quyền và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường tính thứ bậc hành chính. Việc dự kiến tăng một số thẩm quyền cho chính quyền cấp Thành phố đòi hỏi Thành phố phải rà soát sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, từ đó giảm sự chồng chéo, tăng cường hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực phục vụ người dân theo tinh thần cải cách hành chính.

- Cần khẳng định rằng, mục tiêu thực hiện việc không tổ chức HĐND huyện, quận, thị xã, phường không phải là bỏ đi các cấp đại diện mà mục tiêu đề ra là tổ chức lại chính quyền địa phương một cách hợp lý, khắc phục sự trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, góp phần xác định rõ vị trí, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong hệ thống cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước. Khi không tổ chức HĐND huyện, quận, thị xã, phường, người dân vẫn còn các cấp đại biểu đại diện, bao gồm: Quốc hội, HĐND thành phố Hà Nội, HĐND thành phố thuộc Thủ đô và HĐND xã, thị trấn. Không tổ chức HĐND huyện, quận, thị xã, phường đồng thời tăng thẩm quyền và hiệu lực hoạt động của HĐND cấp tỉnh, nâng cao tính tự quản cho cấp cơ sở, tăng cường dân chủ trực tiếp, bộ máy chính quyền địa phương gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn.

(ii) Đối với doanh nghiệp và người dân:

- Bộ máy được tinh gọn, thông suốt, hoạt động chuyên nghiệp hiệu quả, giảm chồng chéo sẽ tạo ra những thay đổi tích cực về tiếp nhận, giải quyết các giao dịch hành chính, quy trình nội bộ, TTHC(nhất là đối với các TTHC liên thông), tạo ra sự thay đổi về quy trình thực hiện, thời gian thực hiện các TTHCtheo hướng nhanh, gọn và rút ngắn hơn, giúp giảm được chi phí tuân thủ TTHC(số lần đi lại,

thời gian đi lại, chi phí chuẩn bị hồ sơ giao dịch…), tăng chỉ số hài lòng của doanh nghiệp, người dân đối với cơ quan nhà nước. Ví dụ việc phê duyệt dự án đầu tư, bố trí ngân sách, dự toán, quyết toán công trình sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của cấp huyện được rút ngắn thời gian khi không phải chờ kỳ họp HĐND cấp huyện,…

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện, quận, thị xã, phường không có sự giám sát của HĐND dễ dẫn đến xử lý công việc theo ý chí chủ quan.

- Nếu thực hiện Giải pháp này cũng sẽ tạo ra một số xáo trộn nhất định trong trong tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền, dự báo sẽ tác động nhiều đến tâm lý một số đại biểu HĐND cấp huyện cũng như một bộ phận cán bộ, công chức phải bị sắp xếp, điều chuyển công tác hoặc bị dôi dư.

Vì vậy, để giảm thiểu tác động tiêu cực này:

(i) Đối với các đại biểu chuyên trách HĐND cấp quận, huyện, thị xã cần tính đến giải pháp rà soát, sắp xếp cán bộ đủ điều kiện để tiếp tục bố trí vào các vị trí phù hợp tại các cơ quan tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp quận đến cấp thành phố. Các đại biểu đến tuổi nghỉ hưu, có đủ điều kiện nhưng tự nguyện xin nghỉ hoặc chuyển công tác khác thì giải quyết theo chế độ, chính sách hiện hành.

(ii) Đối với cán bộ, công chức khác bị ảnh hưởng, cần có sự sắp xếp theo nguyên tắc thận trọng, từng bước, tích cực thông tin, tuyên truyền, tránh xáo trộn lớn đến tâm lý cán bộ, công chức; giải quyết chế độ chính sách phù hợp cho cán bộ, công chức có nhu cầu.

- Hoạt động giám sát của HĐND cấp thành phố có thể sẽ không đạt được hiệu quả như mong muốn khi đại biểu chuyên trách không tăng nhiều, nhưng phải giám sát thêm rất nhiều đầu mối ở 30 quận, huyện, thị xã. Để giảm thiểu rủi ro này, cần phải tăng cường giám sát, kiểm tra của cấp ủy Đảng, của Ủy ban MTTQ, các tổ chức đoàn thể cùng cấp và tăng cường vai trò giám sát trực tiếp của nhân dân thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng và qua các buổi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân của các cơ quan nhà nước. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn sẽ phát huy hơn quyền làm chủ, tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn.

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân:

- Nếu chính quyền cấp Thành phố bị quá tải trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thì có thể sẽ ảnh hưởng đến việc đảm bảo giải quyết các vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp khi cần thiết.

- Việc không tổ chức HĐND cấp quận, huyện, thị xã, phường đồng nghĩa với việc giảm cơ quan đại diện của người dân, việc đảm bảo quyền đại diện, thực

hiện ý chí, quyền làm chủ của người dân. Việc tăng thêm đại biểu HĐND chuyên trách ở cấp Thành phố có thể giúp HĐND Thành phố bố trí được 01 đại biểu chuyên trách ở mỗi Tổ đại biểu HĐND Thành phố theo địa bàn từng quận, huyện, thị xã, nhưng có thể vẫn chưa thực sự phù hợp với tính chất các địa bàn ở khu vực nông thôn.

- Đặc điểm dân cư đô thị về cơ bản có mức thu nhập và trình độ dân trí cao hơn so với dân cư vùng nông thôn. Việc không tổ chức HĐND cấp huyện đồng nghĩa với việc giảm cơ quan đại diện của người dân ở khu vực nông thôn, có thể tác động đến việc đảm bảo quyền đại diện, thực hiện ý chí, quyền làm chủ của người dân.

Để giảm thiểu rủi ro này, cần phát huy các cơ chế dân chủ trực tiếp, gián tiếp để nắm bắt ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; áp dụng công nghệ thông tin để tiếp nhận và giải đáp kịp thời các khiếu nại, kiến nghị, thắc mắc của người dân thông qua cổng thông tin trực tuyến; nâng cao hiệu quả thực hiện định kỳ đối thoại giữa người đứng đầu tổ chức Đảng, chính quyền địa phương với người dân; tăng cường vai trò đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu quốc hội; HĐND Thành phố; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính tri - xã hội các cấp và tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra của Đảng và hệ thống chính trị, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, xây dựng chính quyền điện tử, phát huy tính tích cực của phương tiện thông tin đại chúng, dự luận xã hội… Đây sẽ là những biện pháp đảm bảo và tăng cường quyền làm chủ của Nhân dân.

c) Tác động về giới: Việc giảm Đại biểu HĐND chuyên trách quận, huyện, thị xã, phường và bố trí sắp xếp lại cán bộ trong tổ chức bộ máy có thể sẽ làm ảnh hưởng đến đối tượng là đại biểu nữ, cán bộ công chức nữ.

d) Tác động của thủ tục hành chính: như Giải pháp 2.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Không tổ chức HĐND quận, phường không trái với quy định của Hiến pháp (Điều 111); phù hợp với quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Điều 4, 44, 58).

- Không tổ chức HĐND huyện, thị xã, không trái với quy định của Hiến pháp (Điều 111); phù hợp với Điều 4, nhưng không phù hợp với Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019.

- Việc thay đổi thẩm quyền cho HĐND, UBND Thành phố, UBND cấp huyện khi không tổ chức HĐND cấp huyện phù hợp với Điều 11, Điều 12 về phân định thẩm quyền, phân quyền cho chính quyền địa phương, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND Thành phố, UBND quận, huyện, nhưng sẽ không có điều kiện thực hiện tiếp các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp huyện quy định tại Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Việc xác định ngân sách quận, huyện, thị xã, phường trong điều kiện không tổ chức HĐND không phải là một cấp ngân sách trong hệ thống NSNN là chưa

phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Việc phân quyền, tăng thẩm quyền cho chính quyền Thành phố về quản lý bộ máy sẽ phù hợp với Điều 11, 12, 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nhưng không phù hợp với Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), (Điều 23, 28).

- Việc trao thẩm quyền cho Chính quyền thành phố Hà Nội quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt không phù hợp với quy định tại Khoản 3, 4 Điều 23 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Khoản 4 Điều 10 Nghị định 62/2020/NĐ-CP quy định vị trí việc làm và biên chế công chức và Khoản 4 Điều 66 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

-Việc trao thẩm quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: Quảng cáo, Phòng cháy chữa cháy; An toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố không phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Việc áp dụng trên phạm vi toàn thành phố cũng không phù hợp với khoản 1 và khoản 3 Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

-Việc quy định Chính quyền thành phố Hà Nội có thẩm quyền ban hành *các biện pháp hành chính* (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi vi phạm hành chính, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép …) đối với 3 lĩnh vực: Đất Đai, Xây dựng, Phòng cháy, chữa cháy là không phù hợp với Khoản 1 Điều 4, Khoản 5 Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Việc quy định chính quyền thành phố Hà Nội có thẩm quyền ban hành *các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính* như (yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động…) đối với 3 lĩnh vực: Đất Đai, Xây dựng, Phòng cháy, chữa cháy l không phù hợp với Khoản 1 Điều 4, Điều 19 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) vì chưa quy định các biện pháp ngăn chặn này.

+ Về thẩm quyền được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm: Việc ký hợp đồng lao động trong các cơ quan nhà nước mới chỉ được thực hiện trong việc quản lý viên chức (Điều 48 Luật Viên chức năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) nhưng chưa được quy định đối với việc quản lý công chức trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

+Về thẩm quyền được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống: Pháp luật chưa quy định nội dung này.

+ Quy định thống nhất một loại công chức: Không phù hợp với Điều 4 Luật cán bộ, công chức.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Có tương thích.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Kiến nghị giải pháp chính sách theo Giải pháp 3. Tuy nhiên nhìn từ góc độ tác động không mong muốn của chính sách, cần cân nhắc một cách thận trọng khi lựa chọn nội dung (1) Thường trực HĐND được quyết định một số vấn đề (phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đầu tư công, những vấn đề cấp bách khác…) giữa hai kỳ họp và (2) Chính quyền thành phố Hà Nội được ban hành các biện pháp hành chính (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi vi phạm hành chính, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép …) hoặc biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính như (yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động…) đối với 3 lĩnh vực: Đất Đai, Xây dựng, Phòng cháy, chữa cháy.

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 này thuộc về Quốc hội.

2. CHÍNH SÁCH 2: THU HÚT, SỬ DỤNG NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực của Thủ đô đang được thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019),Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2019); Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ). Đặc biệt, để thu hút được người có năng lực, trình độ, Điều 13 Luật Thủ đô quy định *"Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành chính sách trọng dụng nhân tài".* Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố đã ban hành quy định về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô, Nghị quyết số 04.Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện, các quy định này đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

- Phạm vi các đối tượng được áp dụng chính sách trọng dụng còn hạn chế; Số lượng người được tuyển dụng nói chung còn khiêm tốn so với số người thực tế thuộc các nhóm đối tượng được thu hút[8].

- Tiêu chí xác định để tuyển dụng, thu hút nhân tài chủ yếu là thông qua bằng cấp như: tốt nghiệp đại học loại xuất sắc; có học vị tiến sĩ ... mà chưa quan tâm đến những người có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn.

---

[8]Đối với sinh viên tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc các trường đại học, Thành phố đã tuyển dụng được 55 người (43 công chức và 12 viên chức) (Từ năm 2014-2018); Đối với Bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II: đã tuyển dụng được 32 người (từ năm 2017 đến nay); Đối với vận động viên, văn nghệ sỹ đoạt huy chương vàng hoặc giải nhất tại các kỳ thi chuyên nghiệp quốc gia; huy chương vàng, huy chương bạc hoặc giải nhất, nhì tại các cuộc thi khu vực hoặc thế giới, đã tuyển dụng được 77 người (Từ năm 2018-2020).

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách này, qua đánh giá của các cơ quan, đơn vị sử dụng thì hầu hết chưa có thành tích vượt trội, nổi bật so với những công chức, viên chức được tuyển dụng theo những quy định chung.

- Kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ một lần theo tinh thần của Nghị quyết 14 còn thấp[9]. Ngoài ra, các đối tượng được tuyển dụng theo chính sách thu hút của Thành phố không được hưởng thêm chính sách ưu đãi nào khác về lương và thu nhập so với các cán bộ, công chức, viên chức khác.

- Chưa thu hút được các nhóm đối tượng như: chuyên gia giỏi, nhà khoa học đầu ngành, nghệ nhân… do chưa có chế độ, chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc thích hợp.

- Rất khó khăn để thu hút được những người giỏi, có tài năng đang làm việc tại khu vực tư sang khu vực công, đặc biệt ở vị trí lãnh đạo, quản lý do những rào cản về quy trình bổ nhiệm; các điều kiện, tiêu chuẩn (ngoài tiêu chuẩn chuyên môn) và chưa có chính sách thu hút, đãi ngộ xứng đáng.

Kết quả trên cho thấy chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài của Thành phố chưa đủ sức hấp dẫn: mới chỉ đưa ra chính sách tuyển dụng đối với một số đối tượng cụ thể để thu hút đầu vào; chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế về môi trường làm việc, mức lương, thu nhập, cơ hội học tập và thăng tiến cũng như các điều kiện đãi ngộ khác; chưa tạo được sự cạnh tranh so với khu vực tư. Chính vì thiếu cơ chế, thiếu nguồn lực thực hiện việc đãi ngộ, đặc biệt là nguồn lực tài chính nên chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của Thủ đô về cơ bản chưa đáp ứng được mục tiêu như mong muốn.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu chung: Thu hút, trọng dụng, đãi ngộnhân lực chất lượng cao (bao gồm cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội Thủ đô, đáp ứng được yêu cầu được đặt ra trong Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trịngày 5/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: "*có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế*".

Mục tiêu cụ thể:

- Việc thu hút có trọng tâm, trọng điểm, nhất là ở các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho sự phát triển nhanh, bền vững đối với kinh tế - xã hội Thủ đô.

- Có cơ chế tuyển dụng phù hợp đối với từng nhóm đối tượng cần thu hút.

- Có chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng, cụ thể, hợp lý; tạo lập môi trường làm việc tốt để những người có kiến thức, trình độ và kinh nghiệm phát huy đượcnăng lực, sự sáng tạo.

"Được hưởng hỗ trợ đãi ngộ thu hút một lần bằng 20 (hai mươi) lần mức lương tối thiểu tại thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận" (Điểm b khoản 1 điều 3Điều 3 Nghị quyết số 14).

- Đảm bảo được nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đôcăn cứ vào năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của Thành phố.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

Giải pháp 2: Thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

(1) Người có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thủ đô.

(2) Thành phố được quy định việc ký hợp đồng và quyết định mức lương, chế độ đãi ngộ theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị của Thủ đô cần có sự đảm nhiệm của người có năng lực, kinh nghiệm và trình độ cao.

(3) Thành phố được quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động); mức chi căn cứ vào năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của Thành phố.

Giải pháp 3: Giải pháp 2 và bổ sung nội dung sau: Thành phố được quy định việc ký hợp đồng với người có kiến thức, trình độ, năng lực, kinh nghiệm đã và đang làm việc ở khu vực tư hoặc ở các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý các tổ chức, cơ quan, đơn vị của Thủ đô (đảm bảo liên thông giữa khu vực công và khu vực tư)

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

a) Tác động về kinh tế:

<u>Tác động tích cực:</u>

(i) Nhà nước:

- Chính quyền thành phố Hà Nộiduy trì sự ổn định, NSNN không phải chi cho thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức cũng như chi cho các chế độ đãi ngộ để thực hiện chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao.

(ii) Doanh nghiệp:

- Khu vực tư vẫn duy trì khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, do khu vực nhà nước ít có cơ hội cạnh tranh thu hút.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

(i) Nhà nước:

-Không thểthu hút và phát huy được năng lực của đội ngũ những người giỏi vốn rất dồi dào, sẵn có trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia, nhà

khoa học, tạo nên sự lãng phí nguồn nhân lực có thể đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị Thủ đô sẽ không cao, do không tận dụng được trí tuệ, kinh nghiệm của đội ngũ nhân lực chất lượng cao, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của chính quyền thành phố Hà Nội.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Thu nhập và chế độ đãi ngộ thấp, không tương xứng với năng lực, trình độ và sự cống hiến. Chính sách đãi ngộ vật chất thấp hơn nhiều so với mặt bằng khu vực tư. Tiền lương vẫn nằm trong hệ thống thang, bảng lương chung, dẫn đến thu nhập chưa đủ tái sản xuất sức lao động giản đơn và chưa thực sự dựa trên kết quả công việc. Sự cách biệt tiền lương giữa các ngạch, bậc chưa phản ánh thỏa đáng yêu cầu của từng vị trí việc làm, độ khó của công việc; việc nâng bậc lương chủ yếu dựa vào yếu tố thời gian (thâm niên) mà không chú trọng đến yếu tố hiệu quả công việc nhân tài đang đảm nhận.

b) Tác động về xã hội:

Tác động tích cực:

Nhà nước duy trì tính ổn định, ít thay đổi trong sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực công và khu vực tư.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Cơ cấu nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công có thể bị mất cân đối, chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng số nhân lực trong khu vực công; có thể dẫn đến thiếu hụt nhân lực chất lương cao trong khu vực công.

- Hiện tượng chảy máu chất xám có thể xảy ra từ khu vực công sang khu vực tư; Không tạo ra được tính liên thông trong tuyển dụng nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư.

- Tâm lý sức ì, ngại thay đổi; tính cạnh tranh của khu vực công thấp; chưa có cơ chế phát huy và tạo động lực để cống hiến, sáng tạo nâng cao hiệu quả làm việc.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Phải thực hiện quy trình tuyển dụng phức tạp hoặc phải đáp ứng nhiều tiêu chí, tiêu chuẩn mà có thể sẽ trở thành rào cản đối với nhân lực chất lượng cao để vào được vị trí việc làm phù hợp.

- Thu nhập và chế độ đãi ngộ không tương xứng dễ tạo ra sự chán nản, mất động lực cống hiến, hiệu quả làm việc không cao; có thể dẫn đến hiện tượng dịch chuyển lao động, rời bỏ khu vực công sang khu vực tư.

- Sự khác biệt, chênh lệnh về thu nhập, cơ chế đãi ngộ, môi trường làm việc giữa khu vực công và khu vực tư, dẫn tới nhu cầu tìm kiếm cơ hội việc làm trong khu vực công của nguồn nhân lực chất lượng cao bị có thể bị giảm sút.

- Môi trường, vị trí việc làm không phù hợp thì người tài sẽ không thể phát

huy được sở trường, năng lực, lâu dần sẽ tạo ra sức ỳ, thiếu sự năng động và có thể dẫn đến sự thui chột tài năng. Môi trường làm việc thiếu tính năng động, cách quản lý hành chính quan liêu có tính phổ biến hiện nay có thể sẽ làm hao hụt trí tuệ, giảm đi sự nhiệt tình và khả năng sáng tạo của nhân tài.

- Nhân lực chất lượng cao có thể mong muốn được phục vụ, cống hiến cho Thủ đô, nhưng không có nhiều cơ hội phù hợp và bị hạn chế bởi các rào cản nhất định.

(iii) Doanh nghiệp, người dân:

- Các doanh nghiệp chưa có điều kiện, cơ hội cạnh tranh với khu vực công mà có thể chỉ là cạnh tranh giữa các đơn vị khu vực tư với nhau, dẫn đến việc một số doanh nghiệp chưa cải thiện tối ưu chính sách trọng dụng nhân tài, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Hạn chế về cơ hội tuyển dụng và cơ hội việc làm đối với người dân.

- Người dân có thể không được thụ hưởng các dịch vụ có chất lượng, các sản phẩm khoa học, công nghệ tốt từ sự đóng góp, phục vụ và cống hiến của nhân lực chất lượng cao.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Giải pháp này không có tác động đến hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo sự phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019),Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2019); Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Điều 13 Luật Thủ đô *"Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành chính sách trọng dụng nhân tài"*.

- Cần xem lại sự phù hợp của Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố quy định về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô với các quy định pháp luật hiện hành về quản lý cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Có tương thích.

2.4.2. Giải pháp 2

a) Tác động về kinh tế:

<u>Tác động tích cực:</u>

(i) Nhà nước:

- Việc tuyển dụng thẳngngười có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ sẽ tăng cơ hội thu hút người có năng lực, có trình độ cao vào khu vực công mà không phải mất chi phí cho các quy trình thủ tục phức tạp để thi tuyển.

-Khi tăng khả năng và cơ hội để thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm, đồng nghĩa với việc chính quyền thành phố Hà Nội có thể sử dụng và phát huy một cách có hiệu quả nguồn nhân lực này, từ đó mà có thể làm gia tăng được hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, tăng hiệu quả phát triển kinh tế -xã hội của Thủ đô.

- Hạn chế được tình trạng chảy máu chất xám từ khu vực công sang tư, tránh lãng phí nguồn lực.

- Việc thu hút được những người có tài năng trong lĩnh vực khoa học công nghệ có thể sẽ giúp phát huy được tiềm lực, năng lực để giải quyết được các vấn đề của khoa học công nghệ trong xu thế quản trị mới hiện nay; có thể giúp gia tăng hiệu quả, chất lượng của các hoạt động, sản phẩm khoa học, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn và then chốt của Thủ đô.

- Việc sử dụng ngân sách để chi thu nhập tăng thêm có tác động lớn đến đội ngũ cán bộ công chức, viên chức Thủ đô. Nếu được áp dụng sẽ có tác dụng nhiều mặt như: đảm bảo và nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ công chức, viên chức, người lao động, góp phần yên tâm công tác, tái tạo sức lao động, nâng cao năng suất lao động, chất lượng công việc, tạo động lực và thúc đẩy các sáng kiến khoa học, chống tham nhũng… Có thể nói tiền lương là một nhân tố quan trọng tác động mạnh mẽ nhất, nếu như tiền lương không gắn chặt với chất lượng, hiệu quả công tác, không theo giá trị sức lao động thì tiền lương không đủ đảm bảo để sản xuất, thậm chí tái sản xuất giản đơn sức lao động không đủ để khuyến khích nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề. Vì vậy, tiền lương phải đảm bảo các yếu tố cấu thành để đảm bảo nguồn thu nhập, là nguồn sống chủ yếu của người lao động và gia đình họ, là điều kiện để người lao động hưởng lương hoà nhập vào thị trường lao động xã hội. Tuy nhiên, mức độ khả thi của chính sách này còn phụ thuộc rất lớn vào nguồn và mức độ chi trả của ngân sách Thành phố.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Tiếp cận được các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng từ lương (có thể được thỏa thuận), thu nhập tăng thêm, các điều kiện đảm bảo khác như nhà ở, phương tiện đi lại…

Để cụ thể hóa các chính sách trên, Luật Thủ đô cần quy định rõ việc ủy quyền cho HĐND được ban hành quy đinh liên quan đếncác mức chi cụ thể để thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chất lượng cao như lương tuyển dụng khởi điểm, lương chi trả tối thiểu cho một chuyên gia, nhà khoa học làm việc cho Thủ đô, lương chi trả tối thiểu cho nhân lực ký hợp đồng giữ vị trí lãnh đạo, quản lý tại cơ quan đơn vị thủ đô, mức chi thu hút lần đầu, mức chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô, các điều kiện tiêu chuẩn về nhà ở, phương tiên

đi lại...Luật cũng cần xác định rõnguyên tắc, điều kiện, phạm vi, thẩm quyền để nghị quyết HĐND có thể thực thi được ngay sau khi ban hành.

(iii) Doanh nghiệp, người dân:

- Khi nhân lực chất lượng cao có thêm nhiều cơ hội sẽ tạo thêm nhiều sự cạnh tranh giữa khu vực công và khu vực tư để thu hút người tài, từ đó màcác doanh nghiệp cũng phải tìm cách cải thiện môi trường, cải thiện chính sách trọng dụng nhân tài, tạo ra động lực cho sự phát triển.

-Khi thu hút được người có năng lực vào các vị trí việc làm phù hợp sẽ gia tăng được hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, từ đó mà người dân cũng được thụ hưởng những lợi ích được mang lại từ các hoạt động có chất lượng.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Thành phố phải bố trí kinh phí từ ngân sách Thủ đô để tăng mức thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia nhà khoa học; kinh phí chi cho thu nhập tăng thêm của công chức, viên chức (tuy nhiên, vẫn phải trên cơ sở có sự cân đối từ nguồn ngân sách, ngân sách có khả năng chi trả).

Số biên chế viên chức hưởng lương NSNN được giao năm 2021 là 116.007 biên chế, trong đó số viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lậpNSNN đảm bảo toàn bộ là 78.055 người.Chi thu nhập bình quân của toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách vào năm 2021 là khoảng 15.900 tỷ, trong đó chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động được ước tính là 10.689 tỷ đồng.

Trong trường hợp Thủ đô được quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động) với hai phương án là 1.3 lần và 1.8 lần so với mức chi như hiện tại, chi từ NSNN cho mục tiêu chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do Ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động được dự báo như sau:

Bảng 1: Chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do Ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động

Đơn vị: tỷ đồng

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Chi thu nhập bình quân cho CB,CC,VC thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động theo phương án giữ nguyên như hiện tại.	10,689	10,709	13,922	14,896	15,939	17,055
thuộc đơn vị sự nghiệp do NS đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động nếu mức tăng là 1.3 lần.	13,895	13,922	18,098	19,365	20,721	22,171
Chi thu nhập bình quân cho CB, CC, VC thuộc đơn vị sự nghiệp do NS đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động nếu mức tăng là 1.8 lần.	19,240	19,276	25,059	26,813	28,690	30,698

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.

Để thực hiện giải pháp này này, NSNN của Thủ đô sẽ cần tăng chi để đảm bảo thực hiện các phương án dự kiến. Dự báo yêu cầu tăng chi hàng năm của NSNN của Thủ đô với mục tiêu chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động) sẽ là khoảng từ 4,5-5,1 nghìn tỷ mỗi năm đối với phương án tăng 1,3 lần và 9-10,2 nghìn tỷ mỗi năm đối với phương án 1.8 lần. Hai con số này sẽ lần lượt đạt mức 11,9 nghìn tỷ và 13,6 nghìn tỷ vào năm 2025.

Hình 1: Dự báo nhu cầu chi NSNN tăng thêm hàng năm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Dự báo cho toàn giai đoạn 2021-2025, tổng chi ngân sách tăng thêm của Thủ đô sẽ là 21,8 nghìn tỷ đối với phương án tăng 1,3 lần và 58,0 nghìn tỷ đối với phương án 1,8 lần. Con số này sẽ tăng lên lần lượt là 22,84 nghìn tỷ và 60,92 nghìn tỷ cho giai đoạn 2025-2030. Mức chi này sẽ góp phần tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động, gắn với các cải cách về đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc tại khu vực công, chất lượng dịch vụ công, hiệu quả của TTHCcho doanh nghiệp và người dân. Tăng thu nhập gắn với cải cách về

đánh giá năng lực, vị trí việc làm cũng góp phần nâng cao chất lượng của các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa xã hội cho người dân Thủ đô, mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân, học sinh trên địa bàn Thủ đô.

Mức thu nhập tăng thêm cho thêm thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động sẽ đóng góp trực tiếp vào cải thiện thu nhập khả dụng, tăng chi tiêu đối với nền kinh tế Thủ đô, tác động gián tiếp tới mở rộng cầu đối hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trong nền kinh tế thủ đô, gián tiếp đóng góp cho tăng trưởng GRDP của Thủ đô.

Hình 2: Dự báo nhu cầu chi NSNN tăng thêm hàng năm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức giai đoạn 2021-2030

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Phần tăng chi cho mục đích chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức dự báo sẽ chiếm từ 7-8% trong tổng chi thường xuyên của NSNN Thủ đô đối với phương án tăng 1.3 lần và từ 19-23% đối với phương án tăng 1.8 lần. Với các biện pháp nâng cao năng lực về tài chính - ngân sách và hiệu quả sử dụng nguồn lực từ NSNN như đã phân tích tại Chính sách 3, phương án tăng 1.3 lần là khả thi khi các giải pháp nhằm nâng cao năng lực ngân sách của Thủ đô như đề xuất tại Chính sách 3 và các giải pháp khác nhằm tăng thu NSNN của thủ đô được triển khai. Mức tăng thực tế có thể cao hoặc thấp hơn con số 1.3 lần tùy theo tình hình thực tế, điều kiện, khả năng ngân sách của Thủ đô trong từng năm.

Bảng 2: Tỷ trọng của phần tăng chi cho mục đích chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức trong tổng chi thường xuyên hàng năm của NSNN Thủ đô

Đơn vị: tỷ đồng

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng chi NSNN thường xuyên của Thủ đô (tỷ đồng)	45,001	47,359	53,282	54,822	57,610	60,536
Tỷ trọng của phần tăng thêm trong tổng chi thường xuyên của NSNN thủ đô của phương án 1.3 lần	7%	7%	8%	8%	8%	8%
Tỷ trọng của phần tăng thêm trong tổng chi thường xuyên của NSNN thủ đô của phương án 1.8 lần	19%	18%	21%	22%	22%	23%

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.

- Kể cả khi Thành phố có tăng mức thu nhập và đãi ngộ nhưng vẫn không thể đủ sức hấp dẫn khi khu vực tư luôn đưa ra các chính sách đãi ngộ tốt hơn

- Có thể có rủi ro gây ra sự lãng phí ngân sách nếu việc lựa chọn nhân lực không phù hợp với vị trí việc làm, yêu cầu công việc. Để hạn chế rủi ro này, cần phải có các tiêu chuẩn cụ thể đối với nhân lực chất lượng cao ở các các vị trí việc làm cụ thể.

b) Tác động về xã hội:

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

-Tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa khu vực công và khu vực tư. Cơ quan nhà nước phải cải thiện môi trường, cải thiện chính sách để có thể thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

-Đảm bảo được tính liên thông trong tuyển dụng nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư, cân bằng được thị trường lao động chất lượng cao giữa hai khu vực.

- Thay đổi được tư duy về thái độ và cách ứng xử đối với nhân tài. Không chỉ là thu hút và tuyển dụng mà còn là đãi ngộ và trong dụng, từ đó mà có thể tạo ra nhiều cơ hội thu hút được người giỏi từ nước ngoài, từ khu vực tư về làm việc cho Thủ đô, tăng cường các cơ hội kết nối và thu hút đầu tư.

-Khi nhận được chế độ đãi ngộ và nguồn thu nhập tốt sẽ tạo ra nguồn động lực cả về vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức để từ đó mà tạo không khí phấn khởi, yên tâm hơn để phục vụ và công hiến, nâng cao sức lao động, hiệu quả công việc, đóng góp nhiều hơn các sản phẩm có chất lượngcho xã hội.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, vị trí thăng tiến cho những người giỏi, có năng lực, tăng các cơ hội để được lựa chọn, tiếp cận được các vị trí tốt, có thu nhập cao.

- Người lao động có động lực và yên tâm phục vụ, công hiến khi được hưởng lương và các chế độ đãi ngộ khác phù hợp, xứng đáng.

- Tạo ra rất nhiều các cơ hội về tuyển dụng, vị trí việc làm cho những người có tài năng, người có trình độ, kinh nghiệm cao.

(iii) Người dân:

-Được tiếp cận, thụ hưởng lợi ích chung từ chất lượng đi lên của dịch vụ công, từ hoạt động hiệu quả của cơ quan nhà nước.

- Tăng thu nhập, tăng cơ hội việc làm, đặc biệt là những người có năng lực

Tác động tiêu cực: Không có.

c) Tác động về giới: Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Để thực hiện giải pháp người có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thủ đô cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định TTHC liên quan đến thu hút, tuyển dụng công chức, viên chức (tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ…) tại các văn bản QPPL hiện hành. Tuy nhiên, tại dự án Luật sẽ không quy định cụ thể về các TTHC này mà giao cho Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể cơ chế chính sách và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Về cơ bản các giải pháp được đề xuất đều có tính mới, chưa được quy định trong văn bản pháp luật hiện hành. Theo Luật Viên chức, hiện nay mới chỉ quy định việcký hợp đồng lao động của viên chức và hợp đồng thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc (sửa chữa, bảo trì, lái xe, vệ sinh…) trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (theo NĐ 68/2000/NĐ-CP, s/đ, b/s bởi NĐ 161/2018/NĐ-CP).

- Cần ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện đãi ngộ và các điều kiện thu hút khác để thay thế các quy định của Nghị quyết số 14.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Có tương thích.

2.4.3. Giải pháp 3

a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực:

(i)Nhà nước:

- Hiện nay, các chức danh lãnh đạo quản lý tại các cơ quan, đơn vị của Thủ đô đều phải thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các nghị định hướng dẫn thi hành. Theo đó cho thấy, quy trình, thủ tục bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý khá phức tạp và kèm theo một số điều kiện tiêu chuẩn cần và đủ về bằng cấp, các chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo và đặc biệt phải được quy hoạch ở chức vụ tương đương (nếu là nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị). Điều đó đã tạo ra các rào cản nhất định mà với những người có năng lực làm việc tại khu vực tư hay từ nước ngoài về đều khó có thể đáp ứng. Chính vì vậy, nếu được thực hiện ký hợp đồng để tuyển dụng được nhân lực chất lượng cao vào các vị trí này thì sẽ tạo ra được bước đột phá mạnh mẽ trong chính

sách thu hút và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao, thay đổi được tư duy và phương pháp thu hút, từ đó mà có thể nâng cao được hiệu quả hoạt động, tạo đà cho sự đổi mới, sự sáng tạo và sự phát triển trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị Thủ đô.

(ii)Nhân lực chất lượng cao:

- Được có thêm các cơ hội thăng tiến và hưởng mức lương, chế độ đãi ngộ phù hợp với vị trí công việc.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Phải bố trí nguồn lực ngân sách đủ điều kiện thu hút nhân lực chất lượng cao ở các vị trí lãnh đạo, quản lý.

- Nếu nhân lực không đảm bảo được yêu cầu thì cũng sẽ gây ra sự lãng phí cho NSNN. Đòi hỏi phải có các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể phù hợp với vị trí cần thu hút.

b)Tác động về xã hội:

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

- Tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa khu vực công và khu vực tư. Co quan nhà nước phải cải thiện môi trường, cải thiện chính sách để có thể thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đảm bảo được tính liên thông trong tuyển dụng nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư, cân bằng được thị trường lao động chất lượng cao giữa hai khu vực.

- Thay đổi được tư duy về thái độ và cách ứng xử đối với nhân tài. Không chỉ là thu hút và tuyển dụng mà còn là đãi ngộ và trong dụng, từ đó mà có thể tạo ra nhiều cơ hội thu hút được người giỏi từ nước ngoài, từ khu vực tư về làm việc cho Thủ đô, tăng cường các cơ hội kết nối và thu hút đầu tư.

- Khi nhận được chế độ đãi ngộ và nguồn thu nhập tốt, cơ hội thăng tiến và môi trường làm việc tốt, sẽ tạo ra nguồn động lực cả về vật chất và tinh thần cho nhân lực chất lượng cao để từ đótạo không khí phấn khởi, phát huy sức sáng tạo, nâng cao sức lao động, hiệu quả công việc, đóng góp nhiều hơn các sản phẩm có chất lượngcho xã hội.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, vị trí thăng tiến cho những người giỏi, có năng lực, tăng các cơ hội để được lựa chọn, tiếp cận được các vị trí tốt, có thu nhập cao. Lương trả cho đối tượng này phải dựa trên hiệu quả công việc của họ và thường xuyên điều chỉnh, đảm bảo cạnh tranh với khu vực ngoài nhà nước. Việc bổ nhiệm chức danh, chức vụ, tạo điều kiện thăng tiến trong công việc cho họi phải dựa trên hiệu quả công việc của họ chứ không chỉ dựa trên thâm niên hay

tuổi tác.

Tác động tiêu cực:

- Thay đổi tư duy và phương pháp tuyển chọn người tài vào các vị trí lãnh đạo, quản lý nhưng cũng dễ xảy ra việc lựa chọn chủ quan, tùy tiện nếu không có các tiêu chuẩn điều kiện cụ thể và kết quả đầu ra rõ ràng,không có các quy định để ràng buộc trách nhiệm của người ký hợp đồng tuyển dụng,

c) Tác động về giới: Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:như Giải pháp 2.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Bên cạnh các nội dung đã được đánh giá tại giải pháp 2, nếu thực hiện thêm nội dung này sẽ không phù hợp với Điều 51 Luật Cán bộ, công chức; Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội quy định *"chấm dứt sử dụng lao động hợp đồng để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất thường xuyên trong cơ quan hành chính nhà nước"*; Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, có hiệu lực 01/12/2020, Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý; Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP,Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP quy định về thẩm quyền bổ nhiệm lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và các quy định pháp luật chuyên ngành về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Kiến nghị giải pháp lựa chọn là Giải pháp 3. Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

3. CHÍNH SÁCH 3: NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Đảng ta xác định:*"Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn"*; *"Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội"*; *"Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phát triển mạnh các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn, nhất là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh"*; *"Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng giao thông"*[10].

[10]Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t1, tr 250, 253, 254, 259.

Văn kiện Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố xác định mục tiêu: *Đến năm 2025,*xây dựng Đảng bộ Thành phố có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu; phát triển nhanh và bền vững Thủ đô theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực; cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, GRDP/người đạt 8.300-8.500 USD; *Đến năm 2030,* Hà Nội trở thành thành phố "xanh - thông minh - hiện đại"; phát triển năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế; hoàn thành công nghiệp hóa Thủ đô; GRDP/người đạt 12.000-13.000 USD; *Đến năm 2045,* Hà Nội có chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, bền vững; là Thành phố kết nối toàn cầu, có sức cạnh tranh quốc tế, GRDP/người đạt trên 36.000 USD.

Về định hướng phát triển: Thành phố xác định ưu tiên hiện đại hóa, phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, xây dựng một số công trình tiêu biểu, không gian kiến trúc cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô. Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với khu vực ngoại thành, các đô thị vệ tinh, các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô. Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng dữ liệu…, kết nối liên thông, đồng bộ và thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Mới đây nhất, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" cũng khẳng định quan điểm "tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực của cả nước và nguồn lực quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển". Nghị quyết 15-NQ/TW cũng giao trách nhiệm thực hiện, cụ thể là "*Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo sửa đổi Luật Thủ đô và một số luật có liên quan theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Hà Nội, trong đó lưu ý đến việc chủ động nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm ưu tiên hơn nữa nguồn lực đầu tư cho phát triển, bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội*", và "*Ban Cán sự đảng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Thủ đô sửa đổi. Xây dựng*

một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền thành phố Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế…".

Có thể khẳng định, Thủ đô Hà Nội không đơn thuần chỉ là đơn vị hành chính cấp tỉnh như 62 tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Với vai trò là Thủ đô của cả nước, Thủ đô Hà Nội có nhiều trọng trách nặng nề mà những địa phương khác không có. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong việc đảm bảo và phát huy vị trí, vai tròlà trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước,yêu cầu về đảm bảo trật tự, kỷ cương, đảm bảo tuyệt đối an toàn về chính trị, an ninh, quốc phòng, đảm bảo công tác đối ngoại của Trung ương và Thành phố.

Tỷ lệ điều tiết ngân sách giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội và áp dụng trong từng thời kỳ ổn định ngân sách địa phương. Trong những giai đoạn vừa qua, việc giảm tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thủ đô Hà Nội sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách làm giảm nguồn lực cho đầu tư phát triển và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố (giai đoạn 2011-2016 là 42%, giai đoạn 2017-2020 giảm còn 35%). Trong giai đoạn 2016-2020, với tỷ lệ điều tiết 35% thì nguồn lực ngân sách mới đáp ứng được 30-40% nhu cầu chi đầu tư phát triển của Thành phố.

Dự kiến kế hoạch 2021-2025, tổng nhu cầu chi của Thủ đô giai đoạn 2021-2025 cho đầu tư công khoảng 650 nghìn tỷ đồng trong khi khả năng cân đối ngân sách Thủ đô Hà Nội mới chỉ đáp ứng được khoảng 30-35% nhu cầu. Thủ đô hiện cần đầu tư nhiều dự án công trình giao thông trọng điểm, các cơ sở kết cấu hạ tầng quan trọng, đồng thời hiện dang triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường sắt đô thị. Đây là các dự án quan trọng cụ thể hóa quy hoạch chung xây dựng thủ đô, quy hoạch giao thông Thủ đô Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và tăng cường liên kết vùng, kết nối vùng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô và các tỉnh, thành phố trong khu vực.

Phần phân tích dưới đây sẽ đánh giá các giải pháp chính sách khác nhau và tác động của các giải pháp. Phân tích và đánh giá tác động này sẽ là cơ sở cho việc lựa chọn giải pháp phù hợp nhất nhằm tháo gỡ các khó khăn, hạn chế về quy định và thể chế nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô. Đồng thời, thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ NSNN.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Chính sách 3 hướng tới mục tiêu sau: "*Tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng tính chủ động và sự linh hoạt*

trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô. Đồng thời, thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ NSNN; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, thông minh, hiện đại (trọng tâm là phát triển kết cấu hạ tầng KTXH, các công trình trọng điểm về phát triển đô thị, các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, BVMT, nông nghiệp, nông thôn và khoa học công nghệ của Thủ đô)".

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, bao gồm việc luật hóa các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 (gồm 7 nội dung).

Giải pháp 2: Thủ đô được thực hiện các cơ chế nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô như:

(1)Được giữ ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố trong giai đoạn 10 năm.

(2) Được quy định tăng thuế suất của thuế sử dụng đất đối với diện tích đất ở, nhà ở tại các dự án đô thị đã được đầu tư hạ tầng cơ bản thiết yếu trong trường hợp chủ đầu tư dự án không đưa dự án vào sử dụng sau 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc dự án theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

(3) Được quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết; số tăng thu còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nướcnăm 2015.

(4)Được thưởng 100% khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (nhưng không vượt quá số tăng thu so với thực hiện thu năm trước) mà không phụ thuộc vào tổng số vượt thu của ngân sách Trung ương. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo Quốc hội bổ sung từ dự toán năm sau của ngân sách Trung ương để thực hiện.

(5)Được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô và bổ sung vốn cho những doanh nghiệp công ích thuộc lĩnh vực thiết yếu mà Thành phố cần đầu tư vốn.

(6)Kế thừa, bổ sung, luật hóa các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 *(gồm 7 nội dung):*

(6.1) Được quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội như sau: Phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; Điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%...

(6.2) Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội.

(6.3) Sau khi ngân sách thành phố Hà Nội bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định, Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội.

(6.4) Được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản công và xây dựng mới các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(6.5) Được quyết định sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết; cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và của các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đầu tư các công trình trọng điểm.

(6.6) Được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 năm trước.

(6.7) Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hà Nội không vượt quá 90% số thu ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng theo phân cấp.

(7) Thủ đô được thực hiện các cơ chế nhằm thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ NSNN; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, thông minh, hiện đại như:

(7.1) Được thực hiện các hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao (có phạm vi rộng hơn Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP), được phép quyết định mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP.

(7.2) Quyết định danh mục: lĩnh vực (Phát triển hạ tầng - đô thị, BVMT, văn

hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội), hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu cần khuyến khích đầu tư kinh doanh, biện pháp khuyến khích đầu tư, quyết định phương thức thực hiện (đặt hàng, giao nhiệm vụ…) và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô.

(7.3) Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công;

(7.4)Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư đối với: (i) các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành khác (đối với dự án đầu tư phát triển đô thị, nhà ở, khu công nghiệp,…); (ii) các dự án đầu tư công (đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giao Thành phố làm chủ đầu tư; các dự án đầu tư công bằng vốn ngân sách của Hà Nội tại địa bàn tỉnh khác hoặc dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ) phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(7.5) Được thành lập doanh nghiệp đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước và quản lý, khai thác tài sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước thuộc Thành phố (do UBND Thành phố là đại diện chủ sở hữu) nhằm huy động, tập trung ngân sách và các nguồn lực đầu tư, tạo cơ chế chủ động, linh hoạt để triển khai xây dựng, quản lý và khai thác các dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu của Thủ đô.

(8) HĐND Thành phố Hà Nội được quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội mức phụ thu tăng thêm tối đa 50% trên mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định ở một số sắc thuế gián thu đối với một số hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội để điều tiết tiêu dùng một số hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường hoặc hàng hóa, dịch vụ cần thiết tiêu dùng. Các khoản thu này ngân sách Thành phố được hưởng 100%.

(9) UBND cấp huyện được tổ chức thu các loại thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn (cơ quan thuế phối hợp, giám sát để đảm bảo mức thu đúng quy định pháp luật thuế) trên cơ sở phân chia nguồn thu từ thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh phục vụ nhu cầu chi của xã, phường.

Các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 dự kiến được luật hóa

(1) Được quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội như sau: Phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và Lệ phí; Điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và Lệ phí, trừ các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

(2) Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất

(QSDĐ); kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới theo quy định của Luật Quản lý, Sử dụng Tài sản công) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội.

(3) Sau khi ngân sách thành phố Hà Nội bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định, Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hộithuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội.

(4) Được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản công và xây dựng mới các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

(5) Được quyết định sử dụng ngân sách cấp thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận để hỗ trợ các huyện khó khăn của thành phố Hà Nội trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đầu tư các công trình trọng điểm.

(6) Được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 năm trước.

(7) Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hà Nội không vượt quá 90% số thu ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng theo phân cấp.

Giải pháp 3: Bao gồm các nội dung của Giải pháp 2 song loại trừ các biện pháp (8), (9).

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, bao gồm việc Luật hóa các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 (gồm 7 nội dung)

a) Tác động về kinh tế:

Năm 2021, tổng thu NSNN của thủ đô là267,2 nghìn tỷ đồng, trong đó 164,3 nghìn tỷ là phần thu hộ NSNN Trung ương. Phần thu NSNN được giữ lại là 102,9 nghìn tỷ. Vào năm 2025, hai con số này dự toán sẽ đạt mức 334,7 nghìn tỷ và 121,6 nghìn tỷ vào năm 2025. Tính chung cả giai đoạn 2021-2025, tổng thu NSNN của thủ đô dự toán sẽ là 1.490 nghìn tỷ, trong đó phần thủ đô được giữ lại là 537,7 nghìn tỷ.

Trong khi đó, nhu cầu chi NSNN của Thủ đô dự kiến sẽ tăng mạnh trong những năm tới. Tổng chi NSNN đạt mức 83,9 nghìn tỷvào năm 2021 và tăng đều đặn qua các năm đạt mức 147 nghìn tỷ vào năm 2025. Tổng dự toán chi NSNN

của Thủ đô giai đoạn 2021-2025 là 589,4 nghìn tỷ đồng.

Như vậy, với các quy định về thu NSNN như hiện tại, bắt đầu từ năm 2022 dự báonguồn thu mà Thủ đô được giữ lại theo Luật Ngân sách Nhà nướcsẽ bắt đầu không đủ để đảm bảo nhu cầu chi NSNN (bao gồm cả chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển). Mức thiếu hụt được dự báo là khoảng 7,9 nghìn tỷ vào năm 2022, 18,7 nghìn tỷ vào năm 2023 và tăng lên mức 25,4 nghìn tỷ vào năm 2025. Tổng mức thiếu hụt giữa khoản thu mà NSNN mà Thủ đô được giữ lại và nhu cầu chi NSNN cho cả giải đoạn 2021-2025 là 51,7 nghìn tỷ đồng, tương đương với khoảng 10% tổng thu NSNN mà thủ đô được giữ lại trong cả giai đoạn.

Hình 3: Thu chi NSNN, chênh lệch thu chi NSNN của Thủ đô và Dự toán 2021-2025

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Thiếu hụt về ngân sách sẽ ảnh hưởng tới các khoản chi thường xuyên và chi cho phát triển nhằm hỗ trợ trợ phát triển kinh tế, các mục tiêu xã hội, các chương trình y tế, giáo dục, phát triển khoa học công nghệ, môi trường sinh thái.

Tình hình thiếu nguồn lực, đặc biệt là từ vốn NSNN còn trầm trọng hơn nếu nhìn từ nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội- môi trường đề ra trong các chính sách, văn bản chiến lược của Thủ đô. Trong năm 2021, nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô là 117,6 nghìn tỷ đồng, song khả năng đáp ứng chỉ đạt 36,6 nghìn tỷ đồng và mức thiếu hụt lên tới 81,1 nghìn tỷ.

Hình 4: Mức thiếu hụt nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2025

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Như vậy, mức thiếu hụt về nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô luôn ở mức cao, dự báo khoảng 59% vào năm 2022 và 49% vào năm 2025. Tính chung cả giai đoạn 2021-2025, tổng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển là 650 nghìn tỷ, song khả năng đáp ứng của NSNN của Thủ đô chỉ là 284,1 nghìn tỷ, với mức thiếu hụt là 365,8 nghìn tỷ hay 56% tổng nhu cầu chi.

Như vậy, với giải pháp giữ nguyên như hiện tại, rõ ràng năng lực NSNN của Thủ đô sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo dự toán chi và nhu cầu chi trong giai đoạn tới, đặc biệt là nhu cầu chi cho đầu tư phát triển.

b) Tác động về xã hội:

Với các quy định và mức thu như hiện hành, khả năng đáp ứng từ nguồn thu NSNN đối với phần được giữ lại của Thủ đô đối với tổng dự toán chi trong giai đoạn tới là khó khăn. Điều này sẽ ảnh hưởng tới các hoạt động chi thường xuyên, chi cho đầu tư phát triển, các chương trình an sinh xã hội, văn hóa xã hội, môi trường.

Mức thiếu hụt tới hơn nửa nhu cầu chi ngày đồng nghĩa với việc sẽ có khoảng hơn nửa khối lượng công việc của các dự án đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở kinh tế hạ tầng thiết yếu, các dự án trọng điểm dự kiến cho giai đoạn 2021-2025 sẽ không thể được triển khai theo đúng tiến độ nếu như không có các giải pháp chính sách và các cải cách thể chế cấp bách nhằm tháo gỡ các khó khăn cho việc thiếu hụt nguồn vốn này. Đặc biệt, hạn chế và khó khăn này sẽ tiếp tục được lặp lại trong giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn kế hoạch tiếp theo.

Điều này cũng đồng nghĩa với việc nếu không có các biện pháp nhằm thay đổi khả năng đáp ứng của ngân sách và vẫn giữ nguyên các khả năng đáp ứng của ngân sách theo các quy định và mức thu như hiện tại, rất khó sẽ có thể đạt được các mục tiêu đề ra trong các văn bản nêu trên như Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Văn kiện Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố, Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch

chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

c) Tác động về giới: Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành do không có các thay đổi về các quy định.

Nhận xét chung về Giải pháp 1:

Các phân tích và tác động ở trên cho thấy việc giữ nguyên các quy định như hiện tại sẽ không đảm bảo khả năng của NSNN của Thủ đô trong việc đáp ứng các nhiệm vụ chi thưởng xuyên và chi cho đầu tư phát triển trong giai đoạn 2021-2025 và cho các giai đoạn tiếp theo đó. Do vậy cấp thiết cần có các quy định mới, đồng thời tiến hành một số cải cách thể chế cần thiết nằm nâng cao năng lực, tính tập trung, tính chủ động NSNN của Thủ đô, sử dụng vốn NSNN làm đòn bẩy nhằm huy động nguồn lực của khu vực tư nhân và xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu chi phát triển của Thủ đô. Đây là một trong những điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Văn kiện Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố, Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội đến năm 2030và tầm nhìn đến năm 2050, và Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

3.4.2. Giải pháp 2: Thủ đô được thực hiện các cơ chế nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô

Cácbiện pháp quan trọng trong Giải pháp này bao gồm: (1)Được giữ ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố trong giai đoạn 10 năm; (2) Được quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết; số tăng thu còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nướcnăm 2015; (3)Được thưởng 100% khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (nhưng không vượt quá số tăng thu so với thực hiện thu năm trước) mà không phụ thuộc vào tổng số vượt thu của ngân sách Trung ương. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo Quốc hội bổ sung từ dự toán năm sau của ngân sách Trung ương để thực hiện; (4)Được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu

vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô và bổ sung vốn cho những doanh nghiệp công ích thuộc lĩnh vực thiết yếu mà Thành phố cần đầu tư vốn.

a) Tác động về kinh tế:

Tác động đầu tiên của các biện pháp trong Giải pháp này là tăng tính ổn định về NSNN của Thủ đô. Các biện pháp này sẽ có tác động tích cực tới việc đảm bảo tính ổn định về NSNN của Thủ đô, ví dụ như việc giữ ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố trong giai đoạn 10 năm. Bên cạnh đó, các biện pháp này sẽ có tác động trực tiếp tới năng lực về NSNN của Thủ đô thông qua các khoản thu được tăng thêm. Các khoản thu tăng thêm từ các biện pháp này cũng chủ yếu được sử dụng cho mục đích chi cho đầu tư phát triển và xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, và do đó cũng đóng góp cho tính tập trung về NSNN của Thủ đô.

*Tác động thứ hai là nâng cao năng lực và tính chủ động về NSNN của Thủ đô nhằm thực hiện các nhiệm vụ chi cho đầu tư phát triển.*Các biện pháp như áp dụng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của Thủ đô Hà Nội, Ngân sách Thủ đô Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, sẽ có những cải thiện đáng kể đối với năng lực NSNN của thủ đô. Đối với biện pháp được thưởng 100% khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (nhưng không vượt quá số tăng thu so với thực hiện thu năm trước) mà không phụ thuộc vào tổng số vượt thu của ngân sách Trung ương, chỉ riêng biện pháp này sẽ giúp NSNN của Thủ đô tăng thu từ 17 đến 20 nghìn tỷ mỗi năm, và đạt tổng mức khoảng 94 nghìn tỷ cho cả giai đoạn 2021-2025.

Tác động hết sức quan trọng của các giải pháp này là nâng cao *năng lực đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển*, xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng của Thủ đô, *nâng cao tính chủ động và tính tập trung của NSNN của Thủ đô khi phân bổ, sử dụng và giải ngân các nguồn lực về NSNN cho các mục đích chi đầu tư phát triển*. Năng lực, tính chủ động và tính tập trung nguồn vốn ngân sách cho các hoạt động đầu tư phát triển của Thủ đô sẽ được cải thiện mạnh mẽ thông qua các biện pháp cụ thể như quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, được thưởng 100% khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô, Thủ đô được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Dự báo các biện pháp này sẽ góp phần nâng

cao năng lực và khả năng đáp ứng của NSNN của Thủ đô đối với các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển như sau:

Bảng 3:Dự báo về NSNN có thể tăng thêm hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025	2021-2025
Từ tăng thu từ kết dư ngân sách năm trước	31.62	15.36	28.89	30.33	31.85	138.06
Từ vượt thu NSNN TW trên địa bàn so với dự toán được giao	17.09	17.94	18.84	19.78	20.77	94.41
Từ thu từ sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn từ DNNN	2.00	7.92	2.69	2.69	2.69	18.00
Từ nguồn cải cách tiền lương còn dư hàng năm (chỉ sử dụng 25% số dư)	11.41	6.48	8.34	9.57	10.75	46.55
Vay tạm ứng từ Quỹ Dự trữ tài chính (50% số dư của quỹ, 36 tháng)	2.88	2.91	2.91	2.91	2.91	14.53
Từ thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất.	-	-	12.50	15.00	17.50	45.00
Tổng	**65.00**	**50.61**	**74.17**	**80.28**	**86.48**	**356.54**

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.

Như vậy, nếu như các biện pháp như đề cập trong chính sách này được thực hiện, Thủ đô có thể nâng cao năng lực ngân sách của mình, đồng thời chủ động phân bổ các nguồn vốn ngân sách nhằm tập trung triển khai các dự án đầu tư công, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu. Các biện pháp này có thể giúp Thủ đô có thể chủ động phân bổ thêm khoảng 356,5 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025, và khoảng 392,2 nghìn tỷ trong giai đoạn 2026-2030, bổ sung thêm nguồn lực quan trọng cho các dự án xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng xã hội, đặc biệt là các dự án trọng điểm của Thủ đô.

Hình 5: Dự báo về NSNN có thể tăng thêm hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2030

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Điểm đáng chú ý là các biện pháp có tính khả thi cao do phần lớn các nguồn vốn này nằm trong khả năng thu của Thủ đô và không ảnh hưởng đáng kể tới cân

đối NSNN trung ương. Vấn đề có tính chất quyết định là Thủ đô sẽ được trao quyền chủ động quyết định và có được một cơ chế rõ ràng về việc sử dụng, phân bổ và giải ngân các nguồn vốn này cho các mục đích chi đầu tư phát triển, tập trung cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Thông qua các quy định về biện pháp này trong Luật Thủ đô, nó sẽ tháo gỡ một nút thắt quan trọng về sự thiếu hụt nguồn vốn để chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô trong giai đoạn 2021-2030và các giai đoạn tiếp theo trong tương lai. Từ đó, tác động lớn nhất của giải pháp chính sách này là góp phần giải được bài toán về vốn đối với các công trình đầu tư công, đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng của Thủ đô.

Bảng 4:Khả năng đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển hàng năm bằng nguồn vốn NSNN của Thủ đô với các biện pháp của hai giải pháp

Đơn vị: nghìn tỷ

Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025	2021-2025
Nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô	*117.6*	*123.5*	*129.7*	*136.2*	*143.0*	**650.0**
Khả năng đáp ứng của NS (theo quy định và mức thu hiện tại)	*36.6*	*51.1*	*58.2*	*64.8*	*73.5*	**284.1**
Khả năng đáp ứng của NS (nếu áp dụng biện pháp tại phương án 2)	*101.6*	*101.7*	*132.4*	*145.1*	*160.0*	**640.7**

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.

Nếu áp dụng giải pháp 2, năng lực ngân sách của Thủ đô cho mục đích chi cho đầu tư phát triển sẽ được cải thiện đáng kể. Trong giai đoạn 2021-2025, dự báo tổng ngân sách của Thủ đô cho mục đích này sẽ đạt mức 640,7 nghìn tỷ, bao gồm các khoản dự toán với các quy định thu và mức thu như hiện tại và các khoản thu tăng thêm nhờ các biện pháp áp dụng theo giải pháp chính sách 2. Con số này sẽ tăng lên 704,8 nghìn tỷ cho giai đoạn 2026-2030. Mức cải thiện đáng kể về năng lực này sẽ giúp giảm bớt mức thiếu hụt ngân sách hay chênh lệch giữa nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô và năng lực cân đối ngân sách của Thủ đô được thu hẹp đáng kể từ mức 56% ở mức như hiện tại xuống còn 1.4%.

Hình 6: Dự báo về năng lực NSNN cho mục đích đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 theo Giải pháp 2

Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Như vậy, với các biện pháp tại Giải pháp 2, nguồn vốn từ Ngân sách của Thủ độ sẽ chuyển từ trạng thái thiếu hụt trầm trọng sang đảm bảo cơ bản đáp ứng được nhu cầu cho đầu tư phát triển của Thủ đô trong giai đoạn 2021-2030.

Hình 7: Khả năng đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2030 bằng nguồn vốn NSNN của Thủ đô

Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Các biện pháp này cũng mang lại hiệu ứng tác động tương tự cho các giai đoạn kế hoạch tiếp theo. Điều này sẽ tạo điều kiện để Thủ đô đẩy mạnh hơn nữa thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng, mang lại các lợi ích kinh tế xã hội cho người dân, doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế trong trung và dài hạn.

Hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng tốt hơn không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho 8,5 triệu dân thủ đô, gần 17 ngàn doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn

và hàng chục nghìn dự án đầu tư đang được triển khai tại Thành phố mà còn cho hàng triệu người dân, doanh nghiệp và các nhà đầu tư khác trong Vùng Thủ đô nhờ tính kết nối mạnh mẽ, hiệu quả hơn về kinh tế, xã hội giữa các địa phương nằm trong vùng thủ đô.Điều này cũng góp phần hiện thực hóa cho quan điểm và tầm nhìn về Thủ đô Hà Nội "phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển" như đã nêu rõ trong Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện cũng sẽ tiếp tục đóng góp cho việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Thủ đô, hiện thực hóa yêu cầu "Thủ đô phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong việc đảm bảo và phát huy vị trí, vai tròlà *trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế* của cả nước".

Bên cạnh đó, các khoản chi này khoản chi sẽ đóng góp trực tiếp cho việc cho tốc độ tăng trưởng GRDP của Thủ đô với khoảng 1.354 nghìn tỷ (tương đương khoảng 58,5 tỷ USD) sẽ được đầu tư và giải ngân trong giai đoạn 2021-2030 và dưới hình thức tiêu dùng của chính phủ (đầu tư công) trong nền kinh tế của Thủ đô. Trong bối cảnh phục hồi và phát triển kinh tế bền vững hiện nay, đầu tư công và chi tiêu của Chính phủ vẫn đóng vai trò quan trọng và khoản chi tiêu do vậy sẽ đóng góp quan trọng cho quá trình phục hồi và tăng trưởng trong giai đoạn 2021-2030 của Thủ đô.

Để đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô, nhu cầu về nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô là rất lớn, dự báo khoảng 3.100 nghìn tỷ trong giai đoạn 2021-2025 và 3.410 nghìn tỷ trong giai đoạn 2026-2030. Để đáp ứng được nhu cầu vốn này, NSNN sẽ chỉ có thể đáp ứng được một phần dưới hình thức đầu tư công. Phần còn lại cần được huy động từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài.

Bảng 5:Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô 2021-2030

Đơn vị: nghìn tỷ

	2021-2025	**2026-2030**
Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	3,100	3,410
Chi đầu tư phát triển từ NSNN	650.0	715.0
Nhu cầu huy động từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài	2,450.0	2,695.0

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.

Tuy chỉ chiếm một tỷ trọng, nhưng chi đầu tư phát triển lại đóng vai trò quan trọng là vốn mồi và để hình thành kết cấu cơ sở hạ tầng, tạo dựng các không gian phát triển mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư tư nhân đầu tư ngày một mạnh mẽ hơn vào nền kinh tế Thủ đô, dưới tác động lan tỏa trực tiếp và gián

tiếp từ nguồn vốn đầu tư công. Việc đảm bảo năng lực NSNN để đảm bảo nhu cầu chi cho đầu tư phát triển như dự báo ở trên đồng thời có ý nghĩa quyết định tới năng lực thu hút thêm nguồn lực từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài, nhằm đảm bảo đáp ứng được tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội trong giai đoạn 2021-2030 và các giai đoạn chiến lược tiếp theo.

Nền kinh tế Thủ đô cũng được hưởng lợi từ các tác động lan tỏa từ các khoản đầu tư công và các công trình kết cấu hạ tầng được hình thành từ các khoản chi tiêu được thực hiện đúng tiến độ nhờ các biện pháp đề ra trong Giải pháp chính sách này. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, *tăng 1 đồng vốn đầu tư công sẽ kéo theo 1,61 đồng vốn đầu tư ngoài nhà nước*. Hiệu ứng lan tỏa tương tự có thể được lặp lại cho giai đoạn 2026-2030.

Hình 8: Dự báo đầu tư tư nhân tăng thêm nhờ hiệu ứng lan tỏa trực tiếp từ chi đầu tư phát triển của Thủ đô theo Giải pháp 2

Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Như vậy, bằng các biện pháp và giải pháp chính trong Giải pháp 2, Thủ đô có thể đảm bảo năng lực chi cho đầu tư phát triển, thực hiện các dự án đầu tư công, xây dựng kết cấu hạ tầng với tổng giá trị khoảng 650 nghìn tỷ (khoảng 28,3 tỷ USD) trong giai đoạn 2021-2025 và 715 nghìn tỷ (khoảng 31 tỷ USD) trong giai đoạn 2026-2030. Khoản đầu tư công này sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa trực tiếp, kéo theo đầu tư tăng thêm từ khu vực tư nhân với tổng giá trị khoảng 1.046 nghìn tỷ (khoảng 45,5 tỷ USD) trong giai đoạn 2021-2025 và 1.151 nghìn tỷ (50 tỷ USD) trong giai đoạn 2026-2030. Bên cạnh đó, các nguồn vốn đầu tư khác nữa sẽ gia tăng đáng kể nhờ những tác động gián tiếp từ nguồn vốn đầu tư công này thông qua những cải thiện vượt bậc về hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, sự hình thành của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao (CNC), khu dịch vụ, trung tâm logistics.

Bảng 6:Dự báo gia tăng về nguồn vốn tư nhân nhờ tác động lan tỏa từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo Giải pháp 2

Đơn vị: nghìn tỷ

	2021-2025	2026-2030
Vốn đầu tư công cho các dự án cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội	650.0	715.0
Đầu tư tăng thêm từ khu vực tư nhân nhờ hiệu ứng lan tỏa trực tiếp	1,046.5	1,151.2
Đầu tư tăng thêm từ khu vực tư nhân nhờ hiệu ứng lan tỏa gián tiếp và các biện pháp khác	1,403.5	1,543.9
Tổng	**3,100.0**	**3,410.0**

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.

Đây sẽ là các nguồn lực vô cùng quan trọng để đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đặt ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội, cụ thể như dưới đây.

Mục tiêu về Kinh tế của Thủ đô

Mục tiêu cụ thể về kinh tế trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm 12,0-13% thời kỳ 2011-2020 và 9,5-10,0% thời kỳ 2021-2030. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân đầu người năm 2020 đạt khoảng 7.100-7.500 USD, năm 2030 đạt 16.000-17.000 USD (theo giá thực tế).
- Cơ cấu lao động đến năm 2030: dịch vụ 54-55%; công nghiệp - xây dựng 30-31%; nông nghiệp 14-16%; năm 2030 tương ứng là: 59-60%; 34-35% và 5-6%.

Mục tiêu cụ thể về kinh tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 khoảng 7,5%; trong đó: Dịch vụ khoảng 8,0%; Công nghiệp và xây dựng khoảng 8,5%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 2,5%.
- Cơ cấu kinh tế năm 2025: Dịch vụ 65,0-65,5%; Công nghiệp và xây dựng 22,5-23,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,4-1,6%.
- GRDP bình quân/người khoảng 8.300 USD.
- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 3,1 triệu tỷ đồng.
- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,0 trở lên.

Để hiệu ứng lan tỏa, lôi kéo được nhiều nguồn vốn đầu tư tư nhân để góp phần phát triển kinh tế thủ đô, các hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư cũng cần được phát huy, đặc biệt trong quá trình triển khai các dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu của Thủ đô, ví dụ như các cây cầu bắc qua sông Hồng, đường vành đai 4, vành đai 5, các dự án đường sắt đô thị, và các công trình thể thao, văn hóa, y tế, giáo dục. Để phát huy hiệu quả hơn nữa, nguồn vốn NSNN sẽ được sử dụng làm vốn mồi nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia là đối tác cùng Thủ đô

nhằm xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội thiết yếu này.Các biện pháp như Thủ đô dược thực hiện các hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao (có phạm vi rộng hơn Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP), được phép quyết định mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP sẽ tăng tính hấp dẫn và thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư tư nhân, tháo gỡ nhiều khó khăn đối vói các dự án PPP mà Thủ đô sẽ triển khai.

Một trong các hạn chế về vấn đề nguồn lực cho phát triển của Thủ đô là thiếu một tổ chức hiệu quả để huy động, tập trung và giải ngân vốn và nguồn lực của Thủ đô, nhằm phục vụ cho các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục trọng điểm của Thủ đô. Nguồn lực của Thành phố hiện nay cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội trọng điểm vốn đã hạn chế, lại bị phân tán cho nhiều dự án. Cơ chế giải ngân nguồn vốn cho các dự án đầu tư phát triển hạ tầng và các công trình trọng điểm hiện nay chủ yếu thông qua các hình thức là ban quản lý dự án và mô hình này cũng có nhiều hạn chế trong công tác quản lý, giải ngân, thực hiện dự án.

Để tạo ra sự đột phá với tầm nhìn dài hạn, việc cho phép thành lập "Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước" (do UBND thành phố là đại diện vốn sở hữu nhà nước trong doanh nghiệp) sẽ giúp giải quyết khó khăn, bất cập về tập trung nguồn vốn (dự kiến sẽ được huy động ở mức đáng kể với các biện pháp trên), khả năng huy động nguồn lực đầu tư qua hình thức hợp tác kinh doanh, đầu tư PPP, sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, tăng tính chủ động, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản trị, kinh doanh trong đầu tư các dự án lớn của Thành phố. Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô sẽ hình thành một cơ chế để giải ngân hiệu quả các nguồn vốn cho các dự án cơ sở hạ tầng, khắc phục được một hạn chế rất lớn của Thủ đô hiện nay là thiếu một cơ chế hiệu quả để giải ngân các dự án cơ sở hạ tầng, làm đối tác với các nhà đầu tư tư nhân, các tổ chức hoặc công ty nước ngoài, quản lý và khai thác hiệu quả các tài sản cơ sở hạ tầng của Thủ đô[11].

Hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, Công ty sẽ khắc phục được những hạn chế của mô hình ban quản lý dự án hay hệ thống quỹ của Thành phố, đặc biệt là về phạm vi, phương thức hoạt động và cơ chế vận hành, tính chủ động, cơ chế tuyển dụng và thu hút nhân lực có chất lượng cao, tính chủ động trong hoạt động, cũng như những hạn chế khiến huy động thêm nguồn vốn và cơ chế giải ngân nguồn vốn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả. Ví dụ, từ năm 2016 đến nay, ngoài

[11]Các doanh nghiệp tư nhân trong nước và nước ngoài rất quan tâm tới các dự án cơ sở hạ tầng của Thủ đô và mong muốn có một cơ chế thuận lợi để triển khai các dự án này theo các hình thức đối tác công tư. Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô là một giải pháp hiệu quả để Thủ đô triển khai các dự án cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn NSNN và thông qua hình thức đối tác công tư. Mới đây, Infrastructure Asia, một tổ chức thuộc Chính phủ Singapore được thành lập bởi Enterprise Singapore (Cơ quan Phát triển Doanh nghiệp Singapore) và Cơ quan Tiền tệ Singapore (Ngân hàng Trung ương Singapore) cũng đã bày tỏ quan tâm tới quá trình hỗ trợ các dự án ơ sở hạ tầng tại Việt Nam nói chung và tại Hà Nội nói riêng. Bên cạnh đó, còn có nhiều các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức quốc tế khá. Việc thành lập Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô sẽ hình thành một đối tác mạnh, hiệu quả, có tính chủ động cao nhằm tập trung nguồn lực để tham gia và triển khai các dự án cơ sở hạ tầng với các đối tác này trong tương lai.

nhiệm vụ chính quản lý, triển khai các hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội được giao quản lý nguồn vốn và hoạt động của Quỹ Phát triển đất, Quỹ BVMT, Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng. Đối với Quỹ Đầu tư Phát triển, giai đoạn 2016-2020 đã giải quyết cho vay 1.577,7 tỷ đồng, chủ yếu dưới hình thức cho vay. Con số này thực sự khiêm tốn khi so với nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô. Hơn nữa, hình thức hoạt động chính là cho vay cũng không đáp ứng được các hình thức và yêu cầu đa dạng để giải ngân hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển hiện nay. Thực tế cho thấy các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là do các quỹ hiện đang hoạt động kém hiệu quả, hệ thống pháp luật và việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN quy định về nguồn tài chính hình thành, mô hình tổ chức, hoạt động của các quỹ còn phức tạp, thiếu thống nhất và chưa có một văn bản pháp luật mang tính khuôn khổ pháp lý chung để quản lý các quỹ một cách thống nhất.

Công ty này cũng thực hiện các chức năng nhiệm vụ mà hiện nay các DNNN của Thủ đô chưa thực hiện hoặc chưa được phép thực hiện như được nhận vốn ủy thác từ NSNN để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng, được tham gia góp vốn hình thành các doanh nghiệp PPP với các đối tác tư nhân trong nước và nước ngoài, được giao quản lý và khai thác hiệu quả các tài sản của Nhà nước đặc biệt là các tài sản kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hóa, thể thao.

Với hình thức công ty, công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô có thể linh hoạt, chủ động thực hiện các hình thức huy động vốn khác nhau cho các dự án cơ sở hạ tầng của Thủ đô như tín dụng ngân hàng, phát hành trái phiếu trên thị trường trong nước và quốc tế (có thể có sự bảo lãnh của chính quyền thành phố Hà Nội khi cần thiết), tham gia các hợp đồng đối tác với các đối tác là các nhà đầu tư và doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.

Đồng thời, công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô cũng cho phép linh hoạt hơn trong các hoạt động triển khai hoặc hợp tác triển khai đầu tư các dự án giao thông, dự án đầu tư phát triển khu đô thị mới, thành phố mới theo định hướng giao thông (Transit-oriented development - TOD), quản lý việc khai thác công trình cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, quỹ đất theo các quy định của pháp luật phù hợp với định hướng của chính sách về đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông gắn với phát triển đô thị. Mô hình công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước cũng phù hợp với thông lệ quốc tế, mô hình quản trị tốt áp dụng với DNNN theo các tiêu chuẩn của OECD sẽ tạo ra sự đột phá về cách thức huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư, cũng như có tiềm năng phát triển và có tầm nhìn dài hạn hơn.

b)Tác động về xã hội:

Đảm bảo nguồn lực ngân sách cho chi thường xuyên và cho đầu tư phát triển sẽ đóng góp trực tiếp cho các mục tiêu về văn hóa - xã hội của Thủ đô. Tăng trưởng kinh tế được đảm bảo vững chắc nhờ các khoản đầu tư công và nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, từ xã hội nhờ các hiệu ứng kích thích và lan tỏa từ đầu

tư công cũng tạo nền tảng vững chắc để mang lại lợi ích về xã hội cho 8,5 triệu người dân Thủ đô Hà Nội đặc biệt thể hiện qua các cải thiện về các chỉ số như tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia, số giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, tỷ lệ thất nghiệp thành thị, và tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thủ đô.

Mục tiêu về Văn hóa - Xã hội của Thủ đô

Mục tiêu cụ thể về văn hóa - xã hội trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội:

- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa: 75%; Thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa: 65%; Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa: 86-88%.
- Tỷ lệ trường công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia: 80-85%.
- Số giường bệnh/vạn dân: 30-35; Số bác sỹ/vạn dân: 15; Duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75-80%; Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ: 55-60%.
- Tỷ lệ thất nghiệp thành thị: dưới 3%.
- Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố.

c) Tác động về giới: Những tác động kết quả tích cực về mặt kinh tế xã hội này sẽ mang lại lợi ích đồng đều cho cả các công dân nam và nữ tại Thủ đô. Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới. Đến năm 2025 khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được áp dụng, thì có đến khoảng 4.650.000 phụ nữ và trẻ em gái của riêng Thủ đô Hà Nội(xem Bảng 7) và khoảng 10.260.740 phụ nữ và trẻ em gái của toàn Vùng Thủ đô được hưởng lợi nếu Giải pháp 2 được áp dụng.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Việc thực hiện biện pháp Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư, đầu tư công trên địa bàn Thành phố sẽ làm sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố đang được quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).

e)Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Để thực hiện các biện pháp theo Giải pháp 2 này, cần có sự thay đổi về quy định về pháp luật đặc biệt là trong Luật Thủ đô do các biện pháp này chưa được quy đinh hoặc chưa phù hợp với một số quy định, luật hiện hành.

Đối với Luật NSNN và các văn bản, quy định hướng dẫn liên quan, cần tạo dựng cơ sở pháp lý chặt chẽ cho các biện pháp để phù hợp với các quy định hiện hành liên quan tới việc thưởng vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với

dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp,ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, việc sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước và việc tăng vốn, ủy quyền vốn NSNN cho DNNN để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

Đối với Luật Đầu tư theo Hình thức Đối tác Công Tư, cần hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để cá biện pháp này phù hợp với các quy định hiện chưa cho phép hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao và quy định hiện hành về mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP.

Đối với Luật Đầu tư, cần hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để các biện pháp trên phù hợp với thẩm quyền của Thành phố trong việc quyết định danh mục: lĩnh vực (Phát triển hạ tầng - đô thị, BVMT, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội), hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu cần khuyến khích đầu tư kinh doanh, biện pháp khuyến khích đầu tư, quyết định phương thức thực hiện (đặt hàng, giao nhiệm vụ…) và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô, và thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư, đầu tư công trên địa bàn Thành phố.

Đối với Luật Quản lý và Sử dụng Tài sản Công và Luật Quản lý và Sử dụng Vốn Nhà nước Đầu tư và Hoạt động Sản xuất Kinh doanh của Doanh nghiệp, cần hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để các biện pháp trên phù hợp việc giao đất đai, tài sản cho doanh nghiệp nhà nước hiện có thuộc Thành phố để doanh nghiệp khai thác tài sản một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích lớn nhất về kinh tế và xã hội.

Đối với Luật Thuế, cần hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để các biện pháp trên phù hợp với việc cho phép thu thuế đối với diện tích đất ở, nhà ở tại các khu đô thị đã được đầu tư hạ tầng cơ bản thiết yếu trong thời gian chưa được sử dụng (sau 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc dự án theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư).

Việc sửa đổi và điều chỉnh hệ thống pháp luật này là cần thiết, đồng thời phù hợp với quan điểm đã được nêu rõ tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", đó là: "*Sửa đổi Luật Thủ đô và một số luật có liên quan theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Hà Nội, trong đó lưu ý đến việc chủ động nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm ưu tiên hơn nữa nguồn lực đầu tư cho phát triển, bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội*".

Theo các quy định hiện hành của pháp luật, từ ngày 01/01/2022, Cục Thuế Thành phố Hà Nội đã thực hiện triển khai hoá đơn điện tử đối với hộ, cá nhân kinh doanh. Cục Thuế Thành phố Hà Nội đặt mục tiêu có 100% hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hoá đơn điện tử, theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số

78/2021/TT-BTC. Tính đến 31/3/2022, đã có hơn 9.230 hộ, cá nhân kinh doanh tại Thủ đô Hà Nội đăng ký thành công sử dụng hóa đơn điện tử, đạt cơ bản số hộ, cá nhân phải áp dụng hóa đơn điện tử. Việc quản lý triển khai hóa đơn điện tử, quản lý thuế theo hóa đơn điện tử này sẽ giúp tiết kiệm chi phí thời gian tuân thủ TTHC của cả cơ quản quản lý nhà nước, và đặc biệt là của các hộ kinh doanh. Như vậy, biện pháp này không phù hợp với Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Biện pháp này cũng yêu cầu phải có sự thay đổi về quy định pháp luật để đảm bảo không trái với các luật và quy định hiện hành về thuế, đặc biệt là về mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định ở một số sắc thuế gián thu đối với một số hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng, hay việc thu thuế đối với diện tích đất ở, nhà ở tại các khu đô thị đã được đầu tư hạ tầng cơ bản thiết yếu trong thời gian chưa được sử dụng.

Các biện pháp này cũng không phù hợp với các quy định và xu hướng hiện tại về cắt giảm các TTHC cho doanh nghiệp và người dân.

Nhận xét chung về Giải pháp 2:

Các phân tích và tác động ở trên cho thấy lợi ích về kinh tế và xã hội của các biện pháp trong Giải pháp 2 là rõ ràng và rất đáng kể. Các tác động đối với hệ thống pháp luật là có thể được khắc phục qua các quy định về các biện pháp này trong Luật Thủ đô. Giải pháp 2 do vậy được đánh giá là giải pháp có lợi ích dương lớn, kể cả về góc độ kinh tế và xã hội. Giải pháp này sẽ tháo gỡ được một loạt các khó khăn về thể chế, nguồn lực mà Thủ đô đang gặp phải và đóng góp mạnh mẽ cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội. Đặc biệt, giải pháp này sẽ góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TWngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", đặc biệt về các giải pháp như "Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của Thủ đô về văn hóa, khoa học, công nghệ. Phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực của đầu tư công kết hợp với khuyến khích, phát huy các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế…; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội", "Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tổ chức tín dụng và hệ thống quỹ tài chính; phát triển các thành phần kinh tế, trong đó có cơ chế phù hợp thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của kinh tế Thủ đô", và "Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thủ đô một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; trong đó chú trọng phân bổ, ưu tiên hợp lý nguồn vốn từ NSNN, kết hợp với đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công tư (PPP), gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Thủ đô".

Tuy nhiên, giải pháp này có những tác động tiêu cực bởi cac biện pháp (7),

(8), (9) như phân tích tại Giải pháp 3 dưới đây

3.4.3. Giải pháp 3: Bao gồm Giải pháp 2 và loại trừ các biện pháp (7), (8), (9) của Giải pháp 2.

Các giải pháp được loại trừ bao gồm: (7) HĐND Thành phố Hà Nội được quyết định áp dụng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội mức phụ thu tăng thêm tối đa 50% trên mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định ở một số sắc thuế gián thu đối với một số hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội để điều tiết tiêu dùng một số hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường hoặc hàng hóa, dịch vụ cần thiết tiêu dùng. Các khoản thu này ngân sách Thành phố được hưởng 100%; (8) UBND cấp huyện được tổ chức thu các loại thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn (cơ quan thuế phối hợp, giám sát để đảm bảo mức thu đúng quy định pháp luật thuế) trên cơ sở phân chia nguồn thu từ thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh phục vụ nhu cầu chi của xã, phường; và (9) Quyết định việc thu thuế đối với diện tích đất ở, nhà ở tại các khu đô thị đã được đầu tư hạ tầng cơ bản thiết yếu trong thời gian chưa được sử dụng (sau 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc dự án theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư).

a)Tác động về kinh tế:

Các biện pháp này có nhiều tác động khác nhau. Với việc thực hiện các biện pháp này, NSNN của Thủ đô sẽ được tăng cường thông qua biện pháp cho phép Thủ đô được quyết định áp dụng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội mức phụ thu tăng thêm tối đa 50% trên mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định ở một số sắc thuế gián thu đối với một số hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội để điều tiết tiêu dùng một số hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường hoặc hàng hóa, dịch vụ cần thiết tiêu dùng và ngân sách Thành phố được hưởng 100% khoản thu này. Khoản tăng thu này cũng góp phần cải thiện năng lực NSNN của thủ đô nhằm phục vụ cho các nhu cầu chi, đặc biệt là các khoản chi đầu tư cho cơ sở hạ tầng thiết yếu hoặc các dự án nhằm cải thiện môi trường, sinh thái của thủ đô.

Tác động tiêu cực của các biện pháp này này là giá của một số hàng hóa, hóa dịch vụ tiêu dùng sẽ tăng trên địa bàn Thủ đô. Người tiêu dùng của Thủ đô sẽ là người gánh chịu các khoản thu này. Bên cạnh đó, ngoại trừ một số dịch vụ như dịch vụ môi trường bắt buộc phải sử dụng của các công ty cung cấp dịch vụ này trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, việc tăng giá các hàng hóa tiêu dùng khác có tính lưu thông cao sẽ khiến người dân mua các hàng hóa và dịch vụ này tại các tỉnh lân cận, hoặc sẽ xuất hiện tình trạng mua hàng từ tỉnh khác về bán lại hoặc tiêu thụ tại Thủ đô Hà Nội. Từ góc độ kinh tế thị trường, biện pháp này không khả thi về mặt kỹ thuật.

Theo Tổng cục Thống kê, Thủ đô Hà Nội có 377.054 hộ kinh doanh cá thể vào năm 2020. Các cơ sở cá thể chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại với tỷ trọng 44,4% trong tổng số cơ sở cá thể, chủ yếu là bán lẻ và phục vụ tiêu dùng tại chỗ. Đứng thứ hai là ngành dịch vụ chiếm 29,5%. Số cơ sở hoạt động trong ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 26,1%.

Đối với biện pháp UBND cấp huyện được tổ chức thu các loại thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn, sẽ có 377.054 hộ kinh doanh cá thể chịu tác động từ quyết định này. Tương đương với đó sẽ là khoảng 377.054 TTHCsẽ phải được thực hiện để các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi từ cơ quan thuế sang UBND cấp huyện. Giả định mỗi hộ kinh doanh mất khoảng 4 tiếng để thực hiện thủ tục (bao gồm cả thời gian đi lại, chờ đợi và thực hiện thủ tục), tổng chi phí thời gian đối với hộ kinh doanh cá thể nhằm thưc hiện TTHCđể chuyển sang UBND cấp huyện sẽ là 168,5 nghìn ngày công lao động (1,35 triệu giờ làm việc). Tương ứng với đó, giả sử UBND cấp huyện mấtkhoảng 1,5 tiếng để xử lý hồ sơ chuyển đổi của một hộ (tiếp nhận, xử lý, lưu hồ sơ), tổng chi phí thời gian đối với UBND cấp huyện để xử lý TTHC để hộ kinh doanh cá thể chuyển sang cơ quan quản lý là UBND cấp huyện dự báo sẽ là 63,200 ngày công lao động hay 505.600 giờ làm việc. Đây là một mức chi phí tuân thủ TTHCrất lớn đối với các hộ kinh doanh cá thể, UBND các huyện và cơ quan quản lý thuế.

Hình 9: Chi phí thời gian tuân thủ TTHC để chuyển hộ kinh doanh cá thể sang UBND cấp huyện quản lý (ngày công)

Nguồn: Tổng cục Thống kê và và tính toán của nhóm chuyên gia.

Bên cạnh đó, việc phải đến các cơ quan UBND cấp huyện làm lại thủ tục đăng ký bởi các chủ hộ kinh doanh cá thể như trên sẽ dẫn đến yêu cầu hàng trăm nghìn giờ họ phải lưu thông trên đường để đến trụ sở các cơ quan này. Tương ứng với đó là chi phí đáng kể về đi lại, tác động đến lưu lượng giao thông và giảm phát thải vào môi trường.

Đồng thời, các UBND các huyện chưa có phần mềm và cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm quản lý, theo dõi việc nộp thuế của các hộ kinh doanh cá thể. Các UBND các huyện cũng sẽ phải thiết lập hệ thống phần mềm, đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ cho công việc quản lý thuế này. Các cán bộ của UBND huyện cũng cần được đào tạo để thực hiện công tác quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh. Đây cũng là chi phí đáng kể đối với các UBND các huyện.

Việc chuyển công tác quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh sang UBND cấp huyện sẽ không mang lại lợi ích kinh tế ròng cho toàn xã hội về góc độ chi phí tuân thủ TTHCvà chi phí tuân thủ pháp luật.

b)Tác động về xã hội:

Biện pháp cho phép HĐND thành phố Hà Nội được quyết định áp dụng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội mức phụ thu tăng thêm tối đa 50% trên mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định ở một số sắc thuế gián thu đối với một số hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội để điều tiết tiêu dùng một số hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường sẽ có tác động tích cực tới việc hạn chế tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường nhằm đóng góp tạo dựng một môi trường sống lành mạnh hơn cho người dân. Điểm hạn chế của biện pháp này là sẽ tạo ra sự chênh lệch về giá bán sau thuế của nhiều mặt hàng hóa và dịch vụ bị đánh thuế khi được bán trên thị trường của Thủ đô so với các tỉnh, thành phố lân cận. Nếu mức phụ thu càng cao, sẽ càng thúc đẩy người dân mua hàng hóa từ các thị trường lân cận về bán lại trên thị trường Thủ đô Hà Nội, tạo ra những chi phí và xáo trộn xã hội không cần thiết.

Đối với biện pháp UBND cấp huyện được tổ chức thu các loại thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình sẽ gây ra các xáo trộn không cần thiết đối vớihơn 377 ngàn hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn Thủ đô.

c) Tác động về giới:Tác động về giới của Giải pháp 3 tương tự với Giải pháp 2. Ngoài ra, tác động này có ảnh hưởng tương đối đồng đều tới tới cả hai giới do khoảng gần một nửa số hộ kinh doanh cá thể hiện nay đang do nữ giới làm chủ hay quản lý.

d) Tác động của thủ tục hành chính:như Giải pháp 2.

e)Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động đối với hệ thống pháp luật của Giải pháp này tượng tự như tác động của giải pháp 2, song loại trừ được các tác động tiêu cực có liên quan tới các quy định về triển khai hóa đơn điện tử, các quy định về thuế, mức thuế, hoặc thuế suất do Quốc hội quy định, và về việc cải cách thủ tục hành chính do các biện pháp (7), (8), và (9) gây ra.

Nhận xét chung về Giải pháp 3:

Giải pháp 3 vẫn duy trì được các lợi ích và tác động tích cực nhờ các biện pháp của Giải pháp 2 đồng thời loại bỏ được những tác động tiêu cực do các biện pháp (7), (8), và (9) mang lại về phương diện chi phí tuân thủ TTHClớn cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân (cụ thể là các hộ kinh doanh cá thể) và cả các cơ quan quản lý nhà nước (UBND các quận huyện). Các biện pháp này cũng không phù hợp với xu thế về cải cách của khu vực hộ kinh doanh cá thể, cũng như xu thế về cải cách thuế, cải cách hóa đơn, chứng tư và cải cách TTHC.

Giải pháp 3 do vậy vẫn đảm bảo được các lợi ích và tác động tích cực như Giải pháp 2, đồng thời hạn chế được những chi phí, tác động tiêu cực và do vậytối ưu hơn so với Giải pháp 2.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Trên cơ sở các đánh giá, phân tích trên, Giải pháp 3được đánh giá là tối ưu nhất, mạng lại lợi ích kinh tế - xã hội thuần lớn nhất so với các giải pháp còn lại. Giải pháp 3 được đề xuất là giải pháp được lựa chọn đối với chính sách này.

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3thuộc về Quốc hội.

4. CHÍNH SÁCH 4: PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA THỦ ĐÔ

4.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử

Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị không gian lịch sử văn hóa, truyền thống tại khu vực nội đô lịch sử[12] là vấn đề được đặt ra trong nhiều chính sách, giải pháp của chính quyền các cấp tại Thủ đô Hà Nội trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, kết quả chưa được như mong đợi. Hiện nay các nguồn lực để cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử, bao gồm các khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khác, theo hướng bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử còn manh mún, chưa tập trung vì vướng những vấn đề về quy định pháp luật và nguồn lực xã hội.

Cùng với các giải pháp về bảo tồn ở khu vực nội đô lịch sử, Thủ đô Hà Nội cũng cần có phải giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà ở cũ, nhà nhiều hộ (không phải là các chung cư cũ) đã xuống cấp, không đảm bảo chất lượng sống, ảnh hưởng đến an toàn của người dân, bộ mặt kiến trúc cảnh quan xuống cấp ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Các khu nhà ở này phân bố chủ yếu trong khu vực trung tâm Thành phố, nhất là khu vực nội đô lịch sử nơi tập trung đông dân cư hiện nay các công trình nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bị hư hỏng nặng không đảm bảo điều kiện sống tối thiểu của người dân, không đáp ứng được nhu cầu sử dụng và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành như: (i) hệ thống đường giao thông đã, đang xuống cấp, hư hỏng; hệ thống đường nội bộ có mặt cắt không đồng đều, bề rộng nhỏ; phần lớn vỉa hè tại các đường nội bộ bị lấn chiếm để sử dụng vào mục đích cá nhân; (ii) hệ thống cấp nước trong các khu nhà ở được đầu tư không đồng bộ, đã và đang bị xuống cấp gây mất an toàn và ảnh hưởng tới mỹ quan đô thị; (iii) hệ thống thoát nước đã cũ, xuống cấp, tình trạng ngập úng cục bộ khi mưa trên 50 mm/h tại một số khu nhà ở; hệ thống cống thoát nước thải, hệ thống cống thoát nước mưa của các khu nhà ở không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và xử lý nước thải; (iv) tỷ lệ cây xanh thấp, không đảm bảo quy định

[12]Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050: Khu nội đô lịch sử giới hạn từ phía Nam sông Hồng đến đường vành đai 2, là khu vực bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long, các giá trị truyền thống của người Hà Nội. Bảo tồn, cải tạo không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và tôn vinh văn hóa, lịch sử truyền thống của khu phố cổ, khu phố cũ, Hồ Gươm, Hồ Tây, Thành cổ…

QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu phải đạt 2m^2/người); tại một số khu nhà ở không có diện tích đất cây xanh tập trung; (v) hầu hết hệ thống PCCC đã xuống cấp, mất an toàn cho người dân; tại một số khu nhà ở cũ không có hệ thống PCCC; (vi) phần lớn không có hệ thống thu gom, tập kết và xử lý chất thải rắn (CTR); rác thải được các công ty vệ sinh môi trường thu gom hàng ngày theo giờ cố định và vận chuyển đi bằng xe chuyên dùng; thiếu nhà vệ sinh (một số nhà đông hộ người dân phải sử dụng chung nhà vệ sinh); (vii) thiếu hoặc không có diện tích dành riêng để chỗ đỗ xe phục vụ nhu cầu của người dân, chủ yếu tận dụng diện tích giao thông, sân chơi, khoảng trống làm chỗ đỗ và gửi xe.

Các quy định pháp luật hiện tại chưa tạo điều kiện để có sự hợp tác công tư hoặc các giải pháp đột phá khác để có thể phát huy hiệu quả kinh tế xã hội cũng như bảo tồn của các công trình này. Ngoài ra,việc cải tạo, tái thiết các khu vực hiện hữu trong đô thị tại các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (theo khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô) yêu cầu phải giải phóng mặt bằng lớn để có thể đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cũng như để giãn mật độ dân số và giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường ở khu vực trung tâm Thủ đô. Vấn đề này dẫn đến khối lượng công việc tái định cư lớn, phải đầu tư nguồn lực lớn về tài chính, bố trí quỹ đất, quỹ nhà để phục vụ công tác tái định cư, giải phóng mặt bằng trong các dự án cải tạo, tái thiết do phải di chuyển nhiều hộ dân, khó đạt tỷ lệ đồng thuận cao của người dân[13]. Do đó, cần có các giải pháp để khuyến khích người dân cùng tham gia vào công tác bảo tồn, chỉnh trang và tái thiết đô thị tại khu vực nội đô lịch sử và các khu vực khác của Thủ đô. Ngoài ra, Thủ đô Hà Nội đã phê duyệt cơ chế chính sách Đề án dãn dân phố cổ (khu vực quận Hoàn Kiếm) từ năm 2014, tuy nhiên việc thực hiện còn chậm và chưa hiệu quả do có nhiều vướng mắc trong cơ chế, chính sách pháp luật.

Việc phát triển không gian ngầm tại khu vực trung tâm khu vực nội đô lịch sử, hiện tại mới chỉ chú trọng phát triển hệ thống giao thông động, đó là các hệ thống tầu điện ngầm, hầm chui,… Trong khi nhu cầu của phát triển ở khu vực nội đô lịch sử cần chú trọng phát triển không gian ngầm để phục vụ phát triển giao thông tĩnh, dịch vụ thương mại bổ trợ công cộng và bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan tại khu vực nội đô lịch sử.

Việc quản lý các công trình nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc có giá trị tại khu vực nội đô lịch sử còn bất cập, thiếu cơ chế quản lý, mới chỉ tập trung vào các biện pháp để bảo tồn mà chưa có các giải pháp hữu hiệu để phát huy giá trị của các công trình thành nguồn lực phát triển. Giải pháp hiện tại căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành chỉ có thể bán và cho thuê một số nhà cổ, biệt thự cũ, nhà chuyên dùng[14].

Công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ tại khu vực nội đô lịch sử và toàn Thủ đô Hà Nội vẫn chưa phát huy hiệu quả với nhiều lý do trong thời gian qua,

---

[13]Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô và đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

[14]Quyết định số 1170/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội ngày 19/3/1998 quy định danh mục các tuyến phố cổ, nhà cổ không thực hiện việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang ở thuê theo Nghị định số 61/CP.

như vướng mắc, bất cập của Luật Nhà ở 2014, Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư. Kể từ khi Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã tháo gỡ một phần khó khăn, vướng mắc trong cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, công tác cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội rất phức tạp và khó khăn với số lượng lớn (1.579 chung cư cũ), đặc biệt là phải gắn công tác cải tạo chung cư cũ với yêu cầu về an toàn nơi ở cho người dân, công tác quy hoạch, sự đồng thuận của người dân và việc tham gia của doanh nghiệp vào công tác này.[15] Ngoài ra, theo định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" ("**Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị**") và Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 ("**Quy hoạch chung 1259**") thì khu vực nội đô cần phải được cải thiện điều kiện sống trong các khu ở, khu chung cư cũ, kiểm soát về mật độ xây dựng và tầng cao, bổ sung thêm các chức năng công cộng, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật. Yêu cầu này đặt ra cần phải có các giải pháp chính sách đột phá để có thể giải quyết được những vấn đề bất cập này vì không thể khó khăn trong việc thu hút nhà đầu tư tham gia vào công tác này.

Việc đề xuất cơ chế chính sách cải tạo, xây dựng mới các khu nhà ở xuống cấp trên địa bàn Thành phố phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật hiện hành, đảm bảo tạo điều kiện để người dân Thủ đô có chỗ ở tốt hơn, tạo ra môi

---

[15]Căn cứ quy định của Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư và triển khai Đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được UBND Thành phố ban hành: (i) Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 31/12/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội; gồm 05 nội dung chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, xác định tiến độ triển khai, phân công nhiệm vụ cho các Sở ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Nghị định số 69/2021/NĐ-CP; (ii) Kế hoạch số 334/KH-UBND ngày 31/12/2021 về tổng kiểm tra rà soát, kiểm định, đánh giá chất lượng toàn bộ các chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội; dự kiến chia làm 04 đợt, trong đó ưu tiên kiểm định trước các nhà chung cư còn lại của 03 khu chung cư cũ có nhà nguy hiểm cấp D (Giảng Võ; Thành Công; Ngọc Khánh); rà soát, đánh giá sự phù hợp kết quả kiểm định của 401 nhà chung cư cũ (đã thực hiện) so với thực tế hiện trạng và quy định hiện hành; 06 khu chung cư được lựa chọn triển khai ban đầu có tính khả thi (Kim Liên, Trung Tự, Khương Thượng, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Nam, Nghĩa Tân); rà soát 14 dự án đang triển khai; 126 chung cư đã được UBND Thành phố chấp thuận nguyên tắc tại Văn bản số 3616/UBND-SXD ngày 19/10/2021; các chung cư cũ theo Đề án quy gom trên địa bàn quận Hoàn Kiếm và các chung cư cũ độc lập trên địa bàn quận Ba Đình: (iii) Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 31/12/2021 về Cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội - Đợt 1. Nội dung Kế hoạch gồm lập danh mục chung cư cũ cần thực hiện cải tạo, xây dựng lại với 03 nhóm: (i) Nhóm các nhà chung cư phải phá dỡ để xây dựng lại; (ii) Nhóm các dự án đang triển khai cần rà soát(chuyển tiếp từ giai đoạn trước năm 2021); (iii) Nhóm các nhà chung cư thuộc trường hợp phá dỡ nhà chung cư để cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Luật Nhà ở 2014; và (v) Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 31/12/2021 về nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó dự kiến chia làm 04 đợt, triển khai linh hoạt, đồng thời, đồng bộ, đảm bảo phù hợp với tiến độ triển khai công tác kiểm định.

trường sống tốt cho cư dân đô thị, bảo đảm lợi ích của cộng đồng hài hòa với lợi ích của Nhà nước, người dân và nhà đầu tư; khai thác và sử dụng hiệu quả đất đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng trên cơ sở cân đối hài hoà với các khu vực xung quanh góp phần xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" đến năm 2030 theo mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội đã đề ra.

b) Vấn đề quản lý, phát triển nhà ở tại Thủ đô

Theo Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố Hà Nội năm 2015 và các năm tiếp theo (giai đoạn 2016-2020) tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của UBND Thành phố Hà Nội, xác định mục tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2016-2020 khoảng 27,90 triệum^2 sàn nhà ở nói chung (bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở tái định cự và nhà ở thương mại), trong đó nhà ở xã hội là 6,22 triệu m^2 sàn. Kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020, toàn thành phố phát triển được 29,56 triệu m^2 sàn nhà ở (trong đó có 6,67 triệu m^2 sàn nhà ở xã hội), vượt chỉ tiêu đề ra.

Quy hoạch chung 1259 có xác định diện tích bình quân nhà ở khu vực đô thị tối thiểu là 30m^2 sàn sử dụng/người và nhà ở nông thôn tối thiểu là 25m^2 sàn sử dụng/người. Nhưng hiện nay, diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố là 27,70m^2 sàn/người (trong đó bình quân khu vực đô thị là 28,47m^2 sàn/người và nông thôn là 26,53m^2 sàn/người)[16]. Theo tính toán của Sở Xây dựng Hà Nội vào năm 2020, diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố là 27,25m^2 sàn/người[17]. Như vậy, diện tích nhà ở bình quân khu vực đô thị thấp hơn mức đề ra tại Quy hoạch chung 1259.

Theo rà soát, nhu cầu nhà ở xã hội của Thành phố giai đoạn sau năm 2020 khoảng 6,8 triệu m^2 sàn nhà ở, trong khi đó khả năng đáp ứng giai đoạn 2021-2025 chỉ khoảng 1,25 triệu m^2. Do đó, Thành phố chủ trương phát triển nhà ở xã hội là nhà chung cư để có quỹ nhà ở xã hội lớn hơn, đáp ứng cho nhiều đối tượng được hỗ trợ nhà ở xã hội hơn. Số lượng lao động di cư làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thủ đô hiện tại là 117.000.000 người và trong thời gian tới tăng lên khoảng 135.000.000 người. Nhu cầu về nhà ở cho người lao động di cư ở Thủ đô Hà Nội là vấn đề bức thiết cần đặt ra để bảo đảm an sinh cho người lao động và thu hút được người lao động chất lượng cao làm việc trên địa bàn Thủ đô. Việc xây dựng giải pháp trong Luật Thủ đô là phù hợp với các chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về ưu đãi, hỗ trợ nhà ở cho lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, lao động tài năng và người lao động có thu nhập thấp, đặc biệt cả lao động di cư tới Thủ đô Hà Nội

[16]Niên giám thống kê Hà Nội.

[17]Văn bản số 6970/SXD-HT ngày 24/8/2021 của Sở Xây dựng phối hợp xây dựng Báo cáo rà soát các quy hoạch Thành phố Hà Nội thời kỳ 2011-2020.

làm việc[18].

Tuy nhiên, kết quả phát triển nhà ở xã hội trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của những người có nhu cầu thực về nhà ở, đặc biệt là những người có thu nhập thấp. Một số bất cập nổi trội như:

- Các chính sách để hỗ trợ và ưu đãi cho các chủ đầu tư thực hiện các dự án nhà ở xã hội còn hạn chế, chưa thu hút được nhà đầu tư so với các dự án thương mại khác.

- Bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại thường không hợp lý. Các chủ đầu tư dự án thương mại thường bố trí khu vực nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất 25%) ở vị trí không thuận lợi, khó giải phóng mặt bằng hơn so với các khu vực khác trong dự án, bán kính tiếp cận các công trình phục vụ, hạ tầng xã hội trong toàn khu có khoảng cách xa hơn so với công trình thương mại, thiếu đồng bộ về chất lượng chung giữa nhà ở thương mại và nhà ở xã hội tại cùng một khu vực.

- Người dân ở khu nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại có nguy cơ phải trả các chi phí tiện ích cao hơn để phù hợp với chi phí vận hành các tiện ích của khu nhà ở thương mại.

Để thực hiện được thành công đề án giãn dân khu phố cổ, Thủ đô Hà Nội cần phải đầu tư xây dựng khu nhà ở giãn dân phố cổ (như ở khu đô thị mới Việt Hưng đối với kế hoạch giãn dân tại quận Hoàn Kiếm) với chất lượng nhà ở theo phù hợp với nhu cầu, hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ để thu hút người dân, tạo lập được quỹ nhà tái định cư phục vụ cho các mục tiêu giãn dân, cải tạo, chỉnh trang đô thị. Thủ đô Hà Nội cần phải có nguồn vốn đầu tư để thực hiện được giải pháp này.

Hiện tại, một số dự án nhà ở thương mại ở khu vực phần đất có giá trị cao phải phát triển dự án nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở 2014 chưa đem lại hiệu quả cao cho nhiều đối tượng cần được hưởng lợi từ chính sách nhà ở xã hội. Sự chênh lệch về giá đất tại địa bàn Thủ đô Hà Nội là khá lớn, không như nhiều địa phương khác. Do đó, nếu cho phép chủ đầu tư ở các dự án nhà ở thương mại có diện tích từ 02ha trở lên đối với đô thị loại đặc biệt, loại I hoặc 05ha trở lên tại các đô thị loại II, III được lựa chọn nộp tiền hoặc bố trí đất (20%) để xây dựng nhà ở xã hội thì khoản tiền thu được từ giải pháp này sẽ giúp cho ngân sách Thủ đô Hà Nội có thêm kinh phí để xây dựng nhà ở xã hội hoặc đầu tư, đặt hàng nhà tái định cư có chất lượng tốt hơn. Đối với dự án trên 10ha, sẽ vẫn thực hiện việc bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội như quy định hiện hành.

c) Vấn đề đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại Thủ đô

Theo định hướng Quy hoạch chung 1259, dự báo năm 2020, dân số Thành

[18]Nhu cầu này được đề cập tại Công văn 3822/BXD-QLN của Bộ Xây dựng 17/09/2021 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị phải có giải pháp phát triển nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp.

phố sẽ đạt khoảng 7.956 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa (ĐTH) đạt 58,8% và đạt khoảng 60-65% đến 2025. Tuy nhiên, hiện trạng gia tăng dân số và tỷ lệ đô thị hóa tại các huyện đã có những khác biệt so với tính toán của Quy hoạch chung 1259 (xem Bảng tổng hợp 7dưới đây)[19].

Bảng 7: Tổng hợp dự báo dân số đến năm 2030 và những năm tiếp theo

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chung	Thành thị	Nông thôn	Tỷ lệ ĐTH
1	Dân số năm 2009	Người	6.451.909	2.644.536	3.807.373	40,99
2	Dân số năm 2019	Người	8.053.663	3.962.310	4.091.353	49,2
3	Số dân tăng thêm	Người	1.601.754	1.317.774	283.980	
4	Tỷ lệ tăng	%	24,83	49,83	7,46	
5	Tỷ lệ tăng TB/năm	%/năm	2,48	4,98	0,75	
6	Dân số 2025	Người	9.300.000	5.300.000	4.000.000	
7	Dân số 2030+	Người	10.500.000	6.700.000	3.800.000	

Nguồn:Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 - tính toán của nhóm chuyên gia.

Dự báo dân số giai đoạn 2021-2030 và các năm tiếp theo bằng phương pháp ngoại suy với giả thiết tỷ lệ tăng dân số trung bình ổn định thì quy mô dân số toàn thành phố đến năm 2030 (và những năm tiếp theo) khoảng 10,0-10,5 triệu người[20] (dân số dự báo đến năm 2025 toàn thành phố đạt khoảng 9,3 triệu người). Xu hướng chuyển dịch dân cư từ khu vực nông thôn sang thành thị (do phát triển đô thị và bắt đầu hình thành quận mới) nên tỷ lệ tăng trung bình/năm ở khu vực thành thị sẽ tăng mạnh[21].

Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung 1259 của Thủ đô đã lựa chọn mô hình phát triển đô thị cho Thủ đô Hà Nội theo mô hình chùm đô thị, gồm đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh, được liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông

[19]Công văn số 670/VQH-NCĐTQT ngày 01/04/2022 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). Theo Công văn số 670/VQH-NCĐTQT, việc tính toán này phụ thuộc vào thực tiễn diễn biến dân số không ổn định và phụ thuộc nhiều vào quá trình phát triển đô thị, do đó thời gian tính toán tạm xác định theo thời hạn quy hoạch nhưng thực tế có thể diễn biến kéo dài sau năm 2030 đến năm 2050.

[20]Tính theo công thức: $D_n=D_o(1+t)^n$ trong đó: D_n: dân số năm tính toán (người); D_o: Dân số năm đầu (người); t: Tỷ lệ tăng dân số trung bình hằng năm (%/năm); n: số năm dự báo (năm).

[21]Công văn số 670/VQH-NCĐTQT ngày 01/4/2022 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

vùng Thủ đô và quốc gia. Theo dự kiến điều chỉnh Quy hoạch chung 1259, Thủ đô sẽ có thêm hai thành phố thuộc Thủ đô.

Định hướng tại Quy hoạch chung 1259, Thủ đô Hà Nội có 20 đô thị các loại, bao gồm: 01 đô thị trung tâm, tương đương đô thị loại Đặc biệt. 05 đô thị vệ tinh, bao gồm: Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn (định hướng là các đô thị từ loại III đến I), 03 đô thị sinh thái (định hướng là các đô thị từ IV đến III), 11 thị trấn thuộc các huyện(định hướng là các đô thị loại V).

Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung 1259 yêu cầu rất lớn về đầu tư xây dựng đường giao thông (đặc biệt là các tuyến đường sắt đô thị, các tuyến đường vành đai đầu tư mới như đường vành đai 4, 5, hoàn thiện các tuyến đường vành đai 1, 2,5, các tuyến đường xuyên tâm). Theo quy hoạch giao thông vận tải của Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ đô Hà Nội sẽ có 10 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài 417,8km[22].

Việc đầu tư phát triển mới các đô thị, đặc biệt là các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái có phạm vi ranh giới liên quan đến địa giới hành chính nhiều huyện cần sự thống nhất trong quy hoạch, thiết kế, đồng bộ về cơ sở hạ tầng. Thực tế khả năng cân đối, bố trí vốn ngân sách để đầu tư xây dựng đường giao thông hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển phương tiện, các khu đô thị mới. Theo dự toán, tổng vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh bằng các loại phương tiện vận tải hành khách công cộng: đường sắt đô thị, tuyến xe buýt nhanh (BRT), xe buýt thường vào khoảng **4.695.000 tỷ đồng**. Nhu cầu về vốn đầu tư này là một thách thức lớn cho ngân sách của Thủ đô khi mà Thủ đô cần phân bổ ngân sách cho nhiều hạng mục phát triển kinh tế xã hội khác. Hiện nay, Thủ đô chỉ có thể đáp ứng được khoảng 46% tổng nhu cầu vốn đầu tư công để phát triển cơ sở hạ tầng. Hiện tại, chỉ có 1 tuyến đường sắt đô thị đang vận hành khai thác (Cát Linh - Hà Đông) trong tổng số 10 tuyến đường sắt đô thị theo quy hoạch. 02 tuyến đang trong quá trình xây dựng, các tuyến còn lại đều đang trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi… Vấn đề về thiếu vốn để phát triển hạ tầng đô thị vệ tinh và các đô thị mới đã làm cho việc thực hiện Quy hoạch chung 1259, bao gồm 5 đô thị vệ tinh, 3 thị trấn sinh thái, hiện nay rất nhiều chỉ tiêu không đạt được, còn cách xa so với tổng điểm, tiêu chí yêu cầu. Việc hình thành các đô thị chưa có nhiều chuyển biến sau khi Quy hoạch chung 1259 được phê duyệt năm 2011. Nguyên nhân chính là do chưa có các chính sách mạnh mẽ để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển. Đối với các thị trấn huyện ly, về cơ bản chưa đạt được mức tối thiểu của một đô thị cấp V có vai trò là trung tâm hành chính của các huyện. Các chỉ số về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội còn chưa được đầu tư đúng mức. Đầu tháng 4/2022, Thủ đô Hà Nội phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng và sông Đuống bao gồm các chuỗi đô thị phía Bắc và Nam sông Hồng, phía sông Đuống là chuỗi đô thị hiện đại (định hướng phát triển thành đô thị loại đặc biệt), tạo trục động lực kinh tế cầu Nhật Tân - Nội Bài gắn với trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch triển lãm, thể dục thể thao,

[22]Quyết định 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

logistics và cũng tạo trục không gian văn hoá - cảnh quan sinh thái Hồ Tây - Cổ Loa.

Theo quy định hiện nay, các khu vực được quy hoạch phát triển đô thị (như đô thị vệ tinh) thường được chia thành nhiều dự án nhỏ, độc lập để thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá đất. Việc giao các cơ quan quản lý nhà nước cấp sở hoặc UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng..., tạo quỹ đất để đấu giá QSDĐ, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dẫn đến tốn kém kinh phí, tính khả thi, hiệu quả không cao, manh mún, thiếu đồng bộ về hạ tầng, thời gian triển khai kéo dài do việc tổ chức đấu giá, đấu thầu để triển khai nhiều dự án trong cả khu đô thị mất rất nhiều thời gian từ thủ tục đầu tư đến triển khai dự án. Không có dự án có quy mô đủ lớn, có yếu cầu về kỹ thuật cao để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Do đó, để đầu tư phát triển một cách đồng bộ, bền vững, cần thiết phải có nhà đầu tư chiến lược, đủ tầm, đủ tiềm lực tài chính có nhiều kinh nghiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... trên phạm vi toàn đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) không thể áp dụng cho gói dự án bao gồm cả đầu tư hạ tầng giao thông và phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại; Việc đổi dự án lấy dự án chưa có trong các quy định của pháp luật.

Kinh nghiệm tốt tại một số quốc gia trong việc phát huy hiệu quả từ việc khai thác các ưu điểm của mạng lưới giao thông đô thị để phát triển đô thị, như Hong Kong là sử dụng một doanh nghiệp nhà nước hợp tác kinh doanh với các nhà đầu tư chiến lược (có thể thành lập doanh nghiệp dự án) để phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, khai thác, chia sẻ lợi nhuận trong suốt quá trình thực hiện dự án đem lại hiệu quả cao cho cộng đồng. Tuy nhiên, vấn đề này cần phải được quy định cụ thể về các biện pháp thi hành để bảo đảm tính hiệu quả của chính sách.

Việc đầu tư phát triển các khu đô thị thực hiện thông qua đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án có sử dụng đất; đấu giá QSDĐ, nhưng việc chuẩn bị hồ sơ mất nhiều thời gian và thực hiện nhiều thủ tục làm cho việc xây dựng các dự án đô thị thiếu đồng bộ khi kết nối giao thông khu vực, giao thông liên vùng tại những thời điểm nhất định dẫn đến nhiều khu đô thị chưa lấp đầy dân số, gây lãng phí nguồn lực xã hội và các mục tiêu giãn dân, phát triển kinh tế xã hội không đạt được.

d) Vấn đề sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô

Thủ đô Hà Nội có điều kiện thuận lợi hơn nhiều địa phương khác khi mà giá trị thương mại từ đất tại các đô thị của Thủ đô Hà Nội là rất cao. Với định hướng phát triển đô thị theo Quy hoạch chung 1259 (hoặc Quy hoạch chung điều chỉnh) thì Thủ đô Hà Nội có quỹ đất để trở thành nguồn nội lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Trong giai đoạn 2010-2020, phân bố sử dụng đất trên địa bàn thành phố đã có sự thay đổi đáng kể nhằm đáp ứng nhu cầu đô thị hóa và tái cơ cấu các ngành kinh tế của Thành phố, điển hình là đất trồng lúa được chuyển đổi chủ yếu sang đất ở đô thị và đất kinh doanh phi nông nghiệp). Việc

chuyển đổi góp phần đáng kể vào kết quả tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân 10,86%/năm trong giai đoạn 2010-2020 của Thủ đô Hà Nội[23].

Mặc dù có những thuận lợi như vậy, nguồn lực đất đai ở Thủ đô chưa được phát huy hiệu quả đúng mức, tranh chấp về giá đến bù giữa người dân, doanh nghiệp và Nhà nước vẫn tồn tại nhiều làm cản trở quá trình phát triển. Một số nguyên nhân bao gồm sau:

- Việc thu hồi giá trị tăng thêm từ đất chưa tương xứng với đầu tư của Nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Các quy định pháp luật hiện tại chưa cho phép Nhà nước có thể thu được chênh lệnh địa tô sau khi Nhà nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Luật Đất đai năm 2013 đã quy định việc định giá đất phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường và giá đất do Nhà nước xác định gồm: khung giá đất, bảng giá đất và giá đất cụ thể. Các địa phương được xây dựng, ban hành Bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể để áp dụng tại địa phương nhưng phải phù hợp với khung giá đất của Chính phủ quy định. Vấn đề này có bất cập khi quy định về khung giá đất chỉ thay đổi 5 năm/lần nên không theo kịp biến động giá đất trong thực tế. Hiện nay, dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cũng có dự kiến cho phép các địa phương được ban hành bảng giá đất.

- Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị 2009, Hà Nội là đô thị loại đặc biệt nên thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có ý nghĩa đặc biệt) và các quy hoạch khác do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[24]. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy định hoạch sử dụng đất quốc gia cũng đã có định phương phân bổ không gian và chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất rừng và đất phi nông nghiệp. Diện tích các loại đất và diện tích các loại đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng là nội dung trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh[25]. Do đó, Thủ tướng Chính phủ là cấp thẩm quyền trong việc phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất tại Thủ đô. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai, Thủ tướng Chính phủ lại phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên[26]. Dẫn đến các dự án đầu tư trên phạm vi Thủ đô Hà Nội sẽ phải trải qua 2 lần phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

e) Vấn đề BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu tại đô thị của Thủ đô

---

[23]Nguồn Cục Thống kê Thành phố Hà Nội 2021-2016 và Tổng cục Thống kê: sau 10 năm, đất trồng lúa giảm 11,97% (chủ yếu chuyển sang đất ở đô thị và đất kinh doanh phi nông nghiệp); đất ở đô thị tăng 41,62%; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng 218,87%; đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp giảm 67,56%; đất tôn giáo, tín ngưỡng tăng 82,18%; đất nghĩa trang, nghĩa địa tăng 18,4%; và 71,14% diện tích đất chưa sử dụng đã được đưa vào khai thác.

[24] Luật Quy hoạch đô thị 2009, Điều 44.

[25] Luật Đất đai, Điều 39.

[26] Luật Đất đai, Điều 58.

Với tốc độ phát triển đô thị nhanh ở Thủ đô Hà Nội kéo theo những vấn đề về môi trường đô thị, như ô nhiễm chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), ô nhiễm từ nước sinh hoạt, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm đất.

Theo Báo cáo môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Thủ đô Hà Nội là địa phương đứng thứ hai (sau Thành phố Hồ Chí Minh) trên toàn quốc về khối lượng CTRSH phát sinh (6500 tấn/ngày)[27]. Tỷ lệ thu gom CTRSH ở Thủ đô Hà Nội (nội thành và ngoại thành) đạt 93%[28]. Tuy nhiên, công tác thu gom và xử lý CTRSH vẫn chưa được như kế hoạch là 100% tại khu vực đô thị và 95% tại khu vực nông thôn của Thủ đô Hà Nội đã đề ra tại Nghị quyết 11-NQ-TU của Thành Uỷ Hà Nội về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Số lượng dân cư ở Thủ đô Hà Nội ngày càng tăng tỷ lệ thuận với CTRSH cũng gia tăng nhanh chóng (xem Bảng 7). Vấn đề này đòi hỏi phải có các biện pháp mạnh mẽ để thúc đẩy công tác thu gom, xử lý CTRSH, bao gồm việc đầu tư các dự án xử lý CTRSH đã được phê duyệt và bổ sung thêm các dự án xử lý CTRSH trên địa bàn Thủ đô Hà Nội hoặc các địa phương khác trong vùng Thủ đô.

Theo Báo cáo môi trường quốc gia 2016-2020, chỉ có khoảng 15% nước thải sinh hoạt đô thị tại Thủ đô Hà Nội được thu gom và xử lý[29] mặc dù khả năng xử lý nước thải sinh hoạt tại các nhà máy trên địa bàn Thủ đô Hà Nội khoảng 28,8% tổng lượng nước cần xử lý[30]. Nước sinh hoạt chưa qua xử lý tại Thủ đô Hà Nội được chảy thẳng ra sông, hồ tại đô thị gây ô nhiễm cho các sông, hồ và khu vực xung quanh, điển hình là các sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Sét, sông Tích, sông Nhuệ - sông Đáy[31]. Thủ đô Hà Nội đã có đề án tổng thể BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy và có các phương án xử lý môi trường nước của sông Tô Lịch, sông Tích[32] nhưng việc đầu tư các dự án xử lý môi trường nước ở Thủ đô Hà Nội vẫn chưa đạt được theo kế hoạch.

Ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là ô nhiễm bụi PM_{10} và bụi $PM_{2.5}$. Mức độ ô nhiễm bụi mịn có xu hướng tăng quá các năm. Theo Bộ Tài nguyên Môi trường, số ngày có giá trị AQI ở mức kém và xấu (tính trung bình các trạm) chiếm tỷ lệ 30,5% tổng số ngày quan trắc trong năm. Một số ngày chất lượng không khí suy giảm đến ngưỡng rất xấu (AQI=201-300). Các thông số NO_2,

---

[27]Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 38.

[28]Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 44.

[29]Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 9.

[30]Báo Đại đoàn kết, 78,2% lượng nước thải trên địa bàn Thủ đô Hà Nội chưa được thu gom xử lý, 09/12/2021, http://daidoanket.vn/782-luong-nuoc-thai-tren-dia-ban-thu-do-ha-noi-chua-duoc-thu-gom-xu-ly-5674735.html

[31]Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, 2021, trang 52, 59, 61.

[32]Nghị quyết 11-NQ-TU của Thành Uỷ Hà Nội về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

SO_2, CO và O_3 của không khí tại đô thị trung tâm Thủ đô Hà Nội đều vượt ngưỡng của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN)[33].

Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, nguồn phát thải bụi mịn $PM_{2.5}$ chính ở Thủ đô Hà Nội được phân bổ 29% từ các hoạt động công nghiệp, 26% từ đốt rơm rạ ngoài trời, 23% từ bụi đường, 15% từ giao thông và 7% từ các nguồn khác (đốt gia dụng, thương mại, làng nghề và rác thải rắn)[34].

Phát thải khí nhà kính (tCO_2) tại Thủ đô Hà Nội ngày càng gia tăng do sự phát triển kinh tế và đô thị. Lượng phát thải khí nhà khính của Thủ đô Hà Nội chủ yếu từ tiêu thụ điện (trên 50%), tiếp đến từ giao thông vận tải, sử dụng nhiên liệu khác, chất thải, nông nghiệp... Theo tính toán, mức lượng phát thải khí nhà kính của Thủ đô Hà Nội gia tăng qua các năm(xem các Phụ lục III kèm theo). Do đó, để giảm được lượng phát thải khí nhà kính tại Thủ đô Hà Nội thì Thủ đô Hà Nội cần phải có các giải pháp về giảm tiêu thụ năng lượng nói chung (trong có điện, nhiên liệu hoá thạch), rác thải thông qua các biện pháp về quy hoạch và điều kiện xây dựng, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, hạn chế tiêu thụ điện… đồng bộ với các chính sách, phương án về phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội.

Thủ đô Hà Nội hiện có khoảng 6,4 triệu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trong đó có khoảng 5,6 triệu xe máy, 685 nghìn ô tô các loại), chưa kể đến 1,2 triệu phương tiện từ các tỉnh, thành phố khác tham gia giao thông tại Thủ đô. Việc phát triển mất cân đôi giữa phương tiện giao thông với kết cấu hạ tầng dẫn tới quá tải và ùn tắc vào các giờ cao điểm. Vấn đề này còn gây ra mức độ phát thải lớn, gây ô nhiễm môi trường cho Thủ đô.

Từ những khái quát về vấn đề bất cập nêu trên, Thủ đô Hà Nội cần có những giải pháp đột phá để có thể giải quyết được các vấn đề này.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử theo hướng bảo tồn không gian lịch sử văn hóa, truyền thống. Phát triển nhà ở mới và xây dựng lại chung cư cũ để đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân. Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội của Thủ đô một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; trong đó chú trọng phân bổ, ưu tiên hợp lý nguồn vốn từ NSNN, kết hợp với đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công tư (PPP), gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Thủ đô.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, đường vành đai, hệ thống đường

---

[33]Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 84, 85, 88, 89 và 90.

[34]Ngân hàng Thế giới - Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội, Ô nhiễm không khí Hà Nội: Thực tràng & Gợi ý chính sách,

https://thedocs.worldbank.org/en/doc/ce9eb01975014ef417f5ad1f6c75a745-0070012021/original/Air-Quality-in-Hanoi-Current-Situation-and-Policy-Intervention-June-2021-VN.pdf

kết nối nội vùng và liên vùng theo quy hoạch, đồng bộ với quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị, đường vành đai. Từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) đi đôi với quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm để phát triển Thủ đô "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại".

Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn lực về tài nguyên, nhất là đất đai.Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch; Bỏ khung giá đất. Có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất. Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương.

Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác BVMT, hướng tới xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp, phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí; xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước các hệ thống sông, hồ; hoàn thành cải tạo môi trường sông Nhuệ - sông Đáy, sông Tô Lịch; các chương trình chống úng, ngập; hạ tầng xử lý rác thải, nước thải, cây xanh đô thị... theo quy hoạch.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Để giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, Thủ đô Hà Nội đang dự kiến được ban hành các chính sách, giải pháp một cách tổng thể như sau:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

Dựa trên khung pháp luật hiện hành (bao gồm thực thi Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Luật Thủ đô và các quy định pháp luật hiện hành, như Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Di sản văn hoá…), Thủ đô Hà Nội dự kiến sẽ áp dụng các biện pháp sau để thực hiện được mục tiêu chính sách nêu trên gồm:

(i) Quy định các biện pháp: cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trịkhu vực nội đô lịch sử (điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác sử dụng các công trình);

(ii) Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, người dân đầu tư, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc phố cổ, phố cũ và thiết kế đô thị;

(iii) Hỗ trợ, ưu đãi đối với việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến

trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác có giá trị...).

b) Giải pháp 2: Gồm Giải pháp 1 cộng thêm một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được chủ động ban hành thêm một số biện pháp nhằm phát huy hiệu công tác về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử và phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô.Các biện pháp bao gồm:

(i) Quy định phạm vi, không gian khu vực nội đô lịch sử là không gian vùng di sản văn hóa lịch sử đô thị[35];

(ii) Được thành lập Quỹ bảo tồn khu vực nội đô lịch sử.

(iii) Quy định về quy hoạch, quản lý không gian ngầm, biện pháp khuyến khích đầu tư, khai thác không gian ngầm.

(iv) Quyết định hình thức thực hiện nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội đối với quỹ đất 20% cho nhà ở xã hội;

(v) Quy định chính sách phát triển xây dựng nhà ở, cải tạo và chỉnh trang nhà ở cũ, chung cư cũ và chuyển đổi nhà máy có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị trung tâm.

c)Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được quy định cơ chế, biện pháp thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia phát triển đô thị. Các biện pháp bao gồm:

(i) Cơ chế và biện pháp hợp tác, khuyến khích, hỗ trợ người dân tự đầu tư cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ;

(ii) Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi được đảm bảo vềviệc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới;

(iii) Cơ chế và biện pháp thu hút nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển đô thị;

(iv) Cơ chế và biện pháp để huy động các nhà đầu tư tư nhân đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại các khu vực đầu mối giao thông và hai bên tuyến đường giao thông (theo mô hình TOD);

(v) Chính quyền thành phố Hà Nội chủ động ban hành quy định riêng về bảng giá đất, phương pháp định giá đất phù hợp điều kiện phát triển hạ tầng, phát triển đô thị Thủ đô và sát với giá thị trường; được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các

[35]Trong đó tập trung phân loại, xếp hạng các biệt thự cũ, nhà cổ, di tích lịch sử văn hóa, các làng trong đô thị (như làng Đông Thái, Trích Sài, Xã Đàn….) các công trình kiến trúc có giá trị để quản lý và thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đa dạng khu vực nội đô lịch sử theo quy hoạch.

loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Thành phố được quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên.

(vi) Chính quyền thành phố Hà Nội được quy định vùng phát thải thấp (Low emission zone - LEZ) phù hợp với điều kiện của Thủ đô; được áp dụng các biện pháp sau: (a) Quy định các biện pháp khuyến khích đầu tư đối với lĩnh vực, phương thức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải thấp trên địa bàn Thủ đô; (b) Quy định biện pháp hạn chế phương tiện giao thông sử dụng năng lượng hoá thạch; (c) Quy định về hạn chế hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh vào các lĩnh vực, phương thức sản xuất có mức phát thải cao trên địa bàn Thủ đô.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng

a) Tác động về kinh tế:

a.1. Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, Thủ đô Hà Nội đã thực hiện nhiều biện pháp để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử hiệu quả, như Quyết định số 1170/QĐ-UB quy định danh mục các tuyến phố cổ, nhà cổ không thực hiện việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang ở thuê theo Nghị định số 61/CP[36], Đề án giãn dân phố cổ, quận Hoàn Kiếm phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 09/01/2013, dự án đầu tư xây dựng nhà ở giãn dân tại khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, Thủ đô Hà Nội theo kết luận của tập thể lãnh đạo UBND Thành phố Hà Nội ngày 23/11/2017 tại Văn bản số 1341/TB-UBND.

Theo các quy định hiện hành và giải pháp của các cấp chính quyền thành phố Hà Nội, để phát huy hiệu quả về tài chính đối với các biệt thự cũ thuộc sở hữu Nhà nước (do UBND Thành phố Hà Nội) quản lý thì UBND Thành phố Hà Nội đã tiến hành đánh giá, phân loại và dự kiến bán 244 nhà biệt thự cũ không thuộc diện phải giữ để bảo tồn theo khung giá đất và giá chuẩn nhà ở hiện hành của UBND Thành phố giai đoạn 2020-2025 với dự kiến số tiền thu nộp Ngân sách khoảng 600 tỷ và bán nhà chuyên dùng do đã chuyển ở và đang sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 19/01/2007 (84 nhà) dự kiến số tiền nộp ngân sách khoảng 400 tỷ, cho phép cho thuê 395 cơ sở nhà đất sản xuất kinh doanh (nhà đất chuyên

[36]Theo Quyết định 1170/QĐ-UB, trong 292 biển số nhà có hộ thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có 48 biển số nhà có giá trị đặc biệt (loại 1), 140 biển số nhà có giá trị (loại 2) và 104 biển số nhà không có giá trị (loại 3).

dùng) đang do Công ty TNHHMTV Quản lý phát triển nhà Hà Nội quản lý (bao gồm cả 34 biệt thự chuyên dùng) thuộc sở hữu nhà nước thu được hàng năm là 371 tỷ đồng. Như vậy, tổng số tiền từ bán nhà thu tiền sử dụng đất ước nộp NSNN khoảng **1.000 tỷ đồng**; thu tiền cho thuê nhà, đất chuyên dùng là **371 tỷ/năm**[37].

Việc tái thiết khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội sẽ làm thu hút được du lịch vào khu vực nội đô lịch sử (nói riêng) và du lịch vào Thủ đô Hà Nội nói chung. Theo báo cáo của Sở Du lịch Hà Nội, trước khi có đại dịch COVID-19, tổng thu từ khách du lịch vào Thủ đô Hà Nội năm 2019 là **103.812 tỷ đồng**. Sở Du lịch Hà Nội dự kiến đến năm 2025, tổng thu của Thủ đô Hà Nội khoảng **130-151 nghìn tỷ đồng,**tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP Hà Nội khoảng 8-10%; năm 2030, tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP Hà Nội khoảng 12%[38].

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ thương mại du lịch tại các khu phố cổ, khu phố cũ, kinh tế đêm hay khu cải tiến thương mại (BID) tại Thủ đô Hà Nội. Kinhnghiệm ở nhiều quốc gia có các khu phố cũ, phố cổ đã hình thành các khu vực cải tiến thương mại (BID) để thu hút du lịch, phát triển các hoạt động thương mại ở địa phương đem lại nguồn thu cho người dân địa phương và Nhà nước, ví dụ như Canada, Hoa Kỳ, Anh, Australia, Singapore, Đức[39]… Khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội với những đặc trưng là các phố "Hàng", "phố ẩm thực Tống Duy Tân-Cấm Chỉ" là điều kiện thuận lợi để phát triển các khu cải tiến thương mại. Những thành công từ việc hình thành "phố đi bộ" vào các ngày cuối tuần ở Thủ đô Hà Nội là một ví dụ thành công của việc hình thành các khu cải tiến thương mại khi Thủ đô Hà Nội tiến hành cải tạo, chỉnh trang và tái thiết khu vực nội đô lịch sử. Đồng thời, khi giải pháp này được thực hiện thì cũng khuyến khích người dân ở các khu phố trong khu vực cải tiến thương mại tự đầu tư, tự cải tạo nhà hoặc công trình kiến trúc có giá trị để đảm bảo mỹ quan đô thị.

Tác động tiêu cực:

Các biện pháp ở Giải pháp 1sẽ đòi hỏi NSNN phải chi phí cho việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử trong khu vực nội đô lịch sử và mua lại các biệt thự có giá trị thực sự nổi bật, tiểu biểu về kiến trúc, nghệ thuật, văn hoá gắn với lịch sử của Thủ đô và đất nước theo Nghị quyết

---

[37]Công văn số 2176/SXD-PC của Sở Xây dựng Hà Nội ngày 01/4/2022 về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

[38]Công văn của Sở Du lịch Hà Nội ngày 14/8/2021 về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

[39]Khu cải tiến thương mại hoặc khu thúc đẩy thương mại (business improvement district) được hình thành ở nhiều thành phố trên thế giới. Ở các khu vực này, các chủ thể kinh doanh hợp tác với nhau hoặc hợp tác thông qua chính quyền sở tại để tạo ra một khu vực đặc biệt về an ninh, vệ sinh và cảnh quan đường phố và thuận tiện cho khách bộ hành và cùng quảng bá, tổ chức các sự kiện để thu hút du khách tới mua sắm, sử dụng dịch vụ… Chính quyền nhiều thành phố trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các khu thúc đẩy thương mại này, như kêu gọi thành lập với các cơ sở kinh doanh trên địa bàn, xây dựng các cẩm nang hướng dẫn người dân tự thành lập… Hiện nay, ở New York có khoảng 76 khu, Singapore có 10 khu và hiện đang được mở rộng thêm.

02/2014/NQ-HĐND của HĐND Thành phố Hà Nội năm 2014[40].

Giải pháp 1 cũng sẽ đòi hỏi Nhà nước phải chi phí cho việc xây dựng các bản thiết kế, quy hoạch cải tạo chỉnh trang các tuyến phố, ô phố và các công trình cụ thể có giá trị văn hóa, lịch sử để người dân tự thực hiện việc cải tạo đối với các công trình do người dân sở hữu.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử hay hình thành các khu thúc đẩy/cải tiến thương mại (BID) sẽ làm tăng giá trị bất động sản tại các khu vực này nhưng Nhà nước lại không được hưởng phần tăng thêm đó.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Nếu các biện pháp của HĐND Thành phố Hà Nội hoặc UBND Thành phố Hà Nội được thực hiện theo Giải pháp này Những người dân sống tại các biệt thự cũ không thuộc diện biệt thự có giá trị đặc biệt (loại 1) có thể mua hoặc thuê lại các biệt thự mà mình đang sinh sống để có thể phát huy các giá trị kinh tế tại các căn biệt thự này.

Các biện pháp ở Giải pháp này cũng sẽ tác động tích cực tới doanh thu từ hoạt động du lịch và các dịch vụ phụ trợ du lịch cho người dân và doanh nghiệp ở Thủ đô Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung khi mà khu vực nội đô lịch sử được cải tạo, chỉnh trang để thu hút được khách du lịch. Như đã nêu, Sở Du lịch Hà Nội dự kiến đến năm 2025, tổng thu từ các hoạt động du lịch của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn Thủ đô Hà Nội khoảng 130-151 nghìn tỷ đồng,tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP của Thủ đô Hà Nội khoảng 8-10%; năm 2030, tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP của Thủ đô Hà Nội khoảng 12%.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ thương mại du lịch tại các khu phố cổ, khu phố cũ, kinh tế đêm hay khu cải tiến thương mại (BID) tại Thủ đô Hà Nội sẽ thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ cho người dân sống tại khu vực này và làm gia tăng giá trị các bất động sản do người dân sở hữu.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp này hiện nay đang được thực hiện chậm do Nhà nước thiếu kinh phí cũng như chưa có các chính sách, quy định pháp luật tạo điều kiện thuận lợi hơn để các cấp có thẩm quyền của Thủ đô Hà Nội thực hiện nên người dân, doanh nghiệp chưa được hưởng lợi về kinh tế từ Giải pháp này.

a.2. Vấn đề quản lý, phát triển nhà ở tại Thủ đô

(i) Nhà nước:

---

[40]Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ngày 09/7/2014 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND thành phố về đề án quản lý quỹ nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tác động tích cực:

Giải pháp này đang được HĐND, UBND Thành phố Hà Nội thực hiện thông qua nhiều đề án, kế hoạch, như Đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội[41], tổng kiểm tra rà soát, kiểm định, đánh giá chất lượng toàn bộ các chung cư cũ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội[42].

Tác động tiêu cực:

Giai đoạn 2021-2025, Thành phố cần xây dựng mới khoảng 7,22 triệu m^2 sàn nhà ở xã hội, tổng vốn đầu tư khoảng 90.000 tỷ đồng[43]. Giai đoạn 2017-2020, Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đã cho vay 4 dự án (2 dự án nhà ở thương mại phục vụ tái định cư và 2 dự án nhà xã hội) với tổng quy mô 3.450 căn, tổng hạn mức cho vay khoảng hơn 1.100 tỷ đồng. Hiện nay, vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chủ yếu do các chủ đầu tư sử dụng vốn tự có, vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác. Theo như đã phân tích ở Chính sách 3, nguồn kinh phí mà Thủ đô Hà Nội có thể sử dụng để đầu tư công là hạn hẹp, chỉ đáp ứng được 30-35% nhu cầu.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Theo tính toán, nhu cầu về nhà ở xã hội, nhà giá thấp cho người dân Thủ đô Hà Nội là rất lớn, chiếm từ 35-40% nhu cầu của toàn dân Thành phố nhưng hiện nay nhu cầu này vẫn chưa được đáp ứng. Giải pháp này tạo điều kiện cho người có thu nhập thấp có thể tiếp cận được nhà ở với cơ sở hạ tầng có chất lượng cao với quy định chủ đầu tư các khu nhà ở thương mại, khu đô thị phải dành 25% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội. Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn Thành phố đã có 25 dự án đã hoàn thành với 1.254.087m^2 sàn nhà ở xã hội, trong đó: Nhà sinh viên (ký túc xá): 02 dự án với 27.201 m^2 sàn; Nhà ở phục vụ các đối tượng theo quy định tại Điều 49 của Luật Nhà ở: 23 dự án với khoảng 1.226.886 m^2 sàn, 12.659 căn[44]. Kết quả phát triển nhà ở xã hội đã mang lại nhiều lợi ích cho hàng trăm nghìn hộ gia đình thu nhập thấp có chỗ ở ổn định, cải thiện điều kiện sống so với trước đây khi sống trong các căn nhà cho thuê kém chất lượng hoặc các khu ở cũ có điều kiện sinh hoạt thiếu tiện nghi, không được bố trí các công trình phục vụ xung quanh khu ở nhà ở.

Giải pháp này tháo gỡ cho các doanh nghiệp đầu tư các khu nhà ở thương mại, khu đô thị dành 20% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội mà không phải nộp tiền.

---

[41]Đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, UBND Thành phố ban hành tại Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 18/12/2021

[42]Công văn số 2176/SXD-PC của Sở Xây dựng Hà Nội ngày 01/4/2022 về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

[43]VnExpress, Hà Nội cần 90.000 tỷ đầu tư nhà ở xã hội, 2020, https://vnexpress.net/ha-noi-can-90-000-ty-dau-tu-nha-o-xa-hoi-4187336.html

[44]Văn bản số 6970/SXD-HT ngày 24/8/2021 của Sở Xây dựng phối hợp xây dựng Báo cáo rà soát các quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2011-2020

Doanh nghiệp phát triển nhà ở xã hội trong phạm vi dự án thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, góp phần nâng cao thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp, sẽ dễ dàng hơn khi triển khai các dự án khác hoặc thông tin về doanh nghiệp trên thị trường có ảnh hưởng tích cực hơn.

Các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn Thủ đô Hà Nội có thể thu hút được lao động làm việc tại Thủ đô Hà Nội khi người lao động có thể tiếp cận được nhà ở có chi phí thấp tại Thủ đô Hà Nội.Lực lượng lao động trẻ và lao động ngoại tỉnh nhập cư về Thủ đô rất lớn. Theo tính toán của Sở Lao động thương binh xã hội Hà Nội vào đầu năm 2022, số lượng lao động di cư làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thủ đô hiện tại là 117.000.000 người và trong thời gian tới tăng lên khoảng 135.000.000 người. Nhu cầu về nhà ở cho người lao động di cư ở Thủ đô Hà Nội là vấn đề bức thiết cần đặt ra để bảo đảm an sinh cho người lao động và thu hút được người lao động chất lượng cao làm việc trên địa bàn Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

Người có thu nhập thấp khó có thể tiếp cận được nhà ở xã hội tại các khu nhà ở thương mại vì mức phí sử dụng dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác thường cao so với khả năng thu nhập của người thu nhập có thu nhập thấp. Hiện nay, người dân sống trong các khu đô thị phải đóng các khoản phí hàng tháng như: phí dịch vụ, phí quản lý chung cư, phí gửi xe (các khoản phí này ở mức trung bình hơn 1 triệu đồng/tháng). Khác với việc ở nhà mặt đất, cư dân phải thanh toán thêm các khoản phí này nên mức chi tiêu của mỗi hộ gia đình sẽ thay đổi, đây cũng là một áp lực đối với các hộ gia đình có mức thu nhập trung bình - thấp. Khi sinh sống tại các khu đô thị, với các tiện ích, dịch vụ chất lượng cao, biệt lập nên người dân phải chi tiêu cho cuộc sống với mức giá cao hơn so với ở khu dân cư hoặc các khu nhà ở có chất lượng thấp hơn.

Khi tập trung phát triển các khu nhà ở xã hội ở các khu vực chưa phát triển đô thị thì có thể khó khăn cho các doanh nghiệp, tổ chức có người lao động thuộc diện được mua nhà ở xã hội trong việc bố trí đi lại cho lao động làm việc tại trung tâm Thành phố. Việc này có thể được khắc phục nếu Thủ đô Hà Nội phát triển được hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn, như đường sắt công cộng, xe buýt.

a.3. Vấn đề đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Việc phát triển các thành phố thuộc Thủ đô và các đô thị vệ tinh sẽ tạo động lực phát triển kinh tế của khu vực và góp phần thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và vùng Thủ đô. Các đô thị của Thủ đô Hà Nội góp phần tạo ra vùng đô thị lớn, đô thị cực lớn ở Miền Bắc sẽ có vai trò, vị thế tăng trưởng chủ đạo cấp quốc gia hoặc cực tăng trưởng hỗ trợ (cực tăng trưởng thứ cấp) như khu vực chuỗi

đô thị Bắc Sông Hồng là chuỗi đô thị hiện đại, tạo trục động lực kinh tế cầu Nhật Tân- Nội Bài gắn với trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch triển lãm, thể dục thể thao, logistics với mục tiêu quy hoạch là đô thị loại đặc biệt.

Chuỗi đô thị phía đông Vành đai 4 có tính chất là đô thị ở, dịch vụ và thương mại tài chính ngân hàng, vui chơi giải trí và có các công trình văn hoá, lịch sử quốc gia, đô thị Hoà Lạc là đô thị khoa học, công nghệ và đào tạo, đô thị Sóc Sơn là đô thị dịch vụ và sinh thái, đô thị Sơn Tây là đô thị lịch sử, văn hoá và nghỉ dưỡng, đô thị Xuân Mai là đô thị đại học, dịch vụ-công nghiệp hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, đô thị Phú Xuyên là đô thị công nghiệp, đầu mối giao thông, trung chuyển hàng hoá và sinh thái. Ngoài ra, phát triển đô thị hiện đại sẽ phát triển các dịch vụ, ngành hàng kinh doanh phù hợp với đô thị hiện đại, như siêu thị, dịch vụ quản lý nhà ở.

Nếu tập trung phát triển đô thị và Nhà nước chủ động lập quy hoạch phân khu, thực hiện đầu tư toàn bộ cơ sở hạ tầng các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh thì NSNN tăng nguồn thu từđấu giá QSDĐ, ví dụ đô thị Hoà Lạc sẽ đóng góp cho nguồn thu ngân sách từ đấu giá QSDĐ cho khoảng 102,05ha với số tiền tương ứng khoảng **10.000 tỷ đồng**. Dự án thành phố thông minh Đông Anh với tổng số vốn đầu tư lên tới **4,2 tỉ USD** trên diện tích đất 272ha với kỳ vọng sẽ trở thành đô thị thông minh[45].

Ngoài ra, việc phát triển đô thị vệ tinh sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các khu vực lân cận và các mục tiêu khác của Thủ đô Hà Nội, khi mà các đô thị vệ tinh (Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn) đều nằm cách trung tâm Thủ đô Hà Nội (trung bình khoảng 30-40km). Chẳng hạn như nếu đô thị Hoà Lạc và khu CNC Hòa Lạc, Đại học Quốc gia Hà Nội phát triển thì sẽ tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển kinh tế xã hội của các huyện Thạch Thất, Quốc Oai và thị xã Sơn Tây và thúc đẩy các đô thị vệ tinh khác (như Sơn Tây, Xuân Mai) trong chuỗi các đô thị vệ tinh phía tây Thành phố để các địa phương này phát triển nhanh, bền vững theo hướng đô thị xanh, phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp, xây dựng[46].

Việc phát triển các đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới theo đề án xây dựng huyện lên quận của 5 địa phương: Gia Lâm, Thanh Trì, Đông Anh, Hoài Đức, Đan Phượng sẽ tổng diện tích đất đai gần bằng với diện tích của đô thị trung tâm trên địa bàn Thủ đô sẽ tạo nền tảng để giãn được 1,4 triệu dân (chiếm 15% dân số của Thủ đô vào năm 2030) và có thêm 25.000ha đất phục vụ di dời các cơ sở công nghiệp, trường đại học trong nội đô, tạo thuận lợi để Thủ đô Hà Nội đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và là động lực mới quan trọng cho phát triển kinh tế và đô thị Thủ đô giai đoạn hậu COVID-19).

<u>Tác động tiêu cực:</u>

---

[45]Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

[46]Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

Các dữ liệu tính toán phát triển quy hoạch đô thị của Thủ đô Hà Nội đến 2045, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch phát triển các Thành phố thuộc Thủ đô, quy hoạch phát triển không gian ngầm Thủ đô Hà Nội và dự kiến tổng mức đầu tư xã hội. cho thực hiện các quy hoạch và từng quy hoạch[47]. Theo dự kiến, khu vực ưu tiên phát triển đợt đầu giai đoạn 2021-2025, tổng diện tích phát triển đô thị: **769km^2** , tổng nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung: **1.018.842 tỷ đồng**, tổng nhu cầu vốn đầu tư nâng loại đô thị: **2.053.608tỷ đồng**. Khu vực phát triển giai đoạn 2025-2030, tổng diện tích phát triển đô thị giai đoạn này là: **956km^2**, tổng nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung: **2.480.806 tỷ đồng** và tổng nhu cầu vốn đầu tư nâng loại đô thị: **534.365tỷ đồng**.

Nhu cầu sử dụng vốn để xây dựng hoàn thiện hệ thống đô thị theo Quy hoạch chung 1259 là **8.200.866 tỷ đồng**, trong đó vốn đầu tư cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung toàn vào khoảng **5.476.577 tỷ đồng** (chiếm 66,7%) còn lại để đầu tư về nâng cấp đô thị. Để phát triển 20 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại đặc biệt, 01 đô thị loại I, 03 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV, 12 đô thị loại V như quy hoạch thì Thủ đô Hà Nội phải đầu tư tối thiểu **2.724.289 tỷ đồng**. Trong đó, vốn đầu tư cho đô thị trung tâm khoảng 70% nhu cầu đầu tư, 19 đô thị còn lại chỉ chiếm 30%. Với cơ cấu này thì không thể phát triển đô thị ngoại thành để gánh đỡ cho đô thị trung tâm như dự kiến tại Quy hoạch chung 1259 đặt ra.

Tổng vốn đầu cho cơ sở hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô, như đường sắt ngoại ô, xe buýt nhanh (BRT), ôtô buýt thường (dự kiến khoảng **4.695.000 tỷ đồng**). Ngân sách phải chi phí cho việc lập quy hoạch phân khu cho các đô thị mới, đô thị vệ tinh khoảng **40-50 tỷ đồng**. Theo dự toán, ngân sách của Thủ đô chỉ đáp ứng được 7% nhu cầu ngân sách phát triển cơ sở hạ tầng của Thủ đô theo kế hoạch. Riêng đối với việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh và toàn bộ dự kiến khoảng 2.786.079 tỷ đồng. Nếu dành ngân sách của Thủ đô cho các các hạng mục này thì sẽ hạn chế khả năng sử dụng ngân sách để đầu tư cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khác của Thủ đô như y tế, an sinh xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ (xem thêm Chính 4). Do đó, nếu không có các giải pháp mạnh thì không thể hiện thực hoá Quy hoạch chung 1259 và các quy hoạch, kế hoạch khác của Thủ đô[48].

Do ngân sách eo hẹp và được phân bổ theo từng giai đoạn nên việc phát triển các đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố thuộc Thủ đô và các dự án giao thông đấu nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô sẽ bị kéo dài. Đặc biệt, tác động của đại dịch COVID-19 đang ảnh hưởng khá lớn cho ngân sách của Thành phố từ việc chi tiêu cho công tác phòng chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội và nguồn thu cho ngân sách bị giảm xuống do ảnh hưởng của đại dịch. Nếu không tính đến tác động tiêu cực của đại dịch thì để

---

[47]Các dữ liệu dưới đây dựa trên Chương trình phát triển đô thị toàn Thành phố Hà Nội đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 đang nghiên cứu.

[48]Kế hoạch đầu tư công thành phố Hà Nội năm 2021-2025 và số liệu tổng hợp từ các báo cáo dự án GTVT.

thực hiện được Quy hoạch chung 1259 thì mất từ 20-25 năm. Với ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thời gian thực hiện được Quy hoạch chung 1259 sẽ tiếp tục kéo dài hơn. Kể từ khi có Quy hoạch chung 1259 cho đến nay (10 năm), kế hoạch phát triển các đô thị vệ tinh và đô thị ở ngoại thành Hà Nội chưa có nhiều biến chuyển vì thiếu nguồn lực. Vấn đề này ảnh hưởng tới phát triển nhanh của kinh tế Thủ đô và Vùng Thủ đô, giảm nguồn thu cho ngân sách Thủ đô.

Các quy định hiện hành chưa tạo được những giải pháp có tính đột phá để Thủ đô Hà Nội có được nguồn ngân sách phát triển khu nhà ở xã hội tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều người có thu nhập thấp có thể tiếp cận được nhà ở xã hội.

Như đã phân tích ở trên, thời gian hiện thực hoá Quy hoạch chung 1259 cho đến nay là 10 năm chưa thực hiện được nhiều vì ngân sách của Thành phố còn eo hẹp nên các doanh nghiệp chưa thể tận dụng được các ưu điểm của việc phát triển đô thị ở ngoại thành để phát triển kinh doanh của mình.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Nếu Nhà nước tự đầu tư vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho các đô thị, doanh nghiệp ở mọi quy mô có thể tham gia đầu tư vào các dự án phát triển đô thị sau khi nhà nước đã phát triển hạ tầng mà không phải chi phí đầu tư lớn như các Giải pháp 2 và 3. Giải pháp này cũng thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ, vận chuyển hành khách và hàng hoá tại các khu đô thị khi được xây dựng.

Dự kiến có khoảng 1.200 doanh nghiệpđang sản xuất kinh doanh tại khu đô thị trung tâm nơi có chi phí về địa điểm sản xuất, kinh doanh rất cao di chuyển ra ngoại thành để có chi phí mặt bằng sản xuất thấp hơn (bao gồm chi phí về thuê đất, thuế sử dụng đất…). Tổ chức sản xuất kinh doanh ở các khu đô thị vệ tinh hoặc ngoại thành cũng sẽ được hưởng các mức ưu đãi về thuế, đất đai và TTHCliên quan, ví dụ như mức thuế ưu đãi trong việc đầu tư tại Khu CNC Hoà Lạc. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể tiếp cận được công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, có chất lượng tốt khi đặt địa điểm sản xuất kinh doanh ở khu công nghiệp, khu CNC, cụm công nghiệp ở gần hoặc trong các khu đô thị vệ tinh.

Việc di chuyển ra sản xuất ngoại thành cũng giúp cho các doanh nghiệp đang sử dụng nhiều lao động phổ thông có thể thu hút được nguồn lao động đang sinh sống ở ngoại thành, lao động trẻ thích sống ở khu đô thị mới và lao động đã qua đào tạo khi các trường đại học, cao đẳng di chuyển ra khu vực đô thị vệ tinh (xem thêm phân tích tác động xã hội đối với nhà nước ở Giải pháp này).

Phát triển đô thị ở Thủ đô Hà Nội tạo điều kiện cho khoảng trên 6 triệu người vào giai đoạn 2020-2030 hoặc gần 7 triệu người vào giai đoạn 2030-2040, 7,5 triệu người vào giai đoạn 2040-2050 sống tại các khu đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới ở ngoại thành được tiếp cận chất lượng cuộc sống đô thị có chất lượng tốt

hơn (xem Phụ lục *Thực trạng về phân bổ dân cư và dự báo quy mô dân số*).

Phát triển nghề nghiệp có chất lượng cao tại các đô thị vệ tinh (ví dụ như đô thị Hoà Lạc là trung tâm công nghệ cao sẽ đáp ứng khoảng 60.000 lao động tay nghề cao). Khi các đô thị vệ tinh được hình thành sẽ thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao để góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô[49].

Nếu các kế hoạch của Quy hoạch chung 1259 hoặc Quy hoạch chung điều chỉnh được hoàn thành thì giúp cho giao thông kết nối giữa đô thị trung tâm với các đô thị bên ngoài trung tâm Thủ đô được thuận tiện hơn, thời gian đi lại nhanh hơn, tiết kiệm được chi phí di chuyển cho người dân sống ở ngoại thành.

Tác động tiêu cực:

Đối với các doanh nghiệp quy mô lớn/nhà đầu tư chiến lượng có mong muốn đầu tư phát triển các khu đô thị đồng bộ thì khó thực hiện vì các quy định liên quan đến đấu thầu, đấu giá trong hoạt động đầu tư, đất đai hiện nay chỉ thuận lợi cho các dự án có quy mô nhỏ, đất sạch.

Ngoài ra, các quy định ở Giải pháp này đòi hỏi Thủ đô Hà Nội phải hoàn thành việc lập các quy hoạch phân khu. Trong trường hợp doanh nghiệp đầu tư vào những địa bàn chưa có quy hoạch phân khu thì thường mất thời gian từ 3-5 năm hoặc lâu hơn để các cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch phân khu theo quy định pháp luật.

a.4. Vấn đề sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thì định hướng, tầm nhìn quy hoạch sử dụng đất cho Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn[50].

Nếu so sánh với một số thành phố lớn trong nước (xem Phụ lục VIII) thì hiệu quả sử dụng đất nói chung năm 2020 của Hà Nội (đạt 2,07 tỷ đồng GRDP/ha) cao hơn đáng kể so với Hải Phòng (1,28 tỷ đồng/ha), Đà Nẵng (0,5 tỷ đồng/ha) và Cần Thơ (0,36 tỷ đồng/ha).

Việc sử dụng đất ở tại Hà Nội đã dần tiết kiệm hơn nhờ việc nâng cao hệ số sử dụng đất ở. Bảng 8 dưới đây cho thấy, sau 10 năm dân số Thủ đô tăng lên 1.628.600 người, đạt 8.246.500 người vào năm 2020, tăng gấp 1,25 lần so với năm 2010, nhưng diện tích đất ở chỉ tăng 1,07 lần. Diện tích đất ở bình quân đầu người nói chung đã giảm từ 55,94m^2/người năm 2010 xuống còn 48,1m^2/người

[49]Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

[50]Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

vào năm 2020.

Bảng 8: Hiệu quả sử dụng đất Thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020	2020 so 2010
1. Dân số	Người	6.617.900	7.433.600	8.246.500	1.628.600
- Dân số nông thôn	Người	3.801.400	3.783.100	4.184.000	382.600
- Dân số thành thị	Người	2.816.500	3.650.500	4.062.500	1.246.000
2. Tổng sản phẩm (GRDP)					
- GRDP (giá cô định 2010)	Tỷ đồng	245.749	497.473	689.050	443.301
- GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	245.749	672.949	1.020.000	774.251
3. Tổng DT đất tự nhiên	**ha**	**332.889**	**335.901**	**335.984**	**3.095**
4. Diện tích đất đã sử dụng	**ha**	**323.558**	**329.623**	**333.291**	**9.733**
5. Diện tích đất ở	**ha**	**37.018**	**39.991**	**39.665**	**2.647**
- Đất ở nông thôn	**ha**	**29.170**	**29.170**	**28.551**	**-619**
- Đất ở đô thị	**ha**	**7.848**	**10.821**	**11.114**	**3.266**
6. Cường độ sử dụng đất	ha/tỷ đồng				
- Theo giá cố định 2010	ha/tỷ đồng	1,32	0,66	0,48	-0,83
- Theo giá hiện hành	ha/tỷ đồng	1,32	0,49	0,33	-0,99
7. Hiệu quả sử dụng đất	Tỷ đồng/ha				
- Theo giá cố định 2010	Tỷ đồng/ha	0,76	1,51	2,07	1,31
- Theo giá hiện hành	Tỷ đồng/ha	0,76	2,04	3,06	2,30
8. Diện tích đất ở/người	m^2/người	55,94	53,80	48,10	-7,84
- DT đất ở nông thôn/người	m^2/người	76,73	77,11	68,24	-8,50
- DT đất ở đô thị/người	m^2/người	27,86	29,64	27,36	-0,51

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021); Cục Thống kê Thành phốHà Nội (2021), Tổng cục Quản lý đất đai (2021) - tính toán của các chuyên gia Viện Kinh tế xã hội Hà Nội.

Pháp luật đất đai hiện hành quy định cụ thể các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội

vì lợi ích quốc gia, công cộng; quy định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải xác định cụ thể diện tích đất xây dựng công trình và vùng phụ cận để chủ động việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để đấu giá. Việc thu hồi đất đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đất đai cho mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.

Tác động tiêu cực:

Theo tính toán về việc sử dụng đất ở tại Thủ đô Hà Nội theo Bảng 8 nêu trên cho thấy xét riêng hiệu quả sử dụng đất ở tại khu vực đô thị lại chưa có sự cải thiện đáng kể. Vấn đề này đòi hỏi cần có sự can thiệp về chính sách của Nhà nước.

Nếu so sánh với thành phố lớn với Thành phố Hồ Chí Minh thì mức độ hiệu quả sử dụng đất tại Thủ đô Hà Nội chỉ bằng 43% so với thành phố Hồ Chí Minh (4,76 tỷ đồng GRDP/ha). Bên cạnh đó, việc sử dụng đất ở của thành phố Hồ Chí Minh cũng tiết kiệm hơn so với Hà Nội, với diện tích đất ở bình quân đầu người là 31,71m^2/người, chỉ bằng 66% so với bình quân 48,1m^2/người của Hà Nội (xem Phụ lục VIII).

Ngoài ra, các quy định pháp luật hiện hành chỉ cho phép thay đổi bảng giá đất 5 năm/lần thì làm khó khăn cho Thủ đô Hà Nội khi xác định giá đất theo giá thị trường để tính thuế[51] và các phương án nhà nước cần sử dụng đất cho phát triển kinh tế xã hội, như đền bù để giải phóng mặt bằng, tính giá với nhà đầu tư...

Pháp luật đất đai hiện hành Nhà nước phải bỏ chi phí ban đầu để giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để đấu giá cũng là một khó khăn trong những trường hợp Nhà nước chưa thể bố trí được nguồn lực để thực hiện. Như đã phân tích ở trên, một trong những nguyên nhân mà Thủ đô Hà Nội chưa thể hoàn thành được các mục tiêu của Quy hoạch chung 1259 là thiếu nguồn lực để cho việc phát triển.

Như đã nêu ở phần bất cập, việc thu hồi giá trị tăng thêm từ đất chưa tương xứng với đầu tư của Nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Các quy định pháp luật hiện tại chưa cho phép Nhà nước có thể thu được chênh lệnh địa tô sau khi Nhà nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng.

Cũng theo phân tích ở phần bất cập, các quy định của Luật Đất đai năm 2013, và quy định của Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị áp dụng trên địa bàn Thủ đô đã tạo nên thực tế các dự án đầu tư trên phạm vi Thủ đô Hà Nội sẽ phải trải qua 2 lần phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên[52]. Thực tiễn này làm chậm tiến độ các dự án đầu tư trên địa

[51]Công văn số 3849/BTC-TCT của Bộ Tài chính ngày 28/4/2022, Công văn số 14257/BTC-VP của Bộ Tài chính ngày 15/12/2021; Công văn số 438/BTC-VP của Bộ Tài chính ngày 12/01/2022 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về việc chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản.

[52] Luật Đất đai, Điều 58.

bàn thành phố Hà Nội.

Lợi ích của Nhà nước trong các hoạt động phát triển không gian ngầm đô thị chưa được khai thác hiệu quả do các quy định pháp luật chưa thực sự rõ ràng trong hoạt động phát triển không gian ngầm đô thị Thủ đô Hà Nội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Theo quy định hiện hành, người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định thì được bồi thường bằng đất, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền. Giá đất tính tiền bồi thường là giá đất cụ thể theo loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Ngoài việc được bồi thường, người có đất thu hồi còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư và hỗ trợ khác.

Luật Đất đai 2013 quy định trường hợp người có đất bị thu hồi không còn nơi ở nào khác thì được bố trí tái định cư và ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ; nếu tiền bồi thường không đủ để mua một suất đất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền để mua một suất đất tái định cư tối thiểu. Luật yêu cầu khu tái định cư tập trung phải xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của từng vùng, miền và được lập cho một hoặc nhiều dự án; nhà ở, đất ở trong khu tái định cư được bố trí theo nhiều cấp nhà, nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp với các mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư. Việc thu hồi đất ở chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư.

Đối với đất sử dụng cho các dự án, công trình sản xuất, kinh doanh không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được nhận chuyển nhượng, thuê QSDĐ, nhận góp vốn bằng QSDĐ theo quy định của pháp luật.

Tác động tiêu cực:

Quy định pháp luật hiện hành chưa tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, người có đất thu hồi và Nhà nước có thể thoả thuận các phương án chia sẻ lợi ích một cách hài hoà trong các dự án đầu tư phát triển chỉnh trang, phát triển đô thi và khu dân cư nông thôn.

Pháp luật đất đai hiện hành chỉ cho phép thay đổi bảng giá đất 5 năm/lần nên một số trường hợp giá đất không sát với giá thị trường để bảo đảm lợi ích kinh tế cho người dân khi Nhà nước thu hồi và dẫn đến các tranh chấp, khiếu kiện lâu dài.

Như đã phân tích ở trên, pháp luật hiện hành yêu cầu các dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên phải xin phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ 02 lần. Thực tiễn này làm chậm tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Tác động về xã hội:

b.1. Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Giải pháp hiện hành gìn giữ và phát huy các không gian văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống của Thủ đô, hình thành các trục không gian văn hoá của Thủ đô và tái thiết lại Thủ đô để khang trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn Thủ đô. Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử (đặc biệt là khu phố Pháp) gắn với bảo tồn và phát huy giá trị của từng ngôi nhà, công trình kiến trúc với đời sống của người dân làm cho các công trình có sức sống, gắn bó hữu cơ với cuộc sống đương đại của đô thị.

Giải pháp này gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp với giá trị văn hoá, kiến trúc của khu vực nội đô lịch sử, như hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại (BID), phố đi bộ, phố "nghề", phố "hàng" sẽ gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hoá đặc trưng của Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về xã hội và giới đối với Nhà nước từ Giải pháp này không rõ ràng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Giải pháp này bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân sinh sống tại khu vực nội đô lịch sử, bao gồm nhà ở khang trang, vệ sinh môi trường đô thị được tốt hơn. Đặc biệt, phụ nữ và trẻ em gái ở các khu vực nội đô lịch sử được tiếp cận nhà vệ sinh sạch sẽ và môi trường sống được tốt hơn[53].

Lợi ích sử dụng, lợi ích thương mại của người dân được tăng lên từ việc cải tạo, trùng tu, tái thiết, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử do mình sở hữu.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp như hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại (BID), phố đi bộ, phố "nghề", phố "hàng" sẽ bảo giúp cho người dân có được nguồn thu nhập tại khu vực sinh sống, gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hoá đặc trưng của Thủ đô.

---

[53]Theo báo cáo của Ban Quản lý phố cổ Hà Nội, toàn bộ khu phố cổ Hà Nội hiện gồm hơn 4.000 biển số nhà. Mỗi số nhà có diện tích trung bình 92m^2, có tới 3-4 gia đình sinh sống, diện tích ở chỉ đạt 0,5-1,8m^2/người. Trong đó, 63% nhà đã xuống cấp, 12% nhà thuộc diện nguy hiểm, 5% nhà ô nhiễm. Nhiều nhà không có nhà vệ sinh. Xem thêm tại VOV, Nhà phố cổ Hà Nội 5 triệu đồng/m2 bán không ai mua, 2017, https://vov.vn/kinh-te/dia-oc/nha-pho-co-ha-noi-5-trieu-dongm2-ban-khong-ai-mua-609403.vov

Tác động tiêu cực:

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử gắn với giãn dân cần phải bảo đảm tính công bằng và phù hợp với nhu cầu của người dân.

b.2. Vấn đề quản lý, phát triển nhà ở tại Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Chính sách hiện hành bảo đảm quyền tiếp cận nhà ở xã hội tại các khu vực phát triển nhà ở thương mại (ở trong các khu vực trung tâm) cho người có thu nhập thấp thuộc các nhóm đối tượng chính sách tại đô thị như cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang, công nhân khu công nghiệp; giúp người lao động được nghỉ ngơi, an toàn trong môi trường sống mới, cải thiện và nâng cao sức khoẻ.

Để phát triển các dự án nhà ở mới vừa đáp ứng nhu cầu an cư vừa tạo lập môi trường sống có chất lượng, Thủ đô Hà Nội đã ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội năm 2015 và các năm tiếp theo (giai đoạn 2016-2020). Trong đó, thành phố đề ra hàng loạt giải pháp cụ thể, như chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư; áp dụng cơ chế thu hút đầu tư dự án khu đô thị đồng bộ hạ tầng; cùng với các chỉ tiêu cụ thể về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn. Theo kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, Thủ đô Hà Nội sẽ đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại quy mô vừa và nhỏ, giá thấp, nhằm đáp ứng nhu cầu của các gia đình cán bộ, công chức, viên chức, công nhân khu công nghiệp, các đối tượng chính sách khó khăn về nhà ở[54].

Thúc đẩy bảo đảm an sinh xã hội cho người dân ở Thủ đô ở phạm vi rộng hơn mà không chỉ tập trung ở trung tâm thành phố, giảm chênh lệnh về mức độ phát triển giữa khu vực trung tâm nội thành với các khu vực khác của Thủ đô Hà Nội.

Tác động tiêu cực:

Các quy định hiện hành chưa tạo được những giải pháp có tính đột phá để Thủ đô Hà Nội có được nguồn tài chính phát triển khu nhà ở xã hội tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều hơn và nhanh hơn người có thu nhập thấp có thể tiếp cận được nhà ở xã hội. Hiện nay, diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố là 27,70m^2 sàn/người (trong đó bình quân khu vực đô thị là 28,47m^2 sàn/người và nông thôn là 26,53m^2 sàn/người)[55]. Theo Sở Xây dựng năm 2020, diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố là 27,25m^2 sàn/người[56]. Chính vì vậy, Giải pháp này chưa bảo đảm được diện tích bình quân nhà ở khu vực đô thị tối thiểu là 30m^2 sàn sử dụng/người theo Quy hoạch chung 1259 hay 29,5m^2/người trong giai đoạn

[54]Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

[55]Niên giám thống kê Hà Nội.

[56]Văn bản số 6970/SXD-HT ngày 24/8/2021 của Sở Xây dựng phối hợp xây dựng Báo cáo rà soát các quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2011-2020.

2021-2025[57].

Các quy định hiện hành chưa tạo được những giải pháp có tính đột phá để Thủ đô Hà Nội có được nguồn ngân sách phát triển khu nhà ở xã hội tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều người có thu nhập thấp có thể tiếp cận được nhà ở xã hội. Đồng thời, chính sách hiện tại chưa tạo đột phá để hiện thực nhanh các ưu điểm về kinh tế-xã hội của các quy hoạch hiện nay.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tốt hơn khi được tiếp cận nhà ở xã hội ở các khu nhà ở thương mại. Người dân sống trong khu nhà ở xã hội được tiếp cận với hạ tầng, tiện ích của các khu thương mại; đời sống tinh thần được cải thiện phong phú hơn.

Phụ nữ tại các khu nhà ở xã hội tại các khu nhà ở thương mại, khu đô thị có điều kiện được tiếp cập các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc.

Tác động tiêu cực:

Đối tượng được mua nhà ở xã hội có thể tiếp cận được nhà ở với cơ sở hạ tầng có chất lượng cao nhưng có thể phải chịu chi phí sử dụng hạ tầng và các dịch vụ khác cao so với khả năng thu nhập. Khả năng tạo những bức xúc xã hội khi người có thu nhập thấp phải trả chi phí cao như đã phân tích ở trên.

Sự phân biệt về đối tượng dân cư sống trong cùng một khu vực nhà ở thương mại nhưng lại có nhà ở xã hội nên có thể người dân ở khu nhà ở xã hội cảm thấy mặc cảm, được đối xử không công bằng, có thể gây nên những xung đột trong các khu đô thị.

Người có thu nhập thấp hoặc những người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội có thể tiếp cận được nhà ở với cơ sở hạ tầng có chất lượng cao trong các khu nhà ở thương mại nhưng có thể phải chịu chi phí sử dụng hạ tầng và các dịch vụ khác cao so với khả năng thu nhập. Vấn đề này sẽ tạo ra các áp lực về tài chính cho những đối tượng này.

Một số dự án nhà ở thương mại đã bố trí những diện tích đất dành cho nhà ở xã hội ở những vị trí không thuận lợi hoặc chất lượng xây dựng nhà ở xã hội, hạ tầng cơ sở chưa được tốt, không đáp ứng được các nhu cầu trong đời sống của người dân. Trước đây, trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, một số trường hợp chủ đầu tư bố trí quỹ đất 20% làm nhà ở xã hội không phù hợp, quy hoạch vào các ô đất khó giải phóng mặt bằng, không thuận lợi để xây dựng khiến cho tiến độ triển khai thực hiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật bị trì hoãn. Tình trạng này cũng gây bức xúc cho cư dân trong khu vực dự án, cũng như chính quyền địa phương phải giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc phát sinh (y tế, giáo

[57]Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

dục, vệ sinh môi trường…).

Giải pháp hiện hành không khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển nhà ở xã hội tập trung có chất lượng tốt vì các dự án nhà ở xã hội đang không có nhiều lợi nhuận vì giải pháp này không tạo điều kiện để doanh nghiệp có thể nộp tiền thay cho việc phải sử dụng 20% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội.

Thủ đô Hà Nội đã xây dựng một số khu vực nhà ở tái định cư tập trung nhưng chưa phù hợp với nhu cầu của người dân, các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ nên chưa thu hút được người dân[58].

Số lượng phụ nữ được tiếp cận nhà ở xã hội tại Giải pháp này sẽ ít hơn trong trường hợp Nhà nước phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung như các giải pháp khác.

b.3. Vấn đề đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Phát triển đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô sẽ giúp cho hiện thực hoá mục tiêu giảm bớt mật độ dân cư trong khu vực trung tâm Thủ đô Hà Nội như đã phân tích ở trên. Việc kéo giãn được dân số ra khỏi nội đô sẽ góp phần giảm lưu lượng giao thông trong vùng nội đô, tạo điều kiện để giảm thời gian di chuyển cho người dân và giảm ô nhiễm môi trường (bao gồm không khí, nguồn nước sinh hoạt) ở khu vực nội đô.

Theo Quy hoạch chung 1259, việc phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội cũng gắn với công tác di chuyển các cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm, mức độ lây nhiễm cao ra khỏi nội đô. Tại các khu đô thị mở rộng, đô thị vệ tinh, đô thị sinh thái và các thị trấn hiện hữu sẽ xây dựng các hệ thống an sinh xã hội, như hệ thống bệnh viện thành phố, quận huyện và phòng khám đa khoa theo tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Những tiện ích này không chỉ phục vụ cho cư dân trong các đô thị mà còn phục vụ cho các khu vực lân cận, giảm áp lực cho tuyến y tế tại trung tâm Thủ đô Hà Nội. Theo quy hoạch, Thủ đô Hà Nội sẽ đầu tư xây dựng các tổ hợp công trình y tế chất lượng cao tầm cỡ quốc tế, quốc gia, như: trung tâm đào tạo - khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, sản xuất dược - trang thiết bị y tế và cơ sở 2 cho các bệnh viện Trung ương và Thành phố tại Gia Lâm - Long Biên (khoảng 50ha), Hòa Lạc (khoảng 200ha); Sóc Sơn (khoảng 80-100ha); Phú Xuyên (khoảng 200ha), Sơn Tây (khoảng 50ha).

Số lượng người dân được nâng cao chất lượng cuộc sống khi phát triển các đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô, dự kiến khoảng 1.377 triệu người

[58]Báo Đại đoàn kết, Bất cập nhà tái định cư: Chưa ở đã xuống cấp, 2020, http://daidoanket.vn/bat-cap-nha-tai-dinh-cu-chua-o-da-xuong-cap-545923.html

được hưởng lợi trực tiếp vào năm 2030, và khoảng 1.787 triệu người vào năm 2050 và 15 đô thị khác(khoảng 1,2 triệu người ở các huyện có đô thị mới).

Phát triển nghề nghiệp có chất lượng cao tại các đô thị vệ tinh theo như quy hoạch chức năng đối với các đô thị vệ tinh hiện tại, ví dụ như đô thị Hoà Lạc, Xuân Mai là các đô thị khoa học, công nghệ cao, đô thị đại học. Khi các đô thị đó được hình thành sẽ thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao của Thủ đô.

Việc phát triển giao thông công cộng hiện đại, như tuyến xe buýt nhanh (BRT), đường sắt đô thị sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của người dân, thay đổi hành vi của người dân trong hoạt động đời sống, người dân sẽ bớt sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân, tăng cường việc đi bộ, xe đạp sau khi đã sử dụng phương tiện công cộng. Qua đó cải thiện được thể trạng của người dân Thủ đô Hà Nội, giảm ô nhiễm môi trường đô thị tại Thủ đô Hà Nội.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp này chưa tạo động lực mạnh mẽ, đột phá để thu hút các doanh nghiệp lớn/nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển khu đô thị theo chiều hướng đầu tư quy mô và đồng bộ.

Các quy định pháp luật hiện hành chưa tạo được cơ chế cho phép chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư với người dân bị mất đất để phát triển đô thị. Nếu việc thu hồi đất không bảo đảm cho đa số người dân được hưởng lợi tốt thì sẽ tạo ra tranh chấp đất đai căng thẳng, bất ổn về an ninh trật tự.

Hình thành đô thị mới ở ngoại thành có thể phá vỡ văn hoá truyền thống ở các làng quê xung quanh Thủ đô Hà Nội, làm mất một số nghề truyền thống của các làng nghề thuộc Thủ đô. Vấn đề này cần phải có những đánh giá tác động cụ thể cho từng khu đô thị khi lập quy hoạch phát triển.

Nếu việc di chuyển các trường đại học, cao đẳng có cơ sở tại trung tâm Thủ đô Hà Nội ra khỏi trung tâm mà không đồng bộ với sự phát triển đô thị ngoại thành sẽ gây khó khăn cho việc thu hút giáo viên, sinh viên làm việc và học tập.

Việc chậm trễ phát triển đô thị ở ngoại thành do phải chờ ngân sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối sẽ làm cho cơ hội tiếp cận nhà ở, cơ sở hạ tầng xã hội của phụ nữ bị chậm hơn, đặc biệt là các phụ nữ ở nông thôn.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Doanh nghiệp các quy mô (nhỏ, vừa, lớn) đều có thể tham gia vào hoạt động đầu tư tại đô thị vệ tinh khi Nhà nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị vệ tinh và giao thông kết nối đô thị vệ tinh. Tạo sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong việc tham gia phát triển đô thị vệ tinh.

Việc phát triển các đô thị vệ tinh cũng sẽ giúp cho các doanh nghiệp có thể thu hút được lao động phổ thông ở khu vực lân cận. Việc phát triển này tác động

trực tiếp tới 117.000.000 người lao động di cư hiện đang làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thủ đô và trong thời gian tới tác động tới 135.000.000 người.

Phát triển các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh ở ngoại thành sẽ tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp cho những người dân ở ngoại thành, góp phần nâng cao đời sống.

Hệ thống y tế được phát triển ở các đô thị mới, đô thị vệ tinh thông qua việc đầu tư mới hoặc nhờ việc di chuyển một số bệnh viện tuyến cuối của Thủ đô Hà Nội ra ngoại thành hoặc các địa phương khác (ví dụ như các địa phương trong Vùng Thủ đô theo định hướng tại Chính sách 9) sẽ giúp cho người dân ở đô thị hoặc khu vực lân cận sẽ có cơ hội được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng tốt hơn.

Các trường đại học, cao đẳng có cơ sở tại trung tâm Thủ đô Hà Nội có thể có diện tích, cơ sở vật chất tốt hơn khi di chuyển ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Thực tiễn này sẽ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, giảng dạy tại các đại học và cao đẳng.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp này chưa tạo động lực mạnh mẽ, đột phá để các doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia phát triển khu đô thị theo chiều hướng đầu tư quy mô và đồng bộ. Do đó, kể từ khi có Quy hoạch chung 1259 năm 2011 cho đến nay vẫn nhiều doanh nghiệp đầu tư vào 5 khu đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội.

Nếu không bảo đảm tốt về chính sách đền bù thoả đáng cho người dân ở những nơi bị quy hoạch phát triển thành đô thị vệ tinh thì có thể tạo nên những bất ổn về an ninh trật tự.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực:

Phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cập các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

Tác động tiêu cực:

Nếu không bảo đảm tốt về chính sách đền bù thoả đáng cho người dân ở những nơi bị quy hoạch phát triển thành đô thị vệ tinh thì ảnh hưởng tiêu cực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở những khu vực bị thu hồi đất.

d) Tác động củathủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi quy định TTHC hiện hành.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực:

Giải pháp giữ nguyên như hiện hành bảo đảm các quyền cơ bản theo Hiến pháp 2013, như quyền có nơi ở hợp pháp và tương thích với các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người và không xung đột với điều ước quốc tế.

Giải pháp giữ nguyên như hiện hành bảo đảm tính thống nhất của hệ thống các quy định pháp luật hiện nay về xây dựng, nhà ở, bảo tồn văn hoá, đất đai, quy hoạch đô thị, đấu thầu, đối tác công tư...

Tác động tiêu cực:

Giải pháp hiện hành còn có nhiều điểm mâu thuẫn, chồng chéo, gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện. Các cơ chế hợp tác công tư theo mô hình PPP còn giới hạn về phạm vi, lĩnh vực, chưa tạo được sức hút đối với nhà đầu tư. Một số lĩnh vực dịch vụ cơ bản, thiết yếu cần có chính sách khuyến khích đầu tư mạnh mẽ để huy động nguồn lực. Chưa có cơ chế khuyến khích, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (là nhà đầu tư lớn có khả năng về vốn, năng lực cao về tổ chức triển khai, quản lý hiệu quả các dự án lớn) để phát triển nhanh, đồng bộ các đô thị vệ tinh, khu đô thị gắn với hạ tầng giao thông; việc tổ chức thực hiện đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư như hiện nay sẽ khó có thể phát triển nhanh các đô thị, thành phố mới một cách đồng bộ, hiện đại theo quy hoạch.

Pháp luật về quy hoạch, xây dựng còn có những điểm mâu thuẫn, bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển đô thị, từ việc tổ chức lập quy hoạch đến triển khai thực hiện quy hoạch. Việc thiếu những cơ chế mạnh mẽ về khuyến khích các mô hình hợp tác công tư, xã hội hóa, chậm đổi mới thể chế, pháp luật về quy hoạch, xây dựng, giải phóng mặt bằng đang là những khó khăn cho việc giải quyết những vấn đề tồn tại của Thủ đô như cải tạo, xây dựng lại nhà cũ, tập thể cũ, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, phát triển nhà tái định cư, nhà ở xã hội.

Việc đầu tư nhà ở xã hội của Thủ đô Hà Nội còn nhiều vướng mắc, chưa giải quyết được khó khăn về nhà ở của một bộ phận người dân Thủ đô như đã phân tích ở tác động kinh tế, xã hội nêu trên. Như vậy, Giải pháp hiện hành chưa bảo đảm được khả năng thi hành các quy định pháp luật.

Giải pháp hiện hành chưa bảo đảm được các điều kiện thi hành các quy định pháp luật liên quan đến phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội do Thủ đô Hà Nội chưa có đủ nguồn vốn để hiện thực hoá các yêu cầu, quy định này, như Quy hoạch chung 1259.

4.4.2. Giải pháp 2: Giải pháp 1 cộng thêm một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được chủ động ban hành thêm một số biện pháp nhằm phát huy hiệu công tác về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử và phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô

a) Tác động về kinh tế:

a.1. Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Cùng với các biện pháp của Giải pháp 1, Giải pháp 2 cho phép Thủ đô Hà Nội được đề ra các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ người dân tự đầu tư chỉnh trang mặt tiền nhà mặt phố theo quy chế quản lý khu phố cổ, khu phố cũ và thiết kế đô thị, bao gồm: Chính quyền chủ động tổ chức thiết kế các mặt đứng chỉnh trang, mặt đứng cơ sở thiết kế mới cho từng đoạn tuyến phố làm cơ sở để cấp phép và quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ; Có biện pháp theo dõi và thông báo, hướng dẫn các trường hợp nhà dân cần phải sửa chữa bổ sung, tháo dỡ các vật kiến trúc cơi nới, lấn chiếm manh mún, cũ nát, mất mỹ quan để đảm bảo cảnh quan chung đoạn tuyến phố; lập các phương án chỉnh trang, đầu tư sửa chữa, xây dựng chung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hè đường, sắp xếp đường dây và các tiện ích công cộng khác; xem xét hỗ trợ đầu tư sửa chữa cải tạo chỉnh trang mặt tiền nhà dân, kể cả kêu gọi khuyến khích xã hội hóa.[59] Đồng thời, chính quyền thành phố Hà Nội được đề ra các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi cải tạo, trùng tu, chỉnh trang nhà cổ, biệt thự cũ, các công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954, như cho phép mở rộng các không gian sinh lợi (một phần trong số đó có từ việc lấn chiếm sân vườn) tại sân vườn xung quanh công trình di sản để chuẩn hóa kiến trúc; Thiết kế các mặt đứng định hướng và khuyến khích cải tạo cho các phần cơi nới xung quanh di sản đảm bảo tính thống nhất, ngăn nắp; đổi lại các chủ sử dụng đóng góp chỉnh trang sửa chữa kiến trúc công trình di sản, tối thiểu ở kiến trúc bên ngoài. Các biện pháp nêu trên đòi hỏi sự hợp tác giữa chính quyền thành phố Hà Nội với người dân tại khu vực nội đô lịch sử để cùng khai thác lợi ích.

Việc lập quỹ bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội là cơ sở để kêu gọi các nguồn đóng góp và đầu tư cho các hoạt động bảo tồn, sửa chữa, cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc ở khu vực nội đô lịch sử nói riêng và các công trình kiến trúc khác có giá trị về văn hoá và lịch sử. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử là công việc lâu dài, gắn trách nhiệm của chính quyền, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là những tổ chức, cá nhân được hưởng lợi ích từ trong sinh hoạt, đầu tư kinh doanh trong khu vực nội đô lịch sử, như nguồn thu từ các cơ sở kinh doanh tại khu vực nội đô lịch sử, khu cải thiện/thúc đẩy thương mại (BID). Việc thành lập Quỹ bảo tồn bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội ngoài việc tạo ra nguồn vốn để thực hiện các dự án bảo tồn, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, còn có tác dụng nâng cao vai trò, trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Mô hình quỹ bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội là quỹ tài chính ngoài ngân sách, Nhà nước sẽ hỗ trợ việc hình thành và bảo đảm hoạt động ổn định ban đầu của quỹ. Quỹ bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội không trùng lặp với Quỹ phát triển và bảo tồn văn hoá không trùng lặp với Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô để đầu tư cho nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa (hình thành ở Chính sách 6) vì đối tượng và mục đích của hai quỹ này là khác nhau.

Các biện pháp nêu trên sẽ làm giảm gánh nặng về đầu tư của ngân sách Thành

[59]Công văn số 670/VQH-NCĐTQT ngày 01/4/2022 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

phố cho công tác cải tạo, chỉnh trang và tái thiết khu vực nội đô lịch sử.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 làm giảm đi các tác động tiêu cực về kinh tế đối với Nhà nước ở Giải pháp 1 như thiếu kinh phí để thực hiện được chính sách này.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Bên cạnh những tác động tích cực của Giải pháp 1, Giải pháp 2 sẽ thúc đẩy việc chỉnh trang, cải tạo và tái thiết đô thị ở khu vực nội đô lịch sử được nhanh hơn do có sự tham gia, chia sẻ về tài chính của người dân và doanh nghiệp với Nhà nước.

Giải pháp 2 sẽ tạo điều kiện cho biện pháp hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại (BID) tại Thủ đô Hà Nội vì người dân sẽ tham gia cùng với Nhà nước để chia sẻ lợi ích và rủi ro khi hình thành các khu này.

Giải pháp 2 làm giảm đi các tác động tiêu cực về kinh tế đối với Nhà nước ở Giải pháp 1 như thiếu kinh phí để thực hiện được chính sách này.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 chưa rõ ràng về tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân và doanh nghiệp trong việc tái thiết, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

a.2. Vấn đề quản lý, phát triển nhà ở tại Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Việc phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung sẽ góp phần tạo ra các dự án nhà ở đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tạo không gian kiến trúc cảnh quan hiện đại tại các khu vực ngoại thành. Hiện nay, tại các khu vực ngoại thành còn thiếu các không gian công cộng, không gian vui chơi giải trí có chất lượng cao cho người dân. Việc hình thành các dự án khu đô thị, nhà ở xã hội sẽ bổ sung thêm các không gian công cộng cho người dân, giải quyết nhu cầu cho cư dân trong khu vực dự án cũng như dân cư hiện hữu xung quanh. Nếu Giải pháp này cùng được thực hiện đồng bộ với Giải pháp 3 thì việc phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung gắn liền với việc phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) thì sẽ tạo được cú hích về phát triển kinh tế xã hội cho Thủ đô Hà Nội.

Số lượng nhà ở xã hội sẽ được gia tăng và có chất lượng do Nhà nước sử dụng khoản tiền được nộp để đầu tư vào cơ sở hạ tầng hoặc cho nguồn vốn cho vay ưu đãi để nhà đầu tư có thể phát triển được nhiều nhà ở xã hội hơn. Nhà nước có thêm nguồn thu nhập để phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung theo quy hoạch (định lượng về nhu cầu vốn để phát triển nhà ở xã hội tập trung trong thời gian tới). Theo kế hoạch phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt, Thành phố cần xây dựng mới khoảng 1,250.000m^2 sàn nhà ở xã hội, tổng

vốn đầu tư khoảng **12.500 tỷ đồng**[60] trong khi nguồn vốn ngân sách của Thủ đô Hà Nội chưa thể đáp ứng được ngay yêu cầu này, đặc biệt sau khi trải qua giai đoạn phòng chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế.

Ngoài ra, dự kiến vốn để hoàn thành xây dựng nhà ở trong giai đoạn 2021-2025 là khoảng **437.000 tỷ đồng,** trong đó: vốn xây dựng nhà ở thương mại khoảng 250.000 tỷ đồng; vốn xây dựng nhà ở riêng lẻ do dân tự xây khoảng 165.000 tỷ đồng; vốn xây dựng nhà ở tái định cư khoảng 9.500 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách: khoảng **5.800,8 tỷ đồng** gồm vốn đầu tư công: khoảng **5.249,3 tỷ đồng** và vốn huy động xã hội (ngoài ngân sách)[61].

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 sẽ làm giảm số lượng nhà ở xã hội ở trong một số khu vực trung tâm Thủ đô Hà Nội.

Nếu xác định giá trị đất không tốt để nhà đầu tư nộp tiền thay cho việc dành 20% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha trở lên đối với đô thị loại đặc biệt, loại I hoặc 05ha trở lên tại các đô thị loại II, III tại các khu vực khác nhau trên địa bàn Thành phố thì nguồn lợi của xã hội bị giảm sút. Do đó, Thủ đô cần phải có biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực này.

Giải pháp 2 không khuyến khích được các doanh nghiệp tham gia phát triển nhà ở xã hội trong các khu nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha trở lên đối với đô thị loại đặc biệt, loại I hoặc 05ha trở lên tại các đô thị loại II, III tại các khu vực khác nhau trên địa bàn Thành phố vì đa phần các doanh nghiệp đều muốn lựa chọn hình thức nộp tiền tương đương giá trị quỹ đất.

Nếu tiêu chí để nộp tiền thay cho việc dành 20% quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội không rõ ràng thì có khả năng tạo ra nguy cơ về "lạm dụng", "tham nhũng" khi phê duyệt, có thể phát sinh chi phí không chính thức khi doanh nghiệp thực hiện chính sách này. Để hạn chế được tiêu cực này, Thủ đô Hà Nội cần quy định các tiêu chí, điều kiện rõ ràng bằng các văn bản quy phạm của Thủ đô và tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát của UBND, HĐND và giám sát nhân dân.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Giải pháp 2 tạo điều kiện cho các đối tượng được mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở có thể tiếp cận được nhà ở với cơ sở hạ tầng có chất lượng cao ở những dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị áp dụng việc dành 25% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội. Đến nay, Thủ đô Hà Nội đã giao cho các nhà đầu tư thực hiện nghiên cứu, lập quy hoạch chi tiết 05 khu nhà ở xã hội tập trung tại Đông Anh, Thanh Trì, Thường Tín và Gia Lâm. Trong tương lai, nếu Giải pháp này được chấp nhận thì sẽ thu hút được nhiều doanh

---

[60]Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

[61]Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

nghiệp quan tâm tham gia đầu tư khu nhà ở xã hội tập trung.

Doanh nghiệp có quyền lựa chọn việc (i) dành 20% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội hoặc (ii) nộp tiền tương đương với giá trị 20% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha trở lên đối với đô thị loại đặc biệt, loại I hoặc 05ha trở lên tại các đô thị loại II, III tại các khu vực khác nhau trên địa bàn Thành phố. Chính sách này sẽ thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nhà ở tại Thủ đô Hà Nội và nộp nhiều ngân sách hơn cho Thủ đô Hà Nội để phát triển nhà ở xã hội.

Giải pháp 2 cho phép các doanh nghiệp thay vì phải bố trí quỹ đất 20% để phát triển nhà ở xã hội, doanh nghiệp có thể bố trí các công trình thương mại, dịch vụ có giá trị kinh tế cao, mang lại nhiều lợi nhuận hơn cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế của khu vực dự án.

Người có thu nhập thấp và các đối tượng được mua nhà ở xã hội có thể tiếp cận được nhà ở xã hội tập trung với chi phí phù hợp từ giá trị nhà và các tiện ích khác phù hợp với khả năng thu nhập của các đối tượng này.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 có tác động tương tự với Giải pháp 1. Các biện pháp bổ sung thêm của Giải pháp 2 không có tác động tiêu cực về kinh tế rõ ràng đối với người dân và doanh nghiệp đối với phát triển nhà ở tại Thủ đô.

b) Tác động về xã hội:

b.1. Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Việc tăng số lượng và chất lượng nhà ở xã hội nếu thực hiện Giải pháp này cũng sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp thu hút được nguồn lao động có chất lượng làm việc và sinh sống tại Thủ đô Hà Nội, góp phần phát triển hoạt động của các cơ quan Nhà nước đóng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và phát triển hoạt động kinh tế của Thủ đô.

Giải pháp chính sách về bảo đảm chỗ ở với chi phí hợp lý cho người lao động là một giải pháp nhằm thu hút lao động chất lượng cao, xoá bỏ khoảng cách giàu nghèo. Singapore cũng đã từng áp dụng giải pháp nhà ở tương tự do Nhà nước đứng ra xây dựng và bán lại cho người lao động có thu nhập thấp[62].

Bảo đảm quyền tiếp cận nhà ở xã hội tại các khu vực phát triển nhà ở thương mại ở các khu vực phát triển đô thị cho người có thu nhập thấp tương tự như Giải

[62]Huyền Băng, Chống đầu cơ BĐS đỉnh như Singapore: Giá nhà lên tới 1 triệu USD cho 1 căn hộ hai phòng ngủ nhưng không hề có người vô gia cư, 91% người dân sở hữu nhà, Tạp chí Tổ Quốc - Chuyên trang Nhịp sống kinh tế, 2022, http://nhipsongkinhte.toquoc.vn/chong-dau-co-bds-dinh-nhu-singapore-gia-nha-len-toi-hon-1-trieu-usd-cho-can-ho-2-phong-ngu-nhung-khong-he-co-nguoi-vo-gia-cu-91-nguoi-dan-so-huu-nha-5202230414240825.htm

pháp 1 nhưng số lượng sẽ bị giảm đi do một số chủ đầu tư sẽ lựa chọn phương án nộp tiền tương đương với giá trị 25% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội.

Nâng cao khả năng quản lý dân cư theo thu nhập, mức sống, trình độ phát triển. Sự phát triển của nhịp sống hiện đại, quan niệm sở hữu nhà mặt đất dần thay đổi, xu hướng lựa chọn sống tại các chung cư được nhiều người dân Thủ đô Hà Nội lựa chọn. Những ưu điểm về giá, thiết kế, quy hoạch… và đặc biệt là mức độ an ninh, an toàn cho cuộc sống khiến mô hình nhà chung cư trở nên hấp dẫn. Với mặt bằng dân trí và điều kiện sống có nhiều đặc điểm tương đồng, công tác quản lý dân cư tại các nhà chung cư thực hiện tương đối thuận lợi với sự hoạt động hiệu quả của các ban quản trị chung cư.

Giải pháp 2 sẽ gìn giữ và phát huy các không gian văn hoá vật thể và phi vật thểtruyền thống của Thủ đô và để Thủ đô khang trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn thủ đô.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 có tác động về xã hội và giới đối với Nhà nước tương tự với Giải pháp 1. Các biện pháp bổ sung thêm của Giải pháp 2 không có tác động tiêu cực về xã hội và giới rõ ràng đối với Nhà nước trong các biện pháp về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Tạo được điều kiện nhiều hơn cho những đối tượng được mua nhà ở xã hội được tiếp cận nhà ở xã hội để tạo lập nơi sinh sống ổn định tại Thủ đô. Việc hình thành nhiều dự án nhà ở trên địa bàn các quận, huyện đã bổ sung thêm những công trình có kiến trúc với vẻ đẹp khá hiện đại; nhiều khu đô thị đã có sự kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông công cộng tốt; có hệ thống hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân như trường học, khu vui chơi cho các lứa tuổi… Trong quá trình sử dụng, vận hành, khai thác, một số khu đô thị được các chủ đầu tư thực hiện tốt công tác quản lý, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng góp phần xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đồng bộ.

Đặc điểm trong khu đô thị là có nhiều tiện ích công cộng dùng chung, vì vậy, nếucư dân có cùng mức sống, cùng trình độ nhận thức sẽ dễ dàng đi đến đồng thuận trong việc cùng đóng góp xây dựng, bảo trì hạ tầng kỹ thuật và xã hội trong khu ở; việc phân công trách nhiệm, quyền lợi của cư dân… và hệ thống dịch vụ sẽ phục vụ được đại đa số cư dân với cùng mức sống. Điều này sẽ giải quyết được bài toán rất khó trong công tác quản lý cư dân trong các khu đô thị hiện nay.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 sẽ làm giảm số lượng nhà ở xã hội cho người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội ở trong khu vực phát triển đô thị.

b.2. Vấn đề quản lý, phát triển nhà ở tại Thủ đô

Tác động tích cực:

Giải pháp 2 nâng cao chất lượng cuộc sống của nhiều người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội khi được tiếp cận nhà ở xã hội ở các khu nhà ở xã hội tập trung. Nếu Chính quyền thành phố Hà Nội xây dựng được các tiêu chí, tiêu chuẩn nhà ở xã hội riêng cho Thủ đô hay phát triển hệ thống hạ tầng có chất lượng từ nguồn thu 25% của các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha trở lên đối với đô thị loại đặc biệt, loại I hoặc 05ha trở lên tại các đô thị loại II, III tại các khu vực khác nhau trên địa bàn Thành phố sẽ tạo điều kiện về cuộc sống của người dân trong các khu nhà ở xã hội tập trung được tốt hơn.

Các đối tượng được mua nhà ở xã hội được tiếp cận nhà ở hơn khi Thủ đô có chính sách phát triển khu nhà ở xã hội tập trung và có ngân quỹ từ tiền đóng góp cho khoản đất giá trị 25% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội. Đối với việc phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung ở ngoài khu vực phát triển đô thị thì Giải pháp này phù hợp cho người làm động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, các nhóm hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn, hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu (đối tượng được mua nhà ở xã hội).

Người lao động làm việc tại các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố có thể tiếp cận được về chỗ ở, nước sạch trên địa bàn Thủ đô. Người lao động nói chung và người lao động có thu nhập thấp có khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, nhà ở, dịch vụ xã hội, sức khỏe, y tế môi trường sống, việc làm… tại một môi trường hiện đại là Thành phố của Thủ đô.

Tác động đến lao động, việc làm, thu nhập, đào tạo chuyển đổi ngành nghề phù hợp với định hướng chiến lược của Thành phố (sản xuất; KHCN, tài chính, văn hoá -du lịch…) cho người lao động (nam, nữ), nhất là ở khu vực nông thôn chuyển sang đô thị.

Giải pháp 2 cũng thúc đẩy việc phát triển nhiều nhà ở xã hội cho người làm động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp (đối tượng được mua nhà ở xã hội).

Số lượng phụ nữ được tiếp cận nhà ở xã hội sẽ nhiều hơn trong trường hợp Nhà nước phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung.

Tác động tiêu cực:

Tương tự như Giải pháp 1, nếu không có các tiêu chí rõ ràng, một số trường hợp chủ đầu tư nhà ở thương mại lại để lại những diện tích đất dành cho việc xây dựng nhà ở xã hội ở các vị trí khó giải phóng mặt bằng, không thuận lợi cho việc xây dựng hoặc chất lượng xây dựng chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, chưa bảo đảm cảnh quan đô thị… làm cho người có thu nhập thấp không thể tiếp cận được nhà ở phù hợp thu nhập của mình.

Giải pháp 2 có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các khu vực trung tâm, khu vực phát triển đô thị và khu vực ở bên ngoài. Ở những khu vực

nhà ở xã hội của người có thu nhập thấp sẽ có khả năng tạo nên các vấn đề xã hội khác nếu không được quản lý tốt. Do đó, Chính quyền thành phố Hà Nội cần có giải pháp thích hợp để hạn chế tác động tiêu cực này.

Giải pháp 2 thích hợp với các loại dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha trở lên đối với đô thị loại đặc biệt, loại I hoặc 05ha trở lên tại các đô thị loại II, III tại các khu vực khác nhau trên địa bàn Thành phố và phù hợp cho các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nhà ở thương mại kết hợp với các công trình kiến trúc có mục đích dịch vụ, thương mại có chất lượng cao, hiện đại vì không phải dành 20% quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội.

Giải pháp 2 cũng có điều kiện để khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển nhà ở xã hội tập trung có chất lượng tốt để có thể cung cấp ra thị trường cạnh tranh khi mà Thành phố có thêm nguồn tài chính để hỗ trợ phát triển các dự án nhà ở xã hội tập trung.

Giải pháp 2 có thể sẽ tạo một số khó khăn cho các cơ quan, tổ chức hoạt động tại trung tâm Thủ đô Hà Nội khi tìm cách tạo điều kiện về chỗ ở cho các đối tượng được mua nhà ở xã hội tại các khu vực phát triển đô thị.

Đối với các dự án mà nhà đầu tư lựa chọn dành 20% quỹ đất phát triển nhà ở xã hội thay vì nộp tiền thì có các tác động tiêu cực tương tự như Giải pháp 1. Nếu các dự án này ít đi thì tác động tiêu cực sẽ không nhiều như Giải pháp 1.

Giải pháp 2 có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các khu vực trung tâm, khu vực phát triển đô thị và khu vực ở bên ngoài. Nếu chất lượng xây dựng các khu nhà ở xã hội tập trung không tốt thì dẫn đến tạo thành những khu "ổ chuột" mới, tạo ra những vấn đề xã hội tại các khu vực sinh sống chỉ tập trung những người có thu nhập thấp, có những điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội kém hơn.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực:

Tương tự Giải pháp 1, phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cập các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, tác động tiêu cực tới phụ nữ và trẻ em gái giữa các khu vực trung tâm, khu vực phát triển đô thị và khu vực ở bên ngoài. Nếu chất lượng xây dựng các khu nhà ở xã hội tập trung không tốt thì phụ nữ và trẻ em gái không được tiếp cận các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội có chất lượng.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực:

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 bảo đảm quyền được có nơi ở hợp pháp theo Hiến pháp, tương thích với các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người và không xung đột với điều ước quốc tế.

Giải pháp 2 thực hiện được yêu cầu đề ra tại Điều 16 Luật Thủ đô hiện hành về phát triển và quản lý nhà ở: "yêu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội".

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 2 không phù hợp với Luật Nhà ở vì thẩm quyền quy định diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội tại các đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II và loại III thuộc về Chính phủ. Theo quy định tại Nghị định 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội thì đối với trường hợp thuộc diện phải bố trí quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định nhưng do có sự thay đổi quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của địa phương dẫn đến việc bố trí quỹ đất 20% không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

4.4.3. Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 cộng thêm một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được quy định cơ chế, biện pháp thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia phát triển đô thị

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Giải pháp này nhằm tập trung huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng của các đô thị mới, đô thị vệ tinh ở ngoại thành là yếu tố quan trọng để phát triển đô thị, phát triển kinh tế xã hội của khu vực. Việc phát triển kết cấu hạ tầng sẽ hình thành hệ thống các công trình đầu mối, các trung tâm dịch vụ ở khu vực phát triển đô thị và khu vực phụ cận. Sự hoàn thiện và đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng sẽ thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế-xã hội, mở rộng thị trường.

Khác với Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 này sẽ giảm áp lực cho ngân sách không phải chi phí đầu tư hoặc giảm bớt phần chi phí đầu (i) cơ sở hạ tầng cho đô thị vệ tinh khung cho 5 đô thị vệ tinh được dự kiến khoảng **554.312tỷ đồng** và cho 20 đô thị vào khoảng **2.724.289 tỷ đồng**; (ii) cơ sở hạ tầng cho giao thông công cộng hiện đại (đường sắt đô thị, BRT hoặc đường vành đai 2,5, đường vành đai 3, vành đai 4 và vành đai 5) kết nối giữa đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố và chi phí cho việc lập quy hoạch phân khu cho các khu đô thị vệ tinh 40-50 tỷ đồng, chưa tính đến chi phí tổ chức lập quy hoạch phân khu của các khu

đô thị khác chưa có quy hoạch.

Bảng 9: Dự báo vốn đầu tư và giá trị tăng trưởng giai đoạn 2021-2045

(chưa tính đến tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19)

Giai đoạn	Tăng trưởng (%)	GRDP cuối kỳ giá hiện hành (1.000tỷ đồng)	Dự báo tổng mức vốn đầu tư XDCB (1.000tỷ đồng)
2021-2025	7,50	1.757.233	2.700
2026-2030	8,00	3.066.549	2.916
2031-2035	8,00	5.750.000	3.149
2036-2040	8,50	7.908.670	3.417
2041-2045	8,00	11.144.249	3.690

Nguồn: Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội

Như đã phân tích ở trên, Giải pháp 3 có thêm được ưu điểm so với Giải pháp 1 và Giải pháp 2 là hiện thực hoá nhanh việc phát triển đô thị ở Thủ đô Hà Nội, hạn chế được nhược điểm là kéo dài việc thực hiện theo Quy hoạch chung 1259 và đặc biệt là Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị. Theo phân tích ở Chính sách 3, dự kiến kế hoạch 2021-2025, tổng nhu cầu chi của Thành phố giai đoạn 2021-2025 là **965.000 tỷ đồng**, trong đó nhu cầu đầu tư công khoảng **650.000 tỷ đồng** trong khi khả năng cân đối ngân sách Thủ đô Hà Nội chỉ đáp ứng được khoảng 30-35% nhu cầu trong giai đoạn 2021-2025 (như phân tích tại Chính sách 3), việc huy động vốn từ khu vực tư nhân theo các hình thức đối tác công tư hay được kỳ vọng sẽ góp phần đáp ứng được phần vốn còn thiếu hụt này.

Theo như dự toán về nhu cầu phát triển hạ tầng khung, đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội cần đến **5.476.577 tỷ đồng**. Nhưng với dự báo nêu trên thì phải đến năm 2035 Thủ đô Hà Nội mới có thể đáp ứng được yêu cầu này, không tính đến các ảnh hưởng xấu của đại dịch COVID-19 các các yếu tố suy thoái kinh tế toàn cầu. Vấn đề này đòi hỏi nguồn vốn đầu tư xã hội bên cạnh nguồn vốn đầu tư công. Nếu dốc toàn lực vốn đầu tư toàn xã hội để đầu tư các khu đô thị của Thủ đô thì mất khoảng 13-15 năm. Nếu Thủ đô Hà Nội có được các khoản vốn đầu tư lớn trong một khoảng thời gian xác định sau khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được ban hành, việc đầu tư công để phát triển hệ thống giao thông kết nối và các đô thị vệ tinh, khu đô thị mới sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Thành phố và Vùng Thủ đô như dự kiến nêu trên.

Giải pháp 3 đẩy mạnh sự phát triển của các phương thức giao thông công cộng lưu lượng lớn và bán kính phục vụ rộng như đường sắt đô thị, xe buýt nhanh (BRT) sẽ khắc phục được một trong những hạn chế lớn nhất của việc phát triển đô thị ở ngoại thành đó là vấn đề giao thông phụ thuộc vào phương tiện. Việc thúc đẩy phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị ở ngoại thành, đô thị vệ tinh với trung tâm Thủ đô có ý nghĩa đột phá cho việc hiện thực hoá quy hoạch phát triển đô thị Thủ đô Hà Nội theo Quy hoạch chung 1259.

Giải pháp 3 tạo điều kiện để thu hút doanh nghiệp quy mô lớn (như có vốn điều lệ đủ lớn) để có thể đầu tư "gói dự án" gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị" ("**Nhà đầu tư chiến lược**"). Nhà đầu tư chiến lược đầu tư và vận hành dự án đường sắt đô thị theo các hình thức hợp đồng được quy định tại Luật PPP. Nhà đầu tư chiến lược có quyền đầu tư phát triển đô thị gắn với tuyến đường sắt đô thị theo hướng "gói dự án" mà không bị tách thành nhiều dự án thành phần như quy định hiện nay. Nhà đầu tư được chủ động trong việc tổ chức lập quy hoạch phân khu cho cả "gói dự án" này.

Để thực hiện được thành công Giải pháp 3 cần có giải pháp về phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô, giảm bớt áp lực về đầu tư công của Nhà nước. Giải pháp 3 tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, người có đất thu hồi và Nhà nước có thể thoả thuận các phương án chia sẻ lợi ích một cách hài hoà trong các dự án đầu tư phát triển chỉnh trang, phát triển đô thị. Theo quy định của Luật Đất đai 2013 chưa tạo điều kiện để Nhà nước có thể thu lại lợi ích từ chênh lệch địa tô khi Nhà nước đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (như đã nêu ở phần Bất cập). Giải pháp 3 phù hợp với kinh nghiệm ở các quốc gia khác áp dụng công cụ thu lại giá trị gia tăng từ đất (land value capture -LVC) trong phát triển đường sắt đô thị (xem Phụ lục II). Giải pháp 3 hiện nay áp dụng theo mô hình tái điều chỉnh phần thu lại của Nhà nước và quyền phát triển dự án bất động sản dọc theo tuyến giao thông (TOD).

Giải pháp 3 nhằm thúc đẩy các tác động tích cực của Giải pháp 2 về khả năng thúc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn. Giải pháp 3 nhằm tạo điều kiện cho Chính quyền thành phố Hà Nội chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10ha trở lên phù hợp với các quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo kế hoạch, Thành phố Hà Nội "giảm diện tích đất trồng lúa từ 170.000 ha năm 2020 xuống 140.000ha năm 2025 và 110.000ha năm 2030" nhưng phải bảo đảm 79,7% đất trồng lúa sẽ được khoanh vùng bảo tồn và nghiêm cấm xây dựng đô thị[63]. Theo định hướng Quy hoạch chung 1259, dự kiến đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi chiếm khoảng 20,3% diện tích trồng lúa, tương đương khoảng 23.720 ha[64].

Giải pháp 3 làm gia tăng giá trị sử dụng đất trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thủ đô theo hướng công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao nên nhu cầu sử dụng đất trồng lúa không cao như trước đây. Giải pháp 3 cũng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang thương mại - dịch vụ. Theo kế hoạch, giai đoạn 2016-2020, cơ cấu kinh tế Thủ đô chuyển dịch tích cực, theo hướng hiện đại, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 86,46%, khu vực nông nghiệp giảm còn 2,24%, thuế sản phẩm là 11,3%[65]. Một số huyện ngoại thành có tỷ trọng ngành nông nghiệp còn cao so với cơ cấu của

---

[63] Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 -Thuyết minh tổng hợp – Chương VII. Quy hoạch sử dụng đất - 7.3.1 Quy hoạch sử dụng đất toàn thành phố.

[64] Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 -Thuyết minh tổng hợp – Chương VII. Quy hoạch sử dụng đất - 7.3.1 Quy hoạch sử dụng đất toàn thành phố.

[65] Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội

toàn Thành phố (Quốc Oai 28,36%; Chương Mỹ 16,72%; Đan Phượng chiếm 9,87%...). Quá trình thu hồi đất nông nghiệp phục vụ các dự án nhà ở giúp người dân địa phương có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp (xem thêm Chính sách 5 về Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh).

Giải pháp 3 cũng giúp khai thác được các quỹ đất xen kẹt, đất nông nghiệp sử dụng kém hiệu quả. Năm 2020, HĐND Thành phố đã thông qua danh mục 2.142 dự án thu hồi đất năm 2020, với diện tích hơn 8.050 ha, trong đó có 1.577 dự án, với diện tích 5.355ha chuyển tiếp từ năm 2019 và 209 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng với diện tích gần 359 ha. Chính quyền thành phố Hà Nội đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đưa những cây trồng có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất thay cây lúa, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Giải pháp 3 cho phép Thành phố được quy định vùng phát thải thấp (LEZ) phù hợp với điều kiện của Thủ đô; được áp dụng các biện pháp: (a) Quy định các biện pháp khuyến khích đầu tư đối với lĩnh vực, phương thức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải thấp trên địa bàn Thủ đô; (b) Quy định biện pháp hạn chế phương tiện giao thông sử dụng năng lượng hoá thạch; (c) Quy định về hạn chế hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh vào các lĩnh vực, phương thức sản xuất có mức phát thải cao trên địa bàn Thủ đô. Theo tính toán các kịch bản giảm phát thải khí nhà kính tại Thủ đô Hà Nội (xem Phụ lục IV, Phụ lục V và Phụ lục VI), nếu Thủ đô Hà Nội có các biện pháp can thiệp mạnh về hạn chế phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hoá thạch, hạn chế các hoạt động kinh doanh và công trình xây dựng sử dụng nhiều năng lượng… thì kịch bản về giảm phát thải khí nhà kính sẽ được tối đa.

Phần lớn các tác động tích cực về kinh tế của Giải pháp 1 và Giải pháp 2 sẽ được phát huy mạnh hơn do Giải pháp 3 không làm thay đổi về mục tiêu của Chính sách 4.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

Nhà nước có thể không thu được lợi ích trước mắt như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 nếu cho nhiều doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo quy định pháp luật để đầu tư phát triển đô thị. Như đã phân tích ở Giải pháp 1, các lợi ích mà Nhà nước thu được sẽ kéo dài trong một khoảng thời gian dài. Nếu tính toán về lãi suất của các khoản thu, việc thu được các khoản đóng góp của Nhà đầu tư ở Giải pháp 1 trong một khoảng thời gian ngắn có thể sẽ có lợi ích ròng cao hơn so với nguồn thu nhưng ở trong thời gian dài của Giải pháp 1.

Trong trường hợp vốn Nhà nước trong các dự án PPP liên quan đến đầu tư đường sắt đô thị kết nối đô thị vệ tinh với đô thị trung tâm thì Thủ đô Hà Nội phải có phương án để nhà đầu tư được khai thác quỹ đất dọc tuyến giao thông (TOD), đặc biệt là nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư theo gói dự án. Để thực hiện được Giải pháp này, Thủ đô Hà Nội quy định về tiêu chí, điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược. Trong trường hợp có 2 nhà đầu tư chiến lược trở lên cùng tham

gia vào 1 "gói dự án đường sắt đô thị và phát triển đô thị dọc tuyến giao thông (TOD)" theo Luật PPP và Luật Đất đai thì chính quyền thành phố Hà Nội sẽ tổ chức đấu thầu thực hiện dự án. Chính quyền thành phố Hà Nội cần có các quy định điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai "gói dự án đường sắt đô thị và phát triển đô thị dọc tuyến giao thông (TOD)".

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Dự kiến giá trị khai thác đô thị theo định hướng giao thông (TOD) trên toàn địa bàn Thủ đô theo Quy hoạch chung của Thủ đô, như sau:

Giá trị gia tăng từ đất: Phần giá trị gia tăng có thể đưa vào tính toán như là một nguồn lợi nhuận của toàn dự án (giá nhà ở, giá thuê văn phòng, khách sạn…). Nhà đầu tư không phải bỏ vốn quá nhiều khi bắt đầu thực hiện dự án nhưng sẽ chia sẻ lợi ích giá trị gia tăng từ đất cho Nhà nước và người dân khi dự án phát triển. Nhà đầu tư chiến lược có thể hợp tác với các nhà đầu tư thứ cấp để cùng thực hiện "gói dự án đường sắt đô thị và phát triển đô thị dọc tuyến giao thông (TOD)". Khi Hà Nội được chủ động ban hành bảng giá đất, phương pháp xác định giá đất sát với giá thị trường… thì sẽ đem lợi ích tốt hơn cho người dân và hài hoà lợi ích với doanh nghiệp.

Việc Chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định sẽ giúp cho hạn chế tình trạng "quy hoạch treo", chậm đền bù cho người dân, chậm triển khai dự án đầu tư. Giải pháp này cũng đồng bộ với giải pháp Chính quyền thành phố Hà Nội được quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên.thực hiện chuyển đôi thu hồi đất nông nghiệp để chuyển sang đất đô thị sẽ buộc Nhà nước phải đầu tư kinh phí để xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ người dân chuyển đổi nghề khi thực hiện chính sách này. Như vậy các giải pháp này góp phần giảm tình trạng hoang hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Các giải pháp này cũng thúc đẩy người dân có thêm thu nhập từ tiền đền bù, được chuyển đổi việc làm sang khu vực sản xuất khác có thu nhập cao hơn (xem thêm Chính sách 5 về Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh).

Người dân và doanh nghiệp ở khu vực đầu mối giao thông có thể khai thác lợi ích từ phát triển tuyến đường sắt đô thị còn từ các nguồn lợi nhuận từ việc vận hành các khu trung tâm thương mại tập trung, văn phòng hỗn hợp tập trung tăng cao, do giá trị thuận tiện tối đa của các đầu mối giao thông đem lại.

Các lợi ích lâu dài tiềm ẩn khác: Môi trường không khí được cải thiện, sức khỏe người dân tốt hơn do phải vận động khi tham gia giao thông, môi trường không gian thân thiện, văn hóa xã hội và dân trí được nâng cao sẽ làm tăng lưu lượng người tham gia giao thông công cộng sẽ tiếp tục đẩy các giá trị nói trên lên

cao hơn, tăng được nguồn lợi nhuận từ bán vé đường sắt đô thị hằng năm. Nếu các khu đô thị ngoài đô thị trung tâm được phát triển thì sẽ giãn dân ra khỏi đô thị trung tâm, giảm ô nhiễm môi trường cho khu vực đô thị trung tâm (ô nhiễm CTRSH, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước sinh hoạt) (xem các Phụ lục IV, V, VI và VII).

Giải pháp này thúc đẩy nhanh các tác động tích cực của việc phát triển đô thị vệ tinh ở Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 là tổng hợp các giải pháp cho việc phát triển đô thị tại Thủ đô, thu hút nguồn vốn tư nhân tham gia vào phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi được đảm bảo về việc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 3 làm giảm đi cơ hội cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ hơn tham gia phát triển khu đô thị mới, đô thị vệ tinh so với Giải pháp 1 và Giải pháp 2. Vấn đề này có thể tạo nên cạnh tranh bất bình đẳng.

Các doanh nghiệp tham gia đầu tư các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh sẽ phải chi phí: (i) cơ sở hạ tầng cho đô thị vệ tinh khung cho **5 đô thị vệ tinh được dự kiến khoảng 554.312 tỷ đồng** và cho **20 đô thị vào khoảng 2.724.289 tỷ đồng**; (ii) cơ sở hạ tầng cho giao thông công cộng hiện đại (đường sắt đô thị, xe buýt nhanh (BRT) hoặc đường cao tốc…) kết nối giữa đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố vào khoảng **4.695.000 tỷ đồng**; và chi phí cho việc lập quy hoạch phân khu cho các khu đô thị vệ tinh 40-50 tỷ đồng, chưa tính đến chi phí tổ chức lập quy hoạch phân khu của các khu đô thị khác chưa có quy hoạch.

Giải pháp 3 sẽ làm gia tăng chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại các khu vực đầu mối giao thông và hai bên tuyến đường giao thông (TOD) nhưng đổi lại sẽ được khai thác giá trị đất từ hai bên tuyến đường giao thông.

Các doanh nghiệp tài trợ kinh phí lập quy hoạch phân khu 5 khu đô thị vệ tinh sẽ chi phí khoảng 40-50 tỷ cho công tác tổ chức lập quy hoạch nếu lựa chọn các đơn vị có chức năng lập quy hoạch ở trong nước. Trong trường hợp Chính quyền thành phố Hà Nội và doanh nghiệp tài trợ thống nhất lựa chọn các đơn vị tư vấn nước ngoài, kinh phí tài trợ sẽ cao hơn.

Việc chuyển hoạt động nông nghiệp sang nghề nghiệp khác có thể gây thêm chi phí cho người nông dân trong việc học nghề mới. Tuy nhiên, xu hướng không làm nông nghiệp (bỏ ruộng) tại các khu vực gần đô thị của Thủ đô do các điều kiện về chuyển đổi nghề khác có thu nhập tốt hơn nên tác động tiêu cực này cũng được giảm đi.

Về tổng thể, Giải pháp 3 đòi hỏi phải giám sát, phản biện tốt. Nếu không,thì sẽ làm giảm cơ hội đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp khác tham gia phát triển

khu đô thị vệ tinh, tạo nên cạnh tranh bất bình đẳng.

Chi phí mua sắm phương tiện giao thông cá nhân theo quy định mới, tiết kiệm được chi phí tiêu dùng xăng, dầu nếu chuyển đổi hành vi sử dụng phương tiện công cộng.

Các tác động tiêu cực đối với vấn đề phát triển đô thị tạo ra tác động tiêu cực đối với nông dân, người dân ở ngoại thành của Giải pháp 3 tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2.

Giải pháp này chỉ là giải pháp bổ sung cho việc thực hiện Chính sách của Giải pháp 1 và Giải pháp 2 nên các tác động tiêu cực gần như tương tự với Giải pháp 1 và Giải pháp 2. Giải pháp này có thêm tác động tiêu cực đối với trường hợp sản phẩm quy hoạch phân khu do nhà đầu tư tài trợ hoặc thực hiện chỉ tập trung cho một nhóm đối tượng mà không bảo đảm hài hoà cho mọi đối tượng. Vấn đề này có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội.

Tăng chi phí phản biện đối với cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới để bảo đảm tài sản của Nhà nước và cộng đồng không bị thất thoát và tăng chi phí phản biện đối với quy hoạch phân khu, cơ chế chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư và người dân và phương án tổ chức giao thông để giảm phát thải để bảo đảm lợi ích của nhà nước và cộng đồng

Tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 đối với việc phát triển đô thị, Giải pháp 3 có tác động tiêu cực hơn khi mà các quy hoạch phân khu không bảo đảm được các yếu tố cần thiết để các bệnh viện, trường đại học, cao đẳng phát triển ở các khu đô thị vệ tinh.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về xã hội đối với việc phát triển đô thị mới, đô thị vệ tinh, hệ thống giao thông công cộng hiện đại nối trung tâm Thành phố với đô thị vệ tinh thì tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 có tác động tích cựcnhanh hơn so với 2 giải pháp trên này.

Giải pháp 3 tạo cơ chế đột phá để có thể thu hút được nguồn vốn xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng xã hội cho Thủ đô Hà Nội nói chung và các đô thị mới, đô thị vệ tinh nói riêng.Theo kế hoạch, việc phát triển các đô thị mới sẽ tạo ra **44.000.000m^2 nhà ở** đến năm 2025[66], đạt yêu cầu xây dựng nhà ở đạt tiêu chuẩn quốc gia đáp ứng cho nhiều đối tượng sử dụng trong các đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới để giảm tải cho đô thị trung tâm, cũng sẽ góp phần cho việc phát

[66]Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

triển các đô thị mới được đồng bộ, có chất lượng, không bị manh mún, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội cho Thủ đô nói riêng và vùng Thủ đô nói chung.

Ngoài ra, như đã phân tích ở Giải pháp 2, Chính quyền thành phố Hà Nội cần đẩy mạnh tốc độ di chuyển người dân ra khỏi đô thị trung tâm, đặc biệt tại các khu nhà chung cư cũ, khu phố cũ nơi mà các điều kiện vệ sinh môi trường không bảo đảm các điều kiện phòng chống bệnh truyền nhiễm. Một lý do bùng phát dịch COVID-19 trong thời gian quý 3-2021 tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là xuất phát từ những khu vực này do các điều kiện vệ sinh và mật độ dân cư không bảo đảm.

Với nguồn lực xã hội để đầu tư nhanh hệ thống giao thông kết nối đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố, Giải pháp 2 sẽ phát triển các thị trấn sinh thái dọc các trục của đường giao thông kết nối theo mô hình phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển giao thông (TOD) nhằm khai thác hiệu quả hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn và quản lý việc phát triển dọc các tuyến giao thông chính hiện nay.

Với thực tế hiện nay, tốc độ đô thị hoá thực tế của Hà Nội là 49,2% đang thấp hơn yêu cầu của Quy hoạch chung 1259 là 58,8%. Giải pháp 3 sẽ thúc đẩy việc hoàn thành nhanh hơn Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung của Thủ đô về phát triển đô thị nên có các tác động tích cực về xã hội tương tự như Giải pháp 1…

Giải pháp 3 sẽ giúp tăng cường về an sinh xã hội cho người dân Thủ đô, bao gồm người dân trong nội thành và ngoại thành khi phát triển đô thị với nhiều nguyên nhân như: thời gian được nhận tiền đền bù từ đất bị thu hồi nhanh hơn và cao hơn, có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp, có điều kiện gia tăng giá trị tài sản để cải thiện đời sống; các khu đô thị mới sẽ kéo theo các tiện ích hạ tầng phát triển như trường học, bệnh viện, khu vui chơi giải trí, khu mua sắm… cho các khu vực phụ cận khu đô thị.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

Tương tự như Giải pháp 1 đối với việc đền bù đất khi thu hồi cho người dân. Giải pháp này có thể càng làm sâu sắc mâu thuẫn giữa nhà đầu tư với người dân khi nhà đầu tư có quyền chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức lập các quy hoạch, bao gồm phân khu và quy hoạch chi tiết. Do đó, vấn đề này cần phải có sự tham gia giám sát của Nhà nước để bảo đảm lợi ích ba bên: Nhà nước - Nhà đầu tư - Người dân được hài hoà.

Nếu xây dựng cơ chế tuyển chọn, đấu thầu nhà đầu tư và bảo đảm thực hiện Giải pháp 2 này không tốt thì hiệu quả của Chính sách này sẽ không được phát huy, thậm chí có thể tạo ra cơ hội trục lợi chính sách bằng việc đầu thầu giành dự án để chuyển nhượng lại, chất lượng đầu tư không tương xứng với giá trị đất được hoán đổi, quy hoạch do nhà đầu tư lập không bảo đảm được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung của Thủ đô và không bảo đảm được tính công bằng, bình đẳng. Do đó, Chính quyền thành phố Hà Nội cần quy định điều kiện để thực

hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai quy hoạch phân khu. Việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch do các nhà đầu tư tổ chức lập được thực hiện như đối với quy hoạch do nhà nước tổ chức lập.

Tăng chi phí phản biện đối với cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới để bảo đảm tài sản của Nhà nước và cộng đồng không bị thất thoát.

Giải pháp 3 cần phải được ban hành đồng bộ các biện pháp, như giá đất, cơ chế thoả thuận đền bù, thẩm quyền và thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các dự án đầu tư theo quy hoạch… để hạn chế phát sinh tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự; khó khăn trong công tác đền bù, hỗ trợ thực hiện dự án phát triển kinh tế; dự báo người dân có đất bị thu hồi sẽ tập trung đông người, khiếu kiện liên quan đến chính sách đền bù, hỗ trợ; cản trở quá trình thu hồi đất, thi công công trình làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

<u>Tác động tích cực:</u>

Giải pháp 3 sẽ thúc đẩy việc hoàn thành nhanh hơn Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung của Thủ đô về phát triển đô thị nên có các tác động tích cực về xã hội tương tự như Giải pháp 1. Đặc biệt, Giải pháp 3 sẽ khuyến khích doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia phát triển khu đô thị mới, các đô thị vệ tinh, hạ tầng giao thông hiện đại kết nối giữa đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh, như đường sắt đô thị, xe buýt nhanh (BRT)...

Tương tự như Giải pháp 1, dự kiến tối đa khoảng 1,787 triệu người được hưởng lợi trực tiếp (chưa tính số lượng người ở các vùng phụ cận), 5 đô thị vệ tinh, 2 thành phố thuộc Thủ đô và các đô thị khác. Điểm khác biệt tốt hơn ở Giải pháp 3 so với các giải pháp còn lại đó là khả năng người dân sẽ được hưởng các tác động tích cực này sớm hơn khi có các nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân và xã hội khác để thực hiện Chính sách này.

Hiện nay do giá trị kinh tế từ trồng lúa, sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất trồng lúa ở khu vực Thủ đô không cao. Do đó khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô sẽ đáp ứng được nguyện vọng, nhận được sự đồng thuận của đa số người dân. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang phát triển công nghiệp, đô thị thì gia tăng cơ hội cho người dân có thể chuyển đổi nghề, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, sức khoẻ của người nông dân và người dân có điều kiện tiếp cận được nhà ở, đặc biệt là những người có thu nhập thấp. Việc phát triển đô thị ở khu vực nông thôn cũng gia tăng cơ hội cho người nông dân tiếp cận các dịch vụ xã hội hiện đại, có chất lượng, như y tế, nước sạch, giáo dục, giải trí, mua sắm….

<u>Tác động tiêu cực:</u>

Tác động tiêu cực về xã hội đối với Giải pháp 3 thì tương tự như Giải pháp 1 do Giải pháp này chỉ là các biện pháp thúc đẩy của các chính sách hiện hành, giải pháp hiện hành được nhanh hơn.

Tương tự như Giải pháp 1 đối với vấn đề phát triển đô thị tạo ra tác động tiêu cực đối với nông dân, người dân ở ngoại thành. Tác động tiêu cực riêng về xã hội của Giải pháp 2 trong trường hợp quy hoạch do các nhà đầu tư lập không bảo đảm tính công bằng, bình đẳng cho đa số người dân vì nhà đầu tư có thể tập trung nhiều vào lợi nhuận. Do đó, vấn đề này đòi hỏi chính quyền thành phố Hà Nội có trách nhiệm đảm bảo vai trò quản lý nhà nước trong việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện "nhómgói dự án" gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị".

Tương tự như Giải pháp 1 đối với việc phát triển đô thị ngoài đô thị trung tâm sẽ dẫn tới phải thu hồi đất của người dân do Giải pháp 3 chỉ là một trong các biện pháp bổ sung để thu hút nhà đầu tư tham gia vào quá trình phát triển đô thị vệ tinh. bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người dân. Đặc biệt, khi Giải pháp 3 được thực hiện đồng bộ các biện pháp thì sẽ hạn chế phát sinh tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự tại địa bàn.

Giải pháp 3 có thể tác động tiêu cực tới các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực đất bị thu hồi sẽ bị ảnh hưởng nếu mức đền bù không thoả đáng. Vấn đề này cũng sẽ tác động gián tiếp đến những người lao động của doanh nghiệp nông nghiệp.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực:

Tương tự Giải pháp 1 và Giải pháp 2, phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cập các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

Tác động tiêu cực:

Tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 về tác động tiêu cực tới phụ nữ và trẻ em gái về phân hoá giàu nghèo cũng như việc đền bù cho người dân ở những khu vực bị thu hồi đất.

Giải pháp 3 có thể gia tăng sự phân hoá và bất bình đẳng gia tăng nếu như phụ nữ làm nông nghiệp không có đủ điều kiện về sức khoẻ và các điều kiện gia đình khác để có thể chuyển đổi nghề. Ngoài ra, phụ nữ ở nông thôn sẽ gặp khó khăn hơn trong vấn đề chăm sóc gia đình nếu phải làm việc xa nhà so với việc làm nông nghiệp hiện nay. Những tác động tiêu cực này đòi Chính quyền thành phố Hà Nội phải có các giải pháp xử lý từ việc sửa đổi Luật Thủ đô cùng với các chính sách khác.

d)Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi

TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực:

Có tác động tích cực như Giải pháp 1, tuy nhiên sẽ có tác động mạnh hơn do sự tham gia của các nhà đầu tư vào quá trình lập quy hoạch, xây dựng và phát triển các đô thị mới, đô thị vệ tinh.

Giải pháp này phù hợp với các quy định của Luật Đất đai (Điều 62, 146), Luật Quy hoạch đô thị (Điều 19), Luật Đầu tư theo đối tác công tư (Điều 4) vàhiện thực hoá Nghị quyết số 15-NQ/TW, Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quy hoạch chung 1259 và các quy định khác về phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

Việc đề xuất các giải pháp liên quan đến đất đai ở Giải pháp 3 cũng nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW: *"Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch." V*à quan điểm chỉ đạo về cơ chế xác định giá đất: *"Bỏ khung giá đất. Có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất. Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất."*

Giải pháp 3 cũng bảo đảm tính đồng bộ giữa "Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị" với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính" theo từng giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp này cần phải lưu ý về phương thức đầu tư quy định tại Luật PPP và Luật Đất đai theo hướng kết hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP với dự án phát triển đô thị khi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông kết nối đô thị (TOD) ("gói dự án" gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị") thì Nhà nước sẽ tạo điều kiện để Nhà đầu tư tiếp cận được quỹ đất để phát triển đô thị mới, đô thị vệ tinh. Do đó, Luật Thủ đô (sửa đổi) cần phải quy định rõ phạm vi áp dụng Giải pháp này. Chính quyền thành phố Hà Nội quy định cụ thể điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực thực hiện yêu cầu của Chính quyền thành phố Hà Nội.

Như đã phân tích ở phần bất cập của Chính sách này, Giải pháp 2013 không phù hợp với Luật Đất đai 2013 vì thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10ha trở lên thuộc về Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, việc

chuyển đổi 10ha đất trồng lúa sang đất đô thị ở Giải pháp 3 là chỉ chuyển đổi diện tích đất trồng lúa trong khu vực đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Quy hoạch chung của Thủ đô và quy hoạch sử dụng đất của thành phố Hà Nội. Thay vì Thủ tướng Chính phủ chấp thuận hai lần, Giải pháp 3 đề xuất sau khi Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch chung về sử dụng đất của Thủ đô, Chính quyền thành phố Hà Nội sẽ được chủ động phê duyệt việc chuyển đổi đất theo nhu cầu để bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu chung.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Qua đánh giá tác động các giải pháp, Giải pháp 1 và 2 có thời gian hiện thực hoá lâu nhất 20-25 năm nếu có đủ nguồn vốn để thực hiện nên chưa bảo đảm được các điều kiện thi hành các quy định pháp luật liên quan đến phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội theo đúng yêu cầu của Nghị quyết số 15-NQ/TW và Nghị quyết số 06-NQ/TW.

Giải pháp 3 được kiến nghị lựa chọn để thực hiện Chính sách 4 vì Giải pháp này có nhiều tác động tích cực nhất về kinh tế, xã hội, giới và pháp luật. Giải pháp này cần phải lưu ý về trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội để đảm bảo vai trò quản lý nhà nước trong việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện "gói dự án" gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị" theo các quy định tại Luật PPP và Luật Đất đai. Năng lực quản lý của Thủ đô Hà Nội hoàn toàn đáp ứng yêu cầu này.

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

5. CHÍNH SÁCH 5: XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI, NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI, NÔNG DÂN VĂN MINH

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Thủ đô chưa có quy định riêng về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở tổng kết hơn 8 năm thi hành Luật, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII (10/2020) nhận định về những bất cập, hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Thủ đô.

-Sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp CNC còn ít; chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa theo kịp yêu cầu. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa đồng bộ với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực chưa cao.

- Nông thôn: mặc dù Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Thủ đô đã đạt được những kết quả nổi bật nhưng kinh tế nông thôn vẫn còn nhiều bất cập: mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã (HTX) quy mô nhỏ, năng lực tiếp thu tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới còn thấp; chưa thu hút được nhiều nguồn lực xã hội cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế- xã hội của nông thôn; công tác quản lý xây dựng, đất đai, vệ sinh môi trường, thu gom xử lý CTR, nước thải khu vực nông thôn còn hạn chế.

- Nông dân: chất lượng đào tạo nghề, nhất là đào tạo lao động nông thôn

chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động; người nông dân chưa thật sự làm chủ được chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng và thụ hưởng thành quả của ứng dụng KHCN trong sản xuất nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu. Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị chậm cải thiện.

Nguyên nhân từ chính sách, thể chế của những bất cập hạn chế trên được xác định:

(1)Luật Thủ đô còn thiếu quy định về **phát triển nông nghiệp, nông thôn** Thủ đô làm ảnh hưởng lớn đếntính thống nhất, đồng bộ, toàn diện của hệ thống chính sách về Thủ đô.

(2) Cơ chế, pháp luật về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp hiện nay còn là rào cản việc phát triển nông nghiệp công nghê cao, nông nghiệp hữu cơ, tổ chức sản xuất theo mô hình hiện đại, thông minh, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng, gây lãng phí trong việc khai thác sử dụng tài nguyên đất.

(3)Thiếu nhiều chính sách, pháp luật mở đường cho việc đổi mới và phát triển các mô hình tổ chức kinh tế nông thôn, đặc biệt là các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thể chế và năng lực quản trị HTX còn có những bất cập, hạn chế.

(4) Chính sách, pháp luật để hỗ trợ, đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại, xây dựng người nông dân đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới còn nhiều bất cập, đặc biệt là thiếu các chính sách thu hút, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại hoá nông thôn, BVMT nông thôn, đặc biệt là môi trường làng nghề của Thủ đô.

5.2. Mục tiêu chính sách

Phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có của Thủ đô về nhân lực, khoa học công nghệ, vốn để đầu tư, phát triển nông nghiệp Thủ đô nhằm: (i) *Xây dựng và phát triển nông nghiệp* hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng CNC, tập trung sản xuất cây, con giống năng suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước; *(ii) Xây dựng nông thôn mới*, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hoá đặc trưng của Thủ đô; *(iii) Xây dựng người nông dân Thủ đô văn minh*, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 05/5/2022 của Bộ chính trị về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" cụ thể hoá phương hướng, nhiệm vụ phát triển KHCN, đổi mới sáng tạocủa Thủ đô[67]:

---

[67]Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định mô hình tổng quát phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam: "Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ

"Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, CNC; phấn đấu trở thành địa phương đi đầu trong phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. phát triển các sản phẩm làng nghề, nhất là các làng nghề truyền thống và các dịch vụ đặc trưng của Thủ đô.

Phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực của đầu tư công kết hợp với khuyến khích, phát huy các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế…; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội"

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVII mục tiêu, phương hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025, Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành uỷ đã xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân với những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm[68].

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

Giải pháp 2: Gồm các nội dung chính sau:

(1) Chính quyền thành phố Hà Nội ban hành các cơ chế đặc thù phát triển nông nghiệp, nông thôn; (2) *Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính* (cao hơn so với quy định của trung ương)*, khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư* của cá nhân, tổ chức vào *phát triển nông nghiệp, nông thôn*; (3) *Thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn*.

Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và các giải phápnâng cao chất lượng sống của người nông dân và chất lượng môi trường nông nghiệp, nông thôn:

(1) *Quy định chính sách hỗ trợ nông dân, người lao động* tại các tổ chức kinh tế nông nghiệp *tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH)*, tham gia tổ chức công đoàn/tổ chức đại diện bảo vệ người lao động ở cơ sở; (2) *Nghiên cứu quy định và áp dụng các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt là các làng nghề.*

Nội dung chi tiết của từng giải pháp được trình bày tại mục đánh giá tác động dưới đây.

---

mới, giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu".

[68]Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành uỷ "Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025".

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

5.4.1. Đánh giá tác động của Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

Luật Thủ đô 2012 không có điều nào quy định về phát triển nông nghiệp, nông thôn; chưa có các chính sách, giải pháp đặc thù trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

a)Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

- Do không có thay đổi thể chế nên cũng không làm phát sinh các chi phí, đầu tư từ NSNN để thực hiện các giải pháp mới nhằm tháo gỡ khó khăn, hạn chế về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Tác động tiêu cực:

Nguồn vốn đầu tư tổng thể từ NSNN của Thành phố cho khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2020 là **80.595 tỷ đồng**, trong đó trực tiếp chi cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Thủ đô Hà Nội là **62.459 tỷ đồng** (vốn NSNN là **56.470** tỷ đồng, chiếm 90,4%).

Đóng góp của nông nghiệp trong cơ cấu GRDP của Thành phố và mức độ tăng trưởng GRDP của nông nghiệp giai đoạn qua chưa tương xứng với tiềm năng của Nông nghiệp Thủ đô.

Bảng 10: Cơ cấu và tăng trưởng GRDP của lĩnh vực Nông nghiệp (nông, lâm, thuỷ sản) Thủ đô giai đoạn 2016-2020

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
GRDP (tỷ đồng)	730.000,9	806.000,3	883.000,1	973.000,4	1020.000
Nông, lâm, thuỷ sản	18.000,2	17.000,5	19.000,0	19.000,6	22.000,9
Cơ cấu GRDP (%)	2,5	2,2	2,2	2,0	2,2
Tăng trưởng GRDP (%)	3,0	1,62	4,0	-0,09	4,54

- Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn còn ít, việc hình thành các vùng sản xuất tập trung thực hiện chậm, hiệu quả chưa cao so với quy hoạch phát triển

TT	Loại cây trồng	Quy hoạch (ha)	Thực hiện đến năm 2018 (ha)	Hiện có đến năm 2020 (ha)
1	Lúa	54.952	22.340	25.415
2	Rau	6.685	2.696	4.724,7
3	Hoa, cây cảnh	1.616	996	1.246,91

4	Cây ăn quả	11.091	4.275	4.787,63
5	Chè	2.050	980	960

(Số liệu do Sở NNPTNT cung cấp tháng 4/2022)

(ii) Các chủ thể kinh tế nông thôn:

- Việc tập trung, tích tụ đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp CNC, sinh thái gặp nhiều khó khăn do thiếu các cơ chế pháp lý đặc thù thúc đẩy quá trình góp đất, thuê,, chuyển nhượng QSDĐtrong sản xuất nông nghiệp giữa hộ nông dân, chủ trang trại, HTX và doanh nghiệp[69], thiếu chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp lớn, tập trung, Việc phát triển nghề và làng nghề còn mang tính tự phát, phân tán, thiếu bền vững, quy mô nhỏ lẻ, dẫn đến khó đầu tư, cải tiến và áp dụng CNC.

- Hiệu quả hỗ trợ *chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp* theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Thủ đô, đặc biệt là việc khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu bảo vệ, phát triển sản xuất ứng dụng CNC phát triển các loại giống đặc sản bản địa có giá trị cao còn hạn chế[70]; sản phẩm nông nghiệp ứng dung CNC chỉ đạt 32% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Việc tái cơ cấu nông nghiệp, hình thành liên kết giữa các chủ thể kinh tế nông thôn(Doanh nghiệp- HTX- Trang trại- Hộ nông dân)[71]trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị của Thủ đô Hà Nội và Vùng Thủ đô chưa tương xứng tiềm lực, tỷ lệ nông sản được chế biến sâu còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành sản phẩm hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

- Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa theo kịp yêu cầu phát triển nông thôn hiện đại theo hướng đô thị hoá. Việc xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành nông thôn, nông nghiệp của Thủ đô đều gặp vướng mắc, chậm, thậm chí là chưa được triển khai trong quá trình thực hiện Luật Quy hoạch[72]làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước

---

[69]Về cơ bản, Hà Nội mới chỉ hoàn thành việc dồn điền, đổi thửa được 79.454,3ha với diện tích dôi ra 1.836,9ha tạo điều kiện mở rộng quy hoạch các công trình phúc lợi, quy hoạch đấu giá QSDĐ tạo nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

[70]Do thiếu chính sách cụ thể hỗ trợ cho chủ nguồn giống để duy trì cây đầu dòng cây ăn quả các giống đặc sản nên đã có tới 11,5% cây đầu dòng do Sở NNPTNT cấp cho các chủ nuôi bị huỷ bỏ quyết định công nhận.

[71]Tính đến 3.2021, Hà Nội có 1235 HTX nông nghiệp (trong đó có 145 HTX dừng sản xuất, chờ giải thể) 1.543 tổ hợp tác, 1.581 trang trại, 313 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận trong tổng số 1.350 làng có nghề.

[72]Theo Báo cáo của Sở NNPTNT, giai đoạn 2011-2020, Sở NNPTNT đã tham mưu, xây dựng, theo dõi 10 quy hoạch chuyên ngành. Tuy nhiên theo Luật Quy hoạch thì các nội dung này đều là thành phần

và định hướng phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn Thành phố.

- Chưa thu hút, huy động được nhiều nguồn lực xã hội cho việc phát triển các công trình hạ tầng kinh tế- xã hội (y tế, giáo dục, văn hoá, xử lý môi trường...).

- Các hạn chế về tác động kinh tế trực tiếp ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu về phát triển việc làm, giải quyết tình trạng thất nghiệp trong lao động nông thôn; việc nâng cao chất lượng môi trường, vệ sinh chậm chuyển biến.

Sản xuất nông nghiệp nhỏ, manh mún, chậm ứng dụng CNC đã tạo áp lực không nhỏ lên môi trường do sử dụng hoá chất trong trồng trọt (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ước tính mỗi năm có tới 50-70% lượng phân bón vô cơ không được cây trồng hấp thu thải ra môi trường), do lượng lớn các phụ phẩm sau thu hoạch từ các loại cây trồng lúa, ngô, mía...(năm 2019 phát sinh 94,715 nghìn tấn trên cả nước, phần lớn không được tái chế sử dụng, bị bỏ và đốt ngoài đồng, gây ô nhiễm nặng), do thức ăn dư thừa, CTR, nước thải có chứa các chất độc hại trong chăn nuôi, do việc chưa có quy hoạch chi tiết cho các vùng nuôi trồng thuỷ sản dẫn đến rất khó khăn trong việc xử lý nước thải, chất thải dịch bệnh từ các cơ sở nuôi trồng thuỷ sản...

Đặc biệt là các áp lực lên môi trường do quá trình sản xuất ở các làng nghề. Năm 2013, trong số 47 làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng trên toàn quốc có 32 làng nghề ở miền Bắc, riêng Thủ đô Hà Nội có tới 08 làng nghề (cao nhất cả nước) thuộc diện phải giải quyết triệt để ô nhiễm môi trường theo Quyết định 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ[73].

- Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá nông thôn, văn hoá làng nghề, quản lý khai thác và tổ chức hoạt động các thiết chế văn hoá cơ sở trong xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh nhiều hạn chế. Mặt khác, việc phát triển có tính tự phát các hoạt động du lịch làng nghề cũng tạo thêm áp lực lên môi trường nông thôn nói chung, môi trường làng nghề nói riêng

(ii) Nông dân, các chủ thể kinh tế nông thôn:

- Liên kết trong sản xuất giữa các chủ thể chưa được phát huy làm hạn chế vaitrò, đóng góp chung của kinh tế tập thể và của hộ nông dân cho việc xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân.

- Trình độ lao động nông nghiệp còn thấp và ngày càng bị già hoá; việc đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là nghề phi nông nghiệp ở những nơi bị thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa đáp ứng yêu cầu.

c) Tác động về giới: Chênh lệch đời sống giữa thành thị và nông thôn ngày càng cao, nhất là các xã thuần nông, xã dân tộc, miền núi, đặc biệt là khoảng cách

---

trong phương án quy hoạch và được nghiên cứu khi lập Quy hoạch Thành phố (hiện đang triển khai nhiệm vụ quy hoạch), vì vậy hiện nay các phương án quy hoạch này chưa được triển khai.

[73]Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020 của Bộ Tài nguyên, môi trường, Nhà xuất bản Dân trí, trang 15. Đến năm 2019, mới chỉ có 55% trong số 47 làng nghề có dự án xử lý ô nhiễm còn lại là chưa có dự án xử lý ô nhiễm, trong số đó có 08 làng nghề đã thu hep quy mô, thay đổi ngành nghề sản xuất hoặc chấm dứt hoạt động.

về thu nhập, mức sống đối với các nhóm lao động yếu thế ở nông thôn (phụ nữ nghèo, dân tộc, người khuyết tật…).

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Các thể chế hiện hành về phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với Hiến pháp và các luật khác trong hệ thống pháp luật, phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người trong lĩnh vựcnông nghiệp, nông thôn.

5.4.2. Đánh giá tác động của Giải pháp 2

Nội dung Giải pháp:

(1) Chính quyền thành phố Hà Nội ban hành các cơ chế đặc thù phát triển nông nghiệp, nông thôn: (1.1) Được phân cấp xây dựng và phê duyệt các quy hoạch về nông nghiệp Thủ đô, bao gồm cả quy định các định mức kinh tế kỹ thuật để xây dựng và thực hiện quy hoạch về nông nghiệp; (1.2) Cơ chế đặc thù để chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất nông nghiệp khác, tích tụ, tập trung đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp CNC, sinh thái (Cho thuê đất qua ngân hàng đất đai hoặc ngân hàng quỹ đất, góp cổ phần bằng đất nông nghiệp); (1.3) Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu bảo vệ, phát triển sản xuất các loại giống đặc sản bản địa có giá trị cao đồng thời hỗ trợ nhập các loại giống gốc giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu để hình thành các cơ sở sản xuất giống, cung cấp cho sản xuất của Thành phố cũng như cả nước; hỗ trợ *chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp* theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Thủ đô; phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hoá gắn với tiêu chuẩn và thương hiệu địa phương; (1.4) Cơ chế *hỗ trợ ngoài quy định của trung ương* về phát triển HTX kiểu mới (mô hình doanh nghiệp "đặc biệt", phù hợp với tính xã hội của khu vực nông thôn; phát triển kinh tế trang trại, gia trại liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô.

(2) *Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính* (cao hơn so với quy định của trung ương)*, khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư* của cá nhân, tổ chức vào *phát triển nông nghiệp, nông thôn* (hỗ trợ đầu tư hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, CNC, sinh thái, đầu tư phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với HTX, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp sinh thái, CNC, sản xuất giống; hỗ trợ tiền sử dụng đất, thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu đối với HTX, doanh nghiệp sản xuất, cung ứng dịch vụ nông nghiệp…);

(3) *Thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn*: (3.1) Hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật, vay vốn để chuyển đổi nghề phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, CNC, dịch vụ hỗ trợ đô thị;(3.2) *Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của HTX, doanh nghiệp và thị trường* gắn với giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu cách mạng khoa học 4.0 và chuyển đổi số nông nghiệp.

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

- Trên cơ sở được phân cấp xây dựng và phê duyệt các quy hoạch nông nghiệp, Chính quyền thành phố Hà Nội có thể chủ *động lập, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành nông nghiệp* phù hợp với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch vùng Thủ đô để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, với việc cơ cấu lại các ngành, nghề sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, xanh, ứng dụng CNC, xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí đô thị hoá, để phục vụquá trình đô thị hoá, trong đó tái cơ cấu nông nghiệp là nền tảng then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân là chủ thể của toàn bộ quá trình phát triển nông nghiệp sinh thái, CNC, hội nhập quốc tế, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- *Việcban hành và áp dụng cơ chế đặc thù chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất nông nghiệp khác và huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp* được coi là một giải pháp đột phá nhằm tháo gỡ "điểm nghẽn" trong tích tụ, tập trung đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp để tạo sức hút mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất nông nghiệp sinh thái tập trung quy mô lớn, ứng dụng CNC, tạo nên những vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, tập trung lớn.

Như đã phân tích ở giải pháp 1, nếu việc tập trung, tích tụ đất chỉ dừng lại ở việc hoàn thành dồn điền, đổi thửa thì vẫn không thể hình thành được các quỹ đất đủ lớn để thu hút các chủ thể kinh tế nông thôn (chủ trang trại, HTX, nhất là các doanh nghiệp) đầu tư vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, CNC[74].

Các cơ chế đặc thù để huy động vốn góp bằng đất nông nghiệp được đề xuất giao cho Thành phố xem xét ban hành bao gồm: (i) Áp dụng (thí điểm) cơ chế nông dân cho thuê đất qua **ngân hàng đất đai hoặc ngân hàng quỹ đất nông nghiệp (NHQĐNN)**[75]; (ii) Nông dân góp cổ phần bằng đất nông nghiệp vào doanh nghiệp hoặc trang trại lớn[76]

Đã có những nghiên cứu đề xuất mô hình NHQĐNN là một doanh nghiệp

---

[74]Theo Sở NNPTNT (Công văn 2615/SNN-KHTC ngày 16/8/2021), mặc dù công tác dồn điền, đổi thửa thực hiện cơ bản xong nhưng diện tích canh tác nông nghiệp của Thành phố phần lớn vẫn do các hộ nông dân nắm giữ với quy mô nhỏ lẻ, manh mún; một bộ phận nông dân không tổ chức canh tác, không thực hiện cải tạo, khiến đất đai bị thoái hoá, kém chất lượng, thậm chí bỏ hoang nhưng vẫn giữ ruộng đất, không cho thuê lại đất để doanh nghiệp, HTX đầu tư sản xuất; cho đến cuối năm 2018, hơn 90% đất nông nghiệp vẫn do các hộ nông dân và trang trại nắm giữ, doanh nghiệp chỉ nắm được 6% đất nông nghiệp.

[75]Thực tế cho thấy, Hình thức doanh nghiệp trực tiếp thuê đất của nông dân còn chiếm tỷ lệ nhỏ vì nhiều khó khăn, chẳng hạn khi thuê đất doanh nghiệp phải hợp đồng với quá nhiều đối tượng với những điều kiện và yêu cầu khác nhau nên rất khó đạt được thoả thuận về giá, thời gian thuê. Con số chỉ có 1% trong tổng số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp là quá thấp mà nguyên nhân chủ yếu là không có cơ chế pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp có được phương tiện sản xuất cơ bản là đất đai tập trung quy mô lớn.

[76]Ở Hà Nội, diện tích bình quân 1 trang trại trồng trọt là 4,36ha; 1 trang trại nuôi trồng thuỷ sản là 6,0ha, 1 trang trại du lịch là 2,48ha..)

cung ứng dịch vụ công ích thuộc Tổ chức phát triển quỹ đất[77], theo hướng NHQĐNN là trung gian giữa chủ sử dụng đất và nhà đầu tư, thực hiện chức năng tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất nông nghiệp; nhận thuê, cho thuê; làm trung gian thực hiện các giao dịch về đất nông nghiệp khác (chuyển nhượng; nhận góp vốn bằng QSDĐnông nghiệp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; thuê đất công ích của UBND xã; chuyển đổi QSDĐnông nghiệp), bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư.Với mô hình này không cần thành lập tổ chức mới và sử dụng tối đa nhân lực hiện có của Tổ chức phát triển quỹ đất phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Cơ chế hoạt động của NHQĐNN và cơ chế quản lý, giám sát của các ban ngành, địa phương đối với hoạt động của NHQĐNN cần phải được điều chỉnh bằng luật vì liên quan đến quyền, lợi ích cơ bản, thiết thân của người dân, các tổ chức kinh tế và của Nhà nước. Vì vậy, trong bối cảnh nếu pháp luật đất đai sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới chưa có định hướng rõ ràng về cơ chế tích tụ, tập trung đất đai và huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp thông qua NHQĐNN thì cần đề xuất Luật Thủ đô cho phép Thủ đô Hà Nội thực hiện theo cơ chế sandbox (thử nghiệm có kiểm soát chặt chẽ về thời gian và địa bàn áp dụng) đồng thời nghiên cứu xây dựng thể chế vận hành cơ chế này một cách hiệu quả.

- *Về chi phí, đầu tư của Nhà nước,*để thực hiện các biện pháp dự kiến trong Giải pháp 2, tổng nguồn vốn huy động đầu tư cho khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025 phải đạt **92.680 tỷ đồng** (tăng 15% so với giai đoạn 2016-2020), trong đó *NSNN đầu tư* **83.700tỷ đồng** (*chiếm 90,31%), vốn huy động ngoài NSNN*- **8.980 tỷ đồng** (doanh nghiệp, nhân dân góp và nguồn khác).

Bảng 11: Tổng nhu cầu chi ngân sách cho các biện pháp hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn cao hơn quy định chung

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1. Tổng chi NS cho đầu tư hạ tầng cho các vùng sản xuất chuyên canh (đường, xử lý môi trường)	4,938.0	4,828.0	4,811.0	4,805.0	4,748.0
2. Tổng chi ngân sách cho hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản	150.3	208.7	230.4	206.0	199.4
3. Số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với HTX, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp	2.4	2.5	3.0	3.0	3.0

[77]Xem Đề xuất mô hình Ngân hàng Quỹ đất nông nghiệp tại Việt Nam http://tnmtnd.hanoi.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=18015&catid=12&Itemid=130

Nội dung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
4. Số tiền ưu đãi hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ công nghệ, giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng CNC và sản xuất theo chuỗi tuần hoàn	10.0	15.0	15.0	15.0	15.0
Tổng cộng	**5,100.7**	**5,054.2**	**5,059.4**	**5,029.0**	**4,965.4**

Nguồn: Số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội và Nhóm Chuyên gia (9/2021)

(ii) Nông dân, các chủ thể kinh tế nông thôn:

-*Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ bảo vệ, phát triển sản xuất các loại giống đặc sản bản địa có giá trị cao* đồng thời hỗ trợ nhập các loại giống gốc cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ thu hút nông dân và các chủ thể kinh tế nông thôn khác chủ trang trại, HTX... tham gia bảo tồn, nâng cao chất lượng, tạo mới, sản xuất và cung cấp các giống cây con đặc sản, chất lượng cao mang thương hiệu Thủ đô đáp ứng nhu cầu sản xuất của Thủ đô, vùng Thủ đô và cả nước.

- Các biện pháp Thành phố hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với Chính sách KHCN của Thủ đô như: *Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ* thông qua hỗ trợ hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc lĩnh vực ưu tiên như công nghệ sinh học, bảo vệ, phát triển giống cây trồng, vật nuôi đặc sản bản địa có giá trị cao nhằm phát triển sản phẩm mới, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng và phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hoá gắn với tiêu chuẩn và thương hiệu địa phương;*áp dụng cơ chế hỗ trợ, chuyển giao công nghệ, sản phẩm từ nghiên cứu khoa học về nông nghiệp* theo cơ chế không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đủ năng lực, điều kiện triển khai phát triển sản phẩm và cam kết phục vụ thị trường nông nghiệp Thủ đô[78], khắc phục tình trạng một số chủ nguồn giống không đủ nguồn lực duy trì cây đầu dòng các giống đặc sản đã được Nhà nước cung cấp, chuyển giao.

- Ban hành cơ chế, chính sách *hỗ trợ vượt trội* nhằm thúc đẩy phát triển HTX kiểu mới, mô hình doanh nghiệp "đặc biệt", phù hợp với tính xã hội của khu vực nông thôn Thủ đô, phát triển kinh tế trang trại, gia trại, thúc đẩy hình thành, củng cố liên kết chặt chẽ Doanh nghiệp -HTX- Trang trại- Hộ nông dân từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi giá trị chủ lực của địa phương tại các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, ứng dụng CNC, ổn định thị trường nông sản, chia sẻ rủi ro và lợi ích.

- Các cơ chế chính sách này phải vượt trội so với các quy định pháp luật hiện

[78]Theo Báo cáo của Sở NNPTNT hiên nay có 161 cơ sở sản xuất giống cây trồng, trong đó chỉ có các giống lúa là do HTX và Doanh nghiệp tham gia thực hiện còn các loại giống cây trồng, vật nuôi khác (giống hoa, giống rau, giống thuỷ sản...) chủ yếu do các HTX, hộ nông dân cá thể sản xuất.

hành để có thể giải quyết, khắc phục các bất cập, rào cản đối với việc hình thành, phát triển các quan hệ sản xuất mới phù hợp với xu hướng phát triển các hình thức liên kết giữa các hộ nông dân- chủ thể chủ yếu của kinh tế nông thôn hiện nay với các chủ thể khác thông qua các phương thức như: tập trung, tích tụ ruộng đất cho các hộ nông dân sản xuất hàng hoá giỏi phát triển thành trang trại sản xuất hàng hoá lớn[79]; cáchộ nông dân *góp vốn bằng QSDĐ*, liên kết với các doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn; tập trung, tích tụ ruộng đất cho doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng cao *bằng cho thuê hoặc chuyển nhượng*QSDĐthông qua NHQĐNN.

- Tập trung phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị, hướng tới nông nghiệp hiện đại, ứng dụng CNC, phát triển các chuỗi sản xuất theo chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, VietGHAP. Đồng thời liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô.

Các biện pháp trên được dự báo sẽ tác động tích cực góp phần đạt được mục tiêu phát triển các chủ thể kinh tế nông thôn giai đoạn 2021-2030:

- *HTX*[80]: thành lập mới 70 HTX/năm; khoảng 70% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; đến năm 2030 có 150 HTX ứng dụng CNC vào sản xuất và tiêu thụ nông sản, thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hoá nông sản; mỗi quận, huyện, thị xã có 3-4 mô hình HTX kiểu mới điển hình vững mạnh trong liên kết và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, ứng dụng CNC.

- *Trang trại* [81]: ban hành thể chế về phát triển kinh tế trang trại theo hướng xanh, bền vững gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm; Ban hành bộ tiêu chí trang trại nông nghiệp gắn với du lịch, về xây dựng công trình trên đất của trang trại; Xây dựng một số mô hình kinh tế trang trại điểm về ứng dụng CNC, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn, sản xuất theo chuỗi trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thuỷ sản.

- *Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào Nông nghiệp, nông thôn.* Thực hiện chính sách này, dự báo mỗi năm có khoảng 30-50 doanh nghiệp sẽ tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là thu hút các *DNNN ứng dụng CNC* phát triển mũi nhọn- giống con, cây trồng chất lượng cao cho toàn quốc. Các doanh nghiệp nói chung, DNNN ứng dụng CNC nói riêng giữ vai trò trọng tâm giải quyết khâu vốn, bao gồm cả vay, thuê QSDĐ thông qua NHQĐNN, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, định hướng sản xuất theo nhu cầu của thị trường; người nông dân/chủ trang trại là chủ thể của sản xuất gắn kết với doanh nghiệp, đảm bảo kết nối quá

[79]Theo Báo cáo của Sở NNPTNT, số lượng trang trại có liên kết sản xuất còn hạn chế; quy định thủ tục vay vốn đối với trang trại còn khó khăn, chưa có ưu đãi (thời gian vay ngắn, mức cho vay thấp); diện tích trang trại thuê công ích và thuê của người dân không được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên chủ trang trại không thể thế chấp đối với tài sản này, thời gian thuê đất công ích không quá 5 năm một lần nên chủ trang trại không yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, ứng dụng CNC…

[80]Năm 2021, Thành phố Hà Nội có 1.116 HTX đang hoạt động với số vốn trung bình là 1.391,1 triệu đồng/HTX, doanh thu bình quân của HTX=1.705 triệu đồng, lãi bình quân/năm trung bình của HTX nông nghiệp là 168 triệu đồng, thu nhập bình quân của lao dộng thường xuyên là 26 triệu đồng/năm;

[81]Toàn thành phố có 1.701 trang trại, diện tích bình quân 1,48ha/trang trại; diện tích trung bình 01 trang trại trồng trọt=5,68ha, nuôi trồng thuỷ sản=5,03ha; trang trại tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp= 4,53ha và trang trại chăn nuôi=0,79ha. Số lao động bình quân 3,16 người/trang trại

trình sản xuất với thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập trên một đơn vị sản phẩm và tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Phát triển *Cụm công nghiệp (CCN)*[82] theo hướng văn minh, hiện đại để chuẩn bị xây dựng, tích hợp phương án phát triển CCN thành phố vào Quy hoạch Thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm; đưa ra khỏi quy hoạch những CCN không còn phù hợp, bổ sung quy hoạch mới những CCN theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh vị trí, quy mô các CCN trong đó ưu tiên mở rộng các CCN hiện có, gắn với làng nghề [83]; các CCN quy hoạch mới, mở rộng được đảm bảo đủ diện tích để xây dựng đồng bộ hạ tầng.

- *Làng nghề:* xây dựng, triển khai 17 dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch, nâng cao chất lượng các điểm đến du lịch văn hoá, di sản, làng nghề theo Bộ tiêu chí đánh giá công nhận khu du lịch, điểm du lịch chất lượng cao của Thành phố[84]; khuyến khích các quận, huyện, thị xã đầu tư phát triển 1-2 sản phẩm du lịch đặc thù, hoàn chỉnh trên cơ sở các di tích lịch sử-văn hoá, làng nghề, danh lam nổi trội của địa phương; xây dựng các tour, tuyến du lịch liên kết các điểm, cụm du lịch tại các làng nghề trọng điểm (gốm sứ. dệt lụa, sơn mài..) gắn với chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) kết hợp cung ứng trải nghiệm thực tế cho du khách qua việc tham gia các hoạt động sản xuất trực tiếp.

Tác động tiêu cực: Mặc dù Tổng chi ngân sách cho đầu tư hạ tầng cho các vùng sản xuất chuyên canh (đường, xử lý môi trường) đã chiếm tới 95-96% tổng nhu cầu chi NSNN cho phát triển nông nghiệp, nông thôn nhưng cũng chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu phát triển trên thực tế, vì vậy, việc thu hút các nguồn lực tư nhân, xã hội đầu tư cho phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn luôn là nhu cầu và thách thức lớn. Vì vậy, cần nghiên cứu áp dụng hợp lý các giải pháp thu hút đầu tư tư nhân dưới tác động lan tỏa trực tiếp và gián tiếp từ nguồn vốn đầu tư công nhằm đảm bảo đáp ứng được tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong giai đoạn 2021-2030 và các giai đoạn tiếp theo.

b) Tác động về xã hội:

(i)Nhà nước: cùng với phát triển nông nghiệp sinh thái, Nhà nước đảm bảo thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới: xây quy hoạch đề án xây dựng nông thôn mới, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng phát triển đô thị. Đến năm 2025 hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới cấp thành phố với 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 40% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

---

[82]Hiện có 70/104 CCN đang hoạt động (bao gồm 45 CCN và 25 CCN làng nghề) với 4.169 hộ, doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh (trong đó, hộ kinh doanh cá thể chiếm 44,5%, Công ty TNHH 1/nhiều thành viên chiếm 37,65 %; Công ty cổ phần chiếm 17,87 %) với gần 80.000 lao động, nộp ngân sách bình quân hàng năm trên 1.200 tỷ đồng).

[83]Hơn 2.000 hộ, cơ sở sản xuất với tổng số: 9.425 lao động thường xuyên gây ô nhiễm làng nghề đã di chuyển ra các cụm công nghiệp tập trung.

[84]Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngề, làng nghề Thành phốHà nội đến 2020, định hướng đến 2030; Quyết định 3928/QĐ-UBND ngày 13/8/2021).

(ii) Nông dân và các chủ thể kinh tế nông thôn:

- *Được hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao* ở khu vực nông thôn.Đây là biện pháp chiến lược, đột phá trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

+*Đối với nông dân:* Nhà nước tăng cường đầu tư cho giáo dục đào tạo, thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng từ bậc phổ thông ở khu vực nông thôn…Hỗ trợ hộ nông dân thông qua HTX[85] như hỗ trợ kinh phí tập huấn, kết nối doanh nghiệp, ưu tiên cho vay theo chuỗi liên kết, ký kết hợp đồng kinh tế…; thực hiện tốt các chương trình, đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn để hình thành và phát triển đội ngũ "công nhân nông nghiệp" có kỹ năng, có kiến thức khoa học kỹ thuật; đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo là 75-80%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55-60%.

+*Đối với cán bộ chủ chốt của HTX*: Thực hiện chính sách thí điểm ưu đãi đưa sinh viên tốt nghiệp Đại học, cao đẳng, trên đại học về làm việc ở HTX, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX; 30% cán bộ quản lý HTX nông nghiệp tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên; 80% giám đốc HTX nông nghiệp được đào tạo nghề giám đốc.

+*Đối với chủ trang trại,* Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, ứng dụng KHCNC, xúc tiến thương mại điện tử, liên kết chuỗi trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. *Đối với làng nghề, các hộ sản xuất- kinh doanh nghề truyền thống kết hợp dịch vụ du lịch:* hỗ trợ tài liệu hướng dẫn và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ định hướng đầu tư kinh doanh du lịch, phát triển du lịch làng nghề, du lịch nông thôn cho cán bộ cơ sở, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng nhân dân đầu tư phát triển du lịch.

c) Tác động về giới: Các biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân tác động tích cực cả về kinh tế và xã hội đối với bình đẳng giới, tạo cơ hội, điều kiện tiếp cận các nguồn lực và nâng cao năng lực bình đẳng cho lao động nông thôn cả nam và nữ (tiếp cận vốn vay ưu đãi để sản xuất, hỗ trợ công nghệ, giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng CNC vào sản xuất theo chuỗi tuần hoàn...), nhờ đó tham gia bình đẳng với tư cách là người chủ của cả chuỗi sản xuất- tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, du lịch nông thôn.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

Việc thực hiện giải pháp sẽ làm phát sinh TTHC liên quan đến quá trình người dân, tổ chức tiếp cận và nhận các ưu đãi, hỗ trợ hoạt động đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, tại dự án Luật sẽ không quy định cụ thể về các TTHC này mà giao cho Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể cơ chế chính sách và trình tự, thủ tục thực hiện chính

[85]Theo QĐ1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025, NĐ83/2018/NĐ-CP và NĐ93/2018/NĐ-CP về Khuyến nông...

sách.

(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Đối với tổ chức bộ máy nhà nước: giải pháp không đòi hỏi phải tăng thêm tổ chức, biên chế của các cơ quan nhà nước để tổ chức thực thi.

(ii) Đối với pháp luật: phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các luật liên quan.

- Các cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính (cao hơn so với quy định của Trung ương); hỗ trợ chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp… nếu được luật hoá trong Luật Thủ đô sẽ góp phần tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ thúc đẩy sự phát triển nổi trội, phù hợp với yêu cầu và điều kiện đặc thù của Thủ đô.

- Cơ chế đặc thù để chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất nông nghiệp khác, tích tụ, tập trung đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp CNC, sinh thái, ví dụ mô hình Ngân hàng quỹ đất nông nghiệp được đề xuất, có thể chưa phù hợp với Luật Đất đai hiện hành nhưng nếu được Luật cho phép thực hiện theo chế độ thử nghiệm có kiểm soát thì sẽ tạo cơ hội để góp phần hoàn thiện pháp luật đất đai trong tương lai phù hợp với xu hướng phát triển chung.

5.4.3. Đánh giá tác động của Giải pháp 3

Giải pháp 3:Gồm Giải pháp 2 và các biện phápnâng cao chất lượng sống và chất lượng môi trường nông nghiệp, nông thôn:

(1) *Quy định chính sách hỗ trợ nông dân, người lao động* tại các tổ chức kinh tế nông nghiệp *tham gia BHXH*, tham gia tổ chức công đoàn/tổ chức đại diện bảo vệ người lao động ở cơ sở.

(2) *Nghiên cứu quy định và áp dụng các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt là các làng nghề:* (2.1) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường làng nghề, làng nghề - du lịch của Thủ đô; (2.2) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào, xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; (2.3) Quy định biện pháp ưu đãi đầu tư, hỗ trợ xây dựng các khu vực thu gom, xử lý rác thải tập trung liên xã, liên huyện đáp ứng yêu cầu BVMT nông thôn xanh, hiện đại;

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Ngoài những tác động tích cực như Giải pháp 2, các biện pháp của giải pháp 3 sẽ góp phần bảo đảm, thúc đẩy phát triển bền vững nông thôn Thủ đô, khai thác, phát huy tiềm năng kinh tế và giá trị văn hoá của du lịch làng nghề, du lịch sinh thái đóng góp vào tăng trưởng GRDP của Thủ đô, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ngoại thành theo hướng thương mại- dịch vụ, hiện đại hóa, gắn kết với phát triển làng nghề chung cả nước.

Tỷ trọng SX nghề, làng nghề/tổng giá trị SXCN-TTCN	2015 **8,4%**	2020 **8,5%**	2030 **8,9%**
Làng có nghề		1.350	**1.500** *(65,33% tổng số làng ở ngoại thành thành phố*
Làng nghề kết hợp với du lịch		2011-2020: 10 làng	2021-2030: 7 làng

Tuy nhiên, để thực hiện quy hoạch phát triển nghề, làng nghề ở Thủ đô đến năm 2030 theo hướng phát triển làng nghề song song với khôi phục, phát triển ngành nghề truyền thống, ổn định thị trường tiêu thụ, bảo đảm an toàn về môi trường sinh thái[86] Chính quyền Thành phố có trách nhiệm[87]xây dựng, ban hành cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường của các làng nghề; Khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn bằng các công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Tổ chức di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư.

Theo Quy hoạch, trong giai đoạn 2021-2030: i/ phát triển làng 07 làng nghề kết hợp với du lịch; ii/hạn chế phát triển hoặc chuyển hướng nghề mới, hoặc di dời vào cụm công nghiệp các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối với 06 làng nghề; xử lý ô nhiễm môi trường 20 làng nghề; nâng cấp cơ sở hạ tầng (20 làng nghề);

Các chỉ tiêu môi trường nông thôn, làng nghề

-Tỷ lệ hộ nông thôn được cung cấp nước sạch=100%

- Tỷ lệ thu gom và xử lý CTRSH nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn=100%

- Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải100%

Việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường làng nghề, làng nghề- du lịch của Thủ đô sẽ tạo thể chế bổ sung, đồng bộ với việc ban hành và thực hiện thí điểm Bộ tiêu chí *đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025*[88]làm căn cứ để các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý điểm du lịch- làng nghề, khu du lịch sinh thái-làng nghề xây dựng kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng điểm đến; các cơ quan quản lý nhà nước định hướng trong công tác đầu tư phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch

[86]Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 ban hành Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

[87]Khoản 6 Điều 56 Luật BVMT 2020 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc BVMT của làng nghề: i) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề gắn với BVMT; ii) Bố trí ngân sách cho hoạt động BVMT làng nghề; iii) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn; iv) Chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý CTR thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề; v) Có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư, làng nghề.

[88]Quyết định số: 3928/QĐ-UBND ngày 13/8/2021.

vụ du lịch làng nghề trên địa bàn Thành phố, thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển nghề, làng nghề.

Việc quy định các biện pháp ưu đãi đầu tư, hỗ trợ các hoạt động BVMT nông thôn, đặc biệt là môi trường làng nghề tập trung vào việc hỗ trợ xây dựng các khu vực thu gom, xử lý rác thải tập trung liên xã, liên huyện, với việc khuyến khích thu hút các dự án đầu tư ngành nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải; các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, công nghệ tiết kiệm năng lượng, doanh nghiệp sản xuất, cung cấp thiết bị xử lý nước thải tại chỗ cho cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô hộ gia đình...Việc hỗ trợ cũng được áp dụng đối với các hoạt động BVMT không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh, chẳng hạn như xử lý cải tạo môi trường bãi chôn lấp CTRSH; hoạt động di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp; di dời cơ sở đang hoạt động để đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường hoặc thực hiện lộ trình quy hoạch phát triển làng nghề...

Nội dung ưu đãi, hỗ trợ bao gồm hỗ trợ vốn, đất đai, ưu đãi về thuế, phí, trong đó, hỗ trợ về vốn đầu tư có thể từ Quỹ BVMT Việt Nam, Quỹ BVMT của Thành phố. Quỹ BVMT Hà Nội với vốn điều lệ năm 2016 là 300 tỷ đồng được cấp từ nguồn ngân sách thành phố, với lãi suất cho vay là 5,4%/năm, thời hạn cho vay từ 3-10 năm, trong giai đoạn 2009-2016, Quỹ đã cho vay trên 40 dự án, với số tiền gần 250 tỷ đồng, trong đó có các dự án thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới, Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải tại các làng nghề; xây dựng hệ thống hầm biogas xử lý chất thải của các trang trại chăn nuôi lợn tập trung.

Các biện pháp thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển hạ tầng nông thôn, BVMT nông thôn, đặc biệt là làng nghề, giống như đã đề cập[89] tại Giải pháp 2, cần được thực hiện theo các nguyên tắc, phương thức thực hiện đã đề xuất tại Chính sách nâng cao năng lực tài chính- ngân sách và huy động nguồn lực cho phát triển Thủ đô, (bao gồm cả việc đặt hàng, giao nhiệm vụ… và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương đối với việc cung cấp dịch vụ xử lý ô nhiêm môi trường, xử lý nước thải sinh hoạt đồng xử lý CTRSH, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô).

Tác động tiêu cực: Việc huy động, thu hút nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp, từ xã hội còn gặp khó khăn, hạn chế do việc đầu tư của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường có chi phí lớn, thời gian hoàn vốn dài, hiệu quả kinh doanh thấp, trong khi các chính sách tín dụng đối với dự án môi trường không khác biệt nhiều so với các loại hình dự án kinh doanh, dịch vụ khác (phải có tài sản đảm bảo, tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng, đấu thầu….) gây khó khăn cho các chủ đầu tư tiếp cận vốn ưu đãi của Quỹ BVMT.

(ii) Nông dân:

---

[89]Nguyễn Thị Kim Thanh - Quỹ BVMT Hà Nội - Đồng hành cùng doanh nghiệp cải thiện môi trường. Tạp chí Môi trường số 7/2016.

- Được hưởng sự hỗ trợ của Nhà nước khi tham gia BHXH tự nguyện với mức đến 25% (cho người thuộc hộ cận nghèo) và 30% (cho người thuộc hộ nghèo) trên mức đóng BHXH hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025 là 2 triệu đồng/tháng[90]. Kết quả tổng rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 của Thủ đô cho thấy hiện có 3.612 hộ nghèo (chiếm 0,16%); 30.176 hộ cận nghèo (chiếm 1,38%) được hưởng mức hỗ trợ này. Các đối tượng khác là người lao động thường xuyên tại các tổ chức kinh tế nông thôn đều được hưởng mức hỗ trợ 10% trên mức đóng BHXH hàng tháng.

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy phát triển nghề, làng nghề theo Quy hoạch đến năm 2030 sẽ tạo việc làm ổn định cho khoảng 800 ngàn đến 1 triệu lao động nông thôn, trong đó tạo việc làm mới cho khoảng 200 nghìn lao động. Dự báo thu nhập bình quân đầu người từ ngành nghề đạt 35-40 triệu đồng/năm vào năm 2020, 50-60 triệu đồng/năm vào năm 2030[91].

b) Tác động về xã hội:

- *Các biện pháp hỗ trợ phát triển làng nghề gắn với du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm cùng với* các biện pháp *khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường các làng nghề* theo Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển bền vững; khai thác, phát huy mọi tiềm năng lợi thế làng nghề, góp phần tạo việc làm tại chỗ trên các lĩnh vực của sản xuất nông nghiệp (cung cấp nguyên liệu cho chế biến nông lâm sản, vận tải hàng hóa và các dịch vụ khác...) và sản xuất làng nghề, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, khuyến khích lao động ở lại nông thôn làm giàu theo phương châm "ly nông bất ly hương", qua đó, góp phần phân bố lại dân cư theo hướng hình thành các vùng nông thôn gắn với công nghiệp - nông nghiệp hàng hoá lớn, thương mại- dịch vụ-du lịch đồng thời, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể mang đậm bản sắc của nông thôn Thủ đô.

- Việc ban hành và thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật môi trường làng nghề, Bộ tiêu chí *đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao* với các tiêu chí bắt buộc về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội cùng với tiêu chí tỷ lệ tối thiểu lao động là người địa phương, tỷ lệ tối thiểu hộ gia đình của địa phương được tham gia kinh doanh tại điểm, khu du lịch góp phần huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư nông thôn, đặc biệt tại các làng nghề, vào việc BVMT, nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên và môi trường xã hội ở khu vực có điểm, khu du lịch, đặc biệt là du lịch làng nghề.

- Các biện pháp này đều có tác động tích cực đến sức khoẻ cộng đồng, đến hệ sinh thái nông thôn, làng nghề; giảm gánh nặng bệnh tật; giảm nguy cơ xung

---

[90]Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

[91]Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/1/2013 ban hành Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

đột xã hội phát sinh từ xung đột môi trường mà ví dụ điển hình là vụ việc xung đột liên quan đến khu liên hợp xử lý CTR Nam Sơn.

c) Tác động về giới:Các tác động tich cực về kinh tế và xã hội đã tạo ra các cơ hội, điều kiện bình đẳng cho cả nam và nữ tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ cho phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế làng nghề, giải quyết ô nhiễm môi trường, đặc biệt các tác động về việc làm, môi trường, sức khoẻ đem lại những lợi ích to lớn cho phụ nữ, trẻ em nông thôn, nhóm yếu thế (người nghèo, người khuyết tật…).

d) Tác động của thủ tục hành chính:như Giải pháp 2.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp 3 không tạo ra những tác động mới đối với hệ thống pháp luật so với Giải pháp 2

5.5. Kiến nghị Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 là Giải pháp hợp lý, ưu tiên đề xuất lựa chọn để đạt được mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2030. Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

6. CHÍNH SÁCH 6: PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong những năm qua, phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội. Thành phố luôn xác định, coi trọng phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh là trung tâm trong chính sách phát triển bền vững của Thủ đô. Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với thời kỳ trước. Thủ đô Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước trở thành thành viên mạng lưới các "Thành phố sáng tạo" của UNESCO. Những năm gần đây, công nghiệp văn hóa (CNVH) Thủ đô đã có bước phát triển nhất định, đóng góp khoảng 1,49 tỷ USD vào tổng sản phẩm trên địa bàn (chiếm tỷ trọng **3,7% GRDP** của Thành phố, theo số liệu năm 2018)[92]. Với số lượng di tích đứng đầu cả nước gồm 5.922 di tích các loại[93], trong đó có 05 di sản thế giới, Thành phố đã triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Thủ đô; quan tâm tới việc vinh danh các nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể (Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về số lượng nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể được Nhà nước phong tặng). Bên cạnh những thành tựu đạt được, phát triển văn hóa và con người Hà Nội chưa xứng tầm với vai trò, vị thế của Thủ đô. Việc bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập chưa tương xứng với các tiềm năng,

---

[92]Hà Nội đã đặt mục tiêu phấn đấu doanh thu từ công nghiệp văn hóa đạt 5% GRDP của Thành phố vào năm 2025, 8% vào năm 2030 và 10% vào năm 2045.

[93]Theo Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn Thành phố.

thế mạnh, bề dày văn hóa lịch sử Thủ đô. Một số di sản, giá trị văn hóa tinh thần người Hà Nội đang dần bị mai một.[94] Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ; hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hoá còn bất cập.[95] Lĩnh vực văn học nghệ thuật chưa huy động được hết tiềm năng sáng tạo và tâm huyết của trí thức - văn nghệ sỹ, chưa có nhiều tác phẩm xuất sắc. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa chưa được chú trọng đúng mức. Phát triển công nghiệp văn hóa; quảng bá văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt kết quả như mong muốn. Văn hóa ứng xử của người dân trong gia đình và nơi công cộng chuyển biến chưa đồng đều, thiếu bền vững. Văn hóa chưa thực sự trở thành nguồn sức mạnh, nguồn động lực cho cho phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của Thủ đô. Nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa còn hạn hẹp, chủ yếu từ NSNN trong khi việc thu hút, huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội cho bảo vệ, phát triển văn hóa còn hạn chế.

Nếu những vấn đề bất cập kể trên không được khắc phục thì công tác triển khai cụ thể hóa định hướng chính sách của Đảng, Nhà nước và Thành phố về văn hóa sẽ không phát huy được hiệu quả, khó đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định, không phát huy được các lợi thế so sánh, tiềm năng thế mạnh về văn hóa, con người Hà Nội, không nắm bắt được các cơ hội từ Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ hội nhập quốc tế, từ lợi thế của nguồn nhân lực đang ở thời kỳ cuối của giai đoạn cơ cấu dân số vàng. Thành phố sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ như: nhiều di sản văn hóa vật thể trên địa bàn Thủ đô sẽ bị xuống cấp, hư hại, không được bảo tồn, tu bổ, tôn tạo kịp thời. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể sẽ bị mai một, thất truyền. Đặc biệt, khó đạt được mục tiêu phát triển ngành công nghiệpvăn hóa Thủ đô trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa Thủ đô thành một trong những trung tâm công nghiệp văn hóa hàng đầu của cả nước, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển thương hiệu "Thành phố sáng tạo"trở thành Thành phố sáng tạo của khu vực châu Á, thành phố kết nối toàn cầu, trung tâm văn hóa, du lịch lớn, đặc sắc, có sức cạnh tranh quốc tế.

Đối với lĩnh vực giáo dục, trong những năm qua, trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, việc phát triển giáo dục và đào tạo của Thủ đô đạt những kết quả tích cực: Giáo dục vào đào tạo của Thủ đô liên tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, về số học sinh đạt giải cao ở các kỳ thi quốc gia, quốc tế; 100% giáo viên đứng lớp đạt

---

[94]Trong giai đoạn 2013-2020, trong 5.922 di tích trên địa bàn Thành phố, có 1.617 di tích xuống cấp thì mới có 1.125 di tích được tu bổ, tôn tạo, đạt tỷ lệ 70%, còn 492 di tích xuống cấp (chiếm 30%) cần được tu bổ, tôn tạo nhưng chưa có nguồn lực cần thiết để tu bổ, tôn tạo. Trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo, tổng số di tích cần tu bổ, tôn tạo là 1.284 di tích, với tổng kinh phí cần sử dụng là 30.369 tỷ đồng trong đó 55 dự án cấp thành phố cần 6.280 tỷ đồng, 1.229 dự án cấp huyện cần 24.089 tỷ đồng. Hiện tại, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã đề nghị ngân sách Thành phố hỗ trợ là 14.743 tỷ đồng.

[95]Giai đoạn 2016-2020, tổng số dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích trên toàn Thành phố là 492 dự án với tổng kinh phí đầu tư là 3.461 tỷ đồng, trong đó, ngân sách Thành phố đầu tư là 324 tỷ đồng, ngân sách cấp quận, huyện, thị xã là 2.264 tỷ đồng, ngân sách xã hội hóa là 873 tỷ đồng (chiếm 25,22% tổng kinh phí đầu tư vào các dự án).

chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn cao. Năm 2020, Thủ đô Hà Nội được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi sớm trước thời hạn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 năm và trước kế hoạch của Thành phố 01 năm. Đến tháng 3/2022, Thủ đô Hà Nội có 22 trường chất lượng cao, trong đó có 16 trường công lập. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 63,9% (1.791/2.802), trong đó, chỉ tiêu trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 75% đã hoàn thành trước 2 năm so với Kế hoạch. Hợp tác quốc tế về giáo dục được đẩy mạnh. Cơ chế tự chủ gắn với xây dựng trường chất lượng cao được triển khai. Hạ tầng giáo dục và cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tập trung đầu tư, trang bị khá đồng bộ, hiện đại. Giáo dục nghề nghiệp có bước phát triển, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 53,14% năm 2015 lên 70,2% năm 2020. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đào tạo 48% năm 2020.[96] Tuy nhiên, việc phát triển giáo dục và đào tạo của Thủ đô còn gặp không ít khó khăn, thách thức, thể hiện ở những hạn chế, bất cập sau: Chất lượng giáo dục - đào tạo trên mặt bằng chung chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chưa theo kịp với trình độ của các nước phát triển trong khu vực và thế giới; cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo còn chậm được cải thiện, chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội; việc chuyển đổi các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập có khả năng xã hội hóa sang mô hình tự chủ còn chậm. Việc thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội cho giáo dục, hợp tác, liên kết quốc tế về giáo dục đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học còn hạn chế, gặp nhiều rào cản về thể chế.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Trên cơ sở truyền thống nghìn năm văn hiến, xây dựng văn hoá Thủ đô tiên tiến, đậm đà bản sắc, người Hà Nội năng động, văn minh, thanh lịch, xứng đáng với danh hiệu Thành phố vì hoà bình, thông minh, sáng tạo; tương xứng với vị thế trung tâm văn hoá của cả nước với nguồn nhân lực chất lượng cao và công nghiệp văn hoá phát triển bền vững. Phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực, nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực phát triển giáo dục và đào tạo Thủ đô. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, trình độ đào tạo; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; thực hiện có hiệu quả hội nhập quốc tế về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, mở rộng quy mô hợp tác quốc tế.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

b)Giải pháp 2: Thành phố được thực hiện các giải pháp chính sách sau:

b.1. Ưu tiên đầu tư nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn Thủ đô. Khuyến khích sáng tạo, phát

[96]Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô.

triển giá trị văn hóa tinh thần mới dựa trên di sản; đảm bảo hài hoà với phát triển kinh tế, giáo dục, du lịch văn hóa.

b.2. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư đủ điều kiện vào các ngành công nghiệp văn hóa[97], đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thủ đô (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) bằng quy định ưu đãi đầu tư cao hơn mức ưu đãi đầu tư trong các luật hiện hành cụ thể như sau:

b.2.1. Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển các ngành CNVH; khuyến khích cá nhân, tổ chức đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, liên kết, hợp tác quốc tế về giáo dục theo quy định của pháp luật[98].

b.2.2. Áp dụng thuế suất 5%[99] hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp đầu tư trong các ngành CNVH[100]hoặc đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b.2.3. Hỗ trợ cùng một mức học phí cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thành phố không phân biệt trường công lập và trường tư thục[101].

b.2.4. Cơ sở giáo dục công lập được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài[102] khi đủ điều kiện do HĐNDThành phố quy định. Thành phố được ban hành cơ chế huy động nguồn lực phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục đào tạo công lập.

---

[97]Theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, công nghiệp văn hóa gồm 12 lĩnh vực sau: Quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa. Cũng theo Quyết định này, Hà Nội là 1 trong 3 Trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước. Quyết định cũng quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc xác định các "ưu đãi đặc thù" đối với ngành công nghiệp văn hóa.

[98]Khoản 1 Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019.

[99]Mức thuế suất hiện hành theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Điều 13) là 10%.

[100]Theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, công nghiệp văn hóa gồm 12 lĩnh vực sau: Quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa. Cũng theo Quyết định này, Hà Nội là 1 trong 3 Trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước. Quyết định cũng quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc xác định các "ưu đãi đặc thù" đối với ngành công nghiệp văn hóa.

[101]Nội dung này sẽ có tính vượt trội so với quy định tại Khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 hiện nay. Nội dung này cũng cho phép Thành phố được quy định việc miễn học phí đối với trường mầm non 05 tuổi và học sinh trung học cơ sở, vượt quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019. Hiện nay, khoản 4 và 5 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định như sau:

"4. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí.

5. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định".

[102]Quy định vượt trội so với quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 và Điều 6 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

b.2.5. Thành phố được quy định hình thức ưu đãi phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học.[103]

b.3. Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể[104]; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận[105], phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài. Mức hỗ trợcao hơn mức Trung ương quy định theo khả năng cân đối ngân sách của Thủ đô.

b.4. Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế.[106]

c) Giải pháp 3: Bao gồm các phương án của Giải pháp 2 và giải pháp: Thành phố lập một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phục vụ việc phát triển văn hóa và giáo dục Thủ đô, bao gồm: Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa

---

[103]Nội dung quy định hình thức ưu đãi: Có cơ chế mua và sử dụng bản quyền các chương trình giáo dục quốc tế; Có cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường.

[104]Mức hỗ trợ hiện nay được quy định trong Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ (Điều 3) là 1 triệu đồng/tháng, 850.000 đồng/tháng và 700.000 đồng/tháng.

[105]Điều 26 Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã quy định nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua một số biện pháp nhất định. Ngày 25/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2014/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

[106]Dự kiến chương trình, môn học, hoạt động mới như:

- Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non bổ sung nâng cao; Chương trình giáo dục tích hợp theo quy định, đáp ứng mục tiêu, sứ mệnh của mỗi nhà trường, trọng tâm phát triển toàn diện cho trẻ, chú trọng phát triển thể lực và dinh dưỡng, phát triển năng lực năng khiếu cá nhân trẻ. Các hoạt động cho trẻ làm quen công nghệ thông tin máy tính, làm quen tiếng Anh, kỹ năng sống….Các hoạt động ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến; Các dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu và cam kết với cha mẹ trẻ;

- Dạy ngoại ngữ tích hợp trong các môn học khác và dạy các môn học khác (như toán và các môn khoa học...) bằng ngoại ngữ;

- Dạy học môn Ngoại ngữ thứ 2 theo nhu cầu và lựa chọn của học sinh;

- Sử dụng bản quyền các chương trình giáo dục quốc tế; cấp song bằng Việt Nam và bằng (chứng chỉ) quốc tế tại các trường phổ thông công lập đảm bảo điều kiện thực hiện;

- Dạy học kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học (Science), công nghệ (Technology), kỹ thuật (Engineering) và toán học (Math) gọi tắt là giáo dục STEM;

- Đa dạng hoá các hình thức hợp tác như quốc tế hoá chương trình giáo dục, tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi học sinh và giáo viên giữa các cơ sở giáo dục phát triển trong và ngoài nước nhằm tiếp cận nội dung, phương pháp và chuẩn giáo dục quốc tế;

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường của học sinh;

- Các trường học đều được trang bị và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học, trong công tác quản lý tại các nhà trường.

Thủ đô để đầu tư cho nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa[107], hỗ trợ hoạt động giáo dục, quảng bá và sáng tạo dựa trên di sản văn hóa Thủ đô; Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô để cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín của quốc tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quay về phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.4.1. Giải pháp 1

a)Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Việc thực hiện giải pháp này, không làm tăng thêm gánh nặng cho NSNN đối với các khoản kinh phí chi đầu tư cho giáo dục đào tạo, văn hóa, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn Thủ đô; không mất thêm chi phí ngân sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào CNVH, giáo dục - đào tạo; không mất thêm chi phí hỗ trợ nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các hoạt động đào tạo, trao truyền kinh nghiệm cho đội ngũ kế cận cũng như không mất thêm chi phí dành cho các hoạt động để thu hút, đào tạo, đãi ngộ nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố; khoản chi thành lập Quỹ bảo vệ di sản và phát triển Văn hóa Thủ đô, Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng đi học tập ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín quốc tế….

Nhà nước không phải bố trí nhân lực, quỹ đất của Thành phố để phát triển thêm các hạ tầng xã hội như: công trình công cộng, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa, không gian văn hóa (để phát triển công nghiệp sáng tạo, CNVH), trường học...

Tác động tiêu cực:

Việc thực hiện Giải pháp giữ nguyên như hiện hành sẽ không giải quyết được những hạn chế, bất cập hiện nay trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo. Trong dài hạn, việc không huy động được hiệu quả các nguồn lực ngoài xã hội sẽ tạo ra áp lực lớn lên NSNN khi phải gia tăng chi tiêu cho các nhiệm vụ phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo. Hiện nay, lĩnh vực, giáo dục, đào tạo được ưu tiên đầu tư nguồn lực lớn từ NSNN. Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hàng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20% chi NSNN, tương đương khoảng 5% GDP. Đây là mức rất cao so với nhiều nước trên thế giới, kể cả các nước có trình độ phát triển kinh tế cao hơn Việt Nam như Singapore (3,2% năm 2010), Malaysia (5,1%), Thái Lan (3,8%), Hàn Quốc (5,2% năm 2011), Hồng Kông (3,5%)[108]. Năm 2020, chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo chiếm 16,9% tổng chi ngân sách toàn Thủ

[107]Với tư cách là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

[108]Đầu tư của nhà nước cho giáo dục, đào tạo: Thực trạng và một số đề xuất (tapchitaichinh.vn)

đô Hà Nội[109].

Về chi phát triển sự nghiệp văn hóa, hiện nay, tính trong cả nước, tỷ lệ chi cho văn hóa chỉ đạt 1,71% tổng chi NSNN và vẫn chưa mang tính bền vững, đồng đều giữa các địa phương[110]. Thủ đô Hà Nội đã quan tâm đầu tư, bố trí nguồn kinh phí cho công tác phát triển văn hóa, tổng chi thường xuyên trong lĩnh vực văn hóa - thể thao giai đoạn 2016-2021 của Thành phố đạt 9.421,956 tỷ đồng (bằng 1,9% tổng chi thường xuyên của Thành phố). Tổng chi đầu tư cho các thiết chế văn hóa và thể thao của Thành phố giai đoạn 2016-2021 là 1.054,86 tỷ đồng (bằng 0,66% tổng chi đầu tư của Thành phố). Giải pháp này cũng không góp phần tăng thu cho NSNN trong dài hạn nhờ sự phát triển của công nghiệp văn hóa cũng như các nguồn thu khác nhờ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa hiện nay.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực: Giải pháp này không mang lại thêm tác động tích cựcđối với người dân, trong đó có các nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể hoặc doanh nghiệp đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa hoặc đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thủ đô.

Tác động tiêu cực:Việc giữ nguyên chính sách như hiện nay không khuyến khích được các cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, đặc biệt là với lĩnh vực văn hóa khi quy trình thủ tục đầu tư cho các dự án xã hội hóa rất phức tạp, kéo dài, tỷ suất lợi nhuận thấp. Việc giữ nguyên chính sách như hiện nay cũng không giải quyết được các vấn đề bất cập trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, các bất cập trong lĩnh vực giáo dục[111] như đã nêu ở trên.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:Không có.

Tác động tiêu cực:Thiếu nguồn lực để đầu tư phát triển, không tạo ra được cơ chế thông thoáng để thu hút, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào những lĩnh vực trọng tâm, cấp bách cần nguồn lực lớn để phát triển Thủ đô như: *đầu tư cho phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo.* Điều này đã và đang gây khó khăn cho việc bảo vệ, duy trì các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gây cản trở tới việc phát huy giá trị văn hóa Thủ đô trong phát triển CNVH; Không khuyến khích được đội ngũ nghệ nhân trong hoạt động nghề nghiệp và trao truyền kinh nghiệm cho các thế hệ kế cận, mai một đi các giá trị văn hóa truyền thống.

Không đào tạo được nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. Các cơ hội đào tạo, thu

---

[109]Niên giám thống kê Hà Nội, năm 2020.

[110]Ít nhất 1,8% ngân sách chi cho văn hóa - Báo Điện Tử Đại Biểu Nhân Dân (daibieunhandan.vn)

[111]Muốn huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào giáo dục, cần dẹp bỏ các mô hình này - Giáo dục Việt Nam (giaoduc.net.vn).

hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ khó thực hiện hơn, làm gia tăng nguy cơ tụt hậu trong lĩnh vực đào tạo. Các trường công lập tiếp tục gặp khó khăn trong việc hợp tác phát triển với các cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài, không nâng cao được năng lực cạnh tranh với các cơ sở đào tạo của các nước trong khu vực.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

Tác động tích cực:Không có.

Tác động tiêu cực:

-Không tạo được cơ chế ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các công trình văn hóa, giáo dục, đào tạo; không tạo thêm được việc làm cho người dân.

- Nếu không được đầu tư, phát triển bổ sung thêm hệ thống thiết chế văn hóa, cơ sở giáo dục, trường lớp ở những khu vực nội thành, đông dân cư... sẽ có nguy cơ quá tải trường lớp, làm gia tăng việc học trái tuyến; thanh, thiếu niên sẽ không có điều kiện đầy đủ để sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí, làm giảm chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

Thiếu chính sách hỗ trợ các nghệ nhân văn hóa sẽ không khích lệ được ý chí, không phát huy được vai trò của nghệ nhân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, từ đó, dẫn tới nguy cơ mai một di sản văn hóa phi vật thể.

c)Tác động về giới: Với giải pháp này, dự báo sẽ không có tác động tích cực về phương diện giới không có tác động cải thiện về vấn đề bình đẳng giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc duy trì quy định như hiện tại chưa đáp ứng tốt nhất quyền được học tập của mọi người quy định tại Điều 37 Hiến pháp năm 2013, theo đó, "trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục", "thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, …giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân". Quy định hiện hành cũng chưa đáp ứng tốt nhất quy định tại Điều 61 Hiến pháp năm 2013, theo đó, "phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài… Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý".

6.4.2. Giải pháp 2

a)Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Về dài hạn, việc tăng chi đầu tư cho văn hóa, giáo dục và đào tạo sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, đầu tư vào giáo dục để phát triển nguồn lực con người mang lại tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định hơn. Đây sẽ là tiền đề để tăng thêm nguồn thu cho NSNN trong dài hạn.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, việc thực hiện giải pháp này sẽ góp phần gia tăng nguồn lực xã hội thu hút được nhằm phát triển loại hình liên kết đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập (Các doanh nghiệp gia tăng về vốn đầu tư cho mảng giáo dục và đào tạo. Doanh thu, lợi nhuận sau đó sẽ tăng lên và tăng sự đóng góp của doanh nghiệp khu vực giáo dục và đào tạo cho NSNN). Thành phố tăng cường cơ hội đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo ngoài công lập bằng các hình thức: Đa dạng nhiều mô hình giáo dục, thu hút đầu tư từ nguồn đầu tư tư nhân, quốc tế như: trường học chất lượng cao, trường học thông minh, mô hình trường học liên kết…Chính sách này nhằm đạt được mục tiêu mà Chính phủ đã đề ra: phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 8,75% số cơ sở và 8,9% người học vào năm 2020 và lần lượt là 13,5% và 16% vào năm 2025 tại Nghị quyết 35/NQ-CP về tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

Tác động tiêu cực:

Giai đoạn đầu NSNN cần phải chi nhiều hơn cho việc đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, trong đó có việc đầu tư bảo tồn, tu bổ các di tích. Theo báo cáo giai đoạn 2016-2021, chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với thời kỳ trước, cho thấy sự quan tâm của Thành phố đối với lĩnh vực bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư từ ngân sách cho các thiết chế văn hóa là 0,66%/tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản (1.054,862 tỷ đồng). Nguồn lực chi thường xuyên bố trí cho lĩnh vực văn hóa - thể thao chiếm 1,9% tổng chi thường xuyên của Thành phố (9.421,956 tỷ đồng)[112].

Theo tính toán của Thủ đô Hà Nội, giai đoạn 2016-2020 đã có **691** lượt di tích được đầu tư tu bổ, tôn tạo trong đó đầu tư từ NSNN là **4.512,2 tỷ đồng**.TheoKế hoạch giai đoạn 2022-2025 của Thủ đô Hà Nội[113], tổng số di tích cần tu bổ, tôn tạo là **1.284 di tích**, với tổng kinh phí là **30.369 tỷ đồng**. Đây là sự điều chỉnh tăng lên rất lớn so với giai đoạn 2016-2020 (khoảng gấp hơn 6 lần) thể hiện nỗ lực lớn của Thành phố nhưng cũng là một thách thức không nhỏ đối với việc cân đối ngân sách chi cho đầu tư. Điều này đòi hỏi có sự điều chỉnh tăng chi NSNN cho đầu tư vào lĩnh vực văn hóa đồng thời đặt ra nhu cầu lớn về việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, nhất là cho việc tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa.

---

[112]Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao năm 2022.

[113]Báo cáo số 217-BC/BCSĐ ngày 02/4/2022 về việc xây dựng Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo của Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, việc thực hiện các chính sách trong Giải pháp 2 sẽ làm phát sinh một số chi phí như chi phí đối với thực hiện việc hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân (mức chi cho khoảng 168 nghệ nhân, nếu quy định theo mức lương cơ sở thì chi khoảng 250 triệu đồng/tháng, tương đương 3 tỷ đồng/năm, còn nếu quy định 2 lần mức lương cơ sở thì ngân sách phải chi thêm khoảng 500 triệu đồng/tháng, tương đương khoảng 6 tỷ đồng/năm); chi phí liên quan đến hoạt động trao truyền cho đội ngũ kế cận dưới dạng tổ chức lớp học (dự kiến triển khai 03 buổi/năm với kinh phí dự kiến là 100 triệu/buổi thì sẽ mất khoảng 300 triệu/năm). Đây là khoản chi không quá lớn, không tạo ra áp lực đáng kể cho ngân sách Thành phố.

Việc áp dụng mức ưu đãi thuế thấp hơn so với mức pháp luật hiện hành quy định có thể dẫn tới giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trong ngắn hạn nộp vào NSNN.Ví dụ: năm 2021, số thuế thu nhập doanh nghiệp ngân sách thu được từ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa (với mức thuế suất ưu đãi 10%) là 246 tỷ đồng, đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 87,7 tỷ đồng (xem các bảng số liệu dưới đây), thì khi chuyển sang áp dụng mức thuế suất 5%, số thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp này sẽ chỉ còn khoảng 1 nửa số kể trên (tức là giảm khoảng 167 tỷ đồng). Tuy nhiên, nếu trong dài hạn, khi số doanh nghiệp tham gia đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo tăng lên, số lượng người dân được tiếp cận với các hoạt động văn hóa, giáo dục và đào tạo tăng lên, có thể tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà nước thu được từ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo sẽ tăng lên. Các số liệu thực tế cho thấy, trong những năm qua, số lượng học sinh theo học tại các trường tư thục đã liên tục tăng từ mức 15.448 của năm học 2013-2014 lên mức 49.324 của năm học 2020-2021.[114]

Bảng 12: Thông tin liên quan ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa giai đoạn 2016-2021

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số lượng NNT	1.650	1.912	2.200	2.513	2.871	3.245
2	Số lượng NNT được miễn/giảm thuế TNDN	542	501	236	406	390	362
3	Số thuế TNDN được miễn/giảm (triệu đồng)	293.949	81.301	68.479	75.692	49.400	178.981
4	Số nộp NSNN (triệu đồng)	321.608	173.246	220.444	203.036	244.240	246.003

Nguồn: Báo cáo của Cục Thuế thành phố Hà Nội và tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội

[114]Số liệu theo Công văn số 876/SGDĐT-VP ngày 6/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Bảng 13: Thông tin liên quan ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2021

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số lượng NNT	2.754	3.417	4.155	5.043	5.894	6.707
2	Số lượng NNT được miễn/giảm thuế TNDN	325	413	318	415	350	359
3	Số thuế TNDN được miễn/giảm (triệu đồng)	318.757	476.446	510.412	397.702	171.042	224.379
4	Số nộp NSNN (triệu đồng)	337.304	285.366	230.101	213.659	131.396	87.697

Nguồn: Báo cáo của Cục Thuế thành phố Hà Nội và tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực: Việc đầu tư tăng lên của NSNN dành cho hai lĩnh vực giáo dục, đào tạo và văn hóa Thủ đô góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư, hưởng lợi từ chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, ưu đãi về thuế, các ưu đãi về thủ tục thành lập doanh nghiệp… Khi có môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lợi nhuận thu về doanh nghiệp tốt sẽ góp phần lớn vào việc tăng thu NSNN và doanh nghiệp có trách nhiệm hơn với xã hội: đóng góp tôn tạo các di tích lịch sử, tài trợ cải tạo hạ tầng kỹ thuật xã hội, trường học, y tế…

Hiện nay, cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục chưa mạnh mẽ, không hấp dẫn nhà đầu tư; thủ tục để triển khai dự án còn phức tạp, kéo dài. Việc áp dụng cơ chế ưu đãi trong thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo tạo cơ hội thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.Trong bối cảnh học phí đối với học sinh các trường tư thục ở Thủ đô Hà Nội cao hơn rất nhiều so với các trường công lập, nếu Nhà nước hỗ trợ học phí cho học sinh không phân biệt trường công lập và trường tư thục sẽ giúp các trường tư thục thu hút học sinh nhiều hơn.

Việc phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong giáo dục và đào tạo cũng khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ cho giáo dục Thủ đô.

Đối với người dân: Thủ đô Hà Nội là địa phương có nhiều nghệ nhân được phong tặng danh hiệu cao quý nhất. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh dành riêng cho các nghệ nhân trong khi đại đa số các nghệ nhân này đều không có lương. Chính vì thế, việc thiết lập cơ chế chính thức trong hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh sẽ là nguồn động viên tinh thần to lớn, có tác động tích cực đến toàn xã hội. Điều này khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ nghệ nhân kế cận tin tưởng vào việc giữ nghề và

truyền nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương có nghề, thúc đẩy tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ.

Với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, người dân được tiếp cận với các dịch vụ giáo dục và đào tạo tốt hơn với nguồn chi phí cá nhân hiệu quả hơn, có thể không mất thêm thời gian, tiền bạc để đưa con cái đi học thêm hoặc các khóa đào tạo bổ sung. Phụ huynh, học sinh được gia tăng cơ hội lựa chọn các trường học phù hợp với khả năng và điều kiện của mình.

Tác động tiêu cực:Việc thực hiện các cơ chế khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa, giáo dục đào tạo bằng các ưu đãi đầu tư cao hơn mức ưu đãi trong các luật hiện hành[115] như: ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, giảm 50% hoặc 100% thuế thu nhập doanh nghiệp… Điều này sẽ làm giảm thu NSNN của Thành phố trong ngắn hạn.

Việc hỗ trợ cùng một mức học phí cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thành phố sẽ tăng chi NSNN do các học sinh đang học tại hệ thống trường tư thục hiện chưa được hỗ trợ sẽ được nhận mức hỗ trợ bằng với mức NSNN bỏ ra để hỗ trợ cho học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập[116]. Tất nhiên, mức hỗ trợ này cũng chỉ đáp ứng được một phần nhỏ so với mức học phí thực tế mà phụ huynh học sinh phải đóng khi cho con em học tại các cơ sở giáo dục tư thục (tiền học phí cơ bản chưa bao gồm tiền ăn, tiền xây dựng trường, chi phí bán trú, xe đưa đón,… rơi vào 50-100 triệu đồng/năm)[117].

Giải pháp Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục… có thể tăng chi phí để biên soạn bộ sách điều chỉnh bổ sung đối với từng cấp học và mất thời gian để thẩm định, thử nghiệm, đo lường kết quả và phải cần sự tham gia vào cuộc của nhiều chuyên gia giáo dục.

b. Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

---

[115]Tại khoản 5 Điều 3, khoản 11 Điều 11 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: "Kể từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các trường hợp được áp dụng thuê suất ưu đãi.Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22%) chuyển sang áp dụng thuế suất 20%)".

Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thuế suất ưu đãi.

Tại Khoản 10 Điều 8, Điều 20, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thu nhập được miễn thuế: "Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động"; Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo".

[116]Hiện nay, các cơ sở giáo dục công lập ở bậc tiểu học hoàn toàn được miễn học phí, trong khi các cơ sở giáo dục công lập ở các quận nội thành ở bậc trung học cơ sở thu học phí ở mức 155.000 đồng/tháng/1 học sinh, ở bậc trung học phổ thông thu học phí ở mức 217.000 đồng/tháng/1 học sinh (Số liệu theo Công văn số 876/SGDĐT-VP ngày 06/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội).

[117]Học phí các trường dân lập nổi tiếng ở Hà Nội năm học 2021-2022 (Vietnamnet.vn)

Tác động tích cực:

- Về phát triển văn hóa:Việc thực hiện giải pháp này có thể giúp Thủ đô Hà Nội phát huy đượclợi thế từ bề dày lịch sử trên nghìn năm tuổi với kho tàng di sản văn hóa phong phú, nơi hội tụ nguồn lực con người to lớn[118], từ đó trở thành nơi nuôi dưỡng, thúc đẩy sáng tạo văn hóa, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp văn hóa chất lượng, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế. Việc tham gia Mạng lưới các "Thành phố sáng tạo" của UNESCO trong lĩnh vực thiết kế sẽ gia tăng mối liên kết giữa các thành phố khác nhau trong các dự án công cộng và tư nhân; nâng cao năng lực thể chế, tạo môi trường thúc đẩy sự sáng tạo, biến thiết kế sáng tạo trở thành giải pháp phát triển văn hóa, bảo vệ di sản, kết nối hiện tại và tương lai. Thủ đô Hà Nội có thể tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa và tăng xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ văn hóa nhằm quảng bá các giá trị văn hóa của Thủ đô Hà Nội ra thế giới đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

- Về phát triển giáo dục và đào tạo: Việc áp dụng cơ chế ưu đãi, thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo Thủ đô sẽ góp phần tạo cơ chế cạnh tranh giữa các trường công lập và ngoài công lập. Từ đó thúc đẩy, nâng cao chất lượng giáo dục, tác động tích cực đến chủ trương xã hội hóa giáo dục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công; giảm gánh nặng của NSNN đầu tư cho hệ thống các trường công lập. Đẩy mạnh các hình thức ưu đãi nhằm phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu, xu thế phát triển của ngành giáo dục hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

Việc cho phép thực hiện hợp tác, liên kết giáo dục trong và ngoài nước sẽgóp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngày một nâng cao chất lượng, hệ thống giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của quốc tế. Người học hoàn thành chương trình giáo dục tích hợp được cấp văn *bằng tốt nghiệp của Việt Nam* và *của nước ngoài.* Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để "*xây dựng Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và thế giới*".

Hiện nay, hầu hết trường chưa đạt chuẩn đều có khó khăn, trong đó chủ yếu là thiếu kinh phí và quỹ đất, đặc biệt là tình trạng thiếu quỹ đất ở các trường nội thành, không đảm bảo về chỉ tiêu số học sinh/m^2. Nhiều trường có cơ sở vật chất xuống cấp cần nguồn kinh phí lớn để đầu tư cải tạo, xây dựng lại.

Việc cho phép Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt độngđể phù hợp với điều kiện

[118]Với 80% trường, học viện, viện của cả nước; 2/3 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; 60% các nhà khoa học, trí thức từ tiến sĩ trở lên đang sinh sống tại Hà Nội; 1/3 số lượng di tích được xếp hạng của cả nước; 1/3 số làng nghề của cả nước; 72% Nhà xuất bản có trụ sở đặt tại Hà Nội (40/57 Nhà xuất bản trên cả nước); Cơ cấu dân số trẻ, trình độ học vấn cao nhất cả nước; cùng cộng đồng sáng tạo mới mẻ, phong phú gồm các nhà thiết kế, các nghệ nhân, nghệ sĩ, doanh nhân sáng tạo…

kinh tế, văn hóa, xã hội đặc thù của Thủ đô sẽ góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu nâng cao hiểu biết và lưu truyền những kiến thức, giá trị, nét đẹp văn hóa Thăng Long - Hà Nội, văn hóa xứ Đoài đặc trưng riêng có của Thủ đô; góp phần đưa chương trình giáo dục của Thủ đô tiệm cận gần hơn với nền giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới; giữ vị trí đứng đầu cả nước về khoa học, giáo dục, về tỷ lệ đạt giải trong các kì thi quốc gia, quốc tế; tăng tính chủ động, tư duy sáng tạo của học sinh; đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của người dân, phụ huynh học sinh Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

Việc thực hiện giải pháp Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục… người dân, một số học sinh khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa sẽ gặp khó khăn nhất định trong khi học tập, tiếpcận kiến thức của bộ sách được điều chỉnh, khó khăn khi tham gia học tập theo phương pháp mới.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

Tác động tích cực:

- Đối với doanh nghiệp:

+ Việc áp dụng các chính sách ưu đãi, sẽ giúp cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, công nghiệp văn hóa phát triển thuận lợi, mở rộng các ngành nghề kinh doanh; góp phần liên kết, hình thành những doanh nghiệp lớn về công nghiệp văn hóa ở các lĩnh vực thế mạnh, những sản phẩm công nghiệp văn hóa chủ lực của Thủ đô Hà Nộiđể dẫn dắt các doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc các lĩnh vực CNVH; việc phát triển CNVH gắn với việc áp dụng các công nghệ tiên tiến, thực hiện xây dựng doanh nghiệp số.

+ Việc thực hiện các chính sách ưu đãi cũng tạo điều kiện giúp doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa giảm thiểu rủi ro, ổn định và phát triển. Thực tế cho thấy nhiều tổ chức nghệ thuật chưa đủ khả năng và được phép vận hành như các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi cao (tương tự như doanh nghiệp xã hội), ảnh hưởng tới công tác gây quỹ và hợp tác. Những không gian sáng tạo là những địa điểm truyền cảm hứng về sáng tạo và kết nối như: Hanoi Creative City, Manzi, Doclab, Nhà sàn Studio, Station 3A,... chưa được coi là những tổ chức phi lợi nhuận và chưa được công nhận là một loại hình kinh doanh đặc biệt, để được hỗ trợ khởi nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách liên quan đến thuế, luật hiến tặng, tài trợ vốn phổ biến ở các nước trong hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa cũng chưa được vận hành ở Việt Nam, điều đó khiến cho việc phát triển công nghiệp văn hóa gặp nhiều khó khăn. Do không được giao đất, nhiều doanh nghiệp, tổ chức phải sử dụng đất thuê để phát triển không gian sáng tạo, khu nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa. Việc thực hiện các chính sách ưu đãi giúp các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa là hoàn toàn phù hợp.

Thêm vào đó, hiện nay, cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục

chưa hấp dẫn nhà đầu tư; thủ tục để triển khai dự án còn phức tạp, kéo dài, việc áp dụng giải pháp này sẽ thu hút, tạo cơ hội thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.Nếu Nhà nước hỗ trợ học phí cho học sinh trên địa bàn Thành phố, không phân biệt trường công lập và trường tư thục, phù hợp với lộ trình phổ cập giáo dục từng giai đoạn sẽ giúp các trường tư thục giảm một phần mức thu học phí từ phía cha mẹ học sinh, từ đó thu hút nhiều học sinh vào học hơn.

+ Việc hợp tác, liên kết với các chương trình giáo dục nước ngoài chất lượng cao thông qua hình thức hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Thủ đô Hà Nội và các đối tác có uy tín của nước ngoài sẽ đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được công nhận hoạt động ở Việt Nam.

-Đối với người dân:

+ Về phát triển văn hóa: Khi được tiếp cận với hệ thống hạ tầng xã hội đầy đủ, hiện đại người dân sẽ có cơ hội được sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và luyện tập thể dục thể thao thường xuyên hơn; sẽ khuyến khích sự cống hiến cho thiết kế và đổi mới trong cộng đồng thanh niên Việt Nam. Thực tế, Thủ đô Hà Nội đã và đang trở thành "vườn ươm" sáng tạo trên khắp đất nước và thu hút đặc biệt đối với giới trẻ. Chính sự đa dạng về loại hình công việc đã mang lại nhiều cơ hội việc làm và tạo thêm nhiều sự hấp dẫn của Thủ đô Hà Nội. Việc xây dựng, phát triển không ngừng các công trình kiến trúc đương đại, mang tính biểu tượng mới như Bảo tàng Hà Nội, cầu Nhật Tân… Các không gian đường phố, hay công trình kiến trúc cũ, cổ được cải tạo sử dụng thành nơi tổ chức các hoạt động sáng tạo, kết nối cộng đồng, góp phần làm cho người dân thêm yêu Thành phố, tiếp thêm cho Thành phố những năng lượng sống mới cả về vật chất và tinh thần, lan tỏa những ý tưởng sáng tạo trong cộng đồng và thu hút ngày càng nhiều thêm người dân tham gia vào các hoạt động sáng tạo.

Việc hỗ trợ, phát triển ngành công nghiệp văn hóa sẽ tạo cơ hội để người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, sản phẩm văn hóa chất lượng cao trong các ngành công nghiệp văn hóa góp phần "nội địa hóa" các sản phẩm văn hóa chất lượng cao phù hợp với thị hiếu của người dân Việt Nam.

Với việc áp dụng các chính sách ưu đãi mới trong đầu tư sẽ tạo động lực khai thông, thu hút, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trong và nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực này. Cùng với đó, hệ thống các doanh nghiệp đang hoạt động sẽ tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư sản xuất, kinh doanh, góp phần tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Việc áp dụng chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể và hỗ trợ hoạt động bảo tồn, trao truyền cho đội ngũ kế cận là giải pháp khá căn cơ để bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; giúp các nghệ nhân ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, tập trung, nhiệt tình, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Đối với câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ, việc

Nhà nước hỗ trợ chi phí hoạt động, mua sắm trang phục đạo cụ luyện tập, tham gia liên hoan, hội thi, hội diễn... tác động rất tích cực đến công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống từ cộng đồng.

- Về phát triển giáo dục, đào tạo:Nếu áp dụng giải pháp này, trẻ em (đặc biệt là những khu đông dân cư, một số khu đô thị mới) sẽ có cơ hội đến trường ở ngay tại địa bàn sinh sống của mình mà không phải học trái tuyến, gia đình cũng sẽ không phải mất thêm nhiều chi phí, thời gian đưa đón con em mình tới trường. Chính sách hỗ trợ sẽ đáp ứng yêu cầu của xã hội, tác động tích cực đến chủ trương xã hội hóa giáo dục, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư mở rộng hệ thống các trường tư thục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công; giảm gánh nặng của NSNN đầu tư cho hệ thống các trường công lập; đảm bảo sự công bằng cho học sinh (thực hiện chủ trương về phổ cập); hỗ trợ học phí cho học sinh với trường ngoài công lập (trực tiếp cho người học).

Việc phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học, phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục đào tạo công lập giúp học sinh có cơ hội hội nhập quốc tế nhưng ở ngay tại Thành phố mà không phải sống xa nhà, sẽ có thêm điều kiện và khả năng để sớm trở thành Công dân toàn cầu; Việc cho phép Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động sẽ góp phần đưa chương trình giáo dục của Thủ đô đáp ứng tốt hơn nhu cầu nâng cao hiểu biết và lưu truyền những kiến thức, giá trị, nét đẹp văn hóa Thăng Long - Hà Nội, văn hóa xứ Đoài đặc trưng riêng có của Thủ đô.

Tác động tiêu cực: Việc thực hiện giải pháp chính sách này có thể làm phát sinh học phí một số môn học mới trong chương trình học khi áp dụng mô hình liên kết đào tạo. Việc thực hiện giải pháp chính sách này có thể tạo ra khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các khu vực địa lý, thu nhập khi áp dụng mô hình liên kết đào tạo - có tạo ra sự phân biệt trong chương trình giáo dục ở các trường công lập.

c) Tác động về giới: Không thấy sự tác động cả tích cực và tiêu cực một cách rõ rệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

- Việc thực hiện giải pháp cơ sở giáo dục công lập được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài sẽ làm sửa đổi, bổ sung đối tượng thực hiện các TTHC về liên kết cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục nước ngoài (như thủ tục phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp; thủ tục phê duyệt liên kết giáo dục; thủ tục gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục; thủ tục chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục) vì theo quy định hiện hành chỉ cho phép liên kết giữa cơ sở giáo dục tư thục với cơ sở giáo dục nược ngoài.

- Việc thực hiện giải pháp Thành phố được quy định hình thức ưu đãi phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học, trong đó có cơ chế chính sách thu

hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường sẽ làm sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thủ tục tuyển dụng viên chức (cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi).

- Việc thực hiện giải pháp Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài sẽ làm sửa đổi, bổ sung quy định liên quan TTHC về hỗ trợ đối với các nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các cơ sở truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực:

- Việc bổ sung chính sách mới sẽ giúp cho hệ thống pháp luật đáp ứng tốt hơn nhu cầu bảo tồn và phát triển văn hóa Thủ đô, qua đó góp phần khẳng định được vai trò, vị thế của pháp luật trong đời sống xã hội. Việc bổ sung chính sách cũng trực tiếp góp phần bảo đảm tốt hơn việc thực hiện quy định tại Điều 41 của Hiến pháp năm 2013, theo đó, "mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa". Việc bổ sung chính sách cũng thể hiện rõ trách nhiệm hiến định của Nhà nước trong việc cùng xã hội "chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" như quy định tại Khoản 1 Điều 60 Hiến pháp năm 2013.

- Việc áp dụng giải pháp trong Giải pháp 2 sẽ đáp ứng tốt hơn quyền được học tập của mọi người quy định tại Điều 37 Hiến pháp năm 2013. Giải pháp này cũng đáp ứng tốt hơn việc thực hiện quy định tại Điều 61 Hiến pháp năm 2013, theo đó, "phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài…"

- Tiếp tục kế thừa được các chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho lĩnh vực giáo dục quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 (Khoản 1i Điều 16 đã quy định "giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học" là ngành, nghề ưu đãi đầu tư), Luật Đất đai năm 2013 (Khoản 1a Điều 110 quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

- Bảo đảm tốt hơn việc thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, thể hiện trong Điểm b Mục 1 phần III Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025 là "bảo đảm đối xử bình đẳng và tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch; không phân biệt cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập, người học đều được tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ các chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước". Giải pháp này cũng phù hợp với định hướng chính sách thu và quản lý học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (Khoản 6 và 9 Điều 15),

theo đó, trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024-2025 (được hưởng từ ngày 01/9/2024) và học sinh trung học cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều này được miễn học phí từ năm học 2025-2026 (được hưởng từ ngày 01/9/2025).

Tác động tiêu cực:

Việc áp dụng các phương án trong Giải pháp 2 sẽ có nội dung mâu thuẫn hoặc khác với một số quy định trong các Luật hiện hành. Cụ thể:

- Theo quy định tại Khoản 1a Điều 110 Luật Đất đai năm 2013, theo đó "*Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư*".

- Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020 khi quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, đối với lĩnh vực văn hóa mới chỉ quy định ngành, nghề "bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa" (Khoản 1(l)), chưa quy định ngành "công nghiệp văn hóa" là ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

- Khoản 2a Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 và 2020) quy định thuế suất áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa là 10%.

- Điều 26 Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã có quy định về việc nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhưng mới chỉ quy định việc "trợ cấp sinh hoạt hằng tháng đối với nghệ nhân đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước" nhưng phải có điều kiện là "có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn" đồng thời giao thẩm quyền quy định chi tiết chính sách này cho Chính phủ chứ không trao thẩm quyền này cho chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 và 2020) quy định: "Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề được áp dụng thuế suất 10%".

- Khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: "Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn *không đủ trường công lập*, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do HĐNDcấp tỉnh quyết định."

- Khoản 4 và 5 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

"4. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí.

5. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định".

- Phát sinh sự mâu thuẫn giữa quy định của Luật Thủ đô (sửa đổi) với Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 8). Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục năm 2019, chỉ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội mới có quyền quy định về chương trình giáo dục theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Chính quyền thành phố Hà Nội chưa có quyền hạn này.

Do đó, cần phải có giải pháp xử lý mối quan hệ giữa quy định mới với các quy định hiện hành, tránh những mâu thuẫn, chồng chéo có thể xảy ra ảnh hưởng tới tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật. Việc làm này có thể thực hiện được nếu quy định Luật Thủ đô có giá trị ưu tiên áp dụng đối với các quy định của các đạo luật khác trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật Thủ đô và các đạo luật chuyên ngành.

6.4.3.Giải pháp 3

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

- Về phát triển văn hóa: Giai đoạn 2013-2020, số lượng di tích trên địa bàn xuống cấp nhiều nhưng thiếu nguồn lực, kinh phí bảo quản tu bổ. Hiện nay, có 1.125/1.617 di tích xuống cấp được tu bổ, tôn tạo, đạt tỉ lệ 70%. Nguồn kinh phí đầu tư cho các di tích còn hạn chế (nguồn xã hội hóa huy động được 725 tỷ đồng), nhiều huyện khó khăn không đảm bảo nguồn lực để tu bổ, tôn tạo di tích. Việc tạo ra "Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô" giúp cho các cơ quan chức năng thuộc ngành văn hóa chủ động hơn trong công tác triển khai các phần việc mang tính cấp thiết, cũng như chủ động hơn về nguồn lực, không bị phụ thuộc quá nhiều vào kế hoạch NSNN hàng năm để mất đi những thời cơ tốt trong bảo tồn di sản và phát triển văn hóa Thủ đô.

- Về phát triển giáo dục và đào tạo: Việc thành lập Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô để cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín của quốc tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quay về phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô sẽ khích lệ và tạo sự công bằng cho mọi đối tượng học sinh Thủ đô, là bước chuẩn bị từ sớm nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu ngành cho nhu cầu phát triển Thủ đô, nhất là một số lĩnh vực mà Việt Nam có thể chưa đào tạo được như một số lĩnh vực công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của việc xây dựng và quản lý đô thị thông minh v.v. Hiện nay, Thủ đô Hà Nội đã có Quỹ Ưu đãi, khuyến khích và đào tạo tài năng Thủ đô Hà Nội do Sở Nội vụ quản lý[119] do Sở Tài chính bố trí kinh phí quản lý, hoạt động của Quỹ theo dự toán ngân sách hàng năm của Sở Nội vụ. Có thể nâng cấp Quỹ Ưu đãi này để trở thành Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô hoặc bổ sung thêm nhiệm vụ cho Quỹ Ưu đãi để thực hiện vai trò của Quỹ học

[119]Quyết định số 91/2009/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về thu hút, sử dụng, đào tạo tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố Hà Nội.

bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô.

Tác động tiêu cực:Đối với Nhà nước, giai đoạn đầu NSNN cần phải đầu tư nguồn lực cho việc thành lập và quản lý, vận hành Quỹ, tạo vốn mồi cho các quỹ. Việc thành lập quỹ sẽ phát huy chi phí quản lý và tổ chức biên chế; chi cho bộ máy quản lý (mục chi này hiện chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi của một số quỹ đang hoạt động). Phát sinh thêm các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát thực hiện quỹ. Điều này cần được xử lý kỹ lưỡng để bảo đảm đáp ứng được yêu cầu, mục đích ban đầu đề ra.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực: Việc lựa chọn Giải pháp 3 sẽ giúp người dân, doanh nghiệp có thêm cơ hội tham gia vào đầu tư cho các công trình trọng điểm của Nhà nước qua hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô. Một số doanh nghiệp, người dân có thêm thu nhập khi nhiều việc làm được tạo ra từ hoạt động đầu tư của Quỹ. Hoạt động của Quỹ thúc đẩy việc bảo tồn các di sản văn hóa, qua đó, tác động đến sự phát triển kinh tế du lịch của Thủ đô[120], thúc đẩy phát triển bền vững.

Tác động tiêu cực:Một số doanh nghiệp, người dân có thể đóng góp nguồn lực cho Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô và Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực: Thực tiễn cho thấy, mặc dù được Thành phố quan tâm, tuy nhiên, vẫn chưa bảo đảm công tác bảo tồn nhiều di tích niên đại cổ, có giá trị cao về lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật. Trong số 5.922 di tích phân bố tại 30 quận, huyện thị xã trên địa bàn Thành phố, có tới 2.225 di tích xuất hiện tình trạng xuống cấp. Tổng hợp trên địa bàn Thành phố từ năm 2016-2020 đã có 691 lượt di tích được đầu tư tu bổ, tôn tạo trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hóa là: 1.211,276 triệu đồng chiếm hơn 21% tổng mức đầu tư. Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô dự kiến được được thành lập với mục đích huy động nguồn lực tài chính từ xã hội nhằm phục vụ việc bảo tồn, phát triển văn hóa trên địa bàn Thành phố. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận trên nguyên tắc huy động nguồn lực theo quy định của pháp luật. Việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô góp phần thúc đẩy xã hội hóa, giảm bớt gánh nặng cho NSNN. Đồng thời, góp phần đa dạng các hoạt động tài chính của nhà nước, trong việc thực hiện các mục tiêu bảo tồn, phát triển văn hóa.

Việc thành lập Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô góp

---

[120]Du lịch dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Năm 2019, Hà Nội đón 21,92 triệu lượt khách nội địa (vượt chỉ tiêu đề ra 19,5-20 triệu lượt trước 1 năm), 7,02 triệu lượt khách quốc tế (vượt chỉ tiêu đề ra 3,2-3,4 triệu lượt trước 1 năm), chiếm trên 37% lượng khách quốc tế của cả nước. Tổng thu từ khách du lịch tăng tương đối ổn định. Năm 2019 đạt 103,812 tỷ đồng, tăng gấp 2,731 lần so với năm 2013 xứng đáng vai trò trung tâm điều du lịch lớn nhất khu vực phía Bắc, một trung tâm lớn của cả nước và lọt top 10 điểm đến hàng đầu thế giới.

phần khích lệ tinh thần và cống hiến của nhân tài đóng góp cho Thủ đô. Vì vậy, việc tăng cường giám sát hoạt động của các quỹ, tăng cường tính công khai minh bạch trong hoạt động thu - chi của Quỹ là rất cần thiết. Việc ưu đãi cho từng đối tượng giúp.[121]

Tác động tiêu cực: Việc thành lập các Quỹ sẽ phát sinh nhu cầu tổ chức và quản lý các Quỹ để bảo đảm các Quỹ hoạt động thực sự hiệu quả.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

Tác động tích cực: Việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô giúp Thành phố có nguồn lực chủ động hơn trong bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô, từ đó, công tác bảo tồn, tôn tạo hoặc quảng bá giá trị văn hóa được thuận lợi hơn, từ đó, người dân có điều kiện tiếp cận giá trị văn hóa được thuận lợi hơn. Doanh nghiệp cũng thuận lợi hơn trong việc tài trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô thông qua việc tài trợ trực tiếp cho Quỹ. Việc thành lập Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô để cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín của quốc tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quay về phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô sẽ tạo thêm cơ hội cho học sinh Thủ đô phát triển tài năng và đóng góp cho sự phát triển chung của Thủ đô.

Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực rõ rệt về xã hội.

c) Tác động về giới: Không có tác động rõ nét về phương diện giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Như Giải pháp 2.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Ngoài các tác động đã nêu khi đánh giá tác động đối với Giải pháp 2, việc thực hiện Giải pháp 3 phát sinh việc ban hành các quy định về thành lập và quản lý Quỹ. Có thể tính tới phương án nâng cấp, điều chỉnh Quỹ Ưu đãi, khuyến khích và đào tạo tài năng Thủ đô Hà Nội trở thành Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với yêu cầu và mục tiêu phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo Thủ đô từ nay đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 là các giải pháp trong Giải pháp 3.

Việc thực hiện các giải pháp trong Giải pháp 3 sẽ thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nhất các chủ trương, định hướng về phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó, *"Tập trung phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền*

[121]Đề xuất ưu đãi cho Học sinh được hỗ trợ học bổng 100 triệu đồng/năm, Sinh viên được hỗ trợ học bổng 150 triệu đồng/năm, Học sinh, sinh viên được học bổng đi du học nước ngoài được hỗ trợ kinh phí và cam kết quay trở lại phục vụ Thành phố. Khuyến khích trao giải đối với sáng kiến trong học tập, đạt giải trong các kỳ thi về sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, tối đa 50 triệu đồng.

thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô. Tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các di tích, công trình kiến trúc có giá trị, trọng tâm là các di sản thế giới, di tích quốc gia." "Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế... Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế".

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

7. CHÍNH SÁCH 7: HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KH&CN, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Điều 13 Luật Thủ đô năm 2012 quy định chính sách phát triển khoa học và công nghệ của Thủ đô nhằm thu hút, phát huy tiềm lực của các tổ chức nghiên cứu, đào tạo KHCN và các nhà KHCN trên địa bàn tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình KHCN trọng điểm của Thủ đô; khuyến khích phát triển các dịch vụ khoa học và công nghệ, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, chuyển nhượng công nghệ tiên tiến, đặc biệt là CNC, công nghệ sạch trên địa bàn Thủ đô.

Nội dung Điều 13 của Luật Thủ đô được cụ thể hoá bằng Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển KHCN và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình KHCN trọng điểm của Thủ đô, Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐNDThành phố Hà Nội về trọng dụng nhân tài xây dựng và phát triển Thủ đô Đồng thời Uỷ ban nhân dân Thành phố cũng đã ban hành nhiều Chương trình, Kế hoạch thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KHCN trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là các chủ trương, chính sách nhằm chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tuy nhiên, Báo cáo tổng kết thi hành Luật thủ đô giai đoạn 2013-2020 nhận định chung về bất cập của việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành *"Hoạt động khoa học, công nghệ của thành phố Hà Nội chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn chưa thực sự trở thành động lực quan trọng để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô*".

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII (3.2020)đã xác định nguyên nhân về mặt thể chế của bất cập, hạn chế trong phát triển KHCN của Thủ đô *"Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực quan trọng, đột phá.* ***Hệ thống cơ chế, chính sách về khoa học - công nghệ chưa hoàn thiện; chưa đáp ứng yêu cầu*** *khuyến khích, hỗ*

trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới, chuyển giao, nâng cao trình độ công nghệ; kết nối hoạt động nghiên cứu giữa các nhà khoa học với thị trường và doanh nghiệp nhìn chung còn yếu…"

Các vấn đề bất cập của chính sách KHCN đã được nhận diện gồm:

Thứ nhất, Chính sách trọng dụng nhân tài đã được quan tâm, nhưng cơ chế ưu đãi chưa hấp dẫn, chưa đủ mạnh, để thu hút đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ đầu ngành, nhà khoa học tài năng và nhà khoa học nước ngoài cùng hợp tác, hỗ trợ giải quyết các vấn đề trọng tâm của Thành phố.

Thứ hai, Chính sách quản lý khoa học và công nghệ của Thành phố chưa có những đổi mới đột phá, chưa tạo được cơ chế thông thoáng, thuận lợi khai thác tối đa tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn lực chất xám của các cơ quan, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng của Thủ đô Hà Nội và Trung ương đóng trên địa bàn tham gia nghiên cứu khoa học, cũng như chưa huy động được các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tích cực tham gia đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với nhà nước, đặc biệt là các hoạt động sản xuất thử nghiệm (SXTN), chuyển giao công nghệ

Thứ ba, thiếu cơ chế, chính sách có tính nổi trội nhằm hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố; chưa tạo ra được sự kết nối bền vững, thực chất và hiệu quả giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ (bên cung) với các doanh nghiệp, nhà sản xuất, các cơ quan quản lý nhà nước (bên cầu) là một rào cản không nhỏ làm hạn chế tính thực tiễn, tính ứng dụng của các sản phẩm khoa học - công nghệ, nhất là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, dẫn đến thị trường KHCN còn manh mún, phát triển chưa tương xứng tiềm năng, thế mạnhcủa Thủ đô[122].

Thứ tư, chủ trương,chính sách hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô chưa rõ ràng, chưa phát huy tác động tích cực như kỳ vọng, thiếu cơ chế liên kết các tổ chức có hoạt động hỗ trợ hiệu quả và đủ mạnh để phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thiếu hành lang pháp lý cho việc thực hiện một số cơ chế có tính đột phá nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu đầy thách thức của cách mạng công nghiệp 4.0.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*xác định "Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, CNC và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển kinh tế

[122]Trên địa bàn Thủ đô tập trung 80% các trường đại học, viện nghiên cứu, 82% phòng thí nghiệm quốc gia của cả nước. Giai đoạn 2011-2020 mới chỉ có 115 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là Doanh nghiệp KHCN so với chỉ tiêu là 350 doanh nghiệp KHCN. Tỉ lệ doanh nghiệp có sản phẩm thương mại do chuyển giao công nghệ từ các nhiệm vụ KHCN rất thấp.

- xã hội; phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng kinh tế và cả nước. thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội".

Đây là cơ sở chính trị quan trọng để xác định mục tiêu chính sách về phát triển KHCN của Thủ đô.

Mục tiêu tổng thể: Xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Thủ đô hướng tới mục tiêu Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á.

Các mục tiêu cụ thểvề Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Thủ đôcần có giải pháp chính sách mới, đột phá, nổi trội đã được xác định tại Chương trình 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh phát triển KHCN, Đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

Để thực hiện các mục tiêu này, Nghị quyết ĐHĐB Đảng bộ thành phố lần thứ XVII xác định *giải pháp chiến lược về KHCN* "Xây dựng và phát triển hệ sinh thái học tập sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút, trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội. Khai thác, phát huy tối đa tài nguyên chất xám, nguồn lực trí tuệ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trên địa bàn thành phố…".

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành (Quy định của Luật Thủ đô và hệ thống pháp luật có liên quan trong lĩnh vực KHCN).

Giải pháp 2: Thành phố được quy định các cơ chế, biện pháp:

(1) Quy định các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực, vinh danh các chuyên gia, nhà khoa học giỏi;

(2) Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô;

(3) Cơ chế hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố.

Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và các biện pháp khuyến khích áp dụng các cơ chế thí điểm thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Nội dung chi tiết của từng giải pháp được trình bày tại mục đánh giá tác động dưới đây.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

7.4.1. Đánh giá tác động của Giải pháp 1: Giữ nguyên như thể chế hiện hành

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

- Nhà nước **không phải tăng chi từ nguồn ngân sáchthành phố** cho việc: Đãi ngộ, thu hút chuyên gia nhà khoa học (tiếp tục thực hiện Điều 13 Luật Thủ đô, Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND, Nghị quyết số14/2013/NQ-HĐND) cũng như cho việc thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN (vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP).

- Nhà nước cũng có thể không cần tăng các khoản đầu tư ngân sách của Thành phố cho việc khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hạn chế được các thiệt hại kinh tế nếu các khoản hỗ trợ đó không không đạt được kết quả mong muốn.

Tác động tiêu cực:

- Thành phố sẽ tiếp tục không thu hút được nhiều nhà chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thành phố[123]. Số lượng và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ KHCN chưa tương xứng với mục tiêu đặt ra, gây sự lãng phí trong sử dụng nguồn lực nhà nước và xã hội

- Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia, chủ trì các dự án nghiên cứu và đầu tư cho nghiên cứu KHCN độc lập hoặc đầu tư nghiên cứu cùng nhà nước, do đó, nguồn đầu tư xã hội cho phát triển KHCN còn hạn chế[124].

---

[123]Hiện nay số lượng chuyên gia, nhà khoa học trên địa bàn Thủ đô bao gồm: 316 Giáo sư, 2.322 Phó Giáo sư; 11.137 Tiến sĩ (chiếm 69% tổng số giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ của cả nước). Trong giai đoạn 2016-2020 thành phố Hà Nội có: (i) Một Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm thành phố Hà Nội: "Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030", một chương trình công nghệ trọng điểm cấp thành phố thu hút được khoảng 100 nhà khoa học trực tiếp tham gia; (ii) Thành lập 12 Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố thu hút được 120 nhà khoa học tham gia Ban chủ nhiệm; (iii) Triển khai 367 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phần lớn chủ nhiệm nhiệm vụ có trình độ Tiến sỹ.

[124]Từ năm 2013-2020 trong tổng số 668 nhiệm vụ KHCN cấp thành phố chỉ có 51 nhiệm vụ (chiếm 7,6%) do doanh nghiệp chủ trì (17/536 đề tài (3,1%), 34/90 dự án SXTN-37,7%) với tổng kinh phí hơn 249 tỷ đồng (chiếm 21.3%), trong tổng số kinh phí là 1170 tỷ đồng chi cho các nhiệm vụ KHCN. Trong đó nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ KHCN do doanh nghiệp chủ trì chỉ chiếm 10,3% chi của NSNN cho 668 nhiệm vụ KHCN.

- Việc Nhà nước hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN cấp thành phố còn rất hạnchế do chưa giải quyết được các vướng mắc theo quy định Nghị định 70/2018/NĐ-CP về bồi hoàn giá trị tài sản là trang thiết bị nghiên cứu hoặc là kết quả nghiên cứu có sử dụng NSNN. Trong tổng số 668 nhiệm vụ KHCN giai đoạn 2013-2020 chỉ có 34 Dự án SXTN do các doanh nghiệp chủ trì đáp ứng được vốn đối ứng khoảng 70% kinh phí chi cho mỗi dự án để có thể được nhận sở hữu kết quả nghiên cứu không phải bồi hoàn phần hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Nghị định 70. Hiện chưa có nhiệm vụ KHCN nào đã nghiệm thu (thuộc diện phải bồi hoàn kinh phí nếu chuyển giao) thực hiện được việc xác định giá trị tài sản là kết quả nghiên cứu để có thể chuyển giao ứng dụng, thương mại hoá sản phẩm.

- Mặc dù Thành phố đã ban hành nhiều đề án, kế hoạch để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng KHCN, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tuy nhiên hiệu quả chưa rõ ràng. Với các biện pháp hiện hành trên địa bàn Thủ đô Hà Nội cũng đã hình thành các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gồm các vườn ươm doanh nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, không gian hỗ trợ khởi nghiệp của Thành phố nhưng các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố còn ít, hoạt động riêng lẻ, chưa thực sự liên kết thành mạng lưới, thiếu nguồn lực, thiếu máy móc thiết bị, cơ sở vật chất để thực hiện hiệu quả hoạt động ươm tạo.

Nhìn tổng thể, từ góc độ kinh tế, mức đầu tư- chi phí của Thành phố cho KHCN và kết quả thu được - lợi ích trực tiếp về KHCN, trong tương quan so sánh với hai thành phố lớn là Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng thể hiện trong Bảng14[125].

Bảng 14: Chỉ tiêu đến 2020

STT	Chỉ tiêu	Số dự toán 2020			Số quyết toán 2020		
		Hà Nội	TPHCM	Đà Nẵng	Hà Nội	TPHCM	Đà Nẵng
1	**Chi NSNN cho KHCN**						
	Chi NSNN cho KHCN (triệu đồng)	985,0	1.036,7	716,4	174.1	1.924,2	688,5
	Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/Tổng chi NSNN	0,95%	1,11%	2,62%	0,10%	1,58%	1,90%
	Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/GRDP	0,10%	0,08%	0,69%	0,02%	0,14%	0,67%
2	**Sáng chế**						

[125]Các bảng số liệu và các dữ liệu được sử dụng để dự báo tác động của các giải pháp do Sở KHCN TP.Hà Nội cung cấp và cùng với Nhóm chuyên gia tính toán.

STT	Chỉ tiêu	Số dự toán 2020			Số quyết toán 2020		
		Hà Nội	TPHCM	Đà Nẵng	Hà Nội	TPHCM	Đà Nẵng
	Đơn đăng ký sở hữu công nghệ trên địa bàn				15.989	17.749	
	Bằng/GCN được cấp				8.556	9.523	
3	**Nhân lực KHCN trên địa bàn**						
	Tiến sỹ				11.137	4.327	713
	Giáo sư				316	158	10
	Phó giáo sư				2322	856	100
4	**Số DN KHCN trên địa bàn**				**94**	**96**	**9**
5	**Nhiệm vụ KHCN**						
	Số nhiệm vụ phê duyệt mới trong năm				86	184	
6	**Khu CNC tiêu biểu trên địa bàn**				Khu CNC Hòa Lạc[126]	Khu CNC TP Hồ Chí Minh	Khu CNC Đà Nẵng
	Khu CNTT				Khu Công viên CNTT Long Biên	Công viên phần mềm Quang Trung	Khu CNTT tập trung Đà nẵng

[126]Khu CNC Hòa Lạc thuộc Bộ KH&CN quản lý. Hà Nội đang lập đồ án quy hoạch khu CNC sinh học Hà Nội tại Bắc Từ Liêm

Có thể thấy, năm 2020, mức chi NSNN cho KHCN trên thực tế còn quá thấp chỉ đạt 174 tỷ đồng (chiếm 0,1% tổng chi NSNN và 0,02% chi NSNN/GRDP) và cũng chỉ đạt 17,2% so với dự toán NSNN cho KHCN. Nếu duy trì mức chi NSNN như hiện nay cho KHCN và không có các giải pháp chính sách đột phá để tăng chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KHCN, khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo cùng tham gia nghiên cứu KHCN, đổi mới, ươm tạo và chuyển giao công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học, đổi mới sáng tạo thì không thể đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu về phát triển KHCN giai đoạn 2021-2030 và tiếp theo theo nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ Thành phố.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:

Với thể chế hiện hành, các chuyên gia, nhà khoa học được thu hút tham gia, chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Thủ đô Hà Nội chưa được hưởng quyền lợi tương ứng với năng lực. Trên thực tế mới chỉ số ít chuyên gia, nhà khoa học được hưởng một phần ưu đãi rất nhỏ, đó là có thể thương thảo ký hợp đồng thuê chuyên gia theo hình thức khoán việc với mức lương 40 triệu đồng/tháng theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND với thủ tục khá rườm rà (do tổ chức KHCN đề nghị, Giám đốc Sở KHCN xem xét trình Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt). Trên thực tế, rất ít chuyên gia, nhà khoa học được hưởng ưu đãi này.

Hầu như không có chuyên gia, nhà khoa học nào được áp dụng hình thức đặt hàng khoán gọn theo khối lượng công việc trên cơ sở chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng tiêu chí, yêu cầu của Thành phố theo Nghị quyết 14/2013/NQ-HĐND[127] do đó, rất lãng phí thời gian, công sức của các chuyên gia, nhà khoa học và cả đội ngũ làm công tác KHCN cho các TTHCthanh quyết toán nhiệm vụ KHCN, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu đều thấp.

(iii) Doanh nghiệp:

- Với thể chế hiện hành, các doanh nghiệp có thể tham gia, đầu tư vào NCKH, SXTN cùng với Nhà nước thông qua các phương thức:

- Doanh nghiệp trực tiếp tham gia, chủ trì các nhiệm vụ KHCN, nhất là các dự án SXTN và có thể được nhận chuyển giao sở hữu tài sản và kết quả nghiên cứu để thương mại hoá sản phẩm mà không phải bồi hoàn phần giá trị từ kinh phí NSNN đầu tư cho nhiệm vụ khoa học nếu đáp ứng điều kiện vốn đối ứng từ 70% trở lên cho một nhiệm vụ KHCN.

Bảng 15: Doanh nghiệp tham gia đầu tư, thực hiện nhiệm vụ KHCN giai đoạn 2013-2020

	SL nhiệm vụ DN chủ trì/Tổng số nhiệm vụ	**Kinh phí DN thực hiện/Tổng kinh phí (tr.đ)**	**NSNN (tr.đ)**	**Vốn khác (tr.đ)**
Nhiệm vụ KHCN	**51/668** ***(7,6%)***	**249.856/1.170.143** ***(21,35%)***	**89.613/864.580** ***(10,3%)***	**160.243/305.563** ***(52,44%)***
Đề tài	**17**/ 536 (3,1%)	**26.763**	**22.230**	**4.533**
Dự án SXTN	**34**/90 (37,7%)	**223.093**	**67.383**	**155.710**

- Doanh nghiệp có thể *nhận chuyển giao công nghệ thực hiện thông qua dự án đầu tư độc lập, dự án đầu tư có vốn nước ngoài* theo Luật chuyển giao công

[127]Trong tổng số 668 nhiệm vụ KHCN (đề tài, đề án khoa học, DA SXTN), 30 dự án SHTT được phê duyệt mới để thực hiện trong giai đoạn 2013-2020 chưa có nhiệm vụ nào áp dụng hình thức khoán toàn bộ mà chỉ áp dụng hình thức khoán một phần đối với phần kinh phí công lao động và một phần chi khác.

nghệ. Trong giai đoạn 2016-2020 đã có 29 hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và 24 lượt sửa đổi, bổ sung hợp đồng đăng ký chứng nhận tại Sở Khoa học và Công nghệ.

- Doanh nghiệp cũng có thể đầu tư nghiên cứu KHCN không sử dụng NSNN và đề nghị Sở KHCN xem xét cấp giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu[128].

Tiềm lực KHCN và đầu tư cho KHCN của doanh nghiệp và xã hội ở Thủ đô còn chưa được khai thác, phát huy tương xứng do thiếu cơ chế chính sách phù hợp. Số lượng công bố khoa học quốc tế của Thủ đô Hà Nội đứng thứ 2 cả nước nhưng việc chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Việc nhân rộng mô hình nghiên cứu ứng dụng, nhất là ứng dụng trong sản xuất còn chậm. Số lượng đơn đăng ký và số bằng chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp của Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vượt xa tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác[129].

Bảng 16: Số lượng đơn đăng ký và số bằng chứng nhận quyền sở hữucông nghiệp của Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2022

Tỉnh thành	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	QI/2022
Thủ đô Hà Nội										
Đơn đăng ký	7.994	8.374	9.781	11.375	11.838	12.423	14.621	15.989	16.153	3.168
Bằng/GCN được cấp	4.661	4.806	4.450	4.133	4.649	4.781	7.318	8.556	8.744	2.322
Thành phố Hồ Chí Minh										
Đơn đăng ký	11.252	12.527	13.801	14.925	14.172	15.035	16.961	17.749	14.188	3.095
Bằng/GCN được cấp	4.723	5.247	5.370	5.369	6.365	6.115	8.825	9.523	9.088	2.400
Việt Nam										
Đơn đăng ký	26.663	28.915	32.956	37.760	37.862	39.989	46.503	50.795	46.247	9.608
Bằng/GCN được cấp	13.436	14.515	13.819	13.678	15.884	15.825	23.831	27.121	26.917	7.053

(iv) Tác động đối với Người dân:được tiếp cận và thụ hưởng các thành quả của phát triển KHCN chủ yếu thông qua các sản phẩm đã được ứng dụng, thương

[128]Trong giai đoạn 2016-2020, có 17 tổ chức (15 doanh nghiệp, 01 sở, 01 bệnh viện) đã được Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá, thẩm định và cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

[129]Theo Số liệu thống kê của Cục sở hữu trí tuệ về đăng ký và cấp bằng công nhận quyền sở hữu công nghiệp, trong Quý I/2022, Hà Nội có 3.168 đơn đăng ký và 2.302 bằng đã được cấp (bao gồm bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá); Thành phố Hồ Chí Minh có 3.095 đơn và 2.400 bằng được cấp (https://ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/so-lieu-thong-ke).

mại hoá trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực CNTT, nông nghiệp, công nghiệp tiêu dùng, môi trường...Hạn chế của việc thiếu chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ và phát triển Thị trường KHCN chính là điểm yếu, là rào cản việc thụ hưởng lợi ích của người dân.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Vai trò của Chính quyền thành phố Hà Nội trong việc tạo lập và tháo gỡ các vướng mắc về chính sách, thể chế và tạo điều kiện, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực thi chính sách, thể chế về KHCN là yếu tố quan trọng nhất để phát triển KHCN Thủ đô nhưng vai trò này còn nhiều hạn chế, thụ động, chưa tạo được động lực lan toả, phát huy tiềm năng xã hội đầu tư cho KHCN.

Các bất cập chính sách về chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp để đưa vào ứng dụng, sản xuất và thương mại hoá các sản phẩm của đề tài nghiên cứu KHCN, dự án SXTN làm chậm và thậm chí cản trở việc KHCN đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế- xã hội, môi trường của Thủ đô.

Chưa tạo ra được sự gắn kết giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp, nhà sản xuất, các cơ quan quản lý nhà nước cũng như chưa hỗ trợ để tạo liên kết mạng giữa các tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp để tạo nên các trung tâm có đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

(ii) Các chuyên gia, nhà khoa học:

Các chuyên gia, nhà khoa học trên địa bàn bước đầu được thu hút tham gia thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Thủ đô. Tuy nhiên, do cơ chế ưu đãi chưa rõ ràng, thiếu tính khả thi nên chưa tạo được nhiều vị trí, việc làm phù hợp với năng lực và kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia, nhà khoa học.

Các chế độ đãi ngộvật chất và tinh thần đều chưa tương xứng với năng lực và sự cống hiến của các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ nói riêng, công chức, viên chức làm công tác KHCN, quản lý KHCN ở Thủ đô nói chung nên việc thu hút, sử dụng không bền vững, Các vướng mắc, rào cản hành chính trong hình thành và triển khai, kết thúc nhiệm vụ KHCN, đặc biệt là việc chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, SXTN làm hạn chế khả năng, hiệu quả cống hiến, đóng góp của đội ngũ làm công tác KHCN cho sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội,

(iii) Doanh nghiệp: là nhân tố năng động và có nhu cầu, khát vọng đổi mới công nghệ nhất nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập doanh nghiệp và người lao động, do đó, đã có những chuyển biến tích cực trong việc huy động nguồn vốn doanh nghiệp, vốn xã hội cho hoạt động KHCN, tham gia ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp với sự hỗ trợ của nhà nước.

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp đượcthu hút tham gia, chủ trì các đề tài, đặc biệt là dự án SXTN nhằm tạo ra được nhiều công nghệ mới và trực tiếp đưa kết quả nghiên cứu, thử nghiệm vào sản xuất thành các sản

phẩm thương mại, còn rất ít so với tổng số doanh nghiệp của Thủ đô, do đó, chưa phát huy được tốt vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong liên kết với các viện trường trên địa bàn và hiệu quả đầu tư nghiên cứu KHCN của doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội; chưa tạo được nhiều việc làm mới và tăng thu nhập cho người lao động tại các doanh nghiệp có đầu tư cho KHCN

(iv) Người dân:

- Các sản phẩm mang lại lợi ích cho cộng đồng có thể không được chuyển giao để ứng dụng rộng rãi làm hạn chế người dân tiếp cận và thụ hưởng các sản phẩm từ các hoạt động thử nghiệm khoa học và công nghệ có chất lượng, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, môi trường.

c) Tác động về giới:

Các tác động về kinh tế, về xã hội đối với mỗi giới của các chính sách hiện hành không có sự khác biệt, phân biệt giới trực tiếp. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận và sử dụng các cơ hội, nguồn lực hỗ trợ đổi mới, ươm tạo, chuyển giao công nghệ, tham gia các nhiệm vụ KHCN của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ và rất nhỏ) thường bị hạn chế hơn, tiềm ẩn nguy cơ tụt hậu của các doanh nghiệp và người lao động của doanh nghiệp này trong cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số doanhnghiệp.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước:

- Không ảnh hưởng về tổ chức bộ máy, nhưng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ chưa cao, chưa huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học và công nghệ của Thủ đô; chưa phát huy được tính chủ động, tự chủ, năng động, sáng tạo của bộ máy làm công tác quản lý khoa học và công nghệ của Thủ đô.

- Việc địnhgiá trị của sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, việc giao quyền sử dụng còn nhiều hạn chế, trong nhiều trường hợp không thực hiện được.

(ii) Các điều kiện bảo đảm thi hành:

Hệ thống các chính sách, giải pháp thực hiện Điều 13 Luật Thủ đô đã được bổ sung bằng nhiều văn bản pháp luật của chính quyền thành phố Hà Nội trong đó có quy định một số điều kiện bảo đảm thi hành trong các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, các vướng mắc, hạn chế do tác động mới của phát triển kinh tế- xã hội chưa được kịp thời xem xét, tháo gỡ nên hiệu lực và hiệu quả thi hành chưa cao.

(iii) Quyền cơ bản của công dân:

<u>Tác động tích cực:</u>

Giải pháp này đảm bảo quyền cơ bản của công dân. Cụ thể: Tại Khoản 2 Điều 35, Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quyền được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi". Về khoa học và công nghệ, Hiến pháp quy định "mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó" (Điều 40) và cũng tiếp tục khẳng định phát triển khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy định trách nhiệm của Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ (Điều 62).

Tác động tiêu cực:

Giải pháp này không có tác động tiêu cực đến quyền cơ bản của công dân (không vi phạm quyền, nhưng chưa có cơ chế tạo ra cơ hội tốt nhất để phát huy khả năng của các chuyên gia, nhà khoa học và đội ngũ làm công tác KHCN nói chung, cống hiến cho Thủ đô).

(iv) Phù hợp hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực:

Giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, trực tiếp là Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật chuyển giao công nghệ.

Tác động tiêu cực:

Chưa có cơ chế, chính sách vượt trội, đủ mạnh để giải quyết được yêu cầu về thu hút, khuyến khích chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp trong nghiên cứu và ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

(v) Tương thích với các Điều ước quốc tế.

Tác động tích cực:

Giải pháp này tương thích, không xung đột với các Điều ước quốc tế. Cụ thể: **Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người (1948)**"Người làm việc được trả lương tương xứng và công bằng, đủ để bảo đảm cho bản thân và gia đình một đời sống xứng đáng với nhân phẩm."(Điều 23); **Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (1966)** "Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó; Được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình"; "Các biện pháp mà các quốc gia thành viên Công ước sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết để bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá"; "Các thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo." (Điều 15).

7.4.2. Đánh giá tác động của Giải pháp 2: Thành phố được quy định các cơ chế, biện pháp:

(*1) Quy định các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực, vinh danh các chuyên gia, nhà khoa học giỏi*: Trao quyền tự chủ trong quản lý cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm hoặc đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ của Thủ đô[130]; miễn thuế thu nhập cá nhân từ thu nhập do thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.Thành phố được thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô. Các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thủ đô Hà Nội *đề xuất, đặt hàng*(bao gồm cả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính liên vùng, liên ngành);

(2*) Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô:*(2.1) Được thí điểm hợp tác đầu tư có chính sách hỗ trợ hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm; (2.2) Áp dụng mức ưu đãi hỗ trợ cao nhất (tương đương các mức ưu đãi cho doanh nghiệp CNC) đối với các doanh nghiệp thực hiện đề tài, dự án ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ có các sản phẩm tạo ra từ hoạt động ứng dụng công nghệ ươm tạo.

(3) Cơ chế hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố, cụ thể: (3.1) Được áp dụng chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện. Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô; (3.2) Được ban hành cơ chế hợp tác, chuyển giao và hỗ trợ doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số.

a)Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:Để thực hiện các biện pháp được đề xuất, Chính quyền Thành phố phải có lộ trình tăng chi NSNN phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời điều chỉnh hợp lý cơ cấu chi cho KHCN của Thủ đô, theo hướng tăng chi cho đầu tư phát triển hạ tầng KHCN, chi cho các nhiệm vụ KHCN trọng điểm

[130]Hưởng mức lương và phụ cấp ưu đãi đặc biệt trên cơ sở quy định mức thu nhập áp dụng cho chuyên gia, nhà khoa học do HĐND Thành phố Hà Nội ban hành; Được bố trí hỗ trợ thêm phần chi phí thuê nhà, phương tiện đi lại trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao; Được chủ động thuê, thỏa thuận chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; Tự quyết định việc mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho nhiệm vụ trong phạm vi dự toán kinh phí được giao; Tự quyết định và được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn; Quyết định việc tổ chức nhiệm vụ được giao.

của Thành phố...

Cụ thể: Dự kiến kịch bản đầu tư từ NSNN cho phát triển KHCN giai đoạn 2021-2030, trong đó, từ 2026-2030 Luật thủ đô (sửa đổi) có hiệu lực và các nội dung của Giải pháp 2 này bắt đầu phát huy tác động.

Bảng 17: Dự kiến chỉ tiêu cần đạt được đến 2030

STT	Chỉ tiêu	Dự kiến chỉ tiêu cần đạt	
		2025	2030
1	**Chi NSNN cho KHCN**		
	Chi NSNN cho KHCN *(triệu đồng)*	960.959	4.597.635
	Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/Tổng chi NSNN	0,68%	2,01%
	Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/GRDP	0,07%	0,22%
2	**Sáng chế**		
	Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trên địa bàn trong năm (dự kiến tăng khoảng 500/năm)	17.500	20.000
	Bằng/GCN được cấp trong năm (dự kiến tăng khoảng 250/năm)	9.800	11.000
3	**Số DN KHCN trên địa bàn**	**200**	**250**
4	**Nhiệm vụ KHCN**		
	Số nhiệm vụ phê duyệt mới trong năm	81	90
	Tổng chi NSNN cho nhiệm vụ KH&CN trong năm (triệu đồng)	131.016	211.002
5	**Khu CNC tiêu biểu trên địa bàn**		
	Khu CNC	Khu CNC Hòa Lạc Khu CNC sinh học Bắc Từ liêm	Khu CNC Hòa Lạc Khu CNC sinh học Bắc Từ liêm
	Khu CNTT	Khu Công viên công nghệ thông tin tạiLong Biên Khu CNTT tập trung Cầu Giấy; Khu công viên công nghệ phần mềm Hà	Khu Công viên công nghệ thông tin tạiLong Biên Khu CNTT tập trung Cầu Giấy; Khu công viên công nghệ phần mềm Hà

STT	Chỉ tiêu	Dự kiến chỉ tiêu cần đạt	
		2025	2030
		Nội; Khu Công viên phần mềm Đông Anh	Nội; Khu Công viên phần mềm Đông Anh

Bảng 18: Dự kiến chi NSNN cho KHCN trong giai đoạn 2021-2030

Kịch bản tăng trưởng:

GRDP tăng 7,5%/năm

Tổng chi NSNN tăng 5%/năm đến 2025, tăng 10%/năm đến năm 2030

Dự kiến đến năm 2030, dự toán chi NSNN cho KHCN gấp 4 lần năm đầu giai đoạn (2021).

Phần tăng chi đầu tư phát triển được bố trí cho: Hoàn thiện hạ tầng các khu CNC, khu CNTT tập trung, trung tâm R&D, vườn ươm doanh nghiệp, dự án CNTT.

Chi thường xuyên cho KHCN tăng 10%/năm, cộng thêm phần tăng chi thường xuyên bố trí cho: Nhiệm vụ KHCN trọng điểm, Dự án SXTN thu hút thêm, Hỗ trợ DA khởi nghiệp sáng tạo

Đơn vị: triệu đồng

	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
GRDP theo giá hiện hành (triệu đồng)	**1.067.600.000**	**1.182.300.000**	**1.270.972.500**	**1.366.295.438**	**1.468.767.595**	**1.578.925.165**	**1.697.344.552**	**1.824.645.394**	**1.961.493.798**	**2.108.605.833**
Tổng chi NSNN (triệu đồng)	**101.433.490**	**106.925.879**	**117.618.467**	**129.380.314**	**142.318.345**	**156.550.179**	**172.205.197**	**189.425.717**	**208.368.289**	**229.205.118**
Chi NSNN cho KH&CN (triệu đồng)	**801.306**	**721.983**	**794.181**	**873.599**	**960.959**	**2.857.055**	**3.062.761**	**3.479.037**	**4.006.941**	**4.597.635**
Chi đầu tư phát triển	0	0	0	0	0	1.350.000	1.450.000	1.450.000	1.850.000	2.150.000
- Trung tâm R&D hợp tác						500.000	600.000	600.000	1.000.000	1.300.000
- Trung tâm R&D và vườn ươm trong KCN cao Hòa Lạc						500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
- Đầu tư phát triển khác						350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
Chi thường xuyên	801.306	721.983	794.181	873.599	960.959	1.507.055	1.612.761	2.029.037	2.156.941	2.447.635
- Đề tài, dự án thông	131.016	150.275	165.303	181.833	200.016	220.018	242.019	266.221	292.843	322.128

	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
thường										
- Nhiệm vụ KHCN trọng điểm						300.000	300.000	600.000	600.000	750.000
- Dự án SXTN thu hút thêm						90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
- Hỗ trợ DA khởi nghiệp sáng tạo						60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
- Chi thường xuyên khác cho KHCN		73.233	80.556	88.612	97.473	107.220	117.942	129.737	142.710	156.981
- Chi ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		498.475	548.323	603.155	663.470	729.817	802.799	883.079	971.387	1.068.525
Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/Tổng chi NSNN	0,79%	0,68%	0,68%	0,68%	0,68%	1,83%	1,78%	1,84%	1,92%	2,01%
Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/GRDP	0,08%	0,06%	0,06%	0,06%	0,07%	0,18%	0,18%	0,19%	0,20%	0,22%

Những nội dung tăng chi NSNN để thực hiện các biện pháp của Giải pháp 2 và tác động cụ thể như sau:

*Thứ nhất,*biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành

Chi phí thực hiện (dự báo) Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến sẽ lựa chọn 25 nhiệm vụ trọng điểm thuộc 9 chương trình KHCN áp dụng cơ chế thu hút, ưu đãi đặc biệt. Tổng kinh phí cho 01 nhiệm vụ khoảng 150 tỷ bao gồm chi phí nghiên cứu và chi phí ưu đãi đặc biệt cho chuyên gia, nhà khoa học, thời gian thực hiện nhiệm vụ trong 5 năm, bình quân mỗi năm 30 tỷ, trong đó dự kiến 23,5% chi cho thuê chuyên gia với mức ký hợp đồng chuyên gia cao cấp (chủ trì và tham gia chính nhiệm vụ KHCN trọng điểm của Thành phố) là 830 triệu đồng/năm/người (gồm lương, khoán phương tiện đi lại, hỗ trợ nhà ở) và chuyên gia KHCN tham gia nhiệm vụ KHCN theo nhu cầu do Chuyên gia Chủ trì thuê với mức lương 240 triệu đồng/năm/người. Tính tổng thể, chi thu hút chuyên gia, nhà khoa học giỏi giai đoạn 2026-2030 vào khoảng 1.477 tỷ đồng, tăng 1000 tỷ đồng so với giai đoạn 2013-2020. Miễn thuế thu nhập cá nhân của các chuyên gia tham gia nhiệm vụ trọng điểm của Thủ đô đối với phần thu nhập như trên có làm giảm thu NSNN nhưng không đáng kể so với tổng thu NSNN và lợi ích thu được từ việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô.

*Thứ hai,*thí điểm hợp tác đầu tưhỗ trợ hình thành các Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Chi phí thực hiện từ NSNN (dự báo) Dự kiến không tạo ra đơn vị mới (trừ Trung tâm R&D tại Khu CNC Hoà Lạc) mà kết hợp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp sẵn có trên địa bàn, ngân sách thành phố chỉ chi đầu tư đổi mới, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hiện có để tận dụng nguồn lực sẵn có trên địa bàn thành phố.

Dự kiến sẽ triển khai hình thành 10 Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đối với các lĩnh vực ưu tiên: Cơ khí chế tạo, Điện tử-Tự động hóa, Công nghệ thông tin, Công nghệ

Vật liệu, Công nghệ sinh học, BVMT… Dự kiến tổng chi phí đầu tư cho 01 Trung tâm khoảng 400 tỷ đồng.

Tổng chi NSNN cấp thành phố phát sinh: 10 Trung tâm x 400 tỷ đồng = 4.000 tỷ đồng, trong đó phân bổ vốn cho giai đoạn 2026-2030 là 4.000 tỷ

Tác động: Việc hỗ trợ thành lập trung tâm R&D, hỗ trợ ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ thu hút có hiệu quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ, từ đó thúc đẩy được tiềm lực khoa học và công nghệ của Thủ đô. Thành phố sẽ triển khai được nhiều dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Thứ ba,áp dụng chính sách hỗ trợ chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện. Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô.

Chi phí thực hiện (dự báo): Để hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt gánh nặng chi phí đầu tư nghiên cứu, SXTN cùng Nhà nước, Thành phố Tăng chi ngân sách để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm (mức hỗ trợ từ NSNN lên đến 50% kinh phí cho một dự án SXTN), ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ và không thu hồi giá trị tài sản, phần tài sản trang bị của Nhà nước.

Nếu thực hiện phương án này:

Giai đoạn 2021-2025: 4 dự án SXTN/ năm, NSNN hỗ trợ <30% ; bình quân tổng KP 9 tỷ đồng/DA, trong đó NSNN hỗ trợ 2,7 tỷ/DA. Tổng chi NSNN: 54 tỷ đồng

Giai đoạn 2026-2030 nhờ có cơ chế mới nên thu hút 12 dự án SXTN của DN, NSNN hỗ trợ 50% ; Bình quân tổng KP 15 tỷ đ/DA, trong đó NSNN hỗ trợ 7,5tỷ/DA. Tổng chi NSNN: 7,5 tỷ/DA x 12 x 5 năm = 450 tỷ đồng.

Nếu coi chi phí NSNN tăng thêm là tác động tiêu cực thì tác động tích cực về kinh tế và xã hội của các biện pháp trên rất lớn.

<u>Tác động tích cực:</u>Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ được hiện thực hóa, góp phần đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội; nâng cao trình độ khoa học và công nghệ tổng thể của Thủ đô Hà Nội và cả nước.

*Một là,*thu hút được chuyên gia nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, từ đó nâng cao chất lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, phát huy được tiềm lực KHCN của các chuyên gia công nghệ, các nhà khoa học đầu ngành- các tổng công trình sư thiết kế và điều hành triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học trọng điểm để giải quyết các vấn đề lớn về phát triển kinh tế- xã hội, KHCN, quản trị thành phố thông minh, hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số nói riêng, cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung, tránh sự lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư ngân sách cho các hoạt động khoa học công nghệ trọng điểm, qua đó góp phần duy trì và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành tầm quốc gia và khu vực trong lĩnh vực công nghệ mũi nhọn.

*Hai là,*việc nâng tỷ lệ hỗ trợ của Nhà nước trong các dự án SXTN, ứng dụng, chuyển giao kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ thu hút có hiệu quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ, từ đó thúc đẩy được tiềm lực khoa học và công nghệ của Thủ đô, thành phố sẽ triển khai được nhiều dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội Thủ đô.

Ba là, việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô sẽ khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghê, thương mại hoá sản phẩm, qua đó gópphần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội, tạo nguồn thu cho NSNN, hướng tới mục tiêu đến năm 2025 có tối thiểu 200 doanh nghiệp KHCN và 250 vào năm 2030. (Tính đến tháng 12/2021, Thủ đô Hà Nội chỉ có 115 doanh nghiệp khoa học và công nghệ được chứng nhận).

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:

Tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trườngKHCN, có thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng và hiệu quả.

Được trao quyền tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ KHCN được giao chủ trì, hoặc những nội dung tham gia chính, do đó, bản thân các chuyên gia, các nhà khoa học phải thay đổi tư duy và nâng cao năng lực, đổi mới phương pháp tổ chức, quản lý nhiệm vụ KHCN.

(iii) Doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp có nhiều cơ hội được tham gia đầu tư các dự án sản xuất thử nghiệm cùng với nhà nước; tăng cơ hội được giao quyền sở hữu và thương mại hóa sản phẩm của dự án mà không phải hoàn trả giá trị tài sản để làm ra sản phẩm gắn với thị trường và mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp (nhờ tiết kiệm được nhiều chi phí cho việc thiết kế, chế tạo, cải tiến, lắp đặt, vận hành, giảm chi phí hành chính cho việc định giá tài sản nhận chuyển giao; tăng doanh thu, tăng tài sản, phát triển quy mô doanh nghiệp, tăng khả năng tiếp cận mở rộng đối với cơ sở hạ tầng KHCN, thị trường KHCN.

- Giúp các tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận được công nghệ mới trong điều kiện kinh tế còn khó khăn và chưa đủ điều kiện đầu tư các quy trình, thiết bị…hiện đại.

<u>Tác động tiêu cực:</u> tăng đầu tư cho việc tiếp nhận, vận hành công nghệ mới bao gồm cả việc đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ nhân viên, quản lý, người lao động tham gia ứng dụng, sản xuất theo công nghệ mới…

b)Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

- Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, thực hiện SXTN giữa đơn vị nghiên cứu, đơn vị đào tạo và doanh nghiệp; hình thành mạng lưới hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đủ mạnh.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp thành phố với việc thu hút đội ngũ chuyên gia KHCN đầu ngành có thể tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn cao, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua nhiệm vụ KHCN.

- Các kết quả nghiên cứu KHCN, SXTN được ứng dụng và thương mại hoá góp phần quan trọng để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế- xã hội, nhất trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như năng lượng, môi trường, an toàn VSTP, kinh tế số, chính quyền số, công dân số….

- Với vị trí, tiềm năng KHCN và chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành nổi trội, Hà Nội sẽ **thông qua Hội đồng điều phối vùng Thủ đô***đề xuất với Chương trình KHCN quốc gia***đặt hàng và giao Thủ đô Hà Nội chủ trì** các nhiệm vụ KHCN có tính liên vùng, liên ngành để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế- xã hội của Vùng Thủ đô.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:

- Tạo thêm nhiều cơ hội về vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn và trình độ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người làm công tác KHCN nói chung, từ đó có điều kiện phát huy được năng lực nghiên cứu sáng tạo, năng lực chủ trì, điều hành nhiệm vụ khoa học và công nghệ, năng lực tổ chức hoạt độngkhoa học và công nghệ của Thủ đô.

- Việc nghiên cứu đề xuất Thành phố/Chính phủ công nhận/bổ nhiệm chức danh Tổng công trình sư các chương trình, dự án chiến lược quốc gia trong lĩnh vực KHCN có tác động quan trọng để tập hợp các chuyên gia, các nhà khoa học tập trung giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của Thủ đô và của đất nước.

(iii) Doanh nghiệp:

- Các dự án SXTN đều hướng tới hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, ứng dụng các CNC, công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất từ đó mà nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp sau khi hoàn thành quá trình ươm tạo sẽ thúc đẩy sự hình thành và phát triển doanh nghiệp KHCN có liên quan, góp phần phát triển thị trường KHCN, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh từ đó tạo ra nhiều cơ hội về việc làm, về đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn lao động chất lượng cao cho Thành phố.

(iv)Người dân:

- Được tiếp cận, thụ hưởng lợi ích chung từ việc triển khai, ứng dụng các sản

phẩm khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố, các dự án SXTN phục vụ cộng đồng, được tạo nhiều cơ hội để lựa chọncác sản phẩm khoa học và công nghệ với chất lượng CNC, giá thành thấp.

- Tăng thu nhập, tăng cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp liên quan đến việc nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, dự án SXTN.

c) Tác động về giới:các biện pháp có tác động tích cực (về cơ hội, điều kiện, năng lực và thụ hưởng lợi ích) đối với các chuyên gia, nhà khoa học nam, nữ được thu hút tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế- xã hội cấp bách của Thủ đô và người dân được thụ hưởng một cách bình đẳng lợi ích từ các kết quả nghiên cứu đó (việc làm, thu nhập, đào tạo...).

d) Tác động của thủ tục hành chính:

- Việc thực hiện biện pháp trao quyền tự chủ trong quản lý cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô sẽ sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thủ tục Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Việc thực hiện biện pháp Thành phố được thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô sẽ làm phát sinh TTHC liên quan đến xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô do các văn bản QPPL hiện hành chưa quy định về vấn đề này.

- Để thực hiện chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện sẽ phát sinh thủ tục hành chính trong việc lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để tiếp nhận việc chuyển giao nhằm triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô.

(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).

e)Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i)Đối với bộ máy nhà nước:không tăng tổ chức bộ máy quản lý KHCN nói chungnhưng cần có sự sắp xếp, kiện toàn cơ cấu bên trong, tinh giản các bộ phận quản lý hành chính các nhiệm vụ KHCN; tăng cường bộ phận quản lý, duy trì và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhất là các tổng công trình sư của thành phố; tăng cường và đổi mới phương pháp quản lý của bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển giao sản phẩm nghiên cứu KHCN, SXTN…

(ii) Các điều kiện bảo đảm thi hành:từ dự báo tác động kinh tế (chi phí- lợi ích) của Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức KHCN đều sẽ tăng đòi hỏi phải có quyết sách đúng đắn và kiên định của HĐNDThành phố trong việc bảo đảm tỉ lệ chi đến 2% NSNN cho KHCN theo lộ trình hợp lý giai đoạn 5 năm đầu sau khi

Luật có hiệu lực; các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động KHCN điều chỉnh phù hợp đầu tư cho nghiên cứu KHCN, SXTN, đổi mới, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo, đào lại nguồn nhân lực để tăng cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng tối đa các lợi ích do các giải pháp chính sách mới của Nhà nước tạo ra .

(iii) Tác động đến thực hiện Quyền cơ bản của công dân:về cơ bản, các tác động tích cực của Giải pháp 1 vẫn được bảo toàn.

Riêng đối với biện pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu công nghệ là sản phẩm của đề án SXTN do doanh nghiệp chủ trì với mức góp vốn tối thiểu 50% cần phải có quy định để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp: quyền sở hữu trí tuệ đối với giải pháp công nghệ, quyền được ưu tiên về thời điểm chuyển giao so với các tổ chức, cá nhân khác đăng ký nhận chuyển giao và có đủ các điều kiện khác.

(iv) Tác động đối với hệ thống pháp luật:một số cơ chế, biện pháp vượt trội để tạo cơ sở cho việc đạt được mục tiêu chính sách có tạo ra những sự khác biệt đối với các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Các biện pháp thu hút của Thủ đô đối với chuyên gia, nhà khoa học đề xuất tại giải pháp 2 phù hợp về nội dung ưu đãi quy định tại Điều 23 Luật KHCN năm 2013 về ưu đãi áp dụng đối với Nhà khoa học đầu ngành (khoản 2) và Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt (khoản 3) nhưng khác về đối tượng áp dụng, ở đây làáp dụng với các nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KHCN trọng điểm cấp thành phố.

- Biện pháp chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố hỗ trợ đến 50% tổng số vốn tạo sự khác biệt với quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật chuyển giao công nghệ và Luật quản lý, sử dụng tài sản công. Phương thức chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô cũng khác với quy định hiện hành tại hai đạo Luật trên.

7.4.3. Đánh giá tác động giải pháp 3

Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và các biện pháp khuyến khích áp dụng các cơ chế thí điểm thúc đẩy đổi mới sáng tạo:(1) Thí điểm triển khai mô hình tổ chức đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên được Thành phố chấp thuận;(2) Được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mô hình kinh tế mới.

Các tác động của Giải pháp 2 không có gì thay đổi nên phần này chỉ tập trung đánh giá tác động của biện pháp áp dụng các cơ chế thí điểm thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Dự kiến mô hình: đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành

phốvà huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên được Thành phố chấp thuận.

Thành phố đầu tư cho các dự án ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các cơ sở ươm tạo. Dự kiến ngân sách Thành phố hỗ trợ khoảng 30%-70% tổng số vốn mà dự án cần huy động (kinh nghiệm từ các nước có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tiên tiến như Israel), phần còn lại từ nguồn xã hội hóa (vườn ươm, doanh nghiệp, quỹ đầu tư tư nhân, vốn cộng đồng… do cơ sở ươm tạo huy động).

Chi phí thực hiện từ NSNN (dựbáo)

Tăng chi NSNN: Mỗi năm hỗ trợ 30 DA khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ với mức khoảng 3 tỷ/dự án. Tổng chi NSNN tăng giai đoạn 2026-2030: 3 tỷ x 30 DA x 5 năm = **450 tỷ đồng**

Giả thiết doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực KHCN có 50% là doanh nghiệp **siêu nhỏ,** 50% là doanh nghiệp **nhỏ** thì:

- Nguồn vốn bình quân của 01 doanh nghiệp là 15 tỷ đồng, thu hút được khoảng 4 lao động vớithu nhập bình quân của 01 lao động là 8,5 triệu đồng.
- Nguồn vốn bình quân của 01 doanh nghiệp nhỏ là 34 tỷ đồng, thu hút được khoảng 14 lao động vớithu nhập bình quân của 01 lao động là 9,66 triệu đồng[131].

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường gặp nhiều rủi ro về cả khía cạnh kỹ thuật, tài chính và pháp lý. Theo thống kê, có tới 80% các dự án khởi nghiệp thất bại, 25% doanh nghiệp mới không tồn tại quá 01 năm; tỷ lệ này chỉ còn 10% doanh nghiệp tồn tại sau 05 năm và chỉ có 6% trong năm thứ 10[132].

Giả thiết dự án khởi nghiệp do NSNN đầu tư cùng với vườn ươm tạo có độ thành công cao hơn, đạt 30% thì sau 5 năm, từ 150 dự án khởi nghiệp sẽ có 45 doanh nghiệpthành công. Như vậy với 450 tỷ đầu tư từ NSNN, trong 5 năm 2026-2030sẽ tạo ra 23 doanh nghiệp KHCN cỡ siêu nhỏ, 22 doanh nghiệp KH&CN cỡ nhỏ:

- 23 doanh nghiệp siêu nhỏ thu hút được 92 lao động, thu hút được nguồn vốn 345 tỷ đồng.
- 22 doanh nghiệp nhỏ thu hút được 308 lao động, thu hút được nguồn vốn 748 tỷ đồng.

Tổng cộng nguồn vốn thu hút được cho 45 doanh nghiệp là 1.093 tỷ đồng, gấp 2,4 lần vốn NSNN đầu tư.

a)Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

- Việc đầu tư cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo thông qua các cơ sở ươm

[131]Theo Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2021 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát hành.

[132]Nguồn:https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiettin.aspx?ItemID=1853&l=Nghiencuutraodoi#:~:text=Ch%C3%ADnh%20v%C3%AC%20th%E1%BA%BF%2C%20doanh%20nghi%E1%BB%87p,6%25%20trong%20n%C4%83m%20th%E1%BB%A9%2010

tạo sẽ giảm thiểu rủi ro, giảm thiểu thất bại của dự án.Các cơ sở ươm tạo cùng bỏ vốn đối ứng, do vậy sẽ lựa chọn kỹ càng dự án có tính khả thi cao để đầu tư. Một cách tổng thể, tỷ lệ thành công và hiệu quả đem lại (tạo ra công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới, việc làm mới, thu nhập, thuế, sự tiến bộ xã hội) sẽ lớn hơn phần vốn đầu tư đã bỏ ra.

- Việc thành lập các mô hình đầu tư mạo hiểm có sử dụng NSNN sẽ thu hút có hiệu quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ, từ đó thúc đẩy được tiềm lực khoa học và công nghệ của Thủ đô, tăng được số lượng doanh nghiệp spin-off, startup, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp CNC của thành phố. Các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công để sẽ tiếp tục huy động được nguồn vốn từ các quỹ đầu tư, từ cộng đồng… để mở rộng sản xuất kinh doanh (một số startup đã huy động được hàng trăm triệu đô từ các quỹ đầu tư)

- Đẩy mạnh hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Tạo cơ chế thông thoáng để thử nghiệm các cơ chế quản lý mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học: được gia tăng nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách và xã hội, cơ hội hợp tác cùng doanh nghiệp để nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới; đẩy mạnh việc hình thành các spin-off từ trường đại học, viện nghiên cứu…

(iii) Doanh nghiệp: gia tăng cơ hội hiện thực hóa ý tưởng thành sản phẩm thương mại, làm chủ công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới ưu việt, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp…

(iv) Người dân: có thêm nhiều cơ hội được sử dụng hàng hóa, dịch vụ ưu việt hơn, gia tăng cơ hội việc làm tốt, thu nhập cao. Chất lượng cuộc sống được nâng cao.

Tác động tiêu cực:đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo là lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đã phân tích ở trên. Hơn nữa, còn rất ít kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam về việc NSNNđầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua cơ sở ươm cũng như đầu tư của chính vườn ươm cho startup. Còn thiếu các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động này, do vây, trong giai đoạn hiện nay, mô hình đề xuất được thực hiện theo cơ chế sandbox (thử nghiệm có kiểm soát trong phạm vi xác định chặt chẽ về đối tượng, địa bàn, lĩnh vực áp dụng do Cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định). Một trong các yêu cầu sản phẩm đầu ra của giải pháp này là đề xuất xây dựng, hoàn thiện thể chế điều chỉnh hoạt động đầu tư mạo hiểm có sử dụng NSNN cho khởi nghiệp sáng tạo.

b)Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước: Phát huy được các nguồn lực ở cả khối công và tư đầu tư cho đổi mới sáng tạo; đặc biệt là trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố và hỗ trợ việc tiếp cận các nguồn lực cho khởi nghiệp sáng tạo gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:có điều kiện và được thu hút vào cùng nhà nước, Doanh nghiệp và xã hội thúc đẩy đổi mới sáng tạo,tại Thủ đô.

(iii) Doanh nghiệp: Tăng thu nhập, cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp thực hiện ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ có các sản phẩm tạo ra từ hoạt động ứng dụng công nghệ ươm tạo.

(iv) Người dân:Sự phát triển doanh nghiệp KHCN sẽ góp phần phát triển thị trường công nghệ. Từ đó tạo ra cơ hội đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố.

c) Tác động về giới: Giải pháp này có tác động tích cực về giới, góp phần bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới thông qua Hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trong đó nhiều chủ doanh nghiệp là nữ, người thuộc nhóm yếu thế, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo.

d)Tác động của thủ tục hành chính: Như giải pháp 2.

e. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Đối với bộ máy nhà nước:không tác động tăng, giảm tổ chức bộ máy, nhân sự của cơ quan quản lý nhà nước nhưng cần giao bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế mô hình, xây dựng thể chế và theo dõi, giám sát quá trình triển khai mô hình thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực.

(ii) Điều kiện bảo đảm thi hành: cần có cơ chế pháp lý cho phép thử nghiệm mô hình đầu tư mạo hiểm có sử dụng NSNN trong hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

(iii) Đối với việc thực hiện quyền công dân: cũng tương tự Giải pháp 2, các biện pháp của Giải pháp 3 phù hợp với quy định của Hiến pháp, các luật liên quan về quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực nghiên cứu KHCN, quyền được bảo hộ sở hữu trí tuệ…

(iv) Mức độ phù hợp với hệ thống pháp luật:Hiện nay việc đầu tư mạo hiểm có sử dụng NSNN cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mới được quy định trong Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mô hình thử nghiệm ở Giải pháp 3 về cơ bản phù hợp với quy định của Luật này.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: qua phân tích tác động tích cực, tiêu cực của các giải pháp, Giải pháp 3 là giải pháp được ưu tiên đề xuất lựa chọn để thực hiện được mục tiêu chính sách đặt ra.

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

8. CHÍNH SÁCH 8: PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI THỦ ĐÔ TOÀN DIỆN, BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG

8.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Phát triển hệ thống y tế Thủ đô

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa

bàn thành phố có nhiều đổi mới, tiến bộ và chất lượng không ngừng được nâng cao. Các bệnh viện, cơ sở y tế của Thành phố, cấp huyện và cấp xã được đầu tư nâng cấp. Thành phố cũng đang trực tiếp quản lý 41 bệnh viện trực thuộc. Có 01 Trung tâm Kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội thuộc Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn. Mạng lưới y tế công cộng, dự phòng, phục vụ công tác dịch tễ, chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh được hình thành gồm: 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội và 579 trạm y tế xã, phường thuộc 30 Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (trong đó, đã có 82,73% trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hệ thống y tế của Thành phố trong những năm qua, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đồng đều ở các tuyến; chưa giải quyết hiệu quả tình trạng quá tải ở một số bệnh viện và chuyên khoa tại các bệnh viện tuyến Thành phố. Công tác y tế dự phòng, nhất là ở cơ sở còn yếu và chưa thực sự bền vững. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống y tế Thành phố, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở còn thiếu thốn, nhiều nơi đã xuống cấp. Nhân lực y tế còn thiếu và yếu, tỷ lệ y bác sỹ của Thành phố trên số dân còn thấp, đặc biệt đối với các trạm y tế cấp xã, có nơi trên 60.000 dân cũng chỉ có tối đa 10 cán bộ y tế (trong khi với 10 cán bộ y tế chỉ phụ trách hiệu quả khoảng 13.000-15.000 dân). Chế độ đãi ngộ, thu nhập của lực lượng y tế nói chung, đặc biệt là y tế dự phòng, y tế cơ sở còn thấp dẫn đến việc khó tuyển dụng, thu hút nhân lực vào làm việc. Các quy định về bảo hiểm y tế, chế độ chi trả khám chữa bệnh, định mức kinh phí còn bất cập, không phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý, hoạt động các cơ sở y tế còn chưa phù hợp, chưa phát huy tính tự chủ, trách nhiệm, phát huy tốt nguồn nhân lực của ngành y tế.

Việc triển khai nguyên lý y học gia đình còn nhiều khó khăn: Từ năm 2019, Thủ đô Hà Nội đã triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm Y tế theo nguyên lý Y học gia đình và đã đưa số lượng trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình từ mức 47,8% số Trạm Y tế vào năm 2019 lên 82,73% Trạm Y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình vào cuối năm 2020. Tuy nhiên, các trạm y tế gặp nhiều thách thức trong triển khai kế hoạch này do thiếu bác sĩ có chất lượng phù hợp làm việc trực tiếp tại trạm y tế, nhất là trạm y tế xã (đây được coi là khó khăn lớn nhất). Tình trạng thiếu bác sỹ không chỉ diễn ra ở tuyến xã mà diễn ra cả ở tuyến huyện. Nhiều trạm y tế khang trang, không thiếu trang thiết bị nhưng cán bộ y tế lại chưa sử dụng thành thạo. Ngoài ra, việc thanh toán bảo hiểm y tế cũng còn nhiều khó khăn khi các dịch vụ chuyên sâu tại Trạm y tế chưa thể thanh toán bằng bảo hiểm y tế. Số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình còn khá hạn chế.[133]

b) Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững

Trong những năm qua, hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô nhìn chung được bảo đảm khá tốt; các chính sách

[133]Số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình hiện nay tại Thủ đô là 07, bao gồm 06 phòng khám chuyên khoa bác sỹ gia đình và 01 phòng khám đa khoa có bộ phận khám chữa bệnh triển khai hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

hỗ trợ an sinh xã hội của Nhà nước được thực hiện đúng, đủ và kịp thời. Thành phố cũng đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách đặc thù, riêng có của Thủ đô Hà Nội. Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã xây dựng 10.000 nhà ở cho người có công, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 7.565 nhà ở cho hộ nghèo. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 90%. Thủ đô Hà Nội cũng đã thực hiện tốt chủ trương "điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội nói chung và đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cơ sở bảo trợ xã hội nói riêng theo quy định chung của Chính phủ, có tính đến điều kiện ngân sách của Thành phố nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của đối tượng"[134]. Mức trợ cấp xã hội của Thủ đô Hà Nội trong những năm qua luôn triển khai theo đúng quy định của Trung ương, đồng thời Thủ đô Hà Nội cũng đã quy định mức chuẩn cao hơn quy định của Trung ương (440.000 đồng so với 360.000 đồng giai đoạn 2021-2025)[135]. Thành phố cũng ban hành chính sách đặc thù trợ cấp hàng tháng cho: người già yếu không có khả năng tự phục vụ; người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động; thanh niên xung phong không có khả năng lao động,sống cô đơn với mức trợ cấp cho các đối tượng này là 440.000đ/người/tháng. Ngoài ra, Thủ đô Hà Nội cũng tích cực thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội với đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội ngày càng được mở rộng[136], góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng yếu thế của xã hội. Toàn Thành phố hiện có 11 cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội[137], 21 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, 12 cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập, các cơ sở được tăng cường đầu tư cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng của các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở.

Thêm vào đó, thực hiện mục tiêu "*Giảm hộ nghèo bình quân 1,5-1,8% giai đoạn 2011-2015; 1,4-1,5% giai đoạn 2016-2020*"[138] và "*Không còn hộ nghèo và hộ tái nghèo theo tiêu chuẩn của thành phố* [139] giai đoạn 2021-2025, Thủ đô Hà Nội đã đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, giảm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo thành thị, nông thôn, miền núi. Thủ đô Hà Nội là nơi có tỷ lệ nghèo giảm nhanh nhất, giảm mạnh từ 7,52% đầu năm 2011 xuống còn 0,21% cuối năm 2020.

---

[134]Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê quyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030".

[135]Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội.

[136]Ngoài các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thành phố còn bổ sung 03 nhóm đối tượng bảo trợ xã hội đặc thù của Thành phố được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và 07 nhóm đối tượng được tiếp nhận vào các trung tâm bảo trợ xã hội của Thành phố.

[137]11 cơ sở trợ giúp xã hội này đang nuôi dưỡng trên 2.900 đối tượng bảo trợ xã hội (người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người lang thang…).

[138]Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê quyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030".

[139]Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) Đảng bộ thành phố Hà Nội.

Bảng 19:Tỷ lệ hộ nghèo Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020[140]

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Số hộ nghèo cuối năm (hộ)	44.412	32.619	23.289	8.754	4.463
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	2,3	1,69	1,16	0,42	0,21

Năm 2021, Thủ đô Hà Nội quy định mức chuẩn nghèo mới giai đoạn 2021-2025[141] với chuẩn nghèo của Thủ đô Hà Nội cao hơn mức chuẩn nghèo đa chiều của cả nước[142]. Đến cuối năm 2021, Thành phố còn 956 hộ nghèo theo chuẩn nghèo 2016-2020, đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống còn khoảng 0,04%[143]. Trong năm 2021, Thành phố có thêm 05 địa phương không còn hộ nghèo, nâng số địa phương không còn hộ nghèo là 19/30 quận, huyện[144]. Kết quả tổng rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo 2022-2025 đến nay có: Hộ nghèo là 3.612 hộ (chiếm 0,16%); Hộ cận nghèo là 30.176 hộ (chiếm 1,38%). Những chính sách giảm nghèo đã được Thành phố triển khai gồm: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho 100% hộ nghèo; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo; hỗ trợ hộ nghèo tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây - con giống, tập huấn nâng cao kiến thức, học tập các mô hình giảm nghèo hiệu quả; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, xã, thôn đặc biệt khó khăn…; ban hành và triển khai một số chính sách đặc thù như: hỗ trợ hộ nghèo vay vốn với phí chỉ 0,3%/tháng; trợ cấp cho người già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo, không có khả năng lao động thoát nghèo; hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo; hỗ trợ kinh phí phẫu thuật tim cho trẻ em nghèo bị tim bẩm sinh; tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm cho 100% hộ nghèo; xây mới, sửa chữa nhà cho hộ nghèo v.v.[145], Thủ đô Hà Nội hiện cơ bản không còn gia đình người có công với cách mạng, hộ nghèo

---

[140]Theo Báo cáo 1718/BC-SLĐTBXH ngày 02/4/2021 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Hà Nội về "Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghòe bền vững giai đoạn 2016-2020".

[141]Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

[142]UBND thành phố quy định rõ 2 tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, áp dụng trên địa bàn thành phố. Cụ thể, tiêu chí về thu nhập đo lường nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn là 2 triệu đồng/người/tháng; khu vực thành thị là 2,5 triệu đồng/người/tháng.Tiêu chí mức độ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản, gồm: Các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin); các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình, dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em...); dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ cơ bản và ngưỡng thiếu hụt trong chuẩn nghèo đa chiều.

[143]Báo cáo 314/BC-SLDTBXH ngày 19/01/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về "Đánh giá tình hình thực hiện công tác lao động, người có công và xã hội năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022".

[144]Bao gồm: Cầu Giấy, Ba Đình, Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Đống Đa, Bắc Từ Liêm, Long Biên, Đan Phượng, Sóc Sơn, Thanh Trì, Thường Tín, Phúc Thọ.

[145]Ngày 08/12/2021, HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2022-2025.

có nhà ở xuống cấp, hư hỏng nặng.

Mặc dù vậy, hệ thống an sinh xã hội của Thành phố vẫn còn một số hạn chế sau: Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị chậm cải thiện; việc huy động nguồn lực xã hội cho công tác an sinh xã hội còn hạn chế; đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác xã hội chưa phát triển, việc quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ chưa đúng mức; các hình thức trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện tự nguyện[146] của khu vực tư nhân chưa được hỗ trợ phát triển; các cơ sở trợ giúp xã hội chưa phát triển mạnh, việc khuyến khích đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực an sinh xã hội còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng, điều kiện của Thủ đô; tốc độ đô thị hóa nhanh, di cư tự do, dịch chuyển việc làm gây áp lực cho khu vực đô thị trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội và đảm bảo quyền thụ hưởng chính sách an sinh xã hội của người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Độ bao phủ đối tượng bảo trợ xã hội còn thấp, nhiều đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhưng chính sách bảo trợ xã hội chưa với tới được.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nâng cao năng lực, xây dựng hệ thống y tế Thủ đô ngày càng phát triển, hiện đại, hướng tới mục tiêu chăm sóc toàn diện, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bền vững, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn, giảm nghèo bền vững tiến tới phát triển bền vững.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề bất cập

a)Giải pháp 1: Giữ nguyên như chính sách hiện hành.

b)Giải pháp 2: Thực hiện các giải pháp chính sách sau:

b.1. Quy định các biện pháp ưu đãi về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp và các biện pháp khác để tăng cường xã hội hóa y tế và phát triển hệ thống an sinh xã hội:

b.1.1. Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, áp dụng thuế suất 5% hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, dược phẩm và trang thiết bị y tế.

b.1.2.Ưu đãi cho cơ sở trợ giúp xã hội; tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy, cụ thể: Các cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức, cá nhân

---

[146]Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hà Nội có 03 cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện ngoài công lập (với 32 phòng có tổng diện tích là 636m^2) đã được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động theo Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ với nhiệm vụ chủ yếu là cắt cơn, giải độc cho người cai nghiện tự nguyện từ các địa phương trên cả nước (giai đoạn 2013-2021, các cơ sở này đã tiếp nhận điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho 8.171 lượt người).

trong và ngoài nước đầu tư đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy được **miễn tiền sử dụng đất** khi thành lập, **miễn thuế thu nhập doanh nghiệp** khi hoạt động nhằm khuyến khích phát triển hệ thống trợ giúp xã hội ngoài công lập làm công tác tư vấn, hỗ trợ, điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện. Các cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy được vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập. Thành phố quy định chính sách khuyến khích đối với doanh nghiệp tiếp nhận người sau cai nghiện ma túy vào làm việc.

b.1.3. Khuyến khích doanh nghiệp đóng góp, ủng hộ, tài trợ các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai, khen thưởng động viên các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy. Tiền đóng góp của doanh nghiệp cho hoạt động trợ giúp xã hội và ủng hộ, tài trợ được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

b.2. Thành phố được quy định các chính sách đặc thù để phát triển hệ thống y tế cơ sở và dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình:

b.2.1. Quy định khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình có tính bắt buộc (đối với khám chữa bệnh ban đầu), lộ trình thực hiện phù hợp với sự phát triển của hệ thống y học gia đình.

b.2.2. Quy định chế độ đãi ngộ, cơ chế tài chính, quy định về khám chữa bệnh và chế chế chi trả bảo hiểm y tế phù hợp nhằm duy trì đội ngũ cán bộ y tế (đặc biệt là các bác sĩ) làm việc tại các trạm y tế cơ sở của Thủ đô thực hành nguyên lý y học gia đình để chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

b.2.3. Quy định về cơ chế tài chính, dịch vụ khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế phù hợp để khuyến khích phát triển đội ngũ bác sỹ làm việc cho cơ sở y tế tư nhân thực hiện nguyên lý y học gia đình liên thông, kết nối và bổ trợ với hệ thống y tế hiện hành.

b.3. Thành phố được quy định chính sách phát triển nhân lực y tế dự phòng ngoài những quy định hiện hành (chế độ làm việc, mức lương…) để thực hiện hiệu quả công tác cảnh báo, giám sát phát hiện bệnh truyền nhiễm, chủ động triển khai các biện pháp chống dịch và kiểm soát phòng chống bệnh không lây nhiễm[147].

b.4. Thành phố quyết định mức chi, nội dung chi cho an sinh xã hội cao hơn và phạm vi đối tượng được thụ hưởng rộng hơn so với quy định chung, tiến tới bao phủ toàn dân.

b.5. Thành phố quyết định việc hỗ trợ lãi suất ưu đãi cho các đối tượng thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo, đối tượng chính sách vay vốn ngân hàng chính sách xã hội, giải quyết việc làm.

c. Giải pháp3: Bao gồm các giải pháp trong Giải pháp 2 và giải pháp: "Thành

[147]Chẳng hạn, được hợp đồng với các bác sĩ, dược sĩ đã nghỉ hưu.

phố quy định biện pháp khuyến khích việc huy động nguồn lực xã hội để nâng mức hỗ trợ đối với người có công, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, trợ giúp xã hội trong thiên tai, dịch bệnh".

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

8.4.1. Giải pháp 1

a)Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực: Thời gian qua, Nhà nước đã quan tâm tập trung đầu tư nguồn lực rất lớn cho ngành y tế, an sinh xã hội, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, ổn định trật tự xã hội. Giai đoạn 2015-2020, tỷ trọng chi thường xuyên lĩnh vực y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình của Thủ đô Hà Nội tăng hằng năm, từ mức 2,6% vào năm 2015 lên 4,4% vào năm 2020. Ngân sách Thành phố tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị cho y tế nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân. Thực hiện giải pháp này, ngân sách Thành phố không bị thâm hụt các khoản thu từ thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực y tế… Đối với công tác an sinh xã hội, tỷ trọng chi NSNN cho đảm bảo xã hội trên tổng chi NSNN của Thành phố tăng hằng năm từ mức 2,0% vào năm 2015 lên 4,3% vào năm 2020. Thực hiện giải pháp giữ nguyên như hiện nay, ngân sách Thành phố không phải chi thêm cho y tế và các chương trình an sinh xã hội, do vậy dễ cân đối ngân sách hơn.

Tác động tiêu cực:Nếu vẫn giữ nguyên như hiện tại, Thành phố sẽ không thực hiện được yêu cầu xây dựng hệ thống y tế theo hướng vừa chuyên sâu vừa phổ cập, xây dựng các cơ sở y tế chất lượng cao, thông minh; không thực hiện được yêu cầu nâng cao chất lượng hệ thống y tế cơ sở để cung cấp dịch vụ y tế "dự phòng" từ sớm, từ xa cho người dân để giảm tỷ lệ mắc bệnh, giảm tỷ lệ tử vong... Hệ thống an sinh xã hội của Thành phố cũng không giải quyết được những vấn đề đặt ra như đã trình bày ở trên.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực: Đối với người dân, doanh nghiệp đều không nhận được thêm tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

Tác động tiêu cực: Giải pháp này không tạo được môi trường đầu tư hấp dẫn để gia tăng đầu tư vào lĩnh vực này nhất là khi lượng vốn đầu tư ban đầu để xây dựng hạ tầng, trang thiết bị y tế là rất lớn.

Một số người dân sẽ phải chịu thêm chi phí đi lại, ăn ở, khám chữa bệnh vượt tuyến. Khi thiếu các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, những người có điều kiện về kinh tế có xu hướng tìm kiếm cơ sở chữa bệnh ở nước ngoài, gây thất thu cho nhà nước, chảy máu ngoại tệ.

Một số đối tượng cần trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh sẽ không được hỗ trợ ở mức cần thiết do những giới hạn về đối tượng

được thụ hưởng và giới hạn trong mức chi ngân sách hiện tại.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực: Không có thay đổi về mặt xã hội.

Tác động tiêu cực: Mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn, giảm nghèo bền vững nhìn chung không thể đạt được. Bên cạnh đó, khi thu nhập bình quân đầu người của người dân ngày càng gia tăng, nhu cầu quản lý, chăm sóc sức khỏe và nhu cầu tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, gây quá tải cho hệ thống các bệnh viện tuyến trên và các cơ sở điều trị chuyên sâu.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

Tác động tích cực: Không có thay đổi tích cực rõ rệt đối với người dân và doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực: Việc thiếu vắng các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao cùng với sự kém phát triển của hệ thống y tế cơ sở sẽ không đáp ứng được nhu cầu tiếp cận dịch vụ y tế, khám chữa bệnh ngày càng đa dạng của người dân.

Giữ nguyên chính sách an sinh xã hội hiện tại sẽ không đảm bảo quyền thụ hưởng chính sách an sinh xã hội của mọi người dân, đặc biệt là đối với một số nhóm đối tượng dễ bị tổn thương chưa được bao phủ bởi hệ thống an sinh xã hội hiện tại.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực: Không có thay đổi đối với tác động về bình đẳng giới.

Tác động tiêu cực:Không nhận thấy tác động tiêu cực về bình đẳng giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không đòi hỏi có sự thay đổi trong hệ thống pháp luật hiện hành.

8.4.2.Giải pháp 2

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:NSNN sẽ giảm bớt gánh nặng, giảm bớt nguồn chi cho việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và đầu tư cho hệ thống y tế. Việc xây dựng các cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp, tạo môi trường làm việc thuận lợi sẽ khích lệ đội ngũ y, bác sĩ yên tâm công tác, gắn bó và đóng góp nhiều hơn nữa cho y tế cơ sở, giải quyết bài toán khan hiếm nguồn nhân lực và chảy máu chất xám (nhất là với tuyến y tế cơ sở). Đội ngũ nhân lực y tế dự phòng được quan tâm

đầu tư hơn nữa bên cạnh những chế độ hiện hành.

Giải pháp này cũng góp phần giảm gánh nặng cho NSNN chi cho các chương trình an sinh xã hội do huy động thêm được nguồn lực xã hội cho hệ thống an sinh xã hội.

Tác động tiêu cực: Việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc các ưu đãi về cho thuê đất… có thể khiến cho nguồn thu cho NSNN từ tiếp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thu từ đất của các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực y tế, an sinh xã hội giảm trong ngắn hạn. Việc tăng chi trong công tác đãi ngộ, phát triển nguồn nhân lực y tế công cộng có đủ năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao hơn về chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng làm tăng thêm chi phí cho NSNN. Tuy nhiên, về dài hạn, hoạt động này có thể đảm bảo tăng nguồn thu qua việc xuất hiện ngày càng nhiều hơn các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao hoạt động hiệu quả.

Về an sinh xã hội, việc thực hiện chính sách này có thể gia tăng chi NSNN dành cho an sinh xã hội khi mức chi cho từng đối tượng được tăng lên và số lượng đối tượng được thụ hưởng cũng tăng thêm. Thực hiện chính sách này cũng làm gia tăng chi NSNN khi nhà nước phải bù lãi suất ưu đãi cho các đối tượng thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo, đối tượng chính sách vay vốn ngân hàng chính sách xã hội, giải quyết việc làm. Trong thực tế, những năm gần đây, Thủ đô Hà Nội đã quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn của Trung ương, cụ thể:

Bảng 20: Mức chuẩn trợ giúp xã hội của Trung ương và Thủ đô Hà Nội

Thời điểm	Trung ương (TW)	Thủ đô Hà Nội	Tỷ lệ chênh lệch của Hà Nội so với TW
	Mức chuẩn (1000 đ)	Mức chuẩn (1000 đ)	
01/2009	120	150	125%
10/2009	120	250	208%
4/2010	180	250	139%
8/2011	180	350	194%
01/2015	270	350	130%
9/2021	360	440	122%

Nguồn: Tổng hợp, tính toán của Viện NCPT KT-XH Hà Nội

Căn cứ quy định hiện hành của Trung ương[148], chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng hàng năm, khả năng cân đối ngân sách và sau khi tham khảo mức chuẩn trợ giúp xã hội của một số tỉnh, thành phố; HĐND Thành phố phê duyệt mức chuẩn

[148]Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

trợ giúp xã hội của Thủ đô Hà Nội là 440.000 đồng/tháng[149]. Về phạm vi đối tượng được thụ hưởng, ngoài các đối tượng được quy định trong Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thủ đô Hà Nội quy định thêm các đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ, cụ thể:

a. Đối tượng đang được hưởng trợ cấp, hỗ trợ theo các chính sách đặc thù của Thành phố bao gồm: (1) Đối tượng đang được hưởng trợ cấp, hỗ trợ tại cộng đồng như người mắc bệnh hiểm nghèo,[150] và người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo;[151] (2) Đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội như: Người lang thang[152], người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo[153]; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo[154].

b. Đối tượng được đề nghị bổ sung ngoài quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP:

(1) Đối tượng được trợ cấp tại cộng đồng: nhóm trẻ em; người từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang học văn hoá, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, học đại học văn bằng thứ nhất; các đối tượng này thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; (ii) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại động đồng và người còn lại thuộc các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; (iii) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

(2) Đối tượng đề xuất tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Trẻ em thuộc một trong các trường hợp sau đây mà quá khó khăn, có

---

[149]Nghị quyết số: 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố Hà Nội về quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của Thành phố Hà Nội.

[150]Bao gồm người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố).

[151]Nghị quyết số 03/2017/NQ- HĐND ngày 03/7/2017.

[152]Người lang thang xin tiền; người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10° c; người mắc bệnh tâm thần lang thang và người lang thang ốm yếu suy kiệt chưa xác đinh được địa chỉ (Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND Thành phố về việc thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội).

[153]Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

[154]Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

nguyện vọng được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội: (i) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; (ii) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại động đồng và người còn lại thuộc các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; (iii) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

- Trẻ em là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo thuộc một trong các trường hợp sau: Có cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích; hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (hoặc đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc).

- Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS từ đủ 16 tuổi trở lên đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp: trẻ em có nguy cơ bị bạo lực gia đình; bị xâm hại tình dục, thân thể.

Với chính sách đề xuất như trên, kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ khi tăng mức chuẩn sẽ như sau:

Bảng 21: Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ khi tăng mức chuẩn

TT	Nội dung	Theo quy định hiện hành (VNĐ)	Mức chuẩn 440.000 VNĐ và mở rộng đối tượng			Chênh lệch		
			Tổng số (VNĐ)	Trong đó		Chênh lệch do tăng chuẩn + mở rộng đối tượng	Chênh lệch chuẩn mới so với chuẩn cũ	Chênh lệch mở rộng đối tượng so với đối tượng đặc thù hiện hành
				Kinh phí thực hiện chính sách đối với các đối tượng BTXH mở rộng so với NĐ 20 và chính sách đặc thù của TP (VNĐ)	Kinh phí thực hiện mức chuẩn			
A	**B**	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=2-l	(6)=4-l	(7)
	Tổng cộng	**1.196.409**	**1.563.308**	**52.557**	**1.510.751**	**366.899**	**343.503**	**23.396**
1	Trợ cấp hàng tháng tại cộng	1.154.736	1.498.453	49.178	1.449.276	343.717	323.701	20.016

	đồng							
2	Nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội	41.672	64.854	3.379	61.475	23.182	19.803	3.379

Nguồn: Tổng hợp, tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội

So với mức chuẩn 360.000 đồng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cả nước có một số tỉnh, thành có mức chuẩn hiện hành cao hơn mức chuẩn Trung ương như: Hải Phòng (1,4 lần mức quy định của Chính phủ, tương đương 504.000 đồng); Vĩnh Phúc (30% lương tối thiểu, tương đương 400.000 đồng); Quảng Nam (405.000 đồng); Bình Dương (400.000 đồng), Thành phố Hồ Chí Minh (480.000 đồng); Quảng Ninh (500.000 đồng); Bà Rịa - Vũng Tàu (450.000 đồng); Đà Nẵng (400.000 đồng); Hải Dương (380.000 đồng).

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực: Việc thực hiện các biện pháp ưu đãi về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, vay vốn với lãi suất ưu đãi…góp phần thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội. Việc thực hiện chính sách này sẽ giúp người dân có thêm cơ hội tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao mà không phải ra nước ngoài khám, chữa bệnh, qua đó, tiết kiệm được chi phí khám chữa bệnh ở nước ngoài. Từ đó, người dân thêm tin tưởng vào chất lượng dịch vụ, chất lượng khám, chữa bệnh trong nước. Thêm vào đó, khi duy trì được đội ngũ cán bộ y tế ở các trạm y tế của Thủ đô thực hành nguyên lý y học gia đình, người dân được khám bệnh, chữa bệnh, được tư vấn điều trị và chăm sóc sức khỏe hiệu quả ngay tại địa phương mà không phải lo vượt tuyến.

Đối với người dân là đối tượng được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội mới, sẽ có thêm nguồn thu nhập để cải thiện mức sống hiện tại. Mức thu nhập tăng thêm sẽ tùy theo đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ cụ thể; giúp các đối tượng chính sách có điều kiện tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi để làm kinh tế, cải thiện thu nhập cho gia đình, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương.

Tác động tiêu cực: Nhìn chung không có tác động tiêu cực đối với người dân và doanh nghiệp.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:*Giúp giảm tải đối với hệ thống y tế hiện tại của Thành phố, đặc biệt đối với hệ thống bệnh viện công và các bệnh viện tuyến trên.* Thủ đô Hà Nội hiện có 111 bệnh viện, trong đó có 41 bệnh viện công lập, 39 bệnh viện ngoài công lập, 31 bệnh viện trung ương, bộ, ngành đóng trên địa bàn và 3.587 phòng khám tư nhân với đầy đủ các hình thức tổ chức hành nghề từ đa khoa đến chuyên khoa. Chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao tạo điều kiệnnâng cao số lượng các đơn vị cung

ứng dịch vụ y tế, tăng cường hơn nữa vai trò của khu vực tư nhân trong lĩnh vực y tế để hỗ trợ giảm tải cho hệ thống y tế công trong điều trị khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của người dân, đồng thời đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân phù hợp khả năng tài chính của người bệnh (một bộ phận người dân thu nhập cao mong muốn được chăm sóc y tế ở cơ sở điều trị có cơ sở vật chất tốt, hiện đại).

Đầu tư phát triển thêm các cơ sở khám chữa bệnh đồng thời giúp tăng đội ngũ nhân lực y tế; tạo môi trường làm việc đúng chuyên môn cho những người được đào tạo ngành y; tăng số lượng bác sỹ và giường bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân Thủ đô. Hiện nay, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân của Thủ đô Hà Nội qua các năm: giai đoạn năm 2011-2015 trung bình 21,1; năm 2016 là 21,4; năm 2017 là 23,3; năm 2018 là 24,5; năm 2019 là 26,7; năm 2020 là 27,1. Số bác sỹ/vạn dân cũng tăng dần những năm gần đây: trung bình giai đoạn 2011-2015 là 12,7; năm 2019 là 13,4; năm 2020 là 13,5; năm 2021 đạt 13,7. Đây là tỷ lệ khá cao so với mức trung bình của cả nước. Tuy nhiên, so với nhu cầu thực tế và so với tỷ lệ trung bình là 33 bác sĩ/10.000 dân ở các nước phát triển (26 tại Mỹ và 24 tại Nhật Bản) thì đây là mức khá khiêm tốn.

- *Tác động khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập tham gia hỗ trợ trong công tác khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn Thành phố:* Việc quy định biện pháp khuyến khích phát triển đội ngũ bác sỹ làm việc cho cơ sở y tế tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình liên thông, kết nối và bổ trợ với hệ thống y tế hiện hành sẽ giúp Thành phố huy động hiệu quả nguồn lực y tế tư nhân, góp phần nâng cao chất lượng khám, chưa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân. Tuy nhiên, số cơ sở tư nhân có thực hiện nguyên lý học gia đình cũng như đội ngũ bác sỹ gia đình còn rất khiêm tốn. Việc thực hiện chính sách đặc thù phát triển dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình cũng có thể giúp người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao thông qua hệ thống y, bác sỹ giỏi chuyên môn ở khu vực ngoài công lập.

- *Xây dựng đội ngũ y tế cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng và duy trì ổn định về số lượng để hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyến đầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt trong công tác phòng chống dịch bệnh:* Chính sách "quy định chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm duy trì đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là các bác sĩ làm việc tại các trạm y tế của Thủ đô" sẽ hạn chế tình trạng chảy máu chất xám nguồn nhân lực tại bệnh viện công, thu hút và giữ chân cán bộ y tế xã, phát triển nhân lực y tế dự phòng. Theo thống kê, để đào tạo bác sỹ công lập chính quy mất 5 năm, sau đó tiếp tục phải đào tạo thêm 2-5 năm nữa mới cho ra bác sỹ có thể hành nghề, chất lượng cao. Có thể nói, chính sách đãi ngộ đối với với các y, bác sỹ hiện nay chưa phù hợp, thu nhập thấp, không đủ thu hút cán bộ y tế: hợp đồng lao động theo quy định đối với với các y, bác sỹ hiện nay là 85% lương của 2.34, có bổ sung chế độ trực, tuy nhiên, không đáng kể so với mức lương làm tư nhân hiện nay. Đối với các trạm y tế cấp xã, tỷ lệ cán bộ y tế cũng rất thấp, có nơi 60.000 dân cũng chỉ có tối đa 10 cán bộ (theo quy định 10 cán bộ y tế chỉ phụ trách hiệu quả khoảng 13.000 - 15.000 dân). Vì vậy, để thu hút và duy trì được lực lượng cán bộ y tế làm công tác dự phòng việc quy định chế độ làm việc, mức lương,

thưởng hợp lý sẽ có vai trò rất quan trọng tạo động lực, khuyến khích, động viên và duy trì hoạt động hiệu quả của đội ngũ này.

- *Để khuyến khích phát triển hệ thống trợ giúp xã hội ngoài công lập làm công tác tư vấn, hỗ trợ, điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện, thì việc quy định các chế độ ưu đãi đối với các cơ sở cai nghiện tự nguyện là rất cần thiết*. Khi có nhiều hơn các cơ sở cai nghiện tự nguyện được thành lập, các cơ sở này sẽ thu hút số người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy tham gia các dịch vụ điều trị, cai nghiện ma túy. Điều này sẽ giảm áp lực cho các cơ sở công lập và nhà nước sẽ giảm kinh phí cho hoạt động của các cơ sở công lập. Các cơ sở ngoài công lập cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ, vì vậy mà phù hợp với nhu cầu của người nghiện ma túy trong khi các cơ sở công lập thường không thể cung cấp các dịch vụ này. Việc thực hiện giải pháp này sẽ khuyến khích tăng số lượng các cơ sở ngoài công lập tham gia cùng Thành phố tham gia công tác tuyên truyền, tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy; giảm được áp lực của Thành phố trong việc quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy tại cộng đồng và công tác cai nghiện ma túy tập trung; tăng số lượng cơ sở ngoài công lập tham gia cùng Thành phố tham gia công tác tuyên truyền, tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy; giảm áp lực cho Thành phố trong việc quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy tại cộng đồng và công tác cai nghiện ma túy tập trung.

- *Quy định kể trên cũng giúp giải quyết được các vấn đề xã hội mà chính sách chung của Nhà nước không thể giải quyết.* Việc ưu đãi, hỗ trợ, nhằm thành lập các cơ sở cai nghiện ngoài công lập giúp giải quyết được các vấn đề xã hội mà chính sách chung của Nhà nước không thể giải quyết nhu cầu của người có thu nhập cao hơn mặt bằng xã hội, tính linh hoạt trong việc thực hiện hài hòa lợi ích của các chủ thể có liên quan; phát triển được mạng lưới trợ giúp xã hội tại cộng đồng, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong các chính sách xã hội.

Tác động tiêu cực: Không nhận thấy tác động tiêu cực về mặt xã hội.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

Tác động tích cực:

- *Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống y tế thành phố, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng cao trong quản lý và chăm sóc sức khỏe của người dân:* Tăng cường xã hội hóa y tế, đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, dược phẩm và trang thiết bị y tế giúp bù đắp thiếu hụt về tài chính, mở rộng cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân. Chính sách xã hội hóa y tế đúng đắn có thể làm thay đổi hệ thống chăm sóc sức khỏe của Thủ đô nhờ áp dụng các kỹ thuật mới, hiện đại giúp nâng cao chất lượng chuyên môn, đưa trình độ y tế Thủ đô tiệm cận dần chuẩn mực ở các nước trong khu vực và thế giới. Người dân được hưởng lợi nhờ chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, nhiều bệnh phức tạp có thể được điều trị trong nước với chi phí thấp hơn nhiều lần khi điều trị tại nước ngoài. Quá trình khám chữa bệnh sử dụng thiết bị y tế hiện đại giúp giảm thời gian phát hiện, điều trị bệnh cũng như quá trình phục hồi sức khỏe của bệnh nhân. Trong lĩnh vực dược phẩm người dân

cũng được hưởng lợi nhiều với nguồn cung ứng thuốc phong phú, đa dạng hơn, chữa bệnh hiệu quả với chi phí rẻ và sẵn có.

Việc thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa y tế làm thay đổi nhận thức của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong việc huy động vốn để có trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn, không chỉ trông chờ vào nguồn NSNN, qua đó, giúp các cơ sở khám bệnh công lập phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, phát hiện sớm, chính xác bệnh tật, giảm tỷ lệ tử vong. Cán bộ y tế được đào tạo bài bản, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học về y học, chủ động trong việc tiếp nhận, chuyển giao kỹ thuật chuyên môn sâu, kỹ thuật chuyên khoa trong điều trị bệnh và phòng bệnh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao được thực hiện làm cho trình độ kỹ thuật y tế dần tiến bộ ngang với các nước tiến tiến trong khu vực.

Vì vậy, việc tiếp tục khuyến khích huy động nguồn lực xã hội xây dựng cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng khám chữa bệnh của hệ thống y tế Thủ đô. Việc phát triển kỹ thuật cao trong khám, chữa bệnh cũng góp phần giảm thiểu sai sót chuyên môn, mang lại hiệu quả thiết thực, làm tăng cơ hội để người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao.

- *Nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe ban đầu của tuyến y tế cơ sở và vai trò là cánh tay nối dài của hệ thống y tế trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh.* Chính sách đặc thù phát triển hệ thống y tế cơ sở và dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình sẽ nhân rộng và đẩy mạnh hơn nữa mô hình y tế theo nguyên lý y học gia đình giúp các trạm y tế làm tốt hơn vai trò "người gác cổng" trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đồng thời cũng khuyến khích khu vực tư nhân cùng tham gia hỗ trợ tuyến y tế cơ sở trong hoạt động phòng bệnh và khám chữa bệnh.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, khi triển khai thành công sẽ mang lại nhiều hiệu quả như: giảm tỉ lệ bệnh nặng, tăng sự hài lòng của người dân về các dịch vụ y tế, bảo đảm công bằng trong chăm sóc y tế và giảm nghèo, tăng tuổi thọ người dân; chăm sóc hiệu quả cho người mắc các bệnh mạn tính, những bệnh nhẹ, tránh tốn kém tiền bạc, tránh bị bệnh nặng mới đi chữa bệnh gây tốn kém chi phí điều trị của người bệnh cũng như của xã hội. Đồng thời, cũng giúp giảm gánh nặng điều trị và tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên.

Hiện nay, do những thay đổi nhanh chóng về nhu cầu chăm sóc sức khỏe: già hóa dân số, gia tăng tỷ lệ người béo phì, tăng nhanh các bệnh mạn tính không lây nhiễm, ô nhiễm môi trường, thay đổi lối sống... đòi hỏi những cách tiếp cận mới trong chăm sóc sức khỏe. Khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình là sự phát triển nâng cấp bác sĩ đa khoa, giúp chăm sóc sức khỏe một cách toàn diện cả về thể chất, tâm lý và tinh thần, quản lý sức khỏe và duy trì mối quan hệ bền vững với người bệnh. Đây là hình thức khám chữa bệnh rất có hiệu quả và phù hợp với tuyến y tế cơ sở là nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu, trực tiếp và gần người

dân nhất.

- Với công tác cai nghiện ma túy, có thể thấy, việc cai nghiện ma túy đòi hỏi phải đầu tư khá nhiều tiền cho việc cắt cơn, giải độc, quản lý, tư vấn hỗ trợ hòa nhập, tuy nhiên nếu sau hoàn thành cai nghiện mà người từng nghiện ma túy không có việc làm thì người sau cai dễ chán nản, dễ quay trở lại sử dụng chất ma túy và tái nghiện, sau đó lại đi cai nghiện. Vì thế, bố trí việc làm cho người sau cai đóng vai trò quyết định cho thành công của quá trình cai nghiện. Việc này chỉ có thể thực hiện được nếu doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận, tạo cơ hội việc làm cho người sau cai. Việc được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Thành phố sẽ gián tiếp giúp doanh nghiệp kinh doanh phát triển hơn, trên cơ sở đó có thêm động lực tiếp nhận người sau cai vào làm việc, góp phần chấm dứt vòng lặp của người nghiện ma túy: cai nghiện, tái nghiện và cai nghiện.

- Trong hệ thống chính sách cho công tác phòng chống ma túy hiện nay, với nguồn lực hạn chế, NSNN không đảm bảo duy trì mọi chính sách cần thiết dành cho các hoạt động này. Việc huy động thêm nguồn lực xã hội tham gia để tăng cường nguồn lực cho công tác phòng chống ma túy là cần thiết. Việc huy động thêm nguồn lực xã hội cho công tác này góp phần giải quyết được các khoảng trống về chính sách trong công tác phòng chống ma túy, khuyến khích toàn xã hội tham gia với việc khuyến khích các việc làm tốt, mô hình hay, hiệu quả trong công tác hỗ trợ người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy. Việc thực hiện chính sách này cũng góp phần thay đổi quan điểm tiếp cận quản lý người sau cai nghiện ma túy. Hiện nay, việc quản lý người cai nghiện được thực hiện bằng biện pháp hành chính (khai báo, trình diện, kiểm điểm v.v.). Biện pháp này không thực sự hiệu quả bởi không ít người sau cai có xu hướng khai báo gian dối, né tránh kiểm tra giám sát của chính quyền. Biện pháp bố trí việc làm cho người sau cai bằng chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia xử lý các vấn đề của người sau cai (hỗ trợ dạy nghề để họ có cách mưu sinh, có việc làm tạo ra của cải vật chất cho xã hội và có thu nhập chân chính) cùng với gia đình, chính quyền phối hợp thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết là giải pháp khá hợp lý.

- Việc quy định "*Thành phố quyết định mức chi, nội dung chi cho an sinh xã hội cao hơn và phạm vi đối tượng được thụ hưởng rộng hơn so với quy định chung, tiến tới bao phủ toàn dân*" sẽ giúp Thủ đô Hà Nội thực hiện công tác an sinh xã hội tốt hơn và phù hợp hơn với đặc thù của Thủ đô Hà Nội; đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội; phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách.

Về việc làm, việc thực hiện chính sách theo giải pháp 2 sẽ góp phần gia tăng tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn Thành phố: Thực tế cho thấy, khi kế hoạch Thành phố đề ra phấn đấu trung bình mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 135-140 nghìn người giai đoạn 2011-2015 và 155-160 nghìn người giai đoạn 2016-2020, thành phố đều đạt và vượt kế hoạch. Toàn Thành phố đã giải quyết việc làm

cho 1.566.192 người[155], trong đó giải quyết việc làm cho 328.203 người từ việc xét duyệt cho vay vốn từ nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền 8.378,731 tỷ đồng; đưa 29.963 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Năm 2021, toàn Thành phố giải quyết việc làm cho 179.648/160.000 lao động, tỷ lệ thất nghiệp lao động trong độ tuổi khu vực thành thị ở mức 3,97%.

Các chương trình tín dụng chính sách giải ngân từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, nhất là nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn của Thành phố, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Hiệu quả đạt được của nguồn vốn cho vay đã góp phần thu hút, tạo việc làm ổn định, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, đẩy lùi tín dụng đen trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng mất đất sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế...; góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân nói chung và của nông dân tại địa bàn 18 huyện, thị xã.

Tác động tiêu cực: Không nhận thấy tác động tiêu cực về mặt xã hội.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực: Các chính sách y tế, an sinh xã hội mới nhìn chung có thể có tác động tích cực đối với phụ nữ, nhất là phụ nữ là đối tượng thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

Tác động tiêu cực: Không nhìn nhận thấy tác động tiêu cực rõ rệt về giới đối với đề xuất chính sách này.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực:

- Việc thực hiện chính sách này góp phần giúp cho Nhà nước bảo đảm tốt hơn quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe của người dân được quy định tại Khoản 1 Điều 38 Hiến pháp năm 2013 (so với giải pháp giữ nguyên như hiện nay) theo đó, "*mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh*".

- Tiếp tục kế thừa được các chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho lĩnh vực y tế quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 (Khoản 1k Điều 16 đã quy định

[155]Từ năm 2011 đến nay, Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội tổ chức được 1.384 phiên giao dịch việc làm với 51.977 doanh nghiệp, đơn vị tham gia; 676.695 lao động được phỏng vấn; 212.592 lao động được tuyển dụng. Tiếp nhận 423.198 hồ sơ đề nghị giải quyết trợ cấp thất nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định trợ cấp thất nghiệp cho 418.696 người; số tiền hỗ trợ trên 7.000 tỷ đồng, quyết định hỗ trợ học nghề cho 23.523 người.

"Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bảo quản thuốc; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới; sản xuất trang thiết bị y tế" là ngành, nghề ưu đãi đầu tư), Luật Đất đai năm 2013 (Khoản 1a Điều 110 quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 (Điều 87 quy định "Nhà nước khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh").

- Việc thực hiện chính sách này góp phần bảo đảm tốt hơn quyền của công dân được bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn Thủ đô theo tinh thần quy định tại Điều 34 Hiến pháp năm 2013. Việc thực hiện chính sách này cũng góp phần thực hiện đầy đủ hơn trách nhiệm của nhà nước trong việc phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Hiến pháp năm 2013.

Tác động tiêu cực:

Các phương án trong Giải pháp 2 sẽ có nội dung mâu thuẫn hoặc khác với một số quy định trong các Luật hiện hành: (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Khoản 2a Điều 13) quy định: thuế suất áp dụng cho cơ sở y tế là 10%; (ii) Luật Phòng, chống ma túy (Khoản 2c Điều 36) quy định: "Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện … được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật"; (iii) Luật Trẻ em năm 2016 (Khoản 2 Điều 42) quy định: "Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia trợ giúp, chăm sóc trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; **hỗ trợ về đất đai, thuế**, tín dụng cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của pháp luật"; (iv) Luật Người khuyết tật năm 2010 (Khoản 7 Điều 5): "Chính sách của nhà nước về người khuyết tật… Khuyến khích hoạt động trợ giúp người khuyết tật"; (v) Luật Người cao tuổi năm 2009 (Khoản 5 Điều 10 và Khoản 3 Điều 12): Nhà nước "khuyến khích tổ chức, cá nhân… tham gia phụng dưỡng người cao tuổi". "Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho người cao tuổi".

Ngoài ra, một số chế độ đặc thù đối với cán bộ y tế làm việc tại các trạm y tế cơ sở của Thủ đô (chẳng hạn, được tuyển dụng thẳng không qua thi v.v) có thể sẽ mâu thuẫn với các quy định của Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) (Điều 23).

Do đó, cần phải có giải pháp xử lý những mâu thuẫn, chồng chéo kể trên. Việc làm này có thể thực hiện được nếu quy định Luật Thủ đô có giá trị ưu tiên áp dụng đối với các quy định của các đạo luật khác trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật Thủ đô và các đạo luật chuyên ngành.

8.4.3.Giải pháp 3

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực: Việc thực hiện giải pháp này có tác động tích cực về mặt

kinh tế tương tự như các giải pháp trong Giải pháp 2. Thêm vào đó, Thành phố quy định biện pháp khuyến khích việc huy động nguồn lực xã hội để nâng mức hỗ trợ đối với người có công, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, trợ giúp xã hội trong thiên tai, dịch bệnh. Giải pháp này góp phần làm giảm gánh nặng cho NSNN chi cho các chương trình an sinh xã hội do huy động được nhiều nguồn lực xã hội (doanh nghiệp xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện…) đầu tư cho các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện tự nguyện.

Tác động tiêu cực: Không có tác động khác với tác động của Giải pháp 2.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Tác động tích cực: Thực hiện giải pháp này góp phần nâng mức hỗ trợ đối với người có công, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, trợ giúp xã hội trong thiên tai, dịch bệnh.

Tác động tiêu cực: Lựa chọn giải pháp này không gây tác động tiêu cực đến các đối tượng là doanh nghiệp, cá nhân.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực: Góp phần giảm áp lực đối với hệ thống y tế, hệ thống an sinh xã hội của khu vực công.

Tác động tiêu cực: Lựa chọn giải pháp này không gây tác động tiêu cực về xã hội.

(ii) Đối với doanh nghiệp và người dân:

Tác động tích cực: Việc thực hiện giải pháp này có tác động tích cực về xã hội tương tự như Giải pháp 2.

Tác động tiêu cực: Không có tác động rõ rệt.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực: Các chính sách y tế, an sinh xã hội mới nhìn chung có thể có tác động tích cực đối với phụ nữ, nhất là phụ nữ là đối tượng thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

Tác động tiêu cực: Không có tác động rõ rệt.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Như Giải pháp 2.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực:Có tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật tương tự như Giải pháp 2.

- Tác động tiêu cực: Ngoài các tác động đối với hệ thống pháp luật của Giải pháp 2 đã được phân tích ở trên, Giải pháp 3 có một số tác động tiêu cực đối với hệ thống pháp luật ở khía cạnh bảo đảm tính khả thi trong thực tế. Muốn việc nâng mức hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội một cách công bằng, tăng cường tính bao phủ và bảo đảm được tính bền vững của chính sách thì

nguồn tài chính cho việc thực hiện chính sách phải do NSNN bảo đảm. Nguồn lực xã hội hóa khó bền vững để nâng mức hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng (vì nguồn lực xã hội hóa không ổn định, không đồng nhất về mức hỗ trợ, không đảm bảo bao phủ cho tất các các nhóm đối tượng nêu trên).

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với yêu cầu phát triển an sinh xã hội Thủ đô từ nay đến năm 2030 (hoặc 2045) là Giải pháp 3.

Việc thực hiện các phương án trong Giải pháp 3 sẽ thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nhất các chủ trương, định hướng về phát triển hệ thống y tế và an sinh xã hội Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó, *"xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống bác sĩ gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khoẻ nhân dân. Huy động các nguồn lực xã hội xây dựng mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ y, dược của tư nhân và đầu tư nước ngoài". "Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu. Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, phấn đấu không còn hộ nghèo theo chuẩn của Thủ đô, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; giải quyết hiệu quả các tệ nạn xã hội".*

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

9. CHÍNH SÁCH 9: LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ TRỞ THÀNH KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, XANH, VĂN MINH, NĂNG ĐỘNG, TRỞ THÀNH KHU VỰC KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA ĐẤT NƯỚC

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Thủ đô 2012 quy định "Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô nhằm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô"[156]. Trách nhiệm của Thủ đô là "Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng

[156]Luật Thủ đô 2012, Điều 4.

phát triển”[157]. Theo Luật Thủ đô 2012, *“Vùng Thủ đô* là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm Thủ đô Hà Nội và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lân cận do Chính phủ quyết định”[158]. Theo Nghị định số 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định pháp luật về Thủ đô (Nghị định 91/2021/NĐ-CP về liên kết Vùng Thủ đô), Vùng Thủ đô gồm các tỉnh, thành phố: Thủ đô Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên[159]. Các địa phương trong Vùng Thủ đô có dân số chiếm 21% dân số của cả nước, đóng góp 26% GDP, 40% kim ngạch xuất khẩu quốc gia và 25% tổng thu ngân sách của cả nước và có 19% tổng số giường bệnh trên toàn quốc (xem Bảng 22).

Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 05/05/2022 về "Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" (Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô) đã chỉ ra một vấn đề mà Thủ đô Hà Nội cần khắc phục là *“Hà Nội chưa thể hiện rõ vai trò là trung tâm, động lực tăng trưởng và phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước”*. So sánh một số chỉ tiêu cơ bản của các địa phương trong Vùng Thủ đô với cả nước cho thấy như sau:

Bảng 22: Một số chỉ tiêu cơ bản của các địa phương trong vùng Thủ đô

Tỉnh, TP	**Dân số** *(triệu người)*	**GDP/GRDP** *(Tỷ VNĐ)*	**Tăng trưởng kinh tế (%)**	**GRDP/người/** *(Triệu VNĐ)*	**Thu nhập dân cư/người/** *(Triệu VNĐ)*	**Kim ngạch xuất khẩu** *(Triệu USD)*	**Thu NS trên địa bàn** *(Tỷ VNĐ)*	**Số giường bệnh**
Cả nước	96.484	5.542.331	7,1	68,18	46,5	243.383	1.424.914	330.752
Hà Nội	8246,54	706.495	7,37	93,94	72,65	13.910	238.370	15.726
Bắc Ninh	1419,13	161.708	10,6	150,1	65,32	36.838	27.600	4.520
HảiDương	1916,77	109.200	9,1	56,3	44,32	6.791	16.290	5.700
TháiNguyên	1307,87	98.547	10,44	77,7	48,18	24.080	9.473	7.451
Vĩnh Phúc	1171,23	94.498	8,03	86,5	44,39	3.090	30.490	4.570
Bắc Giang	1841,62	88.259	15,96	52,1	41,4	5.758	7.884	5.733
Hưng Yên	1269,09	65.746	9,64	55,3	46,12	3.261	7.946	5.700
Phú Thọ	1481,88	57.353	8,34	38,5	34,7	1.511	6.075	7.682

[157]Luật Thủ đô 2012, Điều 5.

[158]Luật Thủ đô 2012, Điều 3.

[159]Nghị định số 91 /2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định pháp luật về Thủ đô, Điều 1.

Tỉnh, TP	Dân số *(triệu người)*	GDP/GRDP *(Tỷ VNĐ)*	Tăng trưởng kinh tế (%)	GRDP/người/ *(Triệu VNĐ)*	Thu nhập dân cư/người/ *(Triệu VNĐ)*	Kim ngạch xuất khẩu *(Triệu USD)*	Thu NS trên địa bàn *(Tỷ VNĐ)*	Số giường bệnh
Hà Nam	861,83	44.613	11,05	55,2	43,29	2.221	5.900	3.350
Hoà Bình	861,22	40.867	8,36	48,3	27,54	416,23	3.400	2.190

Nguồn: Tổng cục Thống kê 2019-2020

Thời gian vừa qua việc thực hiện các quy định về liên kết vùng còn nhiều hạn chế, tính gắn kết chưa cao, chưa xứng với tiềm năng phát triển của Vùng Thủ đô; một số vấn đề liên vùng chưa được giải quyết thống nhất, đồng bộ và chưa tạo điều kiện để có thể thúc đẩy toàn vùng phát triển, xoá khoảng cách chênh lệch về phát triển giữa các địa phương, đặc biệt là phải giải quyết một số bất cập như vấn đề quy hoạch Vùng Thủ đô, BVMT, đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật ở quy mô vùng và cơ chế phối hợp điều phối trong Vùng Thủ đô, như:

a) Vấn đề kế hoạch, quy hoạch Vùng Thủ đô cần đồng bộ và thống nhất

Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Vùng Thủ đô được xác định đến năm 2030 liên kết Vùng theo mô hình "Vùng đô thị đa cực - tập trung". Đến năm 2050, Vùng Thủ đô chuyển hóa theo mô hình "Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp" với phân vùng chủ yếu gồm 03 vùng chính là (1) Vùng đô thị hạt nhân trung tâm và phụ cận; (2) Vùng phát triển đối trọng; (3) Vùng liên kết phát triển. Nhằm mục đích chia sẻ các chức năng đô thị, hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp, nông thôn; chia sẻ các nguồn đầu tư giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh theo các chức năng chủ đạo của các vùng, dựa vào thế mạnh, tiềm năng riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, Thủ đô đang trong quá trình chuẩn bị sửa đổi lại Quy hoạch chung 1259. Thủ đô và các địa phương trong Vùng Thủ đô cũng đang xây dựng các quy hoạch khác, như quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050… Vấn đề này đòi hỏi các quy hoạch cần phải có sự thống nhất và bảo đảm điều kiện thi hành của Thủ đô và các tỉnh trong Vùng Thủ đô.

b) Vấn đề hợp tác đầu tư giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Vùng đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chiến lược, quan trọng bậc nhất của cả nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Địa bàn cốt lõi của vùng Đồng bằng sông Hồng là vùng Thủ đô[160]. Để vùng Thủ đô trở "Vùng đô thị đa cực - tập trung" vào năm 2030 và "Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp" vào 2050 theo Quy hoạch Vùng Thủ đô và Quy hoạch chung 1259 của Thủ đô. Dự kiến mạng lưới giao thông của Thủ đô kết nối với Vùng Thủ đô, gồm hình thành mạng lưới đường cao tốc trong Vùng, chú trọng phát triển đường cao tốc theo hành lang kinh tế Đông - Tây; hình thành các tuyến vành đai xung quanh Thủ đô Hà Nội, gồm đầu tư khép kín 07 tuyến đường vành đai giao thông Thủ đô, đặc biệt là các vành đai 3; vành đai 3,5; vành đai 4 và vành đai 5 có kết nối với các địa phương lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế trong Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ kết nối thuận lợi hơn với vùng duyên hải Bắc Bộ. Phát triển mạng lưới giao thông liên kết trong Vùng Thủ đô sẽ tạo điều kiện cho kéo dãn dân cư đô thị trung tâm tại Thủ đô Hà Nội, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới.

Trong bối cảnh đó, để Thủ đô phát triển xứng đáng với vai trò là "Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước", Đảng bộ thành phố Hà Nội xác định: "phối hợp với các cơ quan Trung ương, hợp tác, liên kết với các tỉnh, tỉnh, thành phố trong nước được đẩy mạnh"[161]. Nghị quyết 15-NQ/TW đặt ra quan điểm phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước" là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị; là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội. Thủ đô có thể thực hiện đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội vào các địa phương trong Vùng Thủ đô để có thể thúc đẩy sự phát triển chung của toàn vùng.

Theo định hướng của Nghị quyết số 30-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng. Các cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề môi trường nội và liên vùng, phát triển các cụm liên kết ngành. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên

---

[160] Bài phát biểu của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng.

[161] Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội.

vùng.

c) Vấn đề môi trường Vùng Thủ đô

c.1. Vấn đề xử lý chất thải rắn (CTR)

Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường về khối lượng CTRSH phát sinh và thu gom trong địa bàn vùng Thủ đô 2019, không có địa phương nào trong Vùng Thủ đô đạt được tỷ lệ thu gom CTR toàn tỉnh là 100%. Chỉ có Hà Nam và Bắc Ninh là hai địa phương có tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt 100%. Thủ đô Hà Nội là địa phương có khối lượng CTR đô thị lớn nhất trong Vùng Thủ đô chỉ đạt 98% tỷ lệ thu gom CTR đô thị (xem Bảng 23).

Bảng 23: Khối lượng CTRSH phát sinh, thu gom trong địa bàn vùngThủ đô 2019

Đơn vị tính: tấn/ngày

Thành phố/Tỉnh	Tổng KL CTR phát sinh	Tổng KL CTR thu gom	Tỷ lệ thu gom	KL CTR đô thị phát sinh	KL CTR đô thị thu gom	Tỷ lệ thu gom	KL CTR nông thôn phát sinh	KL CTR nông thôn thu gom	Tỷ lệ thu gom nông thôn
Bắc Giang	754	567,8	75%	244	231,8	*95%*	510	336	66%
Bắc Ninh	900	750	83%	430	430	*100%*	470	320	66%
Hà Nam	275	255	93%	150	150	*100%*	125	105	85%
Hà Nội	6.500	6.070	93%	3.500	3.430	*98%*	3.000	2.640	88%
Hải Dương	1.071,7	876,7	82%	419	363	*87%*	652.7	513.7	79%
Hoà Bình	507	227	45%	127	109	*86%*	380	118	31%
Hưng Yên	650	498,63	77%	167,2	122,01	*73%*	482,9	376,62	78%
Phú Thọ	704,4	313	44%	-	-	-	-	-	-
Thái Nguyên	775	538	69%	350	325,5	*93%*	425	212,5	50%
Vĩnh Phúc	830	643,9	78%	260,4	239,5	*92%*	569,6	404,4	71%
Tổng số	**12967,1**	**10740**		**5647,6**	**5400,8**		**5962,5**	**4512,5**	

Nguồn: Bộ Tài nguyên môi trường: Báo cáo về công tác BVMT 2019

Theo định hướng quản lý CTR của Vùng Thủ đô tại Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì đến năm 2030, tổng khối lượng CTR toàn Vùng

Thủ đô Hà Nội đến năm 2030: Khoảng 39.000 tấn/ngày đêm[162]. Tuy nhiên theo các kế hoạch và quy hoạch của các địa phương về xử lý CTR đến 2030 thì tổng công suất xử lý CTR tối đa đến năm 2030 mới đạt xấp xỉ 21.000 tấn/ngày đêm (xem Bảng 24).

Với thực tiễn và kế hoạch xử lý CTR trong Vùng Thủ đô như ở Bảng 24 cho thấy công nghệ xử lý CTR ở các địa phương trong Vùng Thủ đô cũng khác nhau. Các địa phương trong Vùng Thủ đô chủ yếu xử lý CTR bằng chôn lấp nên có thể gây các tác động tiêu cực cho môi trường địa phương nói riêng và Vùng Thủ đô nói chung.

c.2. Vấn đề xử lý ô nhiễm nguồn nước

Như đã mô tả vấn đề bất cập của ô nhiễm nguồn nước tại Thủ đô Hà Nội ở Chính sách 4, ô nhiễm nguồn nước tại Thủ đô Hà Nội đang làm ảnh hưởng tới nguồn nước sinh hoạt. Một số nhà máy cấp nước sinh hoạt tại Hà Nam hoặc Thủ đô Hà Nội có lúc phải tạm dừng hoạt động do ô nhiễm nước sông[163]. Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2018, Thủ đô Hà Nội có lượng nước thải sinh hoạt phát sinh chiếm tỷ lệ lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng (chiếm 37%). Đây cũng là vùng có lượng nước thải sinh hoạt lớn của cả nước (chiếm 23%)[164].

Lưu vực sông Nhuệ - Đáy trải trên địa phận 05 tỉnh/thành phố (Thủ đô Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định và Hoà Bình) trong đó có 3 tỉnh thuộc Vùng Thủ đô (Thủ đô Hà Nội, Hà Nam và Hoà Bình). Chất lượng nước sông Nhuệ bị ô nhiễm nặng do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt hai bên bờ sông. Riêng Thủ đô Hà Nội, số lượng cơ sở sản xuất ở lưu vực sông chiếm khoảng 50%, chiếm gần 30% lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong lưu vực sông. Hàng ngày, lưu vực sông Nhuệ - Đáy phải tiếp nhận khoảng 1.982 nguồn thải, với tổng lưu lượng nước thải xả khoảng 19.048m^3/ngày đêm. Trong đó lưu lượng phát sinh từ sinh hoạt của người dân là 16.421m^3/ngày đêm. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt thải ra sông Nhuệ - sông Đáy chiếm tỷ lệ rất lớn so với tất cả các nguồn thải khác gộp lại (lên tới trên 65%), cụ thể như Thủ đô Hà Nội thải sinh hoạt thải ra sông Tô Lịch là 150.000m^3/ngày đêm (chiếm 87%); còn các tỉnh còn lại đều chiếm trên 65%; tất cả các nước thải sinh hoạt này, hầu hết đều không được xử lý và thải thẳng ra nguồn tiếp nhận và đi vào sông Nhuệ - sông Đáy[165]. Các địa phương thuộc lưu vực sông Nhuệ - Đáy đều đã xây dựng và triển khai để hoạch, đề án BVMT tương

---

[162]Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Điều 1.

[163]Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 76

[164]Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, Vùng Đồng bằng sông Hồng có lượng nước thải sinh hoạt chiếm 23% tổng số lượng nước thải sinh hoạt của cả nước, tiếp đến là vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung là 21%, vùng Đông Nam Bộ là 20%, Đồng bằng sông Cửu Long là 18%, Trung du miền núi phía Bắc là 12% và Tây Nguyên là 6%.

[165]Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 29, 57; Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 59-61

ứng trên địa bàn tỉnh[166].

Đối với hệ thống thuỷ nông Bắc Hưng Hải lấy nước từ sông Hồng và chảy qua một số tỉnh thuộc Vùng Thủ đô (Thủ đô Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương),hệ thống này cung cấp nước cho hoạt động tưới tiêu nông nghiệp của 03 tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Hưng Yên.Trong giai đoạn gần đây, hệ thống này bị ô nhiễm nghiêm trọng do các hoạt động kinh doanh, bệnh viện, làng nghề, cơ sở chăn nuôi… ở hai bên bờ sông[167]. Vấn đề ô nhiễm này cần phải có sự hợp tác của cả 04 địa phương của Vùng Thủ đô.

c.3. Vấn đề xử lý ô nhiễm không khí

Như đã mô tả vấn đề bất cập của ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội ở Chính sách 4, ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là ô nhiễm bụi PM_{10} và bụi $PM_{2.5}$. Mức độ ô nhiễm bụi mịn có xu hướng tăng quá các năm. Theo Bộ Tài nguyên Môi trường, số ngày có giá trị AQI ở mức kém và xấu (tính trung bình các trạm) chiếm tỷ lệ 30,5% tổng số ngày quan trắc trong năm. Các thông số NO_2, SO_2, CO và O_3 của không khí Thủ đô Hà Nội đều vượt ngưỡng của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN)[168]. So sánh ô nhiễm không khí giữa các vùng, các đô thị, khu công nghiệp và nông thôn ở Miền Bắc cao hơn ở Miền Nam và Miền Trung[169].

Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới và Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội, nguồn phát thải bụi mịn $PM_{2.5}$ chính ở Thủ đô Hà Nội được phân bổ 29% từ các hoạt động công nghiệp, 26% từ đốt rơm rạ ngoài trời, 23% từ bụi đường, 15% từ giao thông và 7% từ các nguồn khác (đốt gia dụng, thương mại, làng nghề và rác thải rắn). Hai phần ba (2/3) bụi mịn gây ô nhiễm cho Thủ đô Hà Nội đến từ các tỉnh lân cận ở trong Vùng Thủ đô, khu vực Đồng bằng sông Hồng, các nước khác, vận chuyển quốc tế và các nguồn từ tự nhiên[170]. Vấn đề này đòi hỏi có sự hợp tác xử lý giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong Vùng Thủ đô, khu vực Đồng bằng sông Hồng phối hợp.

d) Xây dựng chuỗi đô thị thông minh cấp quốc gia

Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/09/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

---

[166]Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 86.

[167]Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 51; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 55.

[168]Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 84, 85, 88, 89 và 90.

[169]Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 91-93; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 86-91.

[170]Ngân hàng Thế giới - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Ô nhiễm không khí Hà Nội: Thực tràng & Gợi ý chính sách, https://thedocs.worldbank.org/en/doc/ce9eb01975014ef417f5ad1f6c75a745-0070012021/original/Air-Quality-in-Hanoi-Current-Situation-and-Policy-Intervention-June-2021-VN.pdf

(Nghị quyết 52-NQ/TW) đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030"hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới". Nghị quyết 06-NQ/TW cũng đặt ra yêu cầu "xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng kết nối quốc tế và 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030". Và Nghị quyết 15-NQ/TW cũng đặt mục tiêu "*xâydựngThủđôHàNộitrởthànhđôthịthôngminh, hiệnđại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; pháttriểnnhanh, bềnvững, cósứclantỏa đểthúcđẩyVùngđồngbằngsôngHồng, Vùngkinhtếtrọngđiểm BắcBộvàcảnướccùngpháttriển*".

Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xác định "hình thành các chuỗi đô thị thông minh khu vực phía Bắc, miền Trung, phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long, lấy thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ là hạt nhân, hình thành mạng lưới liên kết các đô thị thông minh".

Những mục tiêu này đòi hỏi Thủ đô và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô phải hoàn thiện về thể chế và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để xây dựng các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô và các cơ chế liên kết vùng đô thị thông minh. Hiện nay, các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô đều đang xây dựng đề án phát triển đô thị thông minh của địa phương mình. Đây vừa là cơ sở thuận lợi để liên kết các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô nhưng cũng là khó khăn khi các địa phương có những quy hoạch, kế hoạch và cơ sở hạ tầng khác nhau về phát triển đô thị thông minh. Việc thiếu tính liên kết và nhất quán trong các quy hoạch, kế hoạch để phát triển địa phương nói chung và đô thị thông minh nói riêng sẽ gây khó khăn cho các công tác dự báo và quản lý điều hành hiện đại tại các địa phương, gây tốn kém cho các địa phương khi không thể chia sẻ được lợi ích từ cơ sử dữ liệu, hạ tầng của đô thị thông minh giữa các địa phương.

e) Vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

Trong thời gian qua, việc liên kết giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng nói riêng và giữa vùng Thủ đô với các vùng khác trong cả nước nói chung còn hạn chế, như: thiếu cơ quan đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hoà lợi ích, giải quyết các vấn đề chung dẫn đến việc liên kết vùng Thủ đô chưa đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc vùng[171]. Trước khi có Nghị định 91/2021/NĐ-CP, hoạt động phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô thông qua cơ chế chỉ đạo, điều hành của Chính phủ căn cứ theo Điều 23 của Luật Thủ đô. Thực tiễn này dẫn đến có một số thiết chế khác

[171]Công văn số 1444/KHĐT-THQH của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 08/04/2022 về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

nhau để thực hiện quy định này, như Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Quyết định 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho công tác quy hoạch xây dựng[172], Uỷ ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy thành lập và hoạt động theo Quyết định số 223/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo, điều phối liên ngành, liên vùng thực hiện Quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[173]…

Nghị định 91/2021/NĐ-CP đặt ra các nguyên tắc phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành pháp luật về Thủ đô và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng. Cơ chế hoạt động của Hội đồng Vùng Thủ đô được quy định tại Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô. Tuy nhiên, Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ-TTG chưa xác định Hội đồng Vùng được thành lập và hoạt động theo các văn bản này có thay thế các thiết chế phối hợp khác đang hoạt động, như Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Uỷ ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy… Theo quy định tại các văn bản này, Tổ điều phối thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp một số hoạt động chung của các Tổ điều phối cấp tỉnh trongVùng theo hướng dẫn của Văn phòng Hội đồng điều phối vùng nên cần có những phương án để Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có vai trò chủ động hơn đối với hoạt động điều phối vùng Thủ đô.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đối với Hà Nội phải *"phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển"* và *"phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước"*.

Nghị quyết 06-NQ/TW đã xác định *"xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, nhất là tại các đô thị đặc biệt. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố. Quản lý chặt chẽ việc phát triển*

---

[172]Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Điều 1, khoản 12: "Mô hình quản lý Vùng: Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội là cơ quan tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo điều phối phát triển Vùng Thủ đô Hà Nội; có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp giữa các cơ quan Bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng để triển khai thực hiện theo Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn 2050".

[173]Quyết định số 223/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030, Điều 2.

nhà ở cao tầng tại các đô thị lớn, nhất là khu vực trung tâm. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch".

Nghị quyết số 30-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng đặt ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu *"hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng"*.

Do đó, Luật Thủ đô (sửa đổi) cần phải đặt ra mục tiêu tăng cường liên kết, phối hợp giữa Thủ đô, các tỉnh trong Vùng Thủ đô trên các lĩnh vực trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để huy động, sử dụng, phân bổ hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực, hướng tới xây dựng, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước.

9.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành(Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 23 Luật Thủ đô; Nghị định 91/2021/NĐ-CP về Vùng Thủ đô, Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và các quy định pháp luật hiện hành khác).

Giải pháp 2: Quy định mở rộng chức năng và tăng thẩm quyền của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô và thành lập các cơ quan chuyên trách về môi trường, kinh tế, văn hóa - xã hội, phát triển hạ tầng của Vùng Thủ đô, có chức năng xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện các kế hoạch, dự án có tính chất liên tỉnh trong vùng. Tiếp thu, luật hóa một số nội dung của Nghị định 91/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô. Để thực hiện giải pháp này, Luật Thủ đô cần quy định thẩm quyền trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của Vùng Thủ đô về môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng Vùng Thủ đô.

Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và nội dung sau: Giao thẩm quyền cho Thành phố trong việc chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

9.4. Đánh giá tác động chính sách

9.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

a) Tác động về kinh tế:

a.1. Vấn đề kế hoạch, quy hoạch Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Như đã phân tích ở phần Bất cập, GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội hiện nay đạt khoảng 4.000 USD cao hơn phần lớn các địa phương trong Vùng Thủ đô. GRDP của Thủ đô Hà Nội có thể đạt mức tăng trưởng 7,5% vào giai đoạn 2021-2025, 8% vào giai đoạn 2026-2035, 8,5% vào giai đoạn 2036-2040 và 8% vào giai đoạn 2041-2045 (xem Bảng 9 ở Chính sách 4).

Việc thực hiện được Quy hoạch chung Vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sẽ liên kết được Vùng Thủ đô đến năm 2030 theo mô hình "Vùng đô thị đa cực - tập trung" và đến năm 2050, là "Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp" với 3 vùng chính là (1) Vùng đô thị hạt nhân trung tâm và phụ cận; (2) Vùng phát triển đối trọng; (3) Vùng liên kết phát triển. Nhằm mục đích chia sẻ các chức năng đô thị, hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp, nông thôn; chia sẻ các nguồn đầu tư giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh theo các chức năng chủ đạo của các vùng, dựa vào thế mạnh, tiềm năng riêng.

Việc đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 và Vành đai 5 cho Vùng Thủ đô sẽ làm giảm lưu lượng xe lưu thông trong Thủ đô Hà Nội, giảm ô nhiễm môi trường từ khí thải. Đồng thời các tuyến đường vành đai này sẽ tạo điều kiện, tiền đề để các tỉnh/thành phố trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế đô thị và nông thôn dọc hai bên tuyến đường, thúc đẩy phát triển du lịch trong 10 địa phương thuộc Vùng Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội hiện nay chỉ đạt khoảng 4.000 USD là thấp hơn mục tiêu 7.100-7.500USD/năm được đề ra tại Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020. Như vậy, Giải pháp giữ nguyên như hiện nay là chưa phát huy được nhiều tác động tích cực về kinh tế cho Thủ đô.

Hiện nay, do Ban chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô để thực hiện Quy hoạch chung vùng Thủ đô theo Quyết định 768 QĐ/TTg và Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô theo Nghị định 91 chưa được thành lậpnên Quy hoạch chung vùng Thủ đô theo Quyết định 768 QĐ/TTg chưa được triển khai. Ngoài ra, một số nội dung của Quy hoạch chung vùng Thủ đô theo Quyết định 768 QĐ/TTg cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô, như quy hoạch xây dựng sân bay thứ hai cho Thủ đô.

Giải pháp hiện hành chưa tạo được sự gắn kết, thống nhất trong việc lập và

bảo đảm thực hiện các quy hoạch của Thủ đô theo Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô với các quy hoạch của các địa phương khác để bảo đảm đạt được các tác động tích cực về kinh tế cho toàn Vùng Thủ đô trở thành một cực tăng trưởng của cả nước. Nếu các quy hoạch của Thủ đô với các địa phương khác trong Vùng Thủ đô không có được sự thống nhất, đồng bộ và liên kết thì sẽ gây nhiều tác động tiêu cực về phát triển kinh tế, gây lãng phí trong việc lập và thực hiện các quy hoạch.

Đặc biệt, Giải pháp 1 sẽ khó có thể bảo đảm cho Thủ đô Hà Nội có thể đạt được mục tiêu mà Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô đã đặt ra là: đến 2030 "*Thủ đô Hà Nội là Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực; Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước; GRDP giai đoạn 2026-2030 tăng 8,0-8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 12.000-13.000 USD. Tầm nhìn đến 2045, Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới"*.

Với Giải pháp 1thì sẽ khó có thể thực hiện được nhiệm vụ được nêu tạiNghị quyết số 30-NQ/TW của Trung ương về phát triển kinh tế vùng về *"triển khai hiệu quả xây dựng Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân, động lực của các đô thị trong vùng. Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á*".

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

<u>Tác động tích cực:</u>

Như đã phân tích ở tác động tích cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 đã thúc đẩy mức tăng trưởng chung cho Thủ đô Hà Nội cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay. Nhờ đó, số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội hiện nay giảm một cách rõ rệt (xem Bảng 19- Chính sách 8) nhờ triển khai các kế hoạch, quy hoạch và biện pháp thực thi hiện nay.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

Như đã phân tích ở tác động tiêu cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 chưa thực hiện được mục tiêu của Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 về GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội. Do đó, nếu tiếp tục Giải pháp này, khả năng Thủ đô Hà Nội sẽ khó đạt được mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô đối với GRDP bình quân đầu người các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và đến 2045.

a.2. Vấn đề đầu tư trong Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, hoạt động đầu tư trong Vùng Thủ đô để thúc đẩy sự phát triển của Vùng Thủ đô nói chung, từng địa phương trong Vùng Thủ đô, trong đó có Thủ đô Hà Nội đang diễn ra mạnh mẽ[174].

Theo Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô tại Quyết định 768 QĐ/TTg, Vùng Thủ đô được xác định đến năm 2030 liên kết Vùng theo mô hình "Vùng đô thị đa cực - tập trung" và chuyển hóa theo mô hình "Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp" đến 2050. Quy hoạch đặt ra vấn đề chia sẻ các nguồn đầu tư giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh theo các chức năng chủ đạo của các vùng, dựa vào thế mạnh, tiềm năng riêng.

Các địa phương trong Vùng Thủ đô đều có mức độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức tăng trưởng kinh tế của cả nước. Kim ngạch xuất khẩu của các địa phương trong Vùng Thủ đô chiếm 40% kim ngạch xuất khẩu của cả nước (xem Bảng 22). Kim ngạch xuất khẩu của Vùng Thủ đô cao là nhờ Thái Nguyên và Bắc Ninh là hai địa phương có các tập đoàn kinh tế lớn của nước ngoài, như Samsung, Canon…

Tác động tiêu cực:

Khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong vùng Thủ đô ngày càng tăng. Hầu hết các tỉnh, ngoại trừ Thủ đô Hà Nội và Bắc Ninh, đều đang phát triển ở mức độ thấp và vẫn chủ yếu tập trung vào nông nghiệp. Chênh lệch trong phát triển kinh tế-xã hội cũng như tỉ trọng GRDP giữa các tỉnh vẫn rất lớn. Khoảng cách chênh lệch GRDP bình quân đầu người của địa phương cao nhất trong Vùng Thủ đô (Bắc Ninh) so với địa phương thấp nhất (Hoà Bình) là hơn 3 lần (311%), hoặc Thủ đô Hà Nội cao gần gấp 2 lần so với Hoà Bình (194%) (xem Bảng 22). Sự mất cân bằng trong vùng đã dẫn đến việc không tận dụng được hết những tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của vùng.

Pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư công 2014, Luật Ngân sách nhà nước 2015) chưa tạo điều kiện thuận lợi để một địa phương có thể sử dụng ngân sách đầu tư sang địa phương khác để thúc đẩy các hoạt động phát triển chung giữa các địa phương hay của vùng, khu vực.

Đồng thời, với Giải pháp giữ nguyên như hiện hành thì sẽ khó có thể thực hiện được các mục tiêu về phát triển kinh tế vùng Đồng bằng Sông Hồng theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Trung ương về phát triển kinh tế vùng là *"đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ*

[174]Công văn số 1444/KHĐT-THQH của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 08/04/2022 về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chinh sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát huy vai trò đầu tàu, động lực của các tỉnh, thành phố trong vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh".

Các quy định hiện hành chưa tạo được những giải pháp có tính liên kết cao trong việc đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dẫn đến việc chống biến đổi khí hậu cũng gặp khó khăn, điển hình là việc chậm triển khai quy hoạch phòng, chống lũ trên sông Hồng, giảm thiểu ô nhiễm trên sông Nhuệ - sông Đáy.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Như đã phân tích ở tác động tích cực đối với người dân và doanh nghiệp ở mục Kế hoạch, quy hoạch của Vùng Thủ đô, Thủ đô Hà Nội và các địa phương sẽ chú trọng đầu tư chủ yếu vào địa phương mình. Dẫn đến, mức tăng trưởng chung cho Thủ đô Hà Nội cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay, số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội giảm một cách rõ rệt (xem Chính sách 8).

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 1 chưa tạo điều kiện cho Thủ đô và các địa phương trong Vùng Thủ đô có thể chủ động trong việc đầu tư vào các địa phương trong Vùng nên chưa giảm được khoảng cách phát triển giữa các địa phương.

a.3. Vấn đề môi trường Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Đối với vấn đề xử lý CTR, Hà Nam và Bắc Ninh là hai địa phương có tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt 100%. Thủ đô Hà Nội là địa phương có khối lượng CTR đô thị lớn nhất trong Vùng Thủ đô đạt 98% tỷ lệ thu gom CTR đô thị (xem Bảng 23). Hiện nay, các địa phương trong Vùng Thủ đô đều có kế hoạch, quy hoạch về số lượng và công suất xây dựng điểm xử lý CTR trên địa bàn (xem Bảng 24). Theo kế hoạch này, các địa phương bảo đảm việc thu gom và xử lý CTR theo đúng các kế hoạch đặt ra của địa phương và phù hợp với Nghị quyết số 32/2021/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Quốc hội[175].

Bảng 24: Số lượng và phân bố điểm xử lý CTRSH trên địa bàn vùng Thủ đô

Thành phố/Tỉnh	Tổng KL CTR phát sinh	Số lượng nhà máy hoặc điểm	Tổng KL CTR có thể	Công nghệ xử lý	Vị trí tại huyện/quận	Nguồn (ghi số hiệu văn bản

[175]Các Nghị quyết này đặt mục tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý CTR sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 89-90%, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

		chôn lấp	xử lý *(tấn/ngày)*			tham khảo
Bắc Giang	754	225	231.96	Chôn lấp và đốt bằng lò đốt	Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động, Yên Thế, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng	Quyết định số 508/QĐ-UBND
Bắc Ninh	900	3 nhà máy, 10 lò đốt	1920	Xử lý tập trung và lò đốt	Quế Võ, Thuận Thành, Gia Bình, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Lương Tài	Quyết định số 222/QĐ-UBND
Hà Nam	275	3 nhà máy xử lý CTR	160	Xử lý CTR và chôn lấp tập trung, và đốt rác	Thanh Liêm, Duy Tiên, Kim Bảng, Vĩnh Trụ	Quyết định số 708/QĐ-UBND
Hà Nội	6.500	Vùng I: Có 5 khu xử lý CTR Vùng II: Có 6 khu xử lý CTR Vùng III: Có 6 Khu xử lý CTR	9.450	Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng (đến năm 2020 sẽ dừng chôn lấp); Tái chế nhựa, giấy, sắt thép....; Xử lý CTR hữu cơ thành phân vi sinh; Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.	Đông Anh, Gia Lâm, Từ Liêm,Phú Xuyên, Thanh Oai,Ứng Hòa,Mỹ Đức, Ứng Hòa, Ba Vì, ĐanPhượng, Thạch Thất, Chương Mỹ	Quyết định số 609/QĐ-TTg
Hải Dương	1.071,7	03 nhà máy xử lý CTR	588	Đốt và chôn lấp	Thanh Hà, Bình Giang	Quyết định số 2541/QĐ-UBND
Hoà Bình	507	16 khu xử lý CTR	2430	Xử lý CTR thành phần hữu cơ thành phân vi sinh, chất cải tạo đất, vật liệu xây dựng; Chôn lấp hợp vệ sinh;	Thành phố Hòa Bình, Lương Sơn, Kỳ Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy, Mai Châu, Lạc Sơn, Cao Phong, Tân	Quyết định số 2436/QĐ-UBND

				công nghệ đốt	Lạc, Đà Bắc, Kim Bôi	
Hưng Yên	650	4 khu xử lý và 48 bãi chôn tập trung	5800	Công nghệ đốt; Sản xuất phân hữu cơ; Tái chế vật liệu; chôn lấp hợp vệ sinh	Khoái Châu, Yên Mỹ, Phù Cừ, Ân Thi, Kim Động, Tiên Lữ	Quyết định số 300/QĐ-UBND
Phú Thọ	704,4	1 nhà máy xử lý CTR; 5 điểm tập trung CTR và 2 khu liên hợp xử lý CTR	630	Công nghệ đốt; Sản xuất phân vi sinh; Chôn lấp; Ủ phân compost quy mô nhỏ	Việt Trì, Hạ Hòa, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Tân Sơn,Tam nông, Phú Ninh	Quyết định số 2032/QĐ-UBND
Thái Nguyên	775			Chế biến phân vi sinh; Đốt; Chôn lấp		Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND
Vĩnh Phúc	830	05 khu xử lý, 01 cơ sở xử lý CTR sản xuất phân compost, 274 điểm tập kết CTR và 56 lò đốt rác công suất nhỏ	470	Chôn lấp; Đốt; Xử lý rác bằng công nghệ sản xuất phân compost	Bình Xuyên, Tam Dương, Lập Thạch, Vĩnh Tường	Quyết định số 3235/QĐ-UBND
Tổng số	**12.967,1**		**20.978**			

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm chuyên gia

Theo quy định pháp luật hiện hành (Luật Giá, Luật Phí và Lệ phí, Luật BVMT, Luật Tổ chức chính quyền địa phương), chi phí thu gom và xử lý CTR sẽ do các địa phương quyết định dựa trên các hướng dẫn chung của Chính phủ và điều kiện về tình hình kinh tế xã hội của địa phương. Hiện nay, chi phí thu gom và xử lý CTRSH của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô vẫn đang duy trì ở mức thấp hơn mức bình quân của các nước thu nhập trung bình (mức thu nhập bình quân đầu người tương đương với Việt Nam), thậm chí còn thấp hơn các quốc gia thu nhập thấp (mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn Việt Nam)

(xem Bảng 25).

Đối với vấn đề xử lý ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí, các địa phương chủ động trong việc lập dự toán và thực hiện các biện pháp để xử lý trên địa bàn của tỉnh/thành phố. Đối với một số hạng mục, chương trình cấp quốc gia, ngân sách trung ương có hỗ trợ trong việc thực hiện.

Tác động tiêu cực:

Theo định hướng quản lý CTR của Vùng Thủ đô tại Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì đến năm 2030, 100% các đô thị trong Vùng Thủ đô có công trình tái chế CTR; 100% lượng CTRSH đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; 100% tổng lượng CTR công nghiệp, 90% lượng CTR các điểm dân cư nông thôn và 100% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường". Như vậy, nếu áp dụng các biện pháp thực thi theo Giải pháp 1 thì chưa đáp ứng được mục tiêu đặt ra tại Quyết định số 768/QĐ-TTg. Ngoài ra, Giải pháp 1 chưa tạo điều kiện để thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Trung ương về *"Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực Sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050"* và *"có biện pháp để cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải... Tăng nhanh tỉ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô Lịch*", và *"xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt"*.

Do các quy định pháp luật hiện hành (Luật Giá, Luật Phí và Lệ phí, Luật BVMT, Luật Tổ chức chính quyền địa phương) yêu cầu chi phí thu gom và xử lý CTR dựa trên điều kiện về tình hình kinh tế xã hội của địa phương nên dẫn đến các địa phương trong Vùng Thủ đô có GRDP thấp hơn Thủ đô không thể có mức chi phí thu gom, vận chuyển CTR nhiều như Thủ đô đang chi trả. Trong khi đó, mức chi phí thu gom, vận chuyển CTR của Thủ đô Hà Nội còn thấp hơn mức trung bình chung của các quốc gia khác (xem Bảng 25). Vấn đề này không chỉ tác động tiêu cực trực tiếp về môi trường cho Thủ đô mà còn tác động tiêu cực gián tiếp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Chi phí thu gom và vận chuyển CTR áp dụng cho người dân và doanh nghiệp thấp so với chi phí thực tế mà Nhà nước phải chi trả thì Nhà nước sẽ phải bù lỗ cho các hoạt động này[176].

[176]Báo Tài nguyên và Môi trường, Giá xử lý rác mỗi nơi một kiểu, https://baotainguyenmoitruong.vn/gia-xu-ly-rac-moi-noi-mot-kieu-294763.html

Bảng 25: Tổng hợp chi phí cho quản lý CTRSH (USD/tấn)

Hoạt động	Hà Nội	Các nước thu nhập thấp	Các nước thu nhập trung bình	Các nước thu nhập trung bình cao	Các nước thu nhập cao
Thu gom và vận chuyển	6-22	25-50	30-75	50-100	90-200
Chôn lấp hợp vệ sinh	2-2,4	10-20	15-40	20-65	40-100
Chôn lấp không hợp vệ sinh	-	2-8	3-10	-	-
Sản xuất phân compost	-	5-30	10-40	20-75	35-90

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm chuyên gia[177]

Đối với việc xử lý ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí đối với Vùng Thủ đô, chỉ tính riêng giai đoạn 2017-2018 kinh phí dành cho các dự án cải tạo lưu vực sông Nhuệ - Đáy hơn 38.000 tỷ đồng. Một số chương trình, dự án xử lý nước thải, cải thiện môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy được triển khai như: Dự án thí điểm xây dựng Trạm xử lý nước thải sông Nhuệ tại 2 thôn Phú Hà và Phú Thứ - Từ Liêm với công suất 400m^3/ngày đêm; xây dựng Trạm xử lý nước thải tại một số điểm xả vào sông Nhuệ với công suất 1.500-2.000m^3/ngày đêm; Dự án "Quản lý ô nhiễm môi trường các KCN thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy"....

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Đối với vấn đề xử lý CTR, chi phí thu gom và vận chuyển CTRSH hiện nay của Thủ đô Hà Nội nói riêng và của các tỉnh trong Vùng Thủ đô nhìn chung còn thấp (xem Bảng 25) so với các quốc gia khác. Mức chi phí thấp này có lợi về kinh tế trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp.

Người dân, doanh nghiệp đang có thu nhập từ hoạt động phân loại và tái chế

[177]Kaza Silpa, Lisa Yao and Perinaz Bhada-Tata, 2018. What a Waste 2.0: Tổng quan Quản lý chất thải toàn cầu tới năm 2050. Chuyên đề Phát triển đô thị, World Bank; Quyết định 54/2016/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 31/12/2016 ban hành bảng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với CTR công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với CTR công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Quyết định số 6841/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CTR tiếp tục được hưởng lợi từ các chính sách và quy định hiện hành.

Tác động tiêu cực:

Do chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thấp nên công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Thủ đô và các tỉnh trong Vùng Thủ đô chưa cao, chủ yếu vẫn là chôn lấp hoặc công nghệ thấp (xem Bảng 24). Vấn đề này ảnh hưởng lớn tới môi trường và sức khoẻ của người dân. Người dân sẽ phải tốn kém về chi phí cho việc bảo đảm sức khoẻ của mình.

a.4. Vấn đề xây dựng chuỗi đô thị thông minh cấp quốc gia

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về kinh tế đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với vấn đề xây dựng đô thị thông minh ở Thủ đô hay chuỗi đô thị thông minh Vùng Thủ đô là tạo ra một chuỗi đôthịthôngminh, hiệnđại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; pháttriểnnhanh, bềnvững, cósứclantỏa đểthúcđẩyVùngđồngbằngsôngHồng, VùngkinhtếtrọngđiểmBắcBộtheo định hướng tại Nghị quyết 15/NQ-TW và Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Quacuộcchiếnchốngđạidịch Covid-19, các giải pháp của đôthịthôngminhđãgiúpchonềnkinhtếđôthịvàansinhxãhộicủa Việt Nam nói chung và của các đô thị đã nhanhchóng phụchồi, đặc biệt là Hà Nội. Các giải pháp về liên kết, chia sẻ và tích hợp thông tin (đặc biệt là các ứng dụng phòng, chống dịch Covid và mua sắm, chăm sóc sức khoẻ và thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến đã giúp cho Hà Nội kiểm soát được dịch bệnh qua những đợt bùng phát. Tuy nhiên, do việc chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương trong Vùng Hà Nội không được liên kết nên tình trạng ngăn cản giao thông di chuyển giữa các địa phương đã xảy ra, đã tác động tiêu cực tới sự phát triển của các địa phương.

Tác động tiêu cực:

Phát triểncác đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô sẽ cần phải có các khoản đầu tư lớn ban đầu để xây dựng cơ sở hạ tầng cho các đô thị thông minh. Nếu các địa phương tự phát triển đô thị thông minh mà không có một quy hoạch, kế hoạch thống nhất chung và thiếu sự điều phối toàn vùng thì có thể sẽ gây ra lãng phí trong hoạt động đầu tư tại các địa phương.(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Phát triển các chuỗi đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống, như môi trường sống thoảimái, tích cực, lành mạnh và an toàn.Người dân có thể thụ hưởng các tiện ích baogồm: sử dụng năng lượng với chi phí thấp; hệ thống giao thông công cộng tiện lợi;học sinh có thể học tại các trường học đạt chất lượng tốt; các đơn vị ứng cứu khẩncấp phản ứng nhanh chóng, kịp thời; không khí trong lành, nguồn nước sạch; tỷ lệ tộiphạm thấp; và các hoạt động vui chơi giải trí đa dạng

- Nâng cao hiệu quả làm việc: Người lao động được cung cấp các dịch vụ hạtầng cơ bản để đảm bảo khả năng cạnh tranh tốt trên thương trường thế giới, baogồm: kết nối Internet băng rộng; các nguồn năng lượng sạch, ổn định với chi phíthấp; các cơ hội để được học hành, trau dồi kỹ năng, kiến thức; chi phí cho khônggian sống và làm việc vừa tầm thu nhập; và hệ thống giao thông vận tải hiệuquả.

- Đảm bảo phát triển bền vững: Thông qua công tác dự báo, ĐTTM giúp sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tiết kiệm chi phí. Nhờ đó, tiền thuế của người dânđược sử dụng một cách hợp lý, cho phép nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụcông. Việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên cũng đảm bảo lợi ích cho các thếhệ tương lai. Với mô hình quản lý hiện đại theo hướng tích hợp hướng đến ĐTTM,các đô thị có thể cung cấp cho công chúng các nguồn dữ liệu theo thời gian thực trênmột nền tảng mở và đa tương thích, cho phép tích hợp các dịch vụ và tối ưu cácnguồn lực của đô thị. Dữ liệu dùng chung sẽ trở thành tài sản được sử dụng để phântích dự báo các xu hướng phát triển và tăng cường hiệu quả quy hoạch đô thị.Dữ liệu mở sẽ giúp khuyến khích các hoạt động đổi mới xuất phát từ nhu cầucủa người dân và doanh nghiệp cũng như từ nhu cầu nội tại của các đơn vị cung cấpdịch vụ (bao gồm các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp), qua đó, vừa giúpnâng cao chất lượng các dịch vụ, vừa góp phần tạo ra các dịch vụ và giá trị mới.Lãnh đạo đô thị cũng có thể cân đối ngân sách một cách tổng thể và linh hoạt hơn đểhướng đến các giá trị kinh tế chung thay vì gói gọn trong một lĩnh vực nhất định. Môhình này cũng cho phép thiết lập hệ thống quản trị xuyên suốt để hỗ trợ và đánh giáhiệu quả các thay đổi ở mức độ vĩ mô.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 1 có tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 không rõ ràng và không có thông tin.

a.5. Vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về kinh tế đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô là không rõ ràng do việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng nói riêng và giữa vùng Thủ đô với vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các vùng khác trong cả nước nói chung còn hạn chế, như: thiếu cơ quan đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hoà lợi ích, giải quyết các vấn đề chung dẫn đến việc liên kết vùng Thủ đô chưa đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc vùng[178].

[178]Công văn số 1444/KHĐT-THQH của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 08/04/2022 về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về kinh tế đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô là đối với việc nhiều thiết chế tham gia vào cơ chế điều phối Vùng Thủ đô. Như đã phân tích trong phần Bất cập của Chính sách 9, trước khi có Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ, có nhiều thiết chế khác nhau để thực hiện một số hoạt động thực thi của Luật Thủ đô và các luật chuyên ngành khác, như Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Uỷ ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy. Việc thành lập ra nhiều thiết chế sẽ gây tốn kém về nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ của các thiết chế.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 không rõ ràng. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô không phải là một cơ quan hành chính để ảnh hưởng trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 không rõ ràng.

b) Tác động về xã hội:

b.1. Vấn đề kế hoạch, quy hoạch Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Các địa phương trong Vùng Thủ đô có thể chủ động trong việc lập và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch của địa phương mình theo Giải pháp 1, căn cứ theo Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và các luật chuyên ngành khác.

Tác động tiêu cực:

GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội thấp hơn mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020. Để đạt được mục tiêu GRDP bình quân đầu người vào năm 2026-2030 là 12.000-13.000 USD tại Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô thì Thủ đô Hà Nội cần phải có các giải pháp khác, bên cạnh Giải pháp 1.

Nếu các quy hoạch của Thủ đô với các địa phương khác trong Vùng Thủ đô không có được sự thống nhất, đồng bộ và liên kết thì sẽ gây nhiều tác động tiêu cực về phát triển xã hội, như các mục tiêu phát triển đô thị ở ngoại ô Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô để kéo giãn dân cư ra khỏi các đô thị trung tâm của Thủ đô và giảm khoảng cách chênh lệch về phát triển kinh tế xã hội giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương khác trong vùng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Như đã phân tích ở tác động tích cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 đã thúc đẩy mức tăng trưởng chung cho Thủ đô Hà Nội cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay. Việc liên kết giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô sẽ tác động tới 20.377.180 người dân trong Vùng (chiếm 21% dân số toàn quốc).

Việc tăng trưởng chung của Vùng Thủ đô sẽ làm giảm đi số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (xem Bảng 19- Chính sách 8) nhờ triển khai các kế hoạch, quy hoạch và biện pháp thực thi hiện nay.

Tác động tiêu cực:

Như đã phân tích ở tác động tiêu cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 chưa thực hiện được mục tiêu của Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 về GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội. Ngoài ra, nếu tiếp tục Giải pháp này, Thủ đô Hà Nội sẽ khó đạt được mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô đối với GRDP bình quân đầu người các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và đến 2045. Đồng thời, Thủ đô Hà Nội khó khăn trong việc hỗ trợ, thúc đẩy các địa phương trong Vùng Thủ đô phát triển.

b.2. Vấn đề đầu tư trong Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Giải pháp 1 không có tác động tích cực rõ ràng vì Thủ đô Hà Nội không thể đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội vào các địa phương trong Vùng Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

Như đã phân tích, pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư công 2014, Luật Ngân sách nhà nước 2015) chưa tạo điều kiện thuận lợi để một địa phương có thể sử dụng ngân sách đầu tư sang địa phương khác để thúc đẩy các hoạt động phát triển chung giữa các địa phương hay của Vùng Thủ đô, từng bước xoá bỏ khoảng cách về thu nhập, đời sống kinh tế xã hội giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về xã hội đối với người dân và doanh nghiệp ở Giải pháp 1 là Thủ đô Hà Nội và các địa phương sẽ chú trọng đầu tư chủ yếu vào địa phương mình nên các địa phương có mức tăng trưởng khác nhau. Thủ đô Hà Nội và Bắc Ninh có GRDP cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay, số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội giảm một cách rõ rệt (xem Chính sách 8).

Tác động tiêu cực:

Do Giải pháp 1 chưa tạo điều kiện cho các địa phương được đầu tư vào các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội sang địa phương khác nên chưa

giảm được khoảng cách phát triển giữa các địa phương, đặc biệt là nâng cao được điều kiện sống và khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ. thuật và xã hội tốt hơn cho người dân ở các tỉnh khác trong Vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

b.3. Vấn đề môi trường Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Như đã phân tích ở Tác động kinh tế, các địa phương trong Vùng Thủ đô có tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt tỷ lệ cao. Chi phí thu gom và xử lý CTR theo Giải pháp 1 sẽ do các địa phương chủ động quyết định. Chi phí thu gom và xử lý CTRSH của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô vẫn đang duy trì ở mức thấp hơn mức bình quân của các nước thu nhập trung bình (xem Bảng 25).

Tác động tiêu cực:

Chi phí thu gom và xử lý CTR ở Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô thấp dẫn đến ngân sách của các địa phương phải bù lỗ cho các hoạt động này[179] và không khuyến khích công tác xã hội hoá (thu hút khu vực tư nhân) đối với hoạt động này để có thể nâng cao năng lực thu gom và xử lý CRT bảo đảm tốt hơn môi trường.

Việc thiếu ngân sách để bố trí cho hoạt động thu gom, xử lý rác thải, cải thiện ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong Vùng Thủ đô sẽ tác động tiêu cực tới sức khoẻ chung của người dân sinh sống trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và vùng Đồng bằng Sông Hồng. Vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp và tạo áp lực tới hệ thống y tế và chăm sóc sức khoẻ trên địa bàn Vùng Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Tương tự như tác động đối với chủ thể Nhà nước, mức phí thu gom và xử lý CTR ở Thủ đô và tỉnh trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng thấp sẽ có lợi trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp.

Người dân, doanh nghiệp đang có thu nhập từ hoạt động phân loại và tái chế CTR tiếp tục được hưởng lợi từ các chính sách và quy định hiện hành.

Tác động tiêu cực:

Do chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thấp nên công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Thủ đô và các tỉnh trong Vùng Thủ đô chưa cao ở Giải pháp 1 nên chưa tạo cơ chế đột phá để thu hút hoạt động đầu tư cho các giải pháp xử lý CTRSH hiện đại, công nghệ xử lý CTR hiện nay chủ yếu vẫn

[179]Báo Tài nguyên và Môi trường, Giá xử lý rác mỗi nơi một kiểu, https://baotainguyenmoitruong.vn/gia-xu-ly-rac-moi-noi-mot-kieu-294763.html

là chôn lấp hoặc công nghệ thấp (xem Bảng 24). Vấn đề này ảnh hưởng lớn tới môi trường và sức khoẻ của người dân tại Thủ đô Hà Nội nói riêng mà còn cho người dân ở trong Vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng. Người dân sẽ phải tốn kém về chi phí cho việc bảo đảm sức khoẻ của mình.

b.4. Vấn đề xây dựng chuỗi đô thị thông minh cấp quốc gia

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Trong liên kết vùng, từng đô thị được quy hoạch không gian đô thị thông minh thông qua việc bố trí không gian đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai với hệ thống không gian mở gồm các vùng xanh tự nhiên, các không gian mặt nước, các khu vực thấp trũng thoát nước tự nhiên, các khu vực có nguy cơ chịu lũ quét, nước biển dâng…; phân khu chức năng đô thị, quy hoạch sử dụng đất theo từng khu vực; phát triển mạng lưới công trình hạ tầng có quy mô và chất lượng nhằm kết nối các khu vực chức năng. Phát triển không gian đô thị, lựa chọn kiểu dáng, hình khối công trình tiết kiệm năng lượng đồng thời tạo ra hình ảnh đặc trưng của đô thị phù hợp với môi trường tự nhiên. Phát triển hạ tầng kỹ thuật cho đô thị thông minh thông qua các giải pháp về giao thông thông minh; cấp thoát nước thông minh, đảm bảo khả năng kiểm soát, xử lý ô nhiễm và an toàn chất lượng; phát triển năng lượng sạch, chiếu sáng đô thị thông minh; hệ thống thu gom và xử lý rác thải đô thị thông minh…

Phát triển đô thị thông minh sẽ là quá trình chuyển đổi mô hình đô thị từ phát triển dựa trên nguyên liệu hóa thạch, phát thải cao sang mô hình đô thị phát thải thấp với việc nén đô thị, tái cấu trúc đô thị sang hướng sử dụng, sản xuất năng lượng tái tạo trong giao thông đô thị và các dự án phát triển đô thị mới, tái thiết đô thị, phát triển giao thông công cộng… Các hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh, hệ thống quản lý năng lượng thông minh, quản lý chiếu sáng thông minh…trở thành các công cụ cho mục đích phát triển và quản lý phát triển.

Tác động tiêu cực:

Như đã nêu ở phần Bất cập của chính sách, Giải pháp 1 chưa tạo ra cơ sở pháp lý để các hoạt động liên kết trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng có thể hiệu quả và thống nhất từ khâu lập quy hoạch đến khâu thực hiện quy hoạch về phát triển đô thị thông minh. Đặc biệt, hoạt động lập quy hoạch rất cần sự chia sẻ dữ liệu của các địa phương trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô sẽ giúp cho người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ công của Nhà nước từ các đô thị thông minh tại địa phương, như dễ dàng trong việc giao tiếp với cơ quan nhà nước, tiếp cận các dịch vụ công

nhanh chóng.Các dịch vụ công có thể được cá nhân hóa cho từng người dân.Người dân có thể vừa đóng góp vừa truy cập vào dữliệu của đô thị theo thời gian thực, và xây dựng các ứngdụng sử dụng dữ liệu.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 1 chưa khuyến khích việc chia sẻ dữ liệu và thủ tục hành chính giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để người dân, doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin cũng như thực hiện thủ tục hành chính.

b.5. Vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về xã hội đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô là không rõ ràng do việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô nói chung còn hạn chế và Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ-TTGcủa Thủ tướng Chính phủ mới có hiệu lực.

Tác động tiêu cực:

Như đã phân tích trong phần Bất cập của Chính sách 9, trước khi có Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ-TTGcủa Thủ tướng Chính phủ,tác động tiêu cực về xã hội đối Nhà nước ở Giải pháp 1 nàylà có nhiều thiết chế khác nhau của Nhà nước để thực hiện một số hoạt động thực thi của Luật Thủ đô và các luật chuyên ngành khác như đã phân tích ở trên.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Hoạt động liên kết vùng không chỉ thúc đẩy phát triển về kinh tế giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng mà còn thúc đẩy phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, du lịch, việc làm và các chính sách an sinh xã hội, phát triển bao trùm bền vững cho toàn 3 vùng này. Người dân và doanh nghiệp trong vùng Thủ đô sẽ được hưởng lợi từ chính sách này (xem thêm các phân tích ở các Chính sách 4, 5, 6, 7 và 8).

Trước khi có Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ-TTGcủa Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô,tác động tích cực về xã hội đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 chưa rõ ràng do các văn bản này chưa có nhiều thời gian thực thi trên thực tế để đánh giá.

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về xã hội đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô bao gồm: các kế hoạch, quy hoạch không được đồng bộ, thống nhất và kém thực thi do thiếu một Hội đồng điều phối Vùng nên ảnh hưởng tới đời sống của người dân, doanh nghiệp.

c) Tác động về giới

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Các vấn đề về kế hoạch, quy hoạch, đầu tư, môi trường Vùng Thủ đô và vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô sẽ có một số tác động tích cực về giới, như bảo đảm tốt hơn khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của phụ nữ và trẻ em gái ở trong Vùng Thủ đô (khoảng 10.260.740 người chiếm hơn 50% dân số Vùng Thủ đô). Việc xây dựng các tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 sẽ kết nối văn hoá xã hội giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô. Các tuyến đường giao thông thuận lợi không chỉ thúc đẩy cho việc phát triển kinh tế mà còn giúp tạo điều kiện đời sống cho người dân nói chung và việc phát triển về việc làm, đời sống xã hội cho nữ giới.

Tác động tiêu cực:

Giải pháp 1 chưa thúc đẩy mạnh mẽ việc liên kết phát triển giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô để bảo đảm các tác động tích cực về giới sẽ được phát huy nhanh chóng đối với phụ nữ và trẻ em gái.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp 1 không làm phát sinh TTHC. Tuy nhiên, những yếu tố tác động tới chi phí tuân thủ TTHC ở Giải pháp 1 của các địa phương trong Vùng Thủ đô.

Hình 10: Mức độ cải thiện về chi phí tuân thủ TTHC của các tỉnh/thành phố thuộc Vùng Thủ đô

	Hà Nội	Vĩnh Phúc	Thái Nguyên	Bắc Ninh	Bắc Giang	Hưng Yên	Hải Dương	Phú Thọ	Hòa Bình	Hà Nam
Năm bắt đầu	68,2	61,1	70,2	75,5	81,3	86,6	87,2	83,8	66,2	68,0
Cao nhất	77,1	81,8	79,8	81,9	94,5	86,6	87,2	87,4	81,3	84,1
Thấp nhất	58,7	61,1	70,2	74,4	69,6	77,5	68,7	74,2	66,2	65,5
Năm gần nhất	77,1	81,8	78,4	74,4	75,8	77,5	77,9	74,2	70,1	65,5

GHI CHÚ: Điểm CPTT phản ánh mức độ dễ dàng trong việc thực hiện một TTHC trên thang điểm từ 0 đến 100, trong đó 0 đại diện cho mức khó khăn nhất và 100 đại diện cho mức dễ dàng nhất trong số mẫu doanh nghiệp thực hiện TTHC được khảo sát. Thanh màu trắng thể hiện xu hướng tăng, điểm APCI 2021 > điểm APCI 2018; Thanh màu tối thể hiện xu hướng giảm, điểm APCI 2021 < điểm APCI 2018. Hai đầu của đường thẳng giữa các thanh (đầu và chân) thể hiện điểm APCI cao nhất và thấp nhất trong bốn năm

Nguồn: Khảo sát APCI 2018-2021

Theo Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC 2021 (APCI 2021) của Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ, các địa phương trong các vùng KTTĐ hoặc vùng lân cận (như vùng Thủ đô[180]) có thể hợp tác với nhau trong việc liên thông thực hiện TTHC, chia sẻ dữ liệu thông tin theo mô hình đô thị thông minh để có thể hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp trong vùng, nhờ đó có thể thúc đẩy việc phát triển kinh tế. Hình 10 thể hiện điểm số và xu hướng cải thiện của 10 địa phương thuộc vùng Thủ đô qua các năm cho thấy các tỉnh trong Vùng Thủ đô đều có những cải thiện đáng kể về xử lý TTHC để giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp kể từ năm 2018 (năm bắt đầu đánh giá chi phí tuân thủ TTHC của Báo cáo APCI). Theo đánh giá của Báo cáo APCI 2021, các tỉnh thuộc vùng Thủ đô có điểm số cải thiện chi phí tuân thủ khá gần nhau ở mức độ cao nên có thể cân nhắc về việc triển khai hợp tác kiểu mẫu về giải quyết TTHC cho các vùng KTTĐ khác. Trong thời gian tới, xu hướng đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng (như giao thông đường bộ, đường sắt kết nối các địa phương, hoặc đường dây truyền tải điện qua nhiều địa phương, nhà máy xử lý rác thải…) giữa các địa phương xuất hiện. Các địa phương có thể liên kết để cấp phép cho một hoặc một chuỗi các dự án thay vì phải thực hiện các TTHC để xin phép ở cấp Chính phủ.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp 1 tiếp tục thực hiện các quy định của Luật Thủ đô 2012 về quy hoạch, đầu tư và cơ chế phối hợp (Điều 8, Điều 19 và Điều 23). Giải pháp 1 có tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, bảo đảm khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nói chung. Các quy định hiện hành cũng bảo đảm khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Tuy nhiên, Giải pháp 1 còn có một số vấn đề sau:

- Đối với khả năng bảo đảm thi hành của các địa phương trong Vùng Thủ đô:

- Vấn đề xây dựng và thực hiện quy hoạch của các địa phương trong Vùng Thủ đô chưa tạo được sự gắn kết, thống nhất trong việc lập và bảo đảm thực hiện các quy hoạch của Thủ đô theo Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô với các quy hoạch của các địa phương khác.
- Việc thực thi Luật Thủ đô 2012 đối với Vùng Thủ đô còn có nhiều thiết chế tham gia điều phối, như Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô theoNghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định số 968/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Uỷ ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy. Việc thành lập ra nhiều

[180]Bao gồm các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hoà Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên theo Nghị định 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô.

thiết chế sẽ gây tốn kém về nguồn lực, chồng chéo hoặc có khoảng trống về thực thi nhiệm vụ, công tác phối hợp giữa các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên vùng, liên tỉnh chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra...[181]

- Pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư công 2014, Luật Ngân sách nhà nước 2015, Luật Thủ đô 2012) chưa tạo điều kiện thuận lợi để một địa phương có thể sử dụng ngân sách đầu tư sang địa phương khác để thúc đẩy các hoạt động phát triển chung giữa các địa phương hay của Vùng Thủ đô, như đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dẫn đến việc chống biến đổi khí hậu cũng gặp khó khăn, điển hình là việc chậm triển khai quy hoạch phòng, chống lũ trên sông Hồng, giảm thiểu ô nhiễm trên sông Nhuệ - sông Đáy.

9.4.2. Giải pháp 2: Quy định mở rộng chức năng và tăng thẩm quyền của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô và thành lập các cơ quan chuyên trách về môi trường, kinh tế, văn hóa - xã hội, phát triển hạ tầng của Vùng Thủ đô, có chức năng xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện các kế hoạch, dự án có tính chất liên tỉnh trong vùng. Tiếp thu, luật hóa một số nội dung của Nghị định 91/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô. Để thực hiện giải pháp này, Luật Thủ đô cần quy định thẩm quyền trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của Vùng Thủ đô về môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng Vùng Thủ đô.

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

<u>Tác động tích cực:</u>

Mở rộng chức và tăng thẩm quyền cho của Hội đồng điều phối Vùng và các cơ quan chuyên trách của Vùng Thủ đô sẽ góp phần để Thủ đô Hà Nội thực hiện thành công mục tiêu GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội 7.100-7.500USD/năm được đề ra tại Nghị quyết 11-NQ/TW vào giai đoạn 2021-2025, và 12.000 - 13.000 USD tại giai đoạn 2026-2030, trên 36.000 USD đến 2045 theo Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô. Đồng thời, Giải pháp 2 sẽ giúp cho việc thực hiện mục tiêu "*Thủ đô Hà Nội là Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước".* Giải pháp này không chỉ tạo điều kiện để Thủ đô Hà Nội đạt được mục tiêu của riêng Hà Nội mà còn thúc đẩy các địa phương trong vùng Thủ đô có mức tăng trưởng tốt hơn khi liên kết.

[181]Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 91; Báo Hà Nội mới, Cần cơ chế đặc thù BVMT sông Nhuệ - Đáy, 2020, https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Khoa-hoc/987024/can-co-che%C2%A0dac-thu-bao-ve-moi-truong-song-nhue---day

Giải pháp 2 sẽ nâng cao hiệu quả của Hội đồng điều phối Vùng thông qua thiết chế Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, hoạt động có tính thường xuyên và phối hợp với các Tổ giúp việc điều phối cấp Bộ và cấp địa phương theo sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội. Thiết chế này sẽ dựa trên các nguồn lực sẵn có của Thủ đô để hỗ trợ cho công tác hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng nói riêng và Hội đồng điều phối Vùng nói chung. Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng sẽ có các bộ phận chuyên trách trong các lĩnh vực môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng giúp việc. Như vậy, các nội dung hợp tác, liên kết phát triển sẽ được thúc đẩy để toàn Vùng Thủ đô phát triển vượt trội.

Giải pháp 2 sẽ hạn chế được chồng chéo về nhiệm vụ của các thiết chế thực thi Luật Thủ đô 2012, như Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô, Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Uỷ ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy… Toàn bộ hoạt động thực thi Luật Thủ đô với các công tác trong Vùng Thủ đô sẽ còn thực hiện thông qua Hội đồng điều phối Vùng. Như vậy, Giải pháp 2 sẽ tiết kiệm được nguồn chi ngân sách cho hoạt động của các thiết chế ở Giải pháp 1 và tiết kiệm được thời gian làm việc và nguồn lực.

Việc củng cố cơ chế liên kết Vùng Thủ đô với thiết chế Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô đặt tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, hoạt động có tính thường xuyên và phối hợp với các Tổ giúp việc điều phối cấp Bộ và cấp địa phương theo sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ hình thành một thiết chế đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hoà lợi ích, giải quyết các vấn đề chung của hoạt động liên kết Vùng Thủ đô và đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc Vùng. Đặc biệt, Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có bộ phận chuyên trách về môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng Vùng Thủ đô sẽ nâng cao hiệu quả của công tác BVMT của Thủ đô nói riêng và các địa phương trong Vùng Thủ đô nói chung, công tác BVMT lưu vực các dòng sông chảy qua Vùng Thủ đô, như sông Hồng, sông Nhuệ, sông Đáy và sông Đuống, công tác quản lý thống nhất quy hoạch các khu xử lý CTR theo hướng khu xử lý dùng chung giữa các tỉnh và ưu tiên thu gom các địa bàn gần khu xử lý với khoảng cách được quy định, không phân biệt địa phận hành chính cấp tỉnh thì sẽ tiết kiệm hơn về tài chính để xử lý CTR, công nghệ xử lý sẽ có chất lượng hơn trên toàn bộ Vùng Thủ đô, đặc biệt là các công nghệ xử lý CTR kết hợp thu hồi năng lượng sẽ giảm phát thải trên địa bàn toàn Vùng Thủ đô[182].

Nâng cao hiệu quả của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô sẽ tác động tới việc chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương để xây dựng và phát triển thành công đô thị

[182]Ví dụ nếu có cơ chế hợp tác, dùng chung các khu xử lý CTR, khu vực Phú Xuyên, Mỹ Đức của Hà Nội có thể vận chuyển CTR xuống khu vực tỉnh Hà Nam để xử lý, tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc vận chuyển về khu Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

thông minh của địa phương mình một cách có chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm được chi phí đầu tư cho Nhà nước.

Liên kết vùng trong xây dựng đô thị thông minh bao gồm các hoạt động liên kết về không gian (như giao thông, quản lý lưu vực các dòng sông, quản lý CTR, ô nhiễm không khí, dòng thông tin…) và liên kết giữa các lĩnh vực (chẳng hạn sản xuất nông nghiệp và dịch vụ, xây dựng và môi trường…). Việc liên kết này sẽ giúp các địa phương trong Vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có thể cùng sử dụng một cách hợp lý các nguồn lực phát triển hướng tới sự phân bổ lợi ích hợp lý và cùng chia sẻ rủi ro, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội cao và phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô sẽ tác động tới sự phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của Vùng Thủ đô, tạo điều kiện thuận lợi cho các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hoá-xã hội; phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, bảo đảm quốc phòng - an ninh; thu hút đầu tư vào Vùng Thủ đô, nâng cao năng lực cạnh tranh của các địa phương trong Vùng Thủ đô và thúc đẩy mạnh mẽ phát triển liên kết Vùng Thủ đô để phát huy vai trò động lực tăng trưởng của Vùng và tạo ra vùng động lực tăng trưởng mới, cực tăng trưởng mới theo Nghị quyết số 16/2021/QH15 của Quốc hội về phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Hoàn thành tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 sớm sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh tế và du lịch của toàn Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, kết nối các khu du lịch quốc gia trong các vùng. Việc hợp tác liên kết vùng sẽ thúc đẩycác mô hình mô hình hợp tác du lịch vùng, như du lịch nội đô lịch sử Hà Nội và các đô thị trung tâm (bao gồm du lịch văn hoá, di sản, ẩm thực, mua sắm),cụm du lịch ven đô (du lịch MICE[183], thể thao, giải trí), du lịch vùng ngoại thành (du lịch nghỉ dưỡng, du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, trải nghiệm, học đường).Theo tính toán tại Quyết định 1355/QĐ-TTg ngày 14/08/2015, đến 2025 các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ sẽ đón khoảng 9 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ hơn 26 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu nhập từ du lịch đạt xấp xỉ 170 nghìn tỷ đồng; tạo được khoảng 350 nghìn lao động trực tiếp; cơ sở lưu trú khoảng 170 nghìn buồng[184]. Tổng hợp cả hai vùng, các tác động tích cực về kinh tế lớn hơn nhiều[185].

Giải pháp 2 sẽ giúp cho công tác quy hoạch xây dựng đô thị được dựa trên các nền tảng công nghệ và hệ cơ sở dữ liệu lớn từ các địa phương trong Vùng Thủ đô để các ứng dụng cho quản lý đô thị trên nền tảng thiết bị thông minh có thể cùng truy cập và sử dụng nguồn cơ sở dữ liệu này. Các thiết kế quy hoạch được

---

[183]Du lịch MICE là thuật ngữ du lịch được viết tắt M (Meeting/hội họp), I (Incentive/khen thưởng), C (Convention/hội thảo, hội nghị) và E (Exhibition/triển lãm).

[184]Quyết định 1355/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/08/2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

[185]Các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gồm 7 tỉnh: Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Ninh.

ứng dụng hệ thông tin địa lý GIS và kết hợp số hóa để đưa sản phẩm lên trên nền tảng internet sẽ giúp cho việc triển khai quy hoạch, xây dựng và quản lý quy hoạch, xây dựng ở các giai đoạn tiếp theo được hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Đặc biệt, Giải pháp 2 sẽ giúp cho Hà Nội và các địa phương trong vùng Thủ đô, Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ hợp tác *"phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ quốc gia và của vùng. Tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ ở một số lĩnh vực có thế mạnh đạt trình độ quốc tế"* và *"xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng, phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam…, trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, công nghệ sinh học*theo các mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 30/NQ-TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng.

Giải pháp 2 sẽ giúp cho việc hiện thực hoá yêu cầu Nghị quyết 15/NQ-TW và Nghị quyết 30/NQ-TW về phát triển Hà Nội là đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

<u>Tác động tiêu cực:</u>

Giải pháp 2 cần phải lưu ý tới khả năng Hội đồng điều phối Vùng và các cơ quan chuyên trách có khả năng trở thành một cấp quản lý và có thể làm chậm tiến độ xử lý các dự án, các hoạt động phát triển kinh tế trong Vùng và làm gia tăng chi phí tuân thủ pháp luật cho các cơ quan nhà nước trong vùng Thủ đô.

Nếu năng lực quản lý nhà nước của Hội đồng điều phối Vùng và cơ quan chuyên trách không tốt thì sẽ làm ảnh hưởng đến định hướng phát triển kinh tế, hiệu quả hoạt động kinh tế của từng địa phương và cả vùng Thủ đô.

Nếu vai trò và trách nhiệm của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh không rõ ràng trong Hội đồng Vùng, Thủ đô Hà Nội sẽ không phát huy được vai trò là đầu tàu kinh tế của khu vực phía Bắc, không hỗ trợ và phối hợp hiệu quả trong phát triển kinh tế với các địa phương trong Vùng Thủ đô và các địa phương không thực hiện tốt trách nhiệm tham gia vào sự phát triển chung của toàn vùng.

(ii)Người dân, doanh nghiệp:

<u>Tác động tích cực:</u>

Việc hợp tác vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng

bằng Sông Hồng phát triển sẽ tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập tăng thêmcho người dân. Đặc biệt, công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển được tốt sẽ giúp thúc đẩy cho hoạt động liên kết giữa các địa phương trong Vùng được hiệu quả, đặc biệt trong phát triển kinh tế và tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Doanh nghiệp ở các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sẽ có cơ hội về tiếp nhận đầu tư, hợp tác đầu tư và thực hiện các hoạt động kinh doanh khi các quy hoạch, kế hoạch của địa phương được đồng bộ với các quy hoạch vùng và quy hoạch của Thủ đô Hà Nội và việc triển khai có hiệu quả của các quy hoạch này.

Doanh nghiệp tại các địa phương trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng có cơ hội tiếp cận với tiềm lực KHCN và vốn đầu tư của Thủ đô Hà Nội vào các địa phương.

Người dân, doanh nghiệp trong Vùng Thủ đô sẽ dược hưởng lợi về chi phí, thời gian và tình trạng quản lý được ô nhiễm môi trường khi áp dụng khi hoạt động liên kết đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô trở thành hiện thực. Đồng thời, người dân, doanh nghiệp tại các địa phương trong Vùng Thủ đô được hưởng các ưu thế về giao thông vận tải khi các tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 của Thủ đô Hà Nội được hoàn thành. Đồng thời các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và vùng Đồng bằng Sông Hồng hợp tác xây dựng các tuyến đường liên tỉnh, đường cao tốc quốc gia… để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của Vùng.

Giải pháp 2 sẽ tăng cường liên kết vùng sẽ thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực lao động chính thức phi nông nghiệp, góp phần nâng cao vốn con người cũng như năng suất lao động trong 03 vùng.

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 2 chỉ xuất hiện nếu các quy hoạch kế hoạch trong vùng bị chậm phê duyệt (thẩm quyền phê duyệt là các cơ quan ở trung ương)đê thực hiện thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của doanh nghiệp trong Vùng Thủ đô, đặc biệt là các dự án đầu tư giữa có tác động tới môi trường, các dự án giao thông hoặc truyền tải điện liên tỉnh..

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Các tác động tích cực về xã hội của cơ chế liên kết vùng của Giải pháp 1 vẫn duy trì ở Giải pháp 2.

Giải pháp 2 củng cố cơ chế liên kết Vùng Thủ đô với thiết chế Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, hoạt động có tính thường xuyên và phối hợp với các Tổ giúp việc điều phối cấp Bộ và cấp

địa phương theo sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội.Thiết chế này sẽ dựa trên các nguồn lực sẵn có của Thủ đô để hỗ trợ cho công tác hoạt động của Văn phòngHội đồng điều phối Vùng nói riêng và Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô nói chung. Khi có sự tham gia hỗ trợ, chủ độngcủa Thủ đô Hà Nội đối với hoạt động Hội đồng điều phối Vùng thì các nhu cầu cũng như việc triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên tỉnh, đường Vành đai 4 và Vành đai 5, xây dựng các khu xử lý nước thải và xử lý CTR đạt tiêu chuẩn, các công trình y tế, giáo dục...sẽ nhanh chóng hơn, góp phần phát triển kinh tế xã hội của toàn Vùng, đạt được các mục tiêu phát triển, như đã phân tích tại Chính sách 6 và Chính sách 8.

Ngoài ra, việc Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô đặt tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ giúp cho việc điều hành, quản trị các đô thị thông minh nói riêng và các địa phương trong Vùng Thủ đô được hiện thực và hiệu quả. Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng sẽ thực hiện thêm chức năng điều hành, quản trị các đô thị thông minh trong toàn Vùng Thủ đô, như điều hành giao thông, quản trị ô nhiễm môi trường, quản lý chất lượng thực phẩm, chia sẻ dữ liệu…

Giải pháp 2 sẽ thúc đẩy sự phát triển của vùng Thủ đô là trung tâm chính trị-hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Giải pháp 2 sẽ làm gia tăng tốc độ đô thị hoá của toàn vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng, giúp cho việc giãn dân ở đô thị trung tâm của Thủ đô Hà Nội, giảm áp lực về dân số cho Thủ đô Hà Nội. Chất lượng phát triển đô thị và nông thôn của các tỉnh vùng Thủ đô sẽ được thay đổi nhanh chóng theo hướng khang trang, văn minh, hiện đại hơn; bảo đảm việc thực hiện thành công và hiệu quả Quy hoạch chung của vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg, Nghị quyết 15/NQ-TW và Nghị quyết 30/NQ-TW. Vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng sẽ là "*trung tâm của cả nước trong đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao*". Các vùng này sẽ là vùng có môi trường sống và môi trường cảnh quan phong phú, giàu tính văn hoá - xã hội, mang đậm đà bản sắc dân tộc với xu hướng phát triển hiện đại

Giải pháp 2 cũng sẽ nâng cao hiệu quả của công tác BVMT Vùng Thủ đô như: ô nhiễm các dòng sông (Hồng, Đuống, Nhuệ, Đáy..), ô nhiễm môi trường không khí và xử lý CRT trong Vùng.

Giải pháp 2 sẽ là cơ sở để thực hiện thành công và hiệu quả Quy hoạch chung của vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg trong đó có các định hướng về bảo tồn các vùng đặc trưng về địa lý và văn hoá lịch sử, di sản được UNESCO công nhận, và di sản là thương hiệu của Vùng[186], mạng lưới y tế chuyên sâu, chât

[186]Các di sản tài nguyên và môi trường, Giá xử lý rác mỗi nơi một kiểu, https://baotai16-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 2, Hà Nội di sản nguyên và môi trường, Tử Giám, Mộc bản Chùa Vĩnh Nghiêm), di sản phi vật thể (Dân ca quan họ Bắc Ninh và Bắc Giang, Hát ca trù, Hội Gióng, Hát Xoan, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương).

lượng cao và là trung tâm đào tạo lớn nhất cả nước và hội nhập quốc tế; hệ thống các công trình văn hoá, thể dục thể thao hiện đại và phân bổ toàn Vùng.

Giải pháp 2 sẽ giúp cho các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng xây dựng các quy hoạch, kế hoạch theo hướng phát huy thế mạnh của từng địa phương và giúp cho các địa phương được tập trung nguồn lực phát triển thế mạnh.

Tác động tiêu cực:

Tốc độ đô thị hoá nhanh của các địa phương có thể sẽ ảnh hưởng đến việc gìn giữ một số nét văn hoá lâu đời của vùng nông thôn Bắc Bộ trong vùng Thủ đô, Vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng nói riêng. Đồng thời, Có thể xảy ra những vấn đề như tệ nạn xã hội, mất an ninh trật tự nếu hiện tượng đô thị hoá xảy ra nhanh. Tuy nhiên, tác động tiêu cực của đô thị hoá là vấn đề chung, không chỉ riêng đối với việc áp dụng Giải pháp 2. Ngoài ra, các Chính sách 6 và Chính sách 8 sẽ hạn chế các tác động tiêu cực của vấn đề này.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Tác động tích cực:

Người dân ở trong Vùng Thủ đô được thụ hưởng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hiện đại và đồng bộ khi hoạt động liên kết vùng được diễn ra nhanh và mạnh mẽ, như tăng số giường bệnh tại các tỉnh trong Vùng Thủ đô thay vì chỉ tập trung tại Thủ đô Hà Nội (xem Bảng 22). Chính sách liên kết vùng sẽ rút ngắn khoảng cách trong việc tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân ở các địa phương khác nhau trong cả 03 vùng.

Giải pháp 2 sẽ nâng cao chất lượng công tác BVMT để nâng cao chất lượng môi trường cho 03 vùngcả và của Thủ đô Hà Nội. Người dân trong cả 03 vùng tăng cường sức khoẻ, gia tăng tuổi thọ.

Việc xây dựng các tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 sẽ kết nối văn hoá xã hội giữa các địa phương trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về xã hội của Giải pháp 2 là những tác động tiêu cực của vấn đề đô thị hoá nhanh đem lại, như chuyển đổi việc làm, tệ nạn xã hội và phân hoá giàu nghèo.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực:

Tương tự như Giải pháp 1, cơ chế liên kết Vùng Thủ đô sẽ bảo đảm tốt hơn khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của phụ nữ và trẻ em gái ở trong Vùng Thủ đô và việc phát triển về việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cho nữ giới (10.260.740 người chiếm hơn 50% dân số Vùng Thủ đô).

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về giới của Giải pháp 2 là những tác động tiêu cực của vấn đề đô thị hoá nhanh đem lại, như chuyển đổi việc làm, tệ nạn xã hội và phân hoá giàu nghèo ảnh hưởng tới nữ giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 không làm phát sinh TTHC mới. Trong trường hợp mối liên kết giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô tốt thì có thể áp dụng thực hiện mục tiêu đổi mới công tác thực hiện một cửa, một cửa liên thông giữa các địa phương mà không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo nội dung của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Như đã phân tích ở Giải pháp 1, sự phối hợp giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô về giải quyết TTHC sẽ giúp cho việc giảm chi phí tuân thủ TTHC nói riêng, chi phí tuân thủ pháp luật nói chung của người dân và doanh nghiệp trong Vùng. Các địa phương trong Vùng Thủ đô có nhiều lợi thế để áp dụng giải pháp này.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp 2 giải quyết được những tác động tiêu cực đối với hệ thống pháp luật của Giải pháp 1 vì quy định cụ thể hơn các vấn đề đã được quy định theo pháp luật hiện hành, đặc biệt là các quy định của Luật Thủ đô về Vùng Thủ đô. Giải pháp 2 có tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, bảo đảm khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và bảo đảm khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đặc biệt Giải pháp 2 sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thành công Nghị quyết 06-NQ/TW, Nghị quyết 15-NQ/TW, Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 16/2021/QH15 của Quốc hội về phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Giải pháp 2 có tác động tiêu cực là Hội đồng điều phối vùng Thủ đô sẽ không hoạt động theo Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành ngày 12/03/2007, Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

9.4.3. Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và nội dung sau: Giao thẩm quyền cho Thành phố trong việc chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

a) Tác động về kinh tế:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Giải pháp 3 giao thẩm quyền cho Chính quyền thành phố Hà Nội (địa phương có tiềm lực kinh tế hàng đầu cả nước) chủ trì huy động nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ). Để thực hiện chủ động và có hiệu quản Giải pháp này, Chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động phê duyệt các dự án đầu tư công đó, giảm thời gian phê duyệt dự án của các cơ quan nhà nước.

Giải pháp 3 cũng giao thẩm quyền cho Chính quyền thành phố Hà Nội điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Giải pháp này sẽ tác động tích cực tới chất lượng công tác lập và thực hiện các quy hoạch vùng do Thủ đô Hà Nội sẽ huy động tiềm lực về KHCN, kinh tế để hỗ trợ triển khai các nội dung trong các quy hoạch của Vùng Thủ đô nói chung và các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nói riêng. Giải pháp 3 cũng sẽ giảm được thời gian phê duyệt của các cơ quan trung ương đối với các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Việc triển khai nhanh và hiệu quả các dự án đầu tư công (như dự án xử lý môi trường, dự án giao thông đường bộ, truyền tải điện…) sẽ giúp cho hoạt động kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ được phát triển mạnh mẽ hơn. Giải pháp 3 sẽ khắc phục tình trạng không thực thi hoặc thực thi không triệt để Quy hoạch chung Vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như đang diễn ra ở Giải pháp 1.

Giải pháp 3 nhằm thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của cả 03 vùng: vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 30/NQ-TW. Giải pháp 3 góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển. Giải pháp này tạo điều kiện để Hà Nội huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hoá các nguồn lực và hình thức đầu tư; hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa và các hành lang kết nối của vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông

tỉnh; khẩn trương hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc..

Tác động tiêu cực:

Ngân sách của Thủ đô Hà Nội sẽ phải chi trả cho hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội và công tác chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch Vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng phê duyệt.

Thủ đô Hà Nội cần phải bảo đảm các yếu tố công bằng và thoả đáng trong việc điều phối và quản lý các quy hoạch để bảo đảm cho các tỉnh trong Vùng Thủ đô không bị ảnh hưởng nguồn lực tài chính (như ngân sách địa phương, ngân sách trung ương phân bổ) thực hiện các quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn.

Ngân sách của Thủ đô Hà Nội sẽ phải chi trả cho hoạt động đầu tư của Thủ đô Hà Nội vào các tỉnh khác trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và vùng Đồng bằng Sông Hồng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Tác động tích cực:

Tác động tích cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp này tương tự như ở Giải pháp 2. Khả năng các tác động tích cực khi thực hiện Giải pháp 2 nhanh hơn do Chính quyền thành phố Hà Nội chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch Vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng phê duyệt thay vì là các cơ quan trung ương và Chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về kinh tế ở Giải pháp 3 đối với người dân, doanh nghiệp tương tự như ở Giải pháp 2.

b) Tác động về xã hội:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực:

Giải pháp 3 thể hiện mạnh mẽ nhất trách nhiệm, nghĩa vụ của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội: "phối hợp với các cơ quan Trung ương, hợp tác, liên kết với các tỉnh, tỉnh, thành phố trong nước được đẩy mạnh"[187] và Nghị quyết 15-NQ/TW đặt ra quan điểm "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước".

Do sức ép về ô nhiễm môi trường của Thủ đô Hà Nội lớn hơn các địa phương khác nên Thủ đô Hà Nội sẽ quyết tâm giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường

[187]Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội.

của Vùng Thủ đô, đặc biệt là ô nhiễm về CTRSH ở đô thị, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước ở lưu vực các dòng sông chảy qua vùng Thủ đô (sông Hồng, Đáy, Nhuệ và Đuống), vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng. Các địa phương trong cả 03 vùng sẽ được hưởng lợi từ sự chủ động và quyết liệt của Chính quyền thành phố Hà Nội.

Giải pháp 3 góp phần giải quyết các dự án chậm thực hiện, "quy hoạch treo" do chờ cấp có thẩm quyền ở trung ương phê duyệt và góp phần giải quyết các bức xúc của người dân, doanh nghiệp từ việc chậm trễ này. Giải pháp 3 sẽ góp phần hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

Với việc cho phép chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động đầu tư, cũng sẽ góp phần giúp cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hoá như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cố đô Hoa Lư, các khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca Quan họ, Ca trù, hát Chèo, Chầu văn, các lễ hội văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống… Rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hoá của các địa phương: Phố Hiến (Hưng Yên), Tràng An (Ninh Bình), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh)… Phát triển Thủ đô xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước. Đồng thời, Hà Nội và các địa phương có thể phát triển đồng bộ hệ thống y tế vùng theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân của cả 03 vùng. Hà Nội tập trung đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng và hỗ trợ các địa phương trong cả 03 vùng nâng cấp bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hạng I để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối.

Tác động tiêu cực:

Thủ đô Hà Nội cần phải bảo đảm các yếu tố công bằng và thoả đáng trong việc điều phối và quản lý các quy hoạch để bảo đảm cho các tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng có cơ hội phát triển tốt hơn và đúng theo quy hoạch và kế hoạch của các tỉnh đã được Thủ tướng và các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mối quan hệ của Thủ đô Hà Nội với các địa phương trong vùng Thủ đô,vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng về giải quyết các vấn đề khi thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cần phải được chú ý giải quyết để tránh các mâu thuẫn trong phát triển giữa các địa phương, đặc biệt là lợi ích của từng địa phương trong vùng.

Thủ đô Hà Nội chủ động thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô. vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng và thực hiện việc đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội sẽ có thể có nguy cơ các địa phương không chấp nhận các dự án đầu tư của Thủ đô Hà Nội với lý

do không phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương.

(ii) Đối với người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực:

Các tác động tích cực về xã hội của Giải pháp 2 vẫn tiếp tục duy trì ở Giải pháp 3.

Người dân (khoảng 23 triệu người), doanh nghiệp ở các địa phương trong Vùng Thủ đô có cơ hội sử dụng cơ sở hạ tầnghiện đại, đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông và các hạ tầng xã hộinếu các biện pháp liên kết Vùng phát huy hiệu quả, đặc biệt là việc thực hiện thành công Quy hoạch chung vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Người dân có thể lựa chọn sinh sống tại các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng thay vì tập trung vào đô thị trung tâm Thủ đô Hà Nội do cơ sở hạ tầng ở các tỉnh trong Vùng được phát triển đồng bộ với Thủ đô Hà Nội. Các doanh nghiệp có thể lựa chọn đầu tư, kinh doanh tại các địa phương trong Vùng Thủ đô vì khả năng tiếp cận đất đai (giá đất, quỹ đất sẵn có) dễ dàng hơn tại Thủ đô. Như vậy, cơ hội việc làm cho người dân ở các tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng cũng sẽ tốt hơn so với các Giải pháp 1 và Giải pháp 2.

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về xã hội đối với người dân và doanh nghiệp của Giải pháp 3 tương tự như Giải pháp 2.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực:

Tương tự như Giải pháp 1, cơ chế liên kết Vùng Thủ đô sẽ bảo đảm tốt hơn khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của phụ nữ và trẻ em gái ở trong Vùng Thủ đô và việc phát triển về việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu cho nữ giới trong Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (10.260.740 người chiếm hơn 50% dân số Vùng Thủ đô).

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về giới của Giải pháp 3 tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 là những tác động tiêu cực của vấn đề đô thị hoá nhanh đem lại, như chuyển đổi việc làm, tệ nạn xã hội và phân hoá giàu nghèo ảnh hưởng tới nữ giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp 3 không làm phát sinh TTHC mới và các tác động tích cực như Giải pháp 1 và Giải pháp 2.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động đối với hệ thống pháp luật của Giải pháp 3 tương tự như Giải pháp

2.

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Giải pháp 3có ít tác động tiêu cực tới các quy phạm pháp luật hiện hành và mối quan hệ phối hợp trong Vùng Thủ đô nhưng chưa tạo được đột phát trong việc thực thi các chính sách và quy định pháp luật về Vùng Thủ đô. Giải pháp 3 có tác động về mối quan hệ giữa Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô nhưng mối quan hệ này có thể được giải quyết nếu như có sự phối hợp tốt giữa Hội đồng điều phối Vùng với VănphòngHội đồngđiềuphốiVùng đặt tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội. Kiến nghị lựa chọn giải pháp chính sách theo Giải pháp 3.

Thẩm quyền ban hành Giải pháp 3 thuộc về Quốc hội.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác độngcủa chính sách đã được thực hiện như sau:

1) Quá trình xây dựng chính sách gắn liền với quá trình đánh giá tác động của chính sách. Các chính sách đều được đánh giá tác động sơ bộ trước khi đề xuất.

2) Khi đánh giá tác động, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức các cuộc toạ đàm tham vấn, hội thảo với các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, cán bộ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp thuộc Thủ đô Hà Nội, các tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng và các cơ quan nhà nước ở cấp trung ương. Các cá nhân, đơn vị được lựa chọn tham vấn dựa trên các kinh nghiệm, năng lực và phạm vi hoạt động và quản lý có liên quan trực tiếp đến nội dung của chính sách.

3) Một số nội dung chính sách được thực hiện thông qua khảo sát định lượng (bằng phiếu hỏi anket) và khảo sát định tính do Trường Đại học luật Hà Nội thực hiện trong năm 2022.

4) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội để lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp và các đối tượng bị tác động từ các chính sách.

Các ý kiến phản hồi, góp ý đã được tiếp thu để xây dựng và hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi Thành phố.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Hội

đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội,các Bộ, ngành có liên quan và Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân của các tỉnh trong Vùng Thủ đô.

V. PHỤ LỤC

Xem chi tiết các Phụ lục đính kèm.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Các tỉnh, thành phố Vùng Thủ đô;
- Lưu: VT, PLC;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu

PHỤ LỤC I- MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ

Đơn vị: tỷ đồng

		Năm					Dự toán và dự báo				Ghi chú
		2017	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**	**Dự toán 2022**	**2023**	**2024**	**2025**	
A.	**THU, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ**										
1	**Tổng thu ngân sách nhà nước, trong đó**	**212,547**	**246,539**	**270,019**	**287,572**	**267,232**	**311,651**	**272,259**	**304,295**	**334,657**	
1.1.	Thu hộ NS Trung ương	125,017	144,756	175,621	188,601	164,305	212,712	171,298	191,069	213,006	
1.2.	Khoản thu NS Thành phố được giữ lại toàn bộ	44,313	53,488	38,402	45,081	*40,010*	45,779	50,583	56,364	57,382	
1.3.	Khoản thu phân chia giữa NSNN Trung ương và NS của TP, trong đó:										
1.3.a.	*Số thu mà NS thành phố được giữ lại*	*43,217*	*48,295*	*55,996*	*53,890*	*62,917*	*53,160*	*50,378*	*56,863*	*64,269*	
1.3.b.	*Tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố*	*35%*	*35%*	*35%*	*35%*	*35%*	*32%*	*32%*	*32%*	*32%*	
2	**Khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao**	**0**	**0**	**0**	**0**	**17,085**					
3	**Só tăng thu từ kết dư ngân sách năm trước**	**16,773**	**32,997**	**31,601**	**28,681**	**31,622**	**15,362**				
4	**Số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2,000**	**7,921**	**2,693**	**2,693**	**2,693**	
5	**Tổng chi NSNN <u>thực tế</u>, trong đó**	**71,517**	**75,084**	**79,706**	**87,898**	**83,936**	**106,926**	**119,687**	**131,747**	**147,084**	*Dự báo trên cơ sở các quy định và mức thu hiện hành.*
5.1.	Chi thường xuyên	39,830	42,222	46,182	45,001	47,359	53,282	54,822	57,610	60,536	*589,381*
5.2.	Chi cho đầu tư phát triển	31,077	32,254	33,001	42,591	36,563	51,073	58,207	64,776	73,530	
5.3.	Chi khác	611	608	524	307	14	2,571	6,659	9,361	13,018	

		Năm					Dự toán và dự báo				Ghi chú
		2017	2018	2019	2020	2021	Dự toán 2022	2023	2024	2025	
B.	**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**										
6	**Tổng nhu cầu chi cho các dự án đầu tư phát triển và dự báo nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của thành phố, trong đó:**										*Số dự báo được tổng hợp từ đề xuất của các sở, ban, ngành , UBND các quận, huyện, thị xã. Số nhu cầu cho giai đoạn 2021 - 2025 là số kinh phí cần có để thực hiện đầu tư trong mỗi ngành, lĩnh vực theo quy hoạch và để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (Tốc độ tăng trung bình 5-6%/năm)*
6.1.	Vốn từ ngân sách của thành phố		*41,149*	*37,690*	*40,589*	*117,633*	*123,515*	*129,691*	*136,175*	*142,984*	
6.2.	Vốn từ ngân sách của trung ương		*1,559*	*2,175*	*3,461*	*9,016*	*9,467*	*9,941*	*10,438*	*10,959*	
6.3.	Vốn từ khu vực tư nhân		*175,550*	*201,177*	*226,784*						
B.	**MỘT SỐ NỘI DUNG THEO NGHỊ QUYẾT 115**										
13	**Thu ngân sách từ phí, trong đó:**										
13.1.	Thu ngân sách từ các khoản phí áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội (theo NQ 115)				0	0					
14	**Thu từ tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố**				**0**	**0**					
15	**Nguồn cải cách tiền lương còn dư hàng năm của thành phố Hà Nội**	15,866	18,646	28,768	40,400	45,631					*Số liệu năm 2021 là số dự kiến; hiện nay, đang tiếp tục rà soát số liệu tăng thu của các cấp ngân sách để làm cơ sở xác định chính xác nguồn cải cách tiền lương còn dư của năm 2021*
17	**Số dư đầu năm của Quỹ Tài chính thành phố**	3,962	6,220	13,615	17,573	17,303	17,449	17,460	17,470	17,481	
18	**Dư nợ vay của ngân sách Thành phố Hà Nội (cuối năm)**	9,941	10,241	9,145	5,965	8,818	10,429	17,950	30,193	53,441	
19.2	Nợ vay lại từ NSNN trung ương	1,597	1,375	1,507	825	2,869	1,355	7,909	12,631	18,050	

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

PHỤ LỤC II - BẢNGSO SÁNH ÁP DỤNG CÔNG CỤ THU LẠI GIÁ TRỊ GIA TĂNG TỪ ĐẤT (LAND VALUE CAPTURE - LVC) TRONG PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ TẠI MỘT SỐ THÀNH PHỐ TRÊN THẾ GIỚI

Thành phố	Hà Nội	Hong Kong	Tokyo	New York	Washington	London	Nanchang	Sao Paulo	Delhi
Diện tích vùng đô thị *(km^2)*	3.345	1.104	13.752	11.642	3.424	1.623	617	7.947	1.943
Mật độ dân số *(nghìn người/km^2)*	9,3	6,4	2,7	1,7	1,4	5,5	3,8	2,5	11,3
Tổng chiều dài mạng lưới ĐSĐT *(km)*	417,8	218	304	223	170	402	168	205	190
Tỷ lệ sử dụng ĐSĐT *(%)*	-	88%	51%	23%	37%	23%	14%	37%	42%
Số lượng xe cá nhân đăng ký *(tính trên 1.000 dân)*	938	82	308	230	680	317	57	410	143
Tỷ lệ đóng góp của LVC *(%)*	-	66%	59%	-	17%	-	70%	-	30%
Công cụ LVC được sử dụng	-	Bán quyền phát triển (mô hình R+P)	Tái điều chỉnh đất đai, Bán quyền phát triển	Bán quyền phát triển, Tài trợ qua gia tăng thuế	Hợp tác phát triển	Thuế bất động sản, Tái phát triển đất đai	Thuế bất động sản, Bán quyền phát triển	Bán quyền phát triển không gian + Quy hoạch TOD	Thuế bất động sản, Bán quyền phát triển
Mức độ thành công của LVC	-	Rất cao	Cao	Thấp	Trung bình	Thấp	-	Thấp	Trung bình

Nguồn: Vivek (2015) và Tổ chuyên gia xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)

PHỤ LỤC III - KIỂM KÊ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2020	2025	2030
Phát thải từ chất thải	1.727	1.850	1.973	2.095	2.209	2.337	2.850	3.452	4.053
Hấp thụ do lâm nghiệp	-0.250	-0.253	-0.252	-0.255	-0.265	-0.246	-0.246	-0.246	-0.246
Phát thải từ chăn nuôi, trồng trọt	3.137	3.437	3.480	3.573	3.720	3.690	3.525	3.525	3.525
Phát thải từ các quá trình công nghiệp	0.395	0.486	0.578	0.669	0.761	0.761	0.897	0.897	0.897
Phát thải trực tiếp từ GTVT	2.259	2.429	2.513	2.690	2.871	3.239	9.618	15.313	20.782
Phát thải do sử dụng nhiên liệu khác	11.599	10.719	10.069	9.742	9.192	8.214	5.868	5.324	4.838
Phát thải gián tiếp từ tiêu thụ điện	4.440	5.841	6.286	8.188	11.342	12.395	18.084	26.747	39.670
Tổng lượng phát thải	23.312	24.515	24.652	26.707	29.834	30.394	40.599	55.014	73.522

Nguồn: Viện Kinh tế Xã hội Hà Nội

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2020	2025	2030
Rác thải	1.727	1.850	1.973	2.095	2.209	2.337	2.850	3.452	4.053
Lâm nghiệp (LULUCF)	-0.250	-0.253	-0.252	-0.255	-0.265	-0.246	-0.246	-0.246	-0.246
Nông nghiệp	3.137	3.437	3.480	3.573	3.720	3.690	3.525	3.525	3.525
Quá trình công nghiệp	0.395	0.486	0.578	0.669	0.761	0.761	0.897	0.897	0.897
Năng lượng	18.303	18.995	18.874	20.625	23.409	23.853	33.574	47.387	65.293
Tổng phát thải KNK (gồm cả LULUCF)	23.312	24.515	24.652	26.707	29.834	30.394	40.599	55.014	73.522

Nguồn: Viện Kinh tế Xã hội Hà Nội

PHỤ LỤC IV - CÁC KỊCH BẢN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐỐI VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
I	**Quản lý đô thị**		**Nghìn tấn CO2 tương đương**	**236**	**440**		**235,8**	**440,2**		**235,8**	**440,2**	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	**414.458**	**-**		**414.458**	**-**		**414.458**	**-**	
1	Chiếu sáng công cộng hiệu	20	Nghìn tấn CO2 tương đươn	28	28	Hỗ trợ thay thế 100% đèn chiếu sáng công cộng hiện	28	28	Hỗ trợ thay thế 100% đèn chiếu sáng công cộng hiện	28	28	Hỗ trợ thay thế 100% đèn chiếu sáng công cộng hiện

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	suất cao và năng lượng mặt trời		g			nay bằng đèn LED và năng lượng mặt trời đến 2025			nay bằng đèn LED và năng lượng mặt trời đến 2025			nay bằng đèn LED và năng lượng mặt trời đến 2025
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	277.405	-		277.405	-		277.405	-	
2	Tăng cường diện tích cây xanh, công viên, phố đi bộ	7	Nghìn tấn CO2 tương đương	204	409	Hỗ trợ thực hiện tăng cường trồng mới cây xanh, và tăng diện tích đệm cây xanh trong đô thị để đạt mục tiêu 10.8m^2 cây xanh/người	204	409	Hỗ trợ thực hiện tăng cường trồng mới cây xanh, và tăng diện tích đệm cây xanh trong đô thị để đạt mục tiêu 10.8m^2 cây xanh/người	204	409	Hỗ trợ thực hiện tăng cường trồng mới cây xanh, và tăng diện tích đệm cây xanh trong đô thị để đạt mục tiêu 10.8m^2 cây xanh/người
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	662	-		662	-		662	-	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**	**Đến năm 2025**	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**	**Đến năm 2025**	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**
						ở đô thị vào năm 2025			ở đô thị vào năm 2025			ở đô thị vào năm 2025
3	Hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	3,1	3,1	Hỗ trợ thực hiện xây dựng hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh cho 100% các tuyến phố đến 2025	3,1	3,1	Hỗ trợ thực hiện xây dựng hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh cho 100% các tuyến phố đến 2025	3,1	3,1	Hỗ trợ thực hiện xây dựng hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh cho 100% các tuyến phố đến 2025
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	136.400	-		136.400	-		136.400	-	
II	**Lĩnh vực công nghiệp**		**Nghìn tấn CO2 tương đươn**	**773,5**	**1.177**		**3.905**	**4.317**		**5.279**	**13.177.000**	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			g									
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	**10.250**	**17.875**		**82.869**	**108.438**		**92.619**	**196.238**	
4	Động cơ hiệu suất cao và điều khiển thông minh trạm bơm thủy nông	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	9,3	18,6	Hỗ trợ thực hiện trang bị biến tấn cho 25% trạm bơm, và thay thế 50% máy bơm hiệu suất cao vào năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 50% trạm bơm trang bị biến tần	9,3	18,6	Hỗ trợ thực hiện trang bị biến tấn cho 25% trạm bơm, và thay thế 50% máy bơm hiệu suất cao vào năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 50% trạm bơm trang bị biến tần
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		17.944	35.888		17.944	35.888	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
									và ứng dụng 75% máy bơm hiệu suất cao			và ứng dụng 75% máy bơm hiệu suất cao
5	Nâng cao hiệu quả lò hơi và hệ thống hơi trong các cơ sở công nghiệp	8	Nghìn tấn CO2 tương đương	740,2	1.110	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 20% cơ sở triển khai	740,2	1.110	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 20% cơ sở triển khai	7.049	2.115	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 35% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 75% cơ sở triển khai
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	5.520	7.875		5.520	7.875		15.000	50.000	
6	Thiết bị nhiệt luyện trong các cơ	15	Nghìn tấn CO2 tương đươn	-	-	-	-	2.014	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 20% đến	2.014	4.028	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 20% đến

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	sở công nghiệp		g						năm 2030			năm 2025; đạt 40% năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	5.175		5.175	10.350	
7	Hệ thống quản lý năng lượng khu vực công nghiệp	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	33,3	66,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 20% cơ sở công nghiệp triển khai	33,3	66,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 20% cơ sở công nghiệp triển khai	33,3	66,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 20% cơ sở công nghiệp triển khai
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	5.000	10.000		5.000	10.000		5.000	10.000	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
8	Thúc đẩy và thí điểm mô hình thu hồi nhiệt trong quá trình nung luyện ở một số cơ sở công nghiệp	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	1.107,8	1.107,8	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 5% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 7% cơ sở nhiệt luyện triển khai	1.107,8	2.014	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 5% đến năm 2025; Phấn đấu đến 2030 có 10% cơ sở nhiệt luyện triển khai
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		49.500	49.500		49.500	90.000	
III	**Dân dụng**		**Nghìn tấn CO2 tương đương**	**646**	**950,9**		**646**	**1.121**		**646**	**1.178,9**	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**	**Đến năm 2025**	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**	**Đến năm 2025**	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	**4.186.100**	**6.361.500**		**4.186.100**	**7.252.600**		**4.186.108**	**7.699.900**	
9	Tủ lạnh hiệu suất cao trong Hộ gia đình	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	204,3	170,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 45% số hộ thay đổi tủ lạnh vào năm 2025; và đạt 55% vào năm 2030	204,3	340,5	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 45% số hộ thay đổi tủ lạnh vào năm 2025; và đạt 75% vào năm 2030	204,3	340,5	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 45% số hộ thay đổi tủ lạnh vào năm 2025; và đạt 75% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	1.069	891		1.069	1.782		1.069	1.782	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
10	Điều hòa không khí hiệu suất cao trong Hộ gia đình	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	99	124	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 25% số hộ thay đổi ĐHKK vào năm 2025; và đạt 30% vào năm 2030	99	124	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 25% số hộ thay đổi ĐHKK vào năm 2025; và đạt 30% vào năm 2030	99	165	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 25% số hộ thay đổi ĐHKK vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	522.775	653.500		522.775	653.500		522.775	871.292	
11	Chiếu sáng truyền thống sang thiết bị	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	190,7	381,4	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 20% số hộ thay thế hệ thống chiếu sáng	190,7	381,4	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 20% số hộ thay thế hệ thống chiếu sáng	190,7	381,4	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 20% số hộ thay thế hệ thống chiếu sáng

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	chiếu sáng hiệu suất cao trong Hộ gia đình		Tiền đầu tư (triệu đồng)	990.105	1.950.209	vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030	990.105	1.950.209	vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030	990.105	1.950.209	vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030
12	Bình nước nóng năng lượng mặt trời trong Hộ gia đình	7	Nghìn tấn CO2 tương đương	110,6	221,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 10% số hộ ứng dụng bình nước nóng NLMT vào năm 2025; và đạt 20% vào năm 2030	110,6	221,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 10% số hộ ứng dụng bình nước nóng NLMT vào năm 2025; và đạt 20% vào năm 2030	110,6	221,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 10% số hộ ứng dụng bình nước nóng NLMT vào năm 2025; và đạt 20% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	1.089.115	2.178.230		1.089.115	2.178.230		1.089.115	2.178.230	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
13	Áp dụng kính TKNL trong dân dụng	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	39,4	49,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 5% số hộ ứng dụng kính TKNL trong xây dựng dân dụng vào năm 2025; và đạt 8% vào năm 2030	39,4	49,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 5% số hộ ứng dụng kính TKNL trong xây dựng dân dụng vào năm 2025; và đạt 8% vào năm 2030	39,4	65,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 5% số hộ ứng dụng kính TKNL trong xây dựng dân dụng vào năm 2025; và đạt 8% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	478.800	598.500		478.800	598.500		478.800	789.000	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**	**Đến năm 2025**	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**	**Đến năm 2025**	**Đến năm 2030**	**Mục tiêu**
14	Ứng dụng Pin Năng lượng mặt trời cho dân dụng	26	Nghìn tấn CO2 tương đương	2	5	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 4MWp điện mặt trời áp mái trong khu vực dân cư đến 2025 (khoảng 250 mái nhà); phấn đấu đến 2030 đạt 10MWp (khoảng 700 mái nhà) vào năm 2030	2	5	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 4MWp điện mặt trời áp mái trong khu vực dân cư đến 2025 (khoảng 250 mái nhà); phấn đấu đến 2030 đạt 10MWp (khoảng 700 mái nhà) vào năm 2030	2	5	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 4MWp điện mặt trời áp mái trong khu vực dân cư đến 2025 (khoảng 250 mái nhà); phấn đấu đến 2030 đạt 10MWp (khoảng 700 mái nhà) vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	36.000	90.000		36.000	90.000		36.000	90.000	
IV	**Dịch vụ**		**Nghìn tấn CO2 tươn**	**33,6**	**100,6**		**33,6**	**532,2**		**3.917,9**	**8.732,5**	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			g đương									
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	**59.389**	**150.924**		**59.389**	**150.999**		**60.604**	**152.424**	
15	Tủ lạnh hiệu suất cao trong Cơ sở dịch vụ	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,3	0,5	Thực hiện hỗ trợ 50% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi Tủ lạnh hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 90% cơ sở	0,3	0,5	Thực hiện hỗ trợ 50% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi Tủ lạnh hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 90% cơ sở	0,3	0,5	Thực hiện hỗ trợ 50% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi Tủ lạnh hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 90% cơ sở
			Tiền đầu tư (triệu	1.513	2.751		1.513	2.751		1.513	2.751	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			đồng)			vào năm 2030			vào năm 2030			vào năm 2030
16	Điều hòa không khí hiệu suất cao trong Cơ sở dịch vụ	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,2	0,4	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi ĐHKK hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 60% cơ sở vào năm 2030	0,2	0,4	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi ĐHKK hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 60% cơ sở vào năm 2030	0,2	0,4	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi ĐHKK hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 60% cơ sở vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	92	2.063		92	2.063		92	2.063	
17	Chiếu sáng hiệu suất cao	5	Nghìn tấn CO2 tương	1,7	2,9	Thực hiện hỗ trợ thay thế 60% bóng chiếu	1,7	2,9	Thực hiện hỗ trợ thay thế 60% bóng chiếu	1,7	2,9	Thực hiện hỗ trợ thay thế 60% bóng chiếu

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	và điều khiển thông minh trong Cơ sở dịch vụ		đương			sáng tại các cơ sở dịch vụ vào năm 2025; và phấn đấu đạt 100% vào năm 2030			sáng tại các cơ sở dịch vụ vào năm 2025; và phấn đấu đạt 100% vào năm 2030			sáng tại các cơ sở dịch vụ vào năm 2025; và phấn đấu đạt 100% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	9.905	16.508		9.905	16.508		9.905	16.508	
18	Bình nước nóng năng lượng mặt trời trong Cơ sở dịch vụ	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	1,5	3,8	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ trang bị bình nước nóng năng lượng mặt trời đến năm 2025; phấn đấu đạt 75% vào năm	1,5	3,8	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ trang bị bình nước nóng năng lượng mặt trời đến năm 2025; phấn đấu đạt 75% vào năm	1,5	3,8	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ trang bị bình nước nóng năng lượng mặt trời đến năm 2025; phấn đấu đạt 75% vào năm
			Tiền đầu tư (triệu	15.007	37.518		15.007	37.518		15.007	37.518	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			đồng)			2030			2030			2030
19	Hệ thống quản lý năng lượng lĩnh vực dịch vụ thương mại	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	4,5	9	Thực hiện hỗ trợ 9% cơ sở dịch vụ xây dựng Hệ thống quản lý năng lượng đến năm 2025; phấn đấu đạt 20% vào năm 2030	4,5	9	Thực hiện hỗ trợ 9% cơ sở dịch vụ xây dựng Hệ thống quản lý năng lượng đến năm 2025; phấn đấu đạt 20% vào năm 2030	4,5	9	Thực hiện hỗ trợ 9% cơ sở dịch vụ xây dựng Hệ thống quản lý năng lượng đến năm 2025; phấn đấu đạt 20% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	479	959		479	959		479	959	
20	Nâng cao hiệu quả lò hơi và hệ thống	8	Nghìn tấn CO2 tương đươn	-	-	-	-	431,6	Thực hiện hỗ trợ 25% cơ sở nhà hàng khách sạn nâng	3.884,3	8.631,9	Thực hiện hỗ trợ 25% cơ sở nhà hàng khách sạn nâng

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	hơi trong các cơ sở nhà hàng khách sạn		g						cấp hệ thống hơi và lò hơi đến năm 2030			cấp hệ thống hơi và lò hơi đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	75		675	1.500	
21	Ứng dụng Pin Năng lượng mặt trời cho toà nhà văn phòng	25	Nghìn tấn CO2 tương đương	1,2	2,7	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 5MWp điện mặt trời áp mái trong các toà nhà văn phòng, thương mại, và công sở (khoảng 100 toà nhà) đến	1,2	2,7	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 5MWp điện mặt trời áp mái trong các toà nhà văn phòng, thương mại, và công sở (khoảng 100 toà nhà) đến	1,2	2,7	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 5MWp điện mặt trời áp mái trong các toà nhà văn phòng, thương mại, và công sở (khoảng 100 toà nhà) đến
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	12.656	28.125		12.656	28.125		12.656	28.125	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
						2025; phấn đấu đạt 15MWp (khoảng 300 toà nhà) vào năm 2030			2025; phấn đấu đạt 15MWp (khoảng 300 toà nhà) vào năm 2030			2025; phấn đấu đạt 15MWp (khoảng 300 toà nhà) vào năm 2030
22	Ứng dụng Kính TKNL trong Toà nhà	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	24,2	81,4	Thực hiện hỗ trợ khu vực toà nhà lắp đặt 5% diện tích kính toà nhà đến 2025; phấn đấu đạt 15% vào năm 2030	24,2	81,4	Thực hiện hỗ trợ khu vực toà nhà lắp đặt 5% diện tích kính toà nhà đến 2025; phấn đấu đạt 15% vào năm 2030	24,2	81,4	Thực hiện hỗ trợ khu vực toà nhà lắp đặt 5% diện tích kính toà nhà đến 2025; phấn đấu đạt 15% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	18.900	63.000		18.900	63.000		18.900	63.000	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
V	**Giao thông**		**Nghìn tấn CO2 tương đương**	**130**	**142,3**		**179,4**	**191,7**		**427**	**1.102,3**	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	**985.137**	**1.069.817**		**986.337**	**1.071.017**		**6.116.578**	**18.762.456**	
23	Phương tiện sinh thái có giám sát hành trình	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	-	-	14,9	33,2	Hỗ trợ trang bị cho 20% tổng số phương tiện giao thông vận tải lắp

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	KTS		Tiền đầu tư (triệu đồng)		-			-			5.040	đặt thiết bị giám sát hành trình đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030
24	Xây dựng tàu điện ngầm	50	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	25,9	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng cho phát triển tàu điện ngầm, và giảm 25% phương tiện cá nhân vào năm 2030	-	25,9	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng cho phát triển tàu điện ngầm, và giảm 25% phương tiện cá nhân vào năm 2030	25,9	51,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng cho phát triển tàu điện ngầm, và giảm 25% phương tiện cá nhân vào năm 2025; giảm 30%
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	333.450		-	333.450		333.450	666.900	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
												năm 2030
25	Mở rộng tuyến và tăng cường tần suất xe buýt	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	15,4	20	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 3% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 5% vào năm 2030	15,4	20	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 3% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 5% vào năm 2030	15,4	30,7	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 3% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 5% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	35.000	45.500		35.000	45.500		35.000	70.000	
26	Phát triển mạng lưới	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	72,3	77,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm	72,3	77,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm	72,3	77,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	BRT		g			23% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 30% vào năm 2030			23% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 30% vào năm 2030			23% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 30% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	25.690	272.025		25.,90	272.025		25.690	272.025	
27	Phương tiện vận tải công cộng CNG	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	16,4	19	Hỗ trợ doanh nghiệp vận tải công cộng chuyển đổi 30% phương tiện sang công nghệ nhiên liệu CNG đến năm 2025; và đạt	16,4	19	Hỗ trợ doanh nghiệp vận tải công cộng chuyển đổi 30% phương tiện sang công nghệ nhiên liệu CNG đến năm 2025; và đạt	16,4	25,2	Hỗ trợ doanh nghiệp vận tải công cộng chuyển đổi 30% phương tiện sang công nghệ nhiên liệu CNG đến năm 2025; và đạt
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	362.997	418.842		362.997	418.842		362.997	558.456	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
						45% vào năm 2030			45% vào năm 2030			45% vào năm 2030
28	Xe đạp điện và xe máy điện	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	49,4	Hỗ trợ chuyển đổi 5% xe máy sang xe điện vào năm 2030	49,4	82,3	Hỗ trợ chuyển đổi 5% xe máy sang xe điện vào năm 2025; và đạt 10% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	1.200		1.200	2.000	
VI	**Xây dựng**		**Nghìn tấn CO2 tương**				**-**	**25,4**		**12,7**	**25,4**	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			đương									
			Tiền đầu tư (triệu đồng)				**-**	**138.149**		**69.075**	**138.149**	
29	Điều khiển thông minh và biến tần cho thiết bị động lực trong xây dựng	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	25,4	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chuyển đổi và áp dụng phương tiện san lấp mặt bằng, xây dựng, lắp đặt thiết bị có hiệu suất	12,7	25,42	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chuyển đổi và áp dụng phương tiện san lấp mặt bằng, xây dựng, lắp đặt thiết bị có hiệu suất
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	138.149		69.075	138.149	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
									cao phấn đấu đạt 10% vào năm 2030			cao phấn đấu đạt 3% năm 2025; 10% vào năm 2030
VII	Nông lâm nghiệp		Nghìn tấn CO2 tương đương	1.757,9	4.878,3		1.757,9	4.955		1.792,6	5.151,4	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	175.250	223.201		175.250	234.451		680.520	1.417.127	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
30	Ứng dụng khí sinh học trong chăn nuôi	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	471,1	588,9	Hỗ trợ cho 25% số lượng cơ sở và hộ gia đình chăn nuôi xây dựng hệ thống thu hồi biogas phục vụ sản xuất, sinh hoạt, và canh tác đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030	471,1	588,9	Hỗ trợ cho 25% số lượng cơ sở và hộ gia đình chăn nuôi xây dựng hệ thống thu hồi biogas phục vụ sản xuất, sinh hoạt, và canh tác đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030	471,1	785,2	Hỗ trợ cho 25% số lượng cơ sở và hộ gia đình chăn nuôi xây dựng hệ thống thu hồi biogas phục vụ sản xuất, sinh hoạt, và canh tác đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	173.264	216.580		173.264	216.580		173.264	288.772	
31	Bảo vệ, chăm sóc phục hồi	20	Nghìn tấn CO2 tương	0,04	0,1	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc	0,04	0,1	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc	0,04	0,1	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	và quản lý rừng phòng hộ		đương			rừng phòng hộ cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030			rừng phòng hộ cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030			rừng phòng hộ cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	44	146		44	146		44	146	
32	Làm giàu và tái sinh rừng tự nhiên	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,9	2.852	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng tự nhiên cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn	0,9	2.852	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng tự nhiên cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn	0,9	2.852	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng tự nhiên cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn
			Tiền đầu tư (triệu	962	3.208		962	3.208		962	3.208	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			đồng)			đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030			đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030			đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030
33	Trồng và chăm sóc tái sinh rừng trồng cây công nghiệp	-	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,4	1.308	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng cho 30% diện tích trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030	0,4	1.308	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng cho 30% diện tích trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030	0,4	1.308	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng cho 30% diện tích trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	980	3.267		980	3.267		980	3.267	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
34	Ứng dụng năng lượng mặt trời tại các trạm bơm thuỷ lợi	-	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	0,08	Thực hiện hỗ trợ đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời tại 30 trạm bơm thuỷ lợi vào năm 2030	0,03	0,08	Thực hiện hỗ trợ đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời tại 20 trạm bơm năm 2025; 30 trạm bơm thuỷ lợi vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	11.250		506.250	11.250	
	Tổng		**Nghìn tấn CO2 tương đương**	**3.576,9**	**7.689,2**		**6.757,4**	**11.583**		**11.918,7**	**28.498,9**	
			Tiền đầu	**5.830.59**	**7.823.31**		**5.904.411**	**8.955.650**		**11.623.259**	**28.336.312,8**	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
			tư (triệu đồng)	2	9							

PHỤ LỤC V - TỔNG HỢP CÁC KỊCH BẢN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH THEO TỪNG LĨNH VỰC

Lĩnh vực	Kịch bản 1				Kịch bản2				Kịch bản3			
	2025		2025		2025		2030		2025		2030	
	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng
Công nghiệp	0,77	21,51%	1,18	15,34%	3,90	57,69%	4,32	37,27%	5,28	44,33%	13,18	46,25%
Dân sinh	0,65	18,16%	0,95	12,35%	0,65	9,62%	1,12	9,66%	0,65	5,46%	1,18	4,14%
Dịch vụ	0,03	0,84%	0,10	1,30%	0,03	0,44%	0,53	4,57%	3,92	32,91%	8,73	30,63%
Giao thông	0,13	3,63%	0,14	1,82%	0,18	2,66%	0,19	1,64%	0,46	3,86%	1,13	3,96%
Quản lý đô thị	0,24	6,70%	0,44	5,72%	0,24	3,55%	0,44	3,80%	0,03	0,84%	0,08	0,28%
Xây dựng	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%	0,03	0,26%	0,01	0,08%	0,03	0,11%
Nông nghiệp	1,76	49,16%	4,88	63,46%	1,76	26,04%	4,96	42,80%	1,57	13,18%	4,17	14,63%
Tổng	**3,58**	**100%**	**7,69**	**100%**	**6,76**	**100%**	**11,59**	**100%**	**11,91**	**100%**	**28,5**	**100%**

Số tiền đầu tư	5.830.600	7.823.300	5.904.400	8.955.700	11.623.300	28.336.300

PHỤ LỤC VI - TỔNG HỢP TỶ LỆ GIẢM PHÁT THẢI SO VỚI PHÁT THẢI THÔNG THƯỜNG

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kịch bản 1		Kịch bản 2		Kịch bản 3	
		2025	2030	2025	2030	2025	2030
Năng lượng	Triệu tấn CO2	1,82	2,81	5,00	6,63	10,11	23,35
Quá trình công nghiệp	Triệu tấn CO2	-	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	Triệu tấn CO2	0,47	0,59	0,47	0,79	0,47	0,79
Lâm nghiệp (LULUCF)	Triệu tấn CO2	1,29	4,29	1,29	4,29	1,32	4,36
Tổng lượng giảm phát thải	**Triệu tấn CO2**	**3,58**	**7,69**	**6,76**	**11,59**	**11,9**	**28,5**
Phát thải cơ sở (BAU)	Triệu tấn CO2	45,39	60,02	45,39	60,02	45,39	60,02
Tỷ lệ giảm phát thải	%	7,88%	12,81%	14,89%	19,30%	26,21%	47,34%
Số tiền đầu tư	Triệu đồng	5.830.600	7.823.300	5.904.400	8.955.700	11.623.300	28.336.300

PHỤ LỤC VII - CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2013-2020

Năm	Tổng số lượng khách du lịch		Khách quốc tế		Khách nội địa		Tổng thu từ khách du lịch	
	Số lượng (lượt khách)	% tăng so với năm trước	Số lượng (lượt khách)	% tăng so với năm trước	Số lượng (lượt khách)	% tăng so với năm trước	Số lượng (tỷ đồng)	% tăng so với năm trước
2013	16.577.000	15,1%	2.580.000	22,9%	13.997.000	13,8%	38.500	20,3%
2014	18.510.000	11,7%	3.010.000	16,7%	15.500.000	10,7%	49.846	29,5%
2015	19.693.743	6,4%	3.263.743	8,4%	16.430.000	6,7%	54.967	10,3%
2016	21.830.906	10,9%	4.020.306	23,2%	17.810.600	8,4%	61.778	12,4%
2017	23.830.000	9,2%	4.950.000	23,1%	18.880.000	6,0%	67.856	9,8%
2018	26.301.268	10,4 %	6.005.268	21,3%	20.296.000	7,5%	77.480	14,1%
2019	28.945.000	10,1%	7.025.000	23,1%	21.920.000	7,5%	103.812	17,6%
2020	8.652.138	-70%	1.107.356	-84%	7.544.782	-73%	28.021	-73%
Tổng số	157.322.080		24.943.698		132.378.382		482.260	

PHỤ LỤC VIII - SO SÁNH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ THÀNH PHỐ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hà Nội	TP.HCM	Hải Phòng	Đà Nẵng	Cần Thơ
1. Dân số	Người	8.246.500	9.227.600	2.053.400	1.169.400	1.240.700
- Dân số nông thôn	Người	4.184.000	1.836.300	1.120.900	149.000	371.900
- Dân số thành thị	Người	4.062.500	7.391.300	932.500	1.020.400	868.800
2. Tổng sản phẩm (GRDP)						
- GRDP (giá cố định 2010)	Tỷ đồng	689.050	992.230	190.769	63.907	52.230
- GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.020.000	1.371.716	276.666	103.234	89.247
3. Tổng DT đất tự nhiên	**ha**	**335.984**	**209.539**	**152.651**	**128.473**	**143.896**
4. Diện tích đất đã sử dụng	**ha**	**333.291**	**208.508**	**149.223**	**127.062**	**143.800**
5. Diện tích đất ở	**ha**	**39.665**	**29.258**	**15.301**	**7.128**	**8.314**
- Đất ở nông thôn	**ha**	**28.551**	**8.983**	**10.446**	**2.457**	**3.742**
- Đất ở đô thị	**ha**	**11.114**	**20.275**	**4.855**	**4.671**	**4.572**
6. Cường độ sử dụng đất	ha/tỷ đồng					
- Theo giá cố định 2010	ha/tỷ đồng	0,48	0,21	0,78	1,99	2,75
- Theo giá hiện hành	ha/tỷ đồng	0,33	0,15	0,54	1,23	1,61
7. Hiệu quả sử dụng đất	Tỷ đồng/ha					

- Theo giá cố định 2010	Tỷ đồng/ha	2,07	4,76	1,28	0,50	0,36
- Theo giá hiện hành	Tỷ đồng/ha	3,06	6,58	1,85	0,81	0,62
8. Diện tích đất ở/người	**m^2/người**	**48,10**	**31,71**	**74,52**	**60,95**	**67,01**
- DT đất ở nông thôn/người	**m^2/người**	**68,24**	**48,92**	**93,19**	**164,89**	**100,63**
- DT đất ở đô thị/người	**m^2/người**	**27,36**	**27,43**	**52,07**	**45,77**	**52,62**

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021); Cục Thống kê THÀNH PHỐ Hà Nội(2021),Tổng cục Quản lý đất đai (2021) - tính toán của các chuyên gia Viện Kinh tế xã hội Hà Nội.

PHỤ LỤC IX - DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH VỀ KHCN Ở THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2013-2022 (Chính sách 7)

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
1	Quyết định số 6252/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND thành phố Hà Nội	Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội đến năm 2020
2	Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 25/4/2013 của Thành ủy Hà Nội	Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
3	Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội	Thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 25/4/2013 của Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
4	Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Hà Nội	Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.
5	Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Hà Nội	Về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô
6	Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ
7	Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 07/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô
8	Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Về Quy định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Quỹ Ưu đãi, khuyến khích các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi, người có trình độ cao tham gia cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô - Thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
		cao.
9	Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015-2020.
10	Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội. Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.
11	Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Phê duyệt chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015-2020.
12	Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND Thành phố Hà Nội	Ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội.
13	Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố Hà Nội	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội
14	Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố Hà Nội	Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN của thành phố Hà Nội
15	Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội	Thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Hà Nội
16	Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tiến bộ Khoa học và Công nghệ	Tổ chức lại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định côngg nghệ, Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm, Trung tâm Ứng dụng
17	Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 22/4/2011)	Công bố Bộ Thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
18	Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND Thành phố Hà Nội	Sáp nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ thành phố trực thuộc Sở Khoa học và công nghệ vào Quỹ Đầu tư phát triển Thành Phố

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
19	Chương trình số 20-CTr/TU ngày 13/02/2018 của Thành ủy	Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố Hà Nội: "*Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030*"
20	Kế hoạch số 01-KH/BCN ngày 17/4/2018 của Thành ủy	Phân công triển khai thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU về Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố Hà Nội: "*Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030*"
21	Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND Thành phố Hà Nội	Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng *"Sáng kiến Thủ đô"*.
22	Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND Thành phố Hà Nội	Thực hiện Chương trình phát triển tài sản sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020 thực hiện Chương trình 1062 của Chính phủ
23	Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố Hà Nội	Nội dung, quy định mức chi và nguồn kinh phí thực hiện đối với hoạt động sáng kiến, hoạt động thẩm định công nghệ và hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020
24	Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 07/10/2019 của UBND Thành phố Hà Nội	Triển khai Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *"Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"* trên địa bàn Thành phố Hà Nội
25	Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội	Phê duyệt Đề án "Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2025"
26	Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND Thành phố Hà Nội	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2025
27	Kế hoạch số 205-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
		tư
28	Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND Thành phố Hà Nội	Về việc phê duyệt Đề án Khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp Thành phố thực hiện trong giai đoạn 2021-2025
29	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND Thành phố	Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2021
30	Chương trình số 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy	Chương trình của Thành ủy Hà Nội về "Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025":
31	Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND Thành phố	Ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ của Thành phố
32	Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND Thành phố	Thực hiện Kế hoạch số 205-KH/TU của Thành ủy Hà Nội về triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
33	Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29/3/2021	Kế hoạch tổ chức hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2021 của Thành phố Hà Nội
34	Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố	v/v ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt tiêu chuẩn để xét các danh hiệu thi đua cấp Thành phố và cấp Nhà nước.
35	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND thành phố	Ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cấp phép các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội
36	Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND Thành phố	V/v phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học theo phương thức giao trực tiếp năm 2021
37	Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 09/4/2021 của UBND Thành phố	V/v kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2021

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
38	Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND thành phố	Quyết định về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/ được sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
39	Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND thành phố	V/v thực hiện chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2030
40	Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND Thành phố	V/v phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố đột xuất để xét giao trực tiếp năm 2021
41	Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND thành phố	Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030
42	Quyết định số 3723/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND thành phố	Phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố theo phương thức tuyển chọn và giao trực tiếp năm 2021
43	Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/8/2021 của UBND thành phố	Triển khai thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 về "Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025"
44	Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố	Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
45	Quyết định số 4092/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố Hà Nội	Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2021 phục vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô.
46	Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND Thành phố	Về việc thành lập các chương trình khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025
47	Quyết định số 4207/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND Thành phố	Phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố theo phương thức giao trực tiếp năm 2021

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
48	Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố	Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (Phụ lục 3: Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương của thành phố Hà Nội)
49	Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND Thành phố	Phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và KP thực hiện NV KHCN theo phương thức tuyển chọn năm 2021 phục vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô
50	Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố	Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (Phụ lục 5: Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn TP Hà Nội giai đoạn 2021-2030 Phụ lục 6: Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố thực hiện hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới
51	Quyết định số 5120/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
52	Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND Thành phố	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội (bổ sung nội dung quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030)
53	Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2022
54	Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 12/01/2022	Thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030
55	Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày	Thực hiện Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
	12/01/2022	đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hà Nội
56	Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	Ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội đến năm 2030
57	Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/01/2022	Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới đến năm 2025
58	Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	Phê duyệt Đề án ”Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”

PHỤ LỤC X - KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 07-CTR/TU ĐẾN CUỐI NĂM 2021(Chính sách 7)

(1) Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp trên 50% vào tăng trưởng GRDP

Trong giai đoạn 2016-2020, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 46% tăng trưởng GRDP. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế -xã hội Hà Nội tính toán chỉ tiêu năm 2021.

(2) Tốc độ tăng năng suất lao động

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tốc độ tăng năng suất lao động đạt từ 7,0% - 7,5%

Tốc độ tăng năng suất lao động năm 2021 theo giá so sánh ước đạt 1,01%. Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá hiện hành ước đạt 4,2%. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục cập nhật, tính toán sau khi có số liệu công bố chính thức của năm 2021.

(3) Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp trên 70%

Tính đến năm 2020 sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn Thành phố đạt 35%. Dự kiến năm 2021, tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn Thành phố đạt 38%.

(4) Tỷ trọng kinh tế số;

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP

Sở Thông tin và Truyền thông đã rà soát và hoàn thiện lại dự thảo "Kế hoạch phát triển kinh tế số thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025" để đảm bảo phù hợp với Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, trình UBND Thành phố tại Tờ trình số 219/TTr-STTTT ngày 26/01/2022. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố - Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố Hà Nội, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch "Phát triển kinh tế số thành phố Hà Nội đên năm 2025" theo ý kiến góp ý của các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và báo cáo UBND Thành phố (Công văn số 528/STTTT-BCVT ngày 11/3/2022).

(5) Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 50%

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ KH&CN về việc quy định các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia, điều tra đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được Cục Thông tin KH&CN quốc gia thực hiện với chu kỳ 03 năm một lần. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối phối hợp với Cục Thông tin KH&CN quốc gia để lấy số liệu khi có kết quả điều tra.

Bên cạnh đó, để có biện pháp thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo trong doanh nghiệp, UBND Thành phố đã phê duyệt đặt hàng nghiên cứu về "Giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở thành phố Hà Nội", "Giải pháp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Hà Nội" (đã hoàn thành thủ tục tuyển chọn, dự kiến triển khai trong năm 2022).

(6) Tỷ lệ sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tối thiểu 40% sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

Theo Sở NNPTNT, kết thúc giai đoạn 2019-2020, Hà Nội đã đánh giá, phân hạng và công nhận được 1.054 sản phẩm OCOP. Năm 2021, đã có 541 sản phẩm của 26 đơn vị cấp huyện đăng ký tham gia Chương trình OCOP, Sở NNPTNT dự kiến sẽ có 400 sản phẩm được đánh giá, phân hạng, công nhận.

Giai đoạn 2019-2020, có 405 sản phẩm được bảo hộ, đạt 40,11%. Năm 2021, đã có 41 sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề được bảo hộ.

(7) Phấn đấu dẫn đầu cả nước về công bố quốc tế; tốc độ gia tăng đăng ký sáng chế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu dẫn đầu cả nước về công bố quốc tế; tốc độ gia tăng đăng ký sáng chế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước

Năm 2021, số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội là 16.153 (chiếm 34,5% và dẫn đầu cả nước) trong đó 606 đơn sáng chế, 217 đơn giải pháp hữu ích, 629 đơn kiểu dáng công nghiệp, 14.701 đơn nhãn hiệu. Số lượng bằng/giấy chứng nhận sở hữu công nghiệp đã được cấp trong năm 2021 trên địa bàn thành phố là 8.744 (bằng 32,5% và đứng thứ hai cả nước, trong đó 93 bằng sáng chế, 107 bằng giải pháp hữu ích, 306 bằng kiểu dáng công nghiệp, 8.238 giấy đăng ký nhãn hiệu.

Công bố quốc tế từ các đề tài KH&CN cấp thành phố là 02 công bố. Về công bố khoa học quốc tế trên toàn địa bàn Thành phố, hiện đang chờ số liệu thống kê năm 2021 từ Cục Thông tin KH&CN quốc gia.

PHỤ LỤC XI
BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)

BỘ TƯ PHÁP

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)

Tên văn bản đề nghị xây dựng: DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)

Tên chính sách 1: Tổ chức chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH	
1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thủ đô (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên). b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế -xã hội của địa phương: Do pháp luật về cán bộ công chức vẫn còn có sự phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên dẫn đến thực hiện việctuyển dụng, điều động, luân chuyển giữa hai đối tượng cán bộ, công chức này còn nặng về thủ tục rườm rà (để tuyển dụng công chức cấp xã, mỗi một quận, huyện, thị xã sẽ phải tổ chức một Hội đồng tuyển dụng riêng; việc điều động, luân chuyển công chức từ cấp huyện về cấp xã và ngược lại cũng gặp nhiều khó khăn do phải qua nhiều quy trình kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận không qua thi; khi xuống cơ sở thì cấp huyện có thể thực hiện, khi từ cấp cơ sở về cấp huyện phải qua cấp Thành phố tiếp nhận, điều động, sát hạch…).Nếu thống nhất một chế

	độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi thực hiện công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, chế độ chính sách về lương, ngạch giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện một cách linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô.
2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Nhiệm vụ của công chức cấp xã được giao ngày càng tăng theo xu hướng phân cấp mạnh cho cơ sở, trong khi việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã lại có sự phân biệt với công chức cấp huyện trở lên ảnh hưởng phần nào đến chất lượng, tạo tâm lý băn khoăn, e ngại cho một số đội ngũ công chức cấp xã. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Việc thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi hơn cho công chức cấp xã trong việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cũng như được hưởng chế độ chính sách về lương, ngạch nâng cao hơn, tương xứng với nhiệm vụ được giao.
3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	***a) Quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Tên thủ tục hành chính 1: Thi tuyển công chức cấp xã. Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ - Tên thủ tục hành chính 2: Xét tuyển công chức cấp xã Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ - Tên thủ tục hành chính 3: Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ ***b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Phương án, giải pháp 1: …….. - Phương án, giải pháp 2: ……..
4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp	Việc thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi thực hiện công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, chế độ chính sách về lương, ngạch giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện một cách

đề xuất quy định thủ tục hành chính?	linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn, qua đógóp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH **(Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)**	
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My ……. Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: ……..……..……; E-mail: ….……..……..…	

Tên chính sách 2: Thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH	
1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Người có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thủ đô. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế -xã hội của địa phương: Nhằm thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ làm việc cho các cơ quan, đơn vị của Thủ đô, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, phục vụ phát triển kinh tế -xã hội của Thủ đô.
2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Người có tài năng, năng lực, trình độ cao cần được hưởng chế độ tuyển dụng, đãi ngộ đặc biệt so với đối tượng khác. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Người có tài năng, năng lực, trình độ cao phải thực hiện quy trình

cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	tuyển dụng phức tạp hoặc phải đáp ứng nhiều tiêu chí, tiêu chuẩn có thể sẽ trở thành rào cản đối với nhân lực chất lượng cao để vào được vị trí việc làm phù hợp.
3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	***a) Quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Tên thủ tục hành chính 1: Xét tuyển công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức của Thủ đô Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ - Tên thủ tục hành chính 2: Tiếp nhận vào làm công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức của Thủ đô Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ ***b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Phương án, giải pháp 1: …….. - Phương án, giải pháp 2: ……..
4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?	- Nhằm thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ làm việc cho các cơ quan, đơn vị của Thủ đô, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, phục vụ phát triển kinh tế -xã hội của Thủ đô. - Giải pháp nhằm hạn chế được tình trạng chảy máu chất xám từ khu vực công sang tư, tránh lãng phí nguồn lực. - Việc tuyển dụng thẳngngười có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ sẽ tăng cơ hội thu hút người có năng lực, có trình độ cao vào khu vực công mà không phải mất chi phí cho các quy trình thủ tục phức tạp để thi tuyển. - Việc thu hút được những người có tài năng trong lĩnh vực khoa học công nghệ có thể sẽ giúp phát huy được tiềm lực, năng lực để giải quyết được các vấn đề của khoa học công nghệ trong xu thế quản trị mới hiện nay; có thể giúp gia tăng hiệu quả, chất lượng của các hoạt động, sản phẩm khoa học, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn và then chốt của Thủ đô.

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My ……. Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: ……..……..……; E-mail: ….……..……..…

Tên chính sách 5: Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH	
1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: - Chính quyền Thủ đô ban hành các cơ chế đặc thù phát triển nông nghiệp, nông thôn; - Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính (cao hơn so với quy định của trung ương), khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của cá nhân, tổ chức vào phát triển nông nghiệp, nông thôn; - Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, NT. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế -xã hội của địa phương: - Xuất phát từ những bất cập, hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Thủ đô như sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp CNC còn ít; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực chưa cao; đào tạo lao động nông thôn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động; người nông dân chưa thật sự làm chủ được chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm.... - Nhằm đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng CNC, tập trung sản xuất cây, con giống năng

	suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước; xây dựng nông thôn mới, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hoá đặc trưng của Thủ đô; xây dựng người nông dân Thủ đô văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.
2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Người nông dân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp được hưởng ưu đãi do Thành phố quy định, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân, phát triển kinh tế nông thôn. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Nâng cao chất lượng lao động nông thin để theo kịp yêu cầu của thị trường lao động; làm chủ được chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng và thụ hưởng thành quả của ứng dụng KHCN trong sản xuất nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu; giảm tỷ lệ nghèo một cách bền vững, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị.
3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	***a) Quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Tên thủ tục hành chính: Nhóm các TTHCliên quan đến quá trình người dân, tổ chức tiếp cận và nhận các ưu đãi, hỗ trợ hoạt động đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☒ Sửa đổi, bổ sung ☐ ***b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Phương án, giải pháp 1: …….. - Phương án, giải pháp 2: ……..
4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp	Việc lựa chọn thủ tục hành chính là biện pháp để thực hiện chính sách nhằmđạt được mục tiêu xây dựng và phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng CNC, tập trung sản xuất cây, con giống năng suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước;

đề xuất quy định thủ tục hành chính?	xây dựng nông thôn mới, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hoá đặc trưng của Thủ đô; xây dựng người nông dân Thủ đô văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH **(Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)**	
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My ……. Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: ……..……..……; E-mail: ….……..……..…	

Tên chính sách 6: Phát triển văn hóa và giáo dục – đào tạo Thủ đô

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH	
1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	1.1. Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: (i) Cơ sở giáo dục công lập được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài; (ii) Cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường; (iii) Chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài. 1.2. Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế -xã hội của địa phương: (i) Do pháp luật hiện hành chưa có cơ chế chính sách cho phép cơ sở giáo dục công lập được liên kết với cơ

	sở giáo dục nước ngoài dẫn đến các trường công lập gặp khó khăn trong việc hợp tác phát triển với các cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài, không nâng cao được năng lực cạnh tranh với các cơ sở đào tạo của các nước trong khu vực. Điều này góp phần dẫn đến chất lượng giáo dục - đào tạo trên mặt bằng chung chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chưa theo kịp với trình độ của các nước phát triển trong khu vực và thế giới; việc thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội cho giáo dục, hợp tác, liên kết quốc tế về giáo dục đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học còn hạn chế; làm gia tăng nguy cơ tụt hậu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Việc thực hiện biện pháp này sẽ góp phần gia tăng nguồn lực xã hội thu hút được nhằm phát triển loại hình liên kết đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập; đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được công nhận hoạt động ở Việt Nam. Từ đó, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Thủ đô, góp phần nâng cap chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. (ii) Để nâng cao chất lượng giáo dục của Thủ đô thì cần phải có chính sách phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học. Để thực hiện được chính sách này cần có giải pháp thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường nhằm đào tạo được nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. (iii)Thủ đô Hà Nội là địa phương có nhiều nghệ nhân được phong tặng danh hiệu cao quý nhất. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh dành riêng cho các nghệ nhân trong khi đại đa số các nghệ nhân này đều không có lương. Chính vì thế, việc thiết lập cơ chế chính thức trong hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh sẽ là nguồn động viên tinh thần to lớn, có tác động tích cực đến toàn xã hội. Điều này khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ nghệ nhân kế cận tin tưởng vào việc giữ nghề và truyền nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương có nghề, thúc đẩy tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ.
2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của	2.1. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: (i) Người học cần được hưởng chất lượng giáo dục tốt nhất, theo kịp với trình độ của các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	(ii) Cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi cần phải có cơ chế thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ khác với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khác. (iii) Các nghệ nhân cần được ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, để tập trung, nhiệt tình, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể. 2.2. Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: (i) Việc phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục đào tạo công lập giúp học sinh có cơ hội hội nhập quốc tế nhưng ở ngay tại Thành phố mà không phải sống xa nhà; hụ huynh, học sinh được gia tăng cơ hội lựa chọn các trường học phù hợp với khả năng và điều kiện của mình; học sinh sẽ có thêm điều kiện và khả năng để sớm trở thành Công dân toàn cầu. Ngoài ra, việc phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong giáo dục và đào tạo cũng khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ cho giáo dục Thủ đô. (ii) Nhằm thu hút, tuyển dụng được cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi phục vụ cho sự phát triển giáo dục, đào tạo của Thủ đô. (iii) Thiếu chính sách hỗ trợ các nghệ nhân văn hóa sẽ không khích lệ được ý chí, không phát huy được vai trò của nghệ nhân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, từ đó, dẫn tới nguy cơ mai một di sản văn hóa phi vật thể.
3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi	***3.1. Quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Tên thủ tục hành chính 1: Nhóm các TTHCliên quan đến liên kết giữa cơ sở giáo dục công lập được với các cơ sở giáo dục nước ngoài trên địa bàn Thủ đô. Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☒ Sửa đổi, bổ sung ☐ - Tên thủ tục hành chính 2: Nhóm các TTHC liên quan đến tuyển dụng viên chức (đối tượng là cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên) Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ - Tên thủ tục hành chính 3: Nhóm các TTHCliên quan đếnhỗ trợ đối với các nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các cơ sở truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ ***3.2. Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Phương án, giải pháp 1: …….. - Phương án, giải pháp 2: ……..
4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?	(i) Thủ tục hành chính là biện pháp để thực hiện chính sách hợp tác, liên kết giáo dục trong và ngoài nước sẽgóp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngày một nâng cao chất lượng, hệ thống giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của quốc tế. Người học hoàn thành chương trình giáo dục tích hợp được cấp văn *bằng tốt nghiệp của Việt Nam* và *của nước ngoài*. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để "*xây dựng Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và thế giới*". (ii) Nhằm thu hút, tuyển dụng được cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi phục vụ cho sự phát triển giáo dục, đào tạo của Thủ đô. (iii) Thủ tục hành chính là biện pháp để thực hiện chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các cơ sở truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể nhằm mục tiêu để bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; giúp các nghệ nhân ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, tập trung, nhiệt tình, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH **(Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)**	
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My ……. Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: ……..……..……; E-mail: ….……..……..…	

Tên chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát tiển tiềm lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH	
1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: - Thực hiện biện pháp trao quyền tự chủ trong quản lý cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô. - Thực hiện biện phápThành phố được thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô. - Được áp dụng chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện. Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế -xã hội của địa phương: - Thu hút được chuyên gia nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, từ đó nâng cao chất lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, phát huy được tiềm lực KHCN của các chuyên gia công nghệ, các nhà khoa học đầu ngành- các tổng công trình sư thiết kế và điều hành triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học trọng điểm để giải quyết các vấn đề lớn về phát triển kinh tế- xã hội, KHCN, quản trị thành phố thông minh, hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số nói riêng, cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung, tránh sự lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư ngân sách cho các hoạt động khoa học công nghệ trọng điểm, qua đó góp phần duy trì và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành tầm quốc gia và khu vực trong lĩnh vực công nghệ mũi nhọn. - Việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô sẽ khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm, qua đó gópphần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội, tạo nguồn thu cho NSNN, hướng tới mục tiêu đến năm 2025 có tối thiểu 200 doanh nghiệp KHCN và 250 vào năm 2030.

2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: - Tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trườngKHCN - Các tổ chức, cá nhân đủ năng lực, đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì được hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: - Tạo điều kiện để các chuyên gia nhà khoa họccó thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng và hiệu quả. - Khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghê, thương mại hoá sản phẩm, qua đó gópphần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0.
3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	***a) Quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Tên thủ tục hành chính 1: Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố sử dụng ngân sách Nhà nước. Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ - Tên thủ tục hành chính 2: Xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô. - Tên thủ tục hành chính 3: Đề nghịchuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện. Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☐ Sửa đổi, bổ sung ☒ ***b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:*** ☐ - Phương án, giải pháp 1: …….. - Phương án, giải pháp 2: ……..

4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?	Việc lựa chọn thủ tục hành chính là biện pháp để đạt được mục tiêu của chính sách là: - Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp thành phố với việc thu hút đội ngũ chuyên gia KHCN đầu ngành có thể tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn cao, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua nhiệm vụ KHCN. - Tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trườngKHCN, có thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng và hiệu quả. - Khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghê, thương mại hoá sản phẩm, qua đó gópphần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH **(Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)**	
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My ……. Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: ……..……..……; E-mail: ….……..……..…	